

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
TS. DINH THỊ HIỀN LƯƠNG (Chủ biên)

NHẬN THỨC CỦA TRUNG QUỐC VỀ SỨC MẠNH QUỐC GIA

(Sách tham khảo)

ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung:
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung:	ThS. CÙ THỊ THÚY LAN TS. HOÀNG MẠNH THẮNG LÊ THỊ HẰNG TRẦN PHAN BÍCH LIỄU
Trình bày bìa:	PHẠM DUY THÁI
Chế bản vi tính:	NGUYỄN THU THẢO
Đọc sách mẫu:	PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT BÙI BỘI THU

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 892-2020/CXBIPH/3-295/CTQG.

Số quyết định xuất bản: 4868-QĐ/NXBCTQG, ngày 16/04/2020.

Nộp lưu chiếu: tháng 5 năm 2020.

Mã ISBN: 978-604-57-5545-7.

**NHẬN THỨC CỦA
TRUNG QUỐC
VỀ SỨC MẠNH QUỐC GIA**

**Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Đinh Thị Hiền Lương

Nhận thức của Trung Quốc về sức mạnh quốc gia / Đinh Thị Hiền
Lương ch.b. - H. : Chính trị Quốc gia, 2019. - 276tr. ; 21cm

1. Chính sách đối ngoại 2. Chiến lược 3. Trung Quốc
327.51 - dc23

CTH0594p-CIP

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
TS. DINH THỊ HIỀN LƯƠNG (Chủ biên)

**NHẬN THỨC CỦA
TRUNG QUỐC
VỀ SỨC MẠNH QUỐC GIA**
(Sách tham khảo)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2019

!

!

!

!

Chủ biên:

TS. Đinh Thị Hiền Lương

Tập thể tác giả:

ThS. Nguyễn Thị Thanh Hải

TS. Quách Quang Hồng

TS. Lê Tuấn Thanh

ThS. Trần Thanh Hải

TS. Đỗ Thị Thủy

ThS. Nguyễn Hữu Túc

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Bước vào thế kỷ XXI, quan hệ chính trị quốc tế trở nên biến động khôn lường với những thăng trầm của sự phát triển toàn cầu. Thế giới có nhiều xung đột lớn nhỏ về chính trị, tôn giáo, dân tộc, khoảng cách giàu nghèo với nhiều cuộc chiến tranh, can thiệp bằng quân sự, kinh tế và văn hóa. Trong bối cảnh đó có sự dịch chuyển về chính sách của các quốc gia, đặc biệt là của các nước lớn. Sự dịch chuyển này bắt nguồn từ những thay đổi trong quan niệm về sức mạnh quốc gia cũng như sử dụng sức mạnh quốc gia trên trường quốc tế. Trong số đó có sự trỗi dậy của Trung Quốc. Sau hơn 40 năm cải cách mở cửa, sức mạnh tổng hợp quốc gia và sức ảnh hưởng quốc tế của Trung Quốc tăng mạnh. Trong suốt gần hai thập niên đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc đã sử dụng khá hiệu quả nguồn sức mạnh này, bao gồm cả sức mạnh cứng và sức mạnh mềm để trở thành nước có nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Do vậy, việc nghiên cứu đường hướng đối ngoại từ góc độ tiếp cận văn hóa chính trị của Trung Quốc cũng như nhận thức của giới lãnh đạo Trung Quốc hiện nay đối với sức mạnh tổng hợp quốc gia, từ đó đề ra những đối sách thích hợp nhằm bảo vệ và nâng cao lợi ích quốc gia đang là yêu cầu đối với tất cả các nước, nhất là các nước láng giềng của Trung Quốc, trong đó có Việt Nam.

Để cung cấp thêm cho bạn đọc tài liệu nghiên cứu, tham khảo về vấn đề này, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Nhận thức của Trung Quốc về sức mạnh quốc gia***, do TS. Đinh Thị Hiền Lương chủ biên. Cuốn sách tập trung đánh giá, phân tích cơ sở lý luận cũng như khái niệm về sức mạnh tổng hợp quốc gia, làm rõ khung phân tích chính sách đối ngoại từ cách tiếp cận văn hóa chính trị, xác định những nhân tố xuyên suốt trong nhận thức của giới lãnh đạo Trung Quốc về sức mạnh quốc gia, đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa các yếu tố văn hóa chính trị mang tính đặc thù Trung Quốc và chiến lược đối ngoại của Trung Quốc nhằm dự báo chiều hướng, những điều chỉnh trong nhận thức về sức mạnh quốc gia của Trung Quốc trong 10 năm tới cũng như đưa ra những gợi mở ứng xử của Việt Nam.

Đây là công trình nghiên cứu nghiêm túc. Nhiều luận điểm rất đáng quan tâm, tham khảo song cũng có nhận xét cần tiếp tục thảo luận. Tập thể tác giả đã rất cố gắng trong việc sưu tầm tài liệu, cập nhật những số liệu, thông tin mới nhất, bảo đảm tính khoa học, khách quan của lịch sử. Để bạn đọc thuận tiện theo dõi, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xin giữ nguyên ý kiến, nhận định trong cuốn sách và coi đây là quan điểm riêng của tác giả.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 7 năm 2019

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

MỤC LỤC

<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Danh mục cụm từ viết tắt</i>	9
<i>Mở đầu</i>	11
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA NHẬN THỨC CỦA TRUNG QUỐC VỀ SỨC MẠNH QUỐC GIA	17
1. Cơ sở lý luận của khái niệm sức mạnh quốc gia của Trung Quốc	17
1.1. Cách tiếp cận của phương Tây về sức mạnh quốc gia	17
1.2. Cách tiếp cận của Trung Quốc về sức mạnh quốc gia	29
2. Nhận thức của lãnh đạo Trung Quốc về sức mạnh quốc gia từ năm 1949 tới nay	65
2.1. Quan điểm của Mao Trạch Đông	65
2.2. Quan điểm của Đặng Tiểu Bình	71
2.3. Quan điểm của Giang Trạch Dân	74
2.4. Quan điểm của Hồ Cẩm Đào	80
2.5. Quan điểm của Tập Cận Bình	88
CHƯƠNG II: NHẬN THỨC CỦA TRUNG QUỐC VỀ SỨC MẠNH QUỐC GIA TRONG THỰC TIỄN ĐỐI NGOẠI TRUNG QUỐC TỪ CÁCH TIẾP CẬN VĂN HÓA CHÍNH TRỊ	96
1. Tổng quan tư duy chiến lược đối ngoại của Trung Quốc	96
1.1. Mục tiêu và tư duy chiến lược đối ngoại của Trung Quốc từ năm 1949 tới nay	96

1.2. Mục tiêu và tư duy chiến lược đối ngoại của Trung Quốc đầu thế kỷ XXI	100
2. Trung Quốc trỗi dậy và tương quan so sánh lực lượng quốc tế	108
2.1. Trung Quốc trỗi dậy	108
2.2. Tương quan so sánh lực lượng quốc tế	125
3. Nhận thức của Trung Quốc về sức mạnh quốc gia trong thực tiễn đối ngoại đầu thế kỷ XXI	130
3.1. Nhận thức về sức mạnh quốc gia từ cách tiếp cận văn hóa chính trị	130
3.2. Đánh giá kết quả triển khai chính sách đối ngoại đầu thế kỷ XXI của Trung Quốc	156
3.3. Những hạn chế của Trung Quốc	176
CHƯƠNG III: NHỮNG ĐIỀU CHỈNH TRONG NHẬN THỨC CỦA TRUNG QUỐC VỀ SỨC MẠNH QUỐC GIA TRONG 10 NĂM TỚI: TÁC ĐỘNG VÀ GỢI MỞ ỨNG XỬ CỦA VIỆT NAM	185
1. Những điều chỉnh trong nhận thức của Trung Quốc về sức mạnh quốc gia trong 10 năm tới	185
1.1. Nhận thức về sức mạnh tổng hợp quốc gia từ cách tiếp cận văn hóa chính trị	185
1.2. Chiều hướng chính sách đối ngoại của Trung Quốc trong 10 năm tới	209
2. Tác động đối với thế giới và khu vực	218
2.1. Tác động đến cục diện quốc tế	219
2.2. Tác động đến điều chỉnh tập hợp hành vi quốc tế	232
2.3. Tác động đến hệ giá trị quy phạm quốc tế	234
3. Dự báo tác động và gợi mở ứng xử của Việt Nam	238
3.1. Thuận lợi và thách thức	238
3.2. Những gợi mở ứng xử	245
KẾT LUẬN	253
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	266

DANH MỤC CỤM TỪ VIẾT TẮT

ADMM	Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN
ADMM+	Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng
AIIB	Ngân hàng Đầu tư cơ sở hạ tầng châu Á
ARF	Diễn đàn khu vực ASEAN
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
BRI	Sáng kiến Vành đai và Con đường
BRICS	Nhóm các quốc gia mới nổi bao gồm Braxin, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi
CICA	Hội nghị về phối hợp hành động và các biện pháp xây dựng lòng tin ở châu Á
CNP	Sức mạnh tổng hợp quốc gia
COC	Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông
DOC	Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FTAAP	Khu vực tự do thương mại châu Á - Thái Bình Dương
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
IMF	Quỹ Tiền tệ quốc tế

NDT	Đồng Nhân dân tệ
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
RCEP	Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực
SIPRI	Viện nghiên cứu hoà bình Stockholm
USD	Đồng Đôla Mỹ
WTO	Tổ chức Thương mại thế giới

MỞ ĐẦU

Trong hai thập kỷ đầu thế kỷ XXI, cùng với sự trỗi dậy của Trung Quốc, nhận thức về sức mạnh quốc gia trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc và trên thế giới đã có những thay đổi sâu sắc, tác động lớn tới cục diện quốc tế tương lai. Nhận định “Trung Quốc đã đứng lên thời Mao Trạch Đông, Trung Quốc giàu lên thời Đặng Tiểu Bình và Trung Quốc sẽ mạnh lên thời Tập Cận Bình” trở thành chủ đề thảo luận lớn trong và ngoài Trung Quốc với nhiều câu hỏi đặt ra như Trung Quốc mạnh tới mức nào, cách đánh giá sức mạnh của Trung Quốc ra sao, Trung Quốc sẽ sử dụng sức mạnh mới của mình theo hướng nào, tác động tới thế giới ra sao, cục diện quốc tế sẽ chuyển biến theo hướng nào, vai trò của sức mạnh về tư tưởng, giá trị và văn hóa cổ đại của đế chế Trung Hoa có lịch sử hàng nghìn năm đối với các quy phạm và luật chơi của hệ thống quốc tế vốn do các thế lực và định chế của phương Tây chi phối suốt 400 năm nay?

Nằm trong nhóm quốc gia vừa và nhỏ tại châu Á - Thái Bình Dương, là một nước láng giềng có bề dày lịch sử tương tác hàng nghìn năm với Trung Quốc, việc tiến hành

ngiên cứu một cách toàn diện và đầy đủ về sự tương tác giữa các yếu tố cấu thành nên chính sách đối ngoại của Trung Quốc như yếu tố văn hóa - chính trị, đặc điểm dân tộc, tư duy lãnh đạo,... đang là vấn đề hết sức cần thiết và cấp bách đối với các học giả Việt Nam trong bối cảnh thế giới hiện nay đang rất quan tâm tới những khuôn khổ nghiên cứu mới phù hợp hơn để hiểu rõ và hiểu đúng về Trung Quốc. Trên thế giới đã có rất nhiều nghiên cứu sức mạnh tổng hợp của Trung Quốc từ góc độ văn hóa chính trị, từ những công trình nghiên cứu của các học giả Trung Quốc như Diêm Học Thông, Vương Tập Tư, Triệu Thịnh Dương với mục tiêu “làm phong phú các lý thuyết quan hệ quốc tế” về trật tự thế giới và bá quyền, đưa ra những gợi ý cho con đường trỗi dậy và lãnh đạo thế giới của Trung Quốc, đến những nghiên cứu của các học giả quốc tế như William A. Callahan với quan điểm độc lập, cập nhật và phản biện lại cách tiếp cận một chiều của học giả Trung Quốc, giúp tăng cường nhận thức của thế giới về một Trung Quốc đang thay đổi với những bước chuyển đáng chú ý về mặt nhận thức và chính sách.

Ở nước ta, các nghiên cứu chủ yếu tập trung đánh giá, phân tích các chính sách đối ngoại, văn hóa Trung Quốc một cách riêng rẽ mà chưa đặt trong tổng thể mối liên hệ với sức mạnh của Trung Quốc trong chính sách đối ngoại gần đây. Nhìn chung, những nghiên cứu về Trung Quốc hiện nay của nước ta còn chưa bắt kịp với những chuyển động nhanh, phức tạp của tình hình quốc tế cũng như những thay đổi rất bài bản, tinh vi của Trung Quốc. Một

số bài báo khoa học đã bước đầu tìm hiểu chiều hướng mới sử dụng sức mạnh quốc gia trong chiến lược đối ngoại của Trung Quốc nhưng còn khá sơ lược như “Sức mạnh quốc gia và sử dụng sức mạnh đó của Trung Quốc” của tác giả Lưu Thúy Hồng. Đáng chú ý nhất phải kể đến công trình nghiên cứu sức mạnh mềm văn hóa của Trung Quốc của một nhóm các nhà khoa học do tác giả Nguyễn Thu Phương làm chủ biên được tiến hành trong nhiều năm và đã được công bố từ năm 2016. Tuy nhiên, công trình mới chỉ tập trung vào một lát cắt của sức mạnh mềm (chủ yếu đứng từ góc độ văn hóa - coi đó là cốt lõi của sức mạnh mềm), đồng thời có một số kiến giải chưa thật khách quan về sức mạnh mềm văn hóa, theo đó, sức mạnh mềm văn hóa vẫn được coi như một “chiến pháp dư luận” theo nghĩa tiêu cực (gây mất lòng tin, chia rẽ, kích động chủ nghĩa dân tộc nhằm hiện thực hóa mục tiêu và tham vọng nước lớn của Trung Quốc). Cho đến nay, chưa có bất kỳ một công trình nghiên cứu nào mang tính hệ thống, chi tiết, và cập nhật về nhận thức của giới lãnh đạo Trung Quốc hiện nay đối với sức mạnh tổng hợp quốc gia cũng như đường hướng đối ngoại từ góc độ tiếp cận văn hóa chính trị của Trung Quốc được công bố ở Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, cuốn sách ***Nhận thức của Trung Quốc về sức mạnh quốc gia*** được đánh giá là một công trình đúc kết các cơ sở lý luận và bài học kinh nghiệm trong thực tiễn, góp phần hình thành nhận thức của Trung Quốc về các vấn đề quan trọng trong quan hệ quốc tế như sức mạnh quốc gia, cục diện quốc tế, hệ thống quốc

tế, văn hóa chính trị,... Trên cơ sở đó, đưa ra những dự báo về chuyển động chiến lược đối ngoại của Trung Quốc và tác động đối với khu vực và thế giới nhằm phục vụ hiệu quả hơn cho việc xây dựng đối sách mang tầm chiến lược trong quan hệ của Việt Nam với Trung Quốc thời gian tới. Cuốn sách gồm ba chương với những nội dung chính sau:

- **Chương I: Cơ sở lý luận và thực tiễn của nhận thức của Trung Quốc về sức mạnh quốc gia.** Chương này tập trung làm rõ các vấn đề như khái niệm sức mạnh quốc gia, vai trò của sức mạnh quốc gia, đặc biệt là sức mạnh mềm của Trung Quốc trong lý thuyết quan hệ quốc tế; khoanh vùng nhận thức về sức mạnh quốc gia thông qua lăng kính văn hóa chính trị Trung Quốc gồm các đặc thù cơ bản như trật tự thứ bậc, ưu đẳng văn hóa và đức trị; làm rõ chủ thể chính của nhận thức về sức mạnh quốc gia là lãnh đạo đứng đầu đất nước trên cơ sở khung phân tích các yếu tố bất biến của văn hóa chính trị Trung Quốc; cung cấp bức tranh tổng quan nhận thức sức mạnh quốc gia của lãnh đạo Trung Quốc trong cả một quá trình dài từ năm 1949 tới nay, nhận diện những thay đổi trong nhận thức của Trung Quốc về tương quan so sánh lực lượng và sự điều chỉnh các ưu tiên chiến lược phù hợp với thế và lực của Trung Quốc.

- **Chương II: Nhận thức của Trung Quốc về sức mạnh quốc gia trong thực tiễn đối ngoại Trung Quốc từ cách tiếp cận văn hóa chính trị.** Chương này góp phần giải đáp câu hỏi nghiên cứu về mối liên hệ giữa nhận thức sức mạnh quốc gia với chính sách đối ngoại Trung Quốc.

Đồng thời sẽ làm rõ nội dung những thay đổi trong tổng quan tư duy chiến lược của Trung Quốc và thực tiễn đối ngoại Trung Quốc đầu thế kỷ XXI dựa trên cơ sở phân tích những yếu tố bất biến trong văn hóa chính trị Trung Quốc như quan niệm về trật tự thứ bậc, ưu đẳng văn hóa, và đức trị. Những đặc điểm này sẽ được phân tích và vận dụng kết hợp với những yếu tố khả biến trong so sánh tương quan lực lượng và cân bằng quyền lực quốc tế và được phản ánh thông qua sự lựa chọn về chiến lược, phương châm đối ngoại trong từng giai đoạn.

- Chương III: Những điều chỉnh trong nhận thức của Trung Quốc về sức mạnh quốc gia trong 10 năm tới: Tác động và gợi mở ứng xử của Việt Nam. Chương này tập trung làm rõ những điểm mới trong điều chỉnh nhận thức sức mạnh quốc gia tổng hợp của Trung Quốc, nhìn nhận đánh giá đúng và chuẩn xác về Mỹ, về bản thân sức mạnh của Trung Quốc để từ đó có sự điều chỉnh nhận thức và đối sách cân bằng quyền lực với Mỹ trong trật tự do Mỹ và phương Tây kiểm soát, dự báo chiều hướng của việc điều chỉnh chính sách và những tác động tới thế giới và khu vực từ cách tiếp cận văn hóa chính trị đã đề cập ở trên, cũng như dự báo tác động của những điều chỉnh này đối với Việt Nam và gợi mở ứng xử của ta trong quan hệ với Trung Quốc.

Nhóm tác giả xin gửi lời tri ân chân thành và sâu sắc đến các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành của Học viện Ngoại giao, Bộ Ngoại giao, các cơ quan nghiên cứu trong và ngoài nước: PGS. TS. Nguyễn Vũ Tùng - Giám đốc

Học viện Ngoại giao, nhà nghiên cứu Hồ Sỹ Tuệ, nhà nghiên cứu Nguyễn Vinh Quang, PGS. TS. Nguyễn Phương Bình, PGS. TS. Nguyễn Thu Phương, PGS. TS. Trần Thọ Quang, TS. Hoàng Thế Anh, TS. Đỗ Nam Trung, TS. Phạm Sỹ Thành, TS. Đặng Cẩm Tú, ThS. Nguyễn Thuý Hồng đã tận tình hướng dẫn, chia sẻ và tạo điều kiện tốt nhất cho nhóm tác giả hoàn thiện cuốn sách. Đặc biệt, chúng tôi đã rất may mắn nhận được sự ủng hộ quý báu của người đồng nghiệp thân thiết là TS. Lê Hải Bình - Phó Giám đốc Học viện Ngoại giao, người đã luôn theo sát cuốn sách này từ khi còn trong ý tưởng và đã dành cho nhóm tác giả sự động viên lớn lao để cuốn sách này được kịp thời ra mắt độc giả trong dịp kỷ niệm 60 năm thành lập trường Đại học Ngoại giao, tiền thân của Học viện Ngoại giao (1959-2019).

Chúng tôi cũng trân trọng cảm ơn Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật đã giúp đỡ nhiệt tình và hỗ trợ tích cực để cuốn sách được xuất bản với chất lượng tốt nhất.

Mặc dù nhóm tác giả đã rất cố gắng nhưng khó tránh khỏi thiếu sót. Rất mong nhận được những ý kiến nhận xét, đóng góp quý báu của bạn đọc để chúng tôi có dịp bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện cuốn sách với chất lượng tốt hơn trong lần xuất bản sau.

Xin chân thành cảm ơn.

Hà Nội, tháng 7 năm 2019

TM. Nhóm Tác giả

TS. ĐINH THỊ HIỀN LƯƠNG

Chương I

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA NHẬN THỨC CỦA TRUNG QUỐC VỀ SỨC MẠNH QUỐC GIA

1. Cơ sở lý luận của khái niệm sức mạnh quốc gia của Trung Quốc

1.1. Cách tiếp cận của phương Tây về sức mạnh quốc gia

Sức mạnh quốc gia là một khái niệm quan trọng trong quan hệ quốc tế không chỉ bởi vì nó nói lên tiềm năng mà còn là ảnh hưởng của một đất nước. Một nước được cho là có “sức mạnh quốc gia” không chỉ dựa trên sức mạnh kinh tế hay quân sự. Sức mạnh quốc gia của một nước được tạo thành từ nhiều nhân tố khác nhau. Tuy nhiên, tầm quan trọng của các thành tố tạo thành sức mạnh quốc gia đã thay đổi nhiều theo thời gian. Toàn cầu hóa và sự tiến bộ của công nghệ một mặt đã kết nối các quốc gia với nhau, mặt khác lại thay đổi nền tảng sức mạnh của các quốc gia cũng như tầm quan trọng của mỗi thành tố sức mạnh quốc gia.

a) Khái niệm và nội hàm về sức mạnh quốc gia:

Cho đến nay, vẫn chưa có một định nghĩa thống nhất trong giới học thuật quốc tế về khái niệm sức mạnh quốc gia. Sức mạnh tổng hợp của một quốc gia là tổng thể khả năng, năng lực hay thực lực của quốc gia đó trong một số lĩnh vực nhất định mà sự tổng hợp này có thể thúc đẩy, định hình các hành vi chính sách, động thái hướng tới những mong muốn chiến lược phát triển của quốc gia đó trong môi trường quốc tế. Các khái niệm, cách thức và tiêu chí để định lượng sức mạnh tổng hợp của một quốc gia đã thay đổi theo sự phát triển của thời đại, phù hợp với tình hình của các quốc gia tại thời điểm đó, các chuyên gia, học giả đã đưa ra một số các công thức khác nhau để định lượng. Theo *Từ điển quân sự Mỹ và các thuật ngữ liên quan*, “sức mạnh quốc gia là tổng số các nguồn lực sẵn có của một nước để theo đuổi các mục tiêu quốc gia”¹. Cụ thể hơn, Padelford và Lincoln định nghĩa sức mạnh quốc gia là sự kết hợp giữa sức mạnh và khả năng của một nước được dùng để theo đuổi các lợi ích và mục tiêu quốc gia của mình. Trong khi đó, Organski cho rằng “sức mạnh quốc gia là khả năng một nước gây ảnh hưởng lên hành vi của các nước khác theo mục đích của mình. Nếu một nước không thể thực hiện được điều này, nước đó có thể lớn, có

1. US Department of Defence: “Dictionary of military and associated terms”, Washington DC, 2005.

thể giàu có, thậm chí là vĩ đại nhưng không được xem là hùng mạnh”¹.

Trong khi đó, Rosen và Jones định nghĩa sức mạnh quốc gia là khả năng của một chủ thể quốc tế sử dụng các nguồn lực và tài sản hữu hình cũng như vô hình theo một cách thức để gây ảnh hưởng lên kết quả của các sự kiện theo hướng tăng cường sự hài lòng của chính mình trong hệ thống². Nói một cách đơn giản, sức mạnh quốc gia là khả năng hay năng lực của một nước nhằm đảm bảo các mục đích và mục tiêu của lợi ích quốc gia trong mối quan hệ với các nước khác. Nó liên quan đến khả năng sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực hay ảnh hưởng đối với các nước khác nhằm đảm bảo các mục tiêu của lợi ích quốc gia. Theo cách này, sức mạnh quốc gia được hiểu là “khả năng kiểm soát hành vi của các nước khác theo ý chí của mình”³. Còn Ashley Tellis cho rằng, sức mạnh quốc gia là sản phẩm của sự tương tác giữa hai thành tố: i) khả năng của một nước để điều khiển vòng sáng tạo kinh tế trong một thời điểm cụ thể; và ii) sử dụng sức mạnh chỉ huy đó để tạo ra những khả năng quân sự hiệu quả và từ đó tạo ra một môi trường chính trị ổn định, tăng cường lợi thế kinh tế hiện có và tạo điều kiện cơ bản

1, 3. “National Power: Meaning, Nature, Dimensions and Methods”, <http://www.defencestudies.co/2017/11/national-power-meaning-nature.html>.

2. Steven J. Rosen, Walter S. Jones: *The Logic of International Relations*, Winthrop Publishers: Massachusetts, 1977, p. 182.

để duy trì lợi thế chiến lược và tìm kiếm lợi ích trong hệ thống quốc tế¹.

b) Các thành tố của sức mạnh quốc gia:

Có thể thấy, chưa có định nghĩa hay cách thức thống nhất để đo lường sức mạnh quốc gia của một nước. Hiện nay, giới học giả quốc tế vẫn chưa thống nhất về cách phân loại các thành tố sức mạnh quốc gia. Nhà hiện thực kinh điển Hans Morgenthau chia các thành tố thành hai nhóm: “các thành tố tương đối ổn định” (địa lý, tài nguyên thiên nhiên) và “các thành tố xã hội” (kinh tế, khả năng quân sự)². Trong khi đó, Couloumbis và Wolfe chia thành thành tố “hữu hình” (tài nguyên thiên nhiên, sức mạnh quân sự) và “vô hình” (lãnh đạo, chủ nghĩa dân tộc)³. E. H. Carr chia sức mạnh quốc gia thành ba dạng thành tố là sức mạnh quân sự, sức mạnh kinh tế và sức mạnh dư luận. Một số học giả khác lại chia thành sức mạnh thực tại và sức mạnh tiềm năng⁴. Theo luận điểm của Morgenthau, không thể đánh giá sức mạnh quốc gia dựa trên sự hiện

1. Ashley J. Tellis: *Measuring National Power in the Postindustrial Age: Analyst's Handbook*, Vol. 1110, Rand Corporation, 2001.

2. Hans Morgenthau: *Politics Among Nations: The struggle for power and peace*, Alfred Kopf: New York, 1948.

3. Theodore A. Couloumbis, James H. Wolfe: *Introduction to international relations*, Prentice-Hall, 1978.

4. Azhar Ahmad: “Concept of national power”, *Strategic Studies* 32, no. 2-3, 2012, p. 86.

diện hay thiếu vắng một thành tố duy nhất, sức mạnh quốc gia phải là tổng hợp các yếu tố hữu hình và vô hình có tầm quan trọng như nhau. Do đó, việc sở hữu diện tích rộng lớn, nhiều tài nguyên thiên nhiên hay dân số đông là chưa đủ nếu như một nước có nền kinh tế kém hoặc thiếu khả năng quân sự. Các yếu tố tâm lý như lãnh đạo hay sự đồng thuận quốc gia cũng xen lẫn với các yếu tố vật chất khác nếu một nước muốn nâng vị thế lên tầm cường quốc, chứ chưa nói đến là một siêu cường. Việc đánh giá chính xác sức mạnh quốc gia là rất khó và nó chỉ có thể được thực hiện dựa trên những thành tố khác nhau của sức mạnh. Một nước mạnh có thể suy yếu đi hoặc hùng mạnh hơn trong tương lai khi các thành tố của sức mạnh thay đổi.

Một trong những cách tính sức mạnh tổng hợp quốc gia phổ biến nhất là công thức được đưa ra trong những năm 1980 của Giáo sư Ray S. Cline, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu chiến lược và Viện nghiên cứu quốc tế của Đại học Georgetown (Mỹ). Giáo sư Ray S. Cline đưa ra một khung khái niệm mới, được sử dụng để đo lường sức mạnh tương đối của các quốc gia, đó là $Pp=(C+E+M) \times (S+W)$. Công thức của Giáo sư Cline nhấn mạnh đặc tính năng động của sức mạnh quốc gia, trong đó: Pp là sức mạnh quốc gia được nhận thức, cụm thứ nhất là yếu tố vật chất, cụm thứ hai là yếu tố tinh thần; C chỉ thực thể cơ bản, bao gồm lãnh thổ và dân số; E chỉ năng lực kinh tế bao gồm tổng sản lượng quốc gia GNP, năng lượng, năng lực sản xuất công nghiệp, năng lực sản xuất thực phẩm và mậu dịch đối ngoại; M chỉ năng lực quân sự, trong đó bao

gồm năng lực hạt nhân; S chỉ mục đích, ý đồ chiến lược quốc gia; và W đại diện cho ý chí thực hiện chiến lược quốc gia. Trong biểu đồ sức mạnh này, sức mạnh cứng có thể được nhân lên cấp số nhân nếu kết hợp với nguồn lực sức mạnh mềm. Nói tóm lại, sức mạnh quốc gia có thể được định nghĩa đơn giản là những khả năng tổng hợp của một quốc gia nhằm theo đuổi các mục tiêu chiến lược bằng những hoạt động quốc tế và yếu tố cốt lõi đối với khái niệm này là các nguồn lực chiến lược, khả năng chiến lược và kết quả chiến lược, với nền tảng vật chất là các nguồn lực chiến lược¹.

Đến những năm 1990, dựa trên cơ sở công thức của Ray S. Cline, Giáo sư Joseph S. Nye (Đại học Harvard) đã phân chia sức mạnh tổng hợp quốc gia thành “sức mạnh cứng” và “sức mạnh mềm”. Theo Joseph S. Nye, “sức mạnh cứng” là tập hợp các công cụ chính trị - quân sự, kinh tế và ngoại giao để gây áp lực, buộc các nước khác phải hành động theo một cách thức nhất định. Cụ thể hơn, “sức mạnh cứng” là sức mạnh hữu hình của quốc gia, chủ yếu bao gồm tài nguyên thiên nhiên, kinh tế, khoa học - kỹ thuật và sức mạnh quân sự tương đối ổn định, hình thành nên cơ sở vật chất của sức mạnh tổng hợp quốc gia. Còn “sức mạnh mềm” là chiến lược phát triển quốc gia, bản sắc tư tưởng, sức thu hút của chế độ xã hội và mô hình phát triển, năng lực của quốc gia thực hiện đường lối và chiến lược phát triển, sức

1. J. S Bajwa: “Defining elements of comprehensive national power”, *CLAWS Journal*, 2008, p. 152.

mạnh gắn kết dân tộc và sức mạnh sáng tạo của dân tộc, sự hấp dẫn của nền văn hoá, sức mạnh ảnh hưởng trong các quan hệ quốc tế - nghĩa là tất cả những yếu tố thuộc phạm trù tinh thần và ý thức. “Sức mạnh mềm” còn là khả năng thuyết phục kẻ khác làm theo điều mà ta muốn mà không cần sử dụng biện pháp trực tiếp để tạo ra quyền lực. Như vậy, “sức mạnh mềm” là năng lực tư duy và hành động để đạt được kết quả mong muốn bằng cách thu hút và thuyết phục chứ không phải bằng áp đặt ý chí hoặc dùng sức mạnh cưỡng chế.

Một công thức đánh giá sức mạnh tổng hợp quốc gia được một số nước áp dụng gần đây là công thức của Nhật Bản. Công thức này tương tự công thức của Ray S. Cline nhưng có điều chỉnh một vài tham số, đó là $P_p = (C+E+M)(G+D)$, trong đó C là thành tố cơ bản, ngoài dân số và lãnh thổ, tính thêm tài nguyên thiên nhiên; E là thực lực kinh tế, ngoài GDP và cơ cấu kinh tế, tính thêm GDP bình quân đầu người và mức tăng trưởng kinh tế; M là thực lực quân sự; G là năng lực chính trị đối nội; và D là năng lực chính trị đối ngoại.

Do khái niệm quyền lực/sức mạnh (power)¹ trong quan hệ quốc tế thường được hiểu trên ba phương diện: quyền lực như nguồn lực, quyền lực như khả năng và quyền lực

1. Thuật ngữ “power” có hai cách dịch trong tiếng Việt là “quyền lực” và/hoặc “sức mạnh”. Trong cuốn sách này, để thuận tiện nhóm tác giả đôi khi sử dụng hai cách dịch này thay thế cho nhau theo cách dùng phổ biến trong tiếng Việt.

như kết quả, ba phương diện tương ứng của sức mạnh quốc gia bao gồm nguồn lực của quốc gia, khả năng điều hành quốc gia và năng lực quân sự¹. Trong đó, ba hợp phần sau của sức mạnh quốc gia được xem là quan trọng: sức mạnh kinh tế, sức mạnh quân sự và sức mạnh tâm lý (tính cách quốc gia, ý chí hay đạo lý quốc gia, sự cố kết dân tộc hay chủ nghĩa dân tộc, tuyên truyền, lãnh đạo, ý thức hệ,...). Ba hợp phần này có mối liên hệ gắn bó với nhau: một nước không có sức mạnh kinh tế thì không thể phát triển sức mạnh quân sự và không có sức mạnh quân sự thì không thể đóng vai trò chủ động trong quan hệ quốc tế. Trước đây, sức mạnh quân sự được xem là thành tố quan trọng nhất của sức mạnh quốc gia nhưng ngày nay sức mạnh kinh tế cũng ngày càng được coi trọng. Sức mạnh tâm lý chỉ có thể lâu bền và hiệu quả khi được hỗ trợ bởi sức mạnh kinh tế và quân sự. Các quốc gia có nhiều biện pháp khác nhau để thực thi sức mạnh quốc gia bao gồm: thuyết phục, mua chuộc, trừng phạt, vũ lực².

c) Các trường phái lý thuyết về sức mạnh quốc gia trong quan hệ quốc tế:

- Chủ nghĩa hiện thực:

Theo các học giả hiện thực, sức mạnh quốc gia được xem

1. Ashley J. Tellis: *Measuring National Power in the Postindustrial Age: Analyst's Handbook*, Ibid, p. 5.

2. "National Power and International Relations", <https://www.grin.com/document/336509>.

là tiền đề của quan hệ quốc tế. Mỗi nước đều tìm cách sử dụng sức mạnh để đảm bảo lợi ích quốc gia trong quan hệ quốc tế. Chính đặc điểm này làm cho quan hệ quốc tế được nhìn nhận như là một tiến trình đấu tranh vì quyền lực. Tính chất của cuộc đấu tranh giành quyền lực này chỉ có thể được phân tích thông qua việc đánh giá sức mạnh quốc gia của các nước. Vai trò của một nước trong quan hệ quốc tế thường được đánh giá thông qua sức mạnh quốc gia của họ. Sức mạnh quốc gia cũng cần thiết để hiểu lợi ích quốc gia của các nước. Trên thực tế, lợi ích quốc gia lớn nhất của một nước là duy trì và tăng cường sức mạnh quốc gia bởi sức mạnh quốc gia là phương tiện để thực hiện nhu cầu và khát vọng của một nước. Do vậy, chúng ta có thể dựa trên cơ sở phân tích sức mạnh quốc gia để xác định tầm quan trọng và vai trò của một nước trong nền chính trị quốc tế¹.

Ngoài ra, theo chủ nghĩa hiện thực, sức mạnh quốc gia còn liên quan đến yếu tố cân bằng quyền lực và tương quan so sánh lực lượng giữa các nước, nhất là các cường quốc. Theo trường phái hiện thực tấn công, mục tiêu của các quốc gia luôn là tối đa hóa sức mạnh của mình cho đến khi trở thành nước bá quyền trong hệ thống².

- *Chủ nghĩa tự do:*

So với sức mạnh cứng truyền thống, sức mạnh mềm

1. Hans Morgenthau: *Politics Among Nations: The struggle for power and peace*, *Ibid*.

2. John J. Mearsheimer: *The tragedy of great power politics*, WW Norton & Company, 2001.

ngày càng trở nên quan trọng khi mà vị thế và ảnh hưởng của các quốc gia không chỉ hoàn toàn dựa trên sức mạnh quân sự và tiềm lực kinh tế mà còn liên quan đến các ý tưởng và giá trị văn hóa - xã hội. Nếu như “sức mạnh cứng” của một quốc gia được nhận diện bởi thể mạnh về tiềm lực kinh tế, hạ tầng kỹ thuật và sức mạnh quốc phòng, an ninh (vũ khí, khí tài hiện đại, đội quân cơ động mạnh, tính chiến đấu và kỷ luật cao) thì “sức mạnh mềm” thể hiện và được tạo dựng trên ba yếu tố: văn hóa quốc gia, giá trị chính trị và chính sách đối ngoại của quốc gia đó. Một số học giả khác cho rằng sức mạnh mềm cũng phần nào xuất phát từ quan điểm của thế giới về quốc gia đó thể hiện qua việc thực thi chính sách nhà nước mang tính đạo lý, hợp pháp cách thức xử lý các vấn đề quốc tế và khả năng lập ra hoặc tham gia các thể chế và thảo ra những luật lệ quy định hành vi cho các chủ thể trong quan hệ quốc tế của quốc gia đó.

Theo Joseph S. Nye, trong kỷ nguyên thông tin, có ba kiểu quốc gia có thể tận dụng sức mạnh mềm, bao gồm: những nước có văn hóa và tư tưởng gần gũi với những quan niệm chung toàn cầu, những nước sở hữu hệ thống truyền thông mạnh và có khả năng định hướng dư luận về một vấn đề nào đó, những nước có uy tín nhờ vào tình hình nội bộ và trách nhiệm với thế giới¹.

1. Shashi Tharoor: “Sức mạnh mềm Mỹ đến hồi cáo chung?”, xem tại: <http://baoquoc.vn/suc-manh-mem-my-den-hoi-caochung-39217.html>.

- *Chủ nghĩa Mác:*

Chủ nghĩa Mác phân loại sức mạnh/quyền lực theo sự thống trị trong các xã hội tư bản, nơi mà quyền lực được gắn liền với các mối quan hệ giai cấp trong kinh tế, chính trị và ý thức hệ. Các nguồn sức mạnh đến từ việc sở hữu tài sản kinh tế, của cải, tư liệu sản xuất của xã hội, khống chế tài chính, sự kiểm soát ý tưởng và bá quyền đối với nhà nước cho thấy tầm quan trọng của nó trong quan hệ quốc tế. Quan điểm mácxít về các nguồn của sức mạnh quốc gia được thể hiện qua những ví dụ hiện tại về các chính quyền trên toàn thế giới, nơi mà tình trạng tham nhũng là thách thức hàng ngày trong việc kiểm soát sức mạnh quốc gia.

Mối liên hệ giữa việc tăng cường sức mạnh bên trong quốc gia và sự củng cố bá quyền và khả năng triển khai sức mạnh của một nước để định hình trật tự khu vực và toàn cầu có thể được khái quát qua lăng kính của trường phái mácxít mới là chủ nghĩa Gramsci mới về quan hệ quốc tế với đại diện tiêu biểu là Robert Cox. Cox nâng cấp độ phân tích của khái niệm bá quyền từ cấp độ quốc gia lên tầm thế giới, ví dụ như việc tạo lập bá quyền thế giới bắt đầu với việc mở rộng ra bên ngoài của bá quyền nội bộ (trong nước). Ông phát triển một lý thuyết phê phán để tìm hiểu sự hội tụ giữa bá quyền, trật tự thế giới và thay đổi lịch sử. Một sự hội tụ như thế giải thích tại sao bá quyền trong nước được định hình bởi giai cấp thống trị và các lực lượng xã hội chiếm vị trí dẫn đầu trong một quốc gia - dân tộc, sau đó được mở rộng và triển khai ở tầm thế giới, dẫn tới việc định hình trật tự

thế giới¹. Cox khái niệm hóa “bá quyền thế giới” như là sự giao hòa giữa các mô thức quan hệ quốc gia và quốc tế xuyên suốt các cấu hình xã hội, kinh tế và chính trị. Do đó, bá quyền ở cấp độ quốc tế không chỉ là một trật tự giữa các quốc gia. Đó là một trật tự trong một nền kinh tế thế giới với một phương thức sản xuất thống trị thâm nhập tất cả các nước và gắn với các phương thức sản xuất phụ thuộc khác. Đó cũng là một phức hợp các mối quan hệ xã hội quốc tế vốn kết nối các giai cấp xã hội của các nước khác nhau. Bá quyền thế giới có thể được mô tả như là một cấu trúc xã hội, một cấu trúc kinh tế và một cấu trúc chính trị, và nó không thể chỉ đơn giản là một trong những thứ này mà phải là cả ba².

Việc hiểu khái niệm toàn diện của chủ nghĩa Gramsci mới về bá quyền trong quan hệ quốc tế như là sự kết hợp giữa “quyền lực cấu trúc” và “các lực lượng kiến trúc thượng tầng”, chúng ta có thể thấy một số hạn chế trong việc áp dụng chúng để phân tích sự trỗi dậy của Trung Quốc và bá quyền của Trung Quốc bởi vì hầu hết các nghiên cứu hiện nay đều tập trung vào quyền lực cấu trúc cứng của Trung Quốc. Tuy nhiên, nếu chúng ta đặt lý luận của Mác, Gramsci và Cox trong điều kiện toàn cầu hóa và

1. Robert W. Cox: “Social forces, states and world orders: beyond international relations theory”, *Millennium* 10.2, 1981, p. 126-155.

2. Robert W. Cox: “Gramsci, hegemony and international relations: an essay in method”, *Millennium* 12, no. 2, 1983, p. 171.

sự chuyển đổi hiện nay của nền kinh tế chính trị quốc tế bằng cách xem xét các mối quan hệ tương tác qua lại lẫn nhau giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, chúng ta vẫn có thể khẳng định rằng, trong lịch sử quan hệ quốc tế, cơ sở kinh tế, do quy luật và lôgích tích lũy tư bản, có khuynh hướng định hình sự phát triển của trật tự thế giới. Mặc dù sự mở rộng ảnh hưởng ra bên ngoài của Trung Quốc xuất phát từ sức mạnh kinh tế toàn cầu của họ, những thành tố quy chuẩn mang tính kiến trúc thượng tầng (quyền lực mềm) như đàm phán quy chuẩn, ấn định chương trình nghị sự, thể chế hóa chính sách cuối cùng sẽ trở nên hệ thống hóa. Quan điểm này được cho là điểm chung của thuyết hệ thống thế giới.

1.2. Cách tiếp cận của Trung Quốc về sức mạnh quốc gia

Có thể thấy, các học giả phương Tây đã đi trước trong nghiên cứu về sức mạnh quốc gia và áp dụng các khung phân tích đó để đánh giá sức mạnh quốc gia. Tuy nhiên, các nhà hoạch định chính sách và học giả Trung Quốc cũng đã đưa ra những lý luận riêng của mình về khái niệm sức mạnh quốc gia trên cơ sở tiếp thu và phê phán các học thuyết của phương Tây. Sự quan tâm của Trung Quốc về sức mạnh mềm đã bắt đầu phát triển từ năm 1993, khi Vương Hộ Ninh, Giáo sư Đại học Phúc Đán, Thượng Hải, sau đó được bầu vào Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc bàn luận lý thuyết của Nye về quyền lực mềm. Trong thảo luận của mình về nguồn của quyền lực mềm, ông

Vương Hộ Ninh đã nhấn mạnh rằng nguồn chính của quyền lực mềm của quốc gia là văn hóa: “Nếu một đất nước có một nền văn hóa và ý thức hệ đáng ngưỡng mộ, các nước khác sẽ đi theo. (...) Quốc gia này sẽ không cần phải dùng đến sức mạnh cứng, vốn quá tốn kém và ít hiệu quả hơn”¹. Bắt đầu từ những năm 2000, các nhà phân tích Trung Quốc bắt đầu đưa “sức mạnh mềm” như là một thành tố để tính toán sức mạnh quốc gia. Cần phải có sự “cân bằng” giữa sức mạnh cứng và sức mạnh mềm như là những thành tố trong sức mạnh tổng hợp quốc gia (CNP) và cần phải phát triển đồng thời cả hai thành tố này².

a) Khái niệm và nội hàm sức mạnh quốc gia:

Sức mạnh tổng hợp quốc gia (CNP) là một khái niệm dựa trên tư tưởng chính trị hiện thời của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và mang hàm ý sức mạnh tổng quát của một quốc gia - dân tộc. Trong sức mạnh tổng hợp quốc gia, sức mạnh mềm/quyền lực mềm (soft power) khi chuyển ngữ sang tiếng Trung, được học giả Trung Quốc dịch thành “thực lực mềm”, là một công cụ bổ trợ cho sức mạnh cứng, một yếu tố cấu thành nên sức mạnh tổng hợp quốc gia.

Theo các học giả Trung Quốc, CNP là một khái niệm đa chiều và liên quan đến nhiều vấn đề mà các nhà phân

1. Wang Huning: “Culture as a national power: soft power”, *Fudan University Journal*, 1993, pp. 23-28.

2. Joel Wuthnow: “The concept of soft power in China’s strategic discourse”, *Issues & Studies* 44.2, 2008, p.6.

tích chiến lược và hoạch định của Trung Quốc đã sử dụng để xác định, đo lường, đánh giá và dự đoán CNP của Trung Quốc so với các nước khác trong khoảng từ 10 đến 20 năm. Các học giả Trung Quốc cho rằng, cách thức tính sức mạnh quốc gia của các học giả phương Tây chỉ chú trọng vào các nguồn lực vật chất hay hữu hình¹. Các học giả Trung Quốc điều chỉnh các công thức đó và phát triển công thức đánh giá sức mạnh quốc gia riêng của họ. Cụ thể là, họ phân chia hệ số cho tám “khả năng” tạo thành CNP (1,00) bao gồm: các hoạt động kinh tế trong nước (0,28), khoa học và công nghệ (0,15), các hoạt động kinh tế đối ngoại (0,13), phát triển xã hội (0,10), quân sự (0,10), kiểm soát và điều hành chính phủ (0,08), ngoại giao (0,08), và tài nguyên thiên nhiên (0,08). Có thể thấy, trong công thức này, Trung Quốc nhấn mạnh sức mạnh kinh tế là nhân tố quan trọng và cần thiết nhất cho sức mạnh tổng hợp quốc gia. Tuy nhiên, CNP cũng rất nhấn mạnh đến những tính toán định tính và định lượng và ước tính sức mạnh tương đối giữa các cường quốc.

So sánh phân tích về sức mạnh quốc gia của các học giả Trung Quốc và nước ngoài, có thể thấy CNP có phạm vi rộng hơn, nhấn mạnh tính toàn diện ở tất cả mọi khía cạnh, bao gồm rõ rệt nhất là sức mạnh vật chất, ý tưởng tinh thần và ảnh hưởng quốc tế. CNP bao gồm những khía cạnh khác nhau của sức mạnh tổng hợp quốc gia như lãnh

1. Ashley J. Tellis: *Measuring National Power in the Postindustrial Age: Analyst's Handbook*, Ibid, pp.31-33.

thổ, quy mô dân số, tài nguyên thiên nhiên, sức mạnh quân sự, sự phát triển của nền kinh tế, quyền lực chính trị, chính sách đối ngoại, ảnh hưởng văn hóa, giáo dục... Tuy nhiên, CNP vẫn nhấn mạnh sức mạnh vật chất hay quyền lực chỉ huy mặc dù nó không hoàn toàn phớt lờ tầm quan trọng của ý tưởng tinh thần hay sức mạnh mềm.

Sự quan tâm đến sức mạnh mềm có thể xuất phát từ quan niệm cho rằng chỉ có các nguồn sức mạnh cứng thì không đủ để Trung Quốc vươn đến mức độ của một cường quốc toàn cầu. Cách tiếp cận tổng hợp về quyền lực được thể hiện rõ qua những công trình về “sức mạnh tổng hợp quốc gia” của Trung Quốc vốn bao hàm tất cả các nguồn sức mạnh vật chất và ý tưởng. Chẳng hạn như, các nhà phân tích Trung Quốc lập luận rằng quyền lực cứng và quyền lực mềm bổ sung và tăng cường cho nhau. Trong cuốn *Mục tiêu cuối cùng của nền chính trị thế giới*, Vương Tập Tư cho rằng an ninh, tài phú, tín ngưỡng (lòng tin), công bằng (chính nghĩa) và tự do là những chủ đề không bao giờ thay đổi, đồng thời là những giá trị cơ bản và mục tiêu cuối cùng của nền chính trị thế giới. Nhân loại theo đuổi quyền lực, xây dựng các quốc gia, đề xướng các giá trị dân chủ, pháp quyền, thực ra đều là phương thức và thủ đoạn sử dụng để thực hiện được năm mục tiêu lớn này. Việc nghiên cứu năm mục tiêu lớn này cũng như mối quan hệ tương hỗ của chúng sẽ giúp lý giải được tính đồng dạng và tính đa dạng trong chính trị các nước, làm rõ những tiêu chí dự báo về thành công thất bại của mỗi quốc gia, mở rộng tầm nhìn và khả năng

quan sát chính trị thế giới, càng hiểu rõ thêm chiều hướng phát triển của nền chính trị thế giới đương đại¹. Một nghiên cứu khác cũng phê phán sự phân chia quyền lực cứng và quyền lực mềm của Nye và cho rằng quyền lực mềm của Trung Quốc được thể hiện rõ nhất trong “mô hình Trung Quốc” về chủ nghĩa đa phương, ngoại giao kinh tế và chính sách ngoại giao láng giềng tốt. Học giả này xác định năm yếu tố của quyền lực mềm Trung Quốc là: văn hóa, giá trị, mô hình phát triển, các thể chế quốc tế và hình ảnh quốc gia².

Khi xem xét khái niệm sức mạnh mềm, các học giả Trung Quốc tập trung vào khả năng của chính quyền: quyền lực thể chế, quyền lực định danh và quyền lực cảm hóa hơn là khái niệm quyền lực mềm dựa trên nguồn sức mạnh của Nye. Quyền lực thể chế chỉ khả năng của một nước trong việc đề xuất và xây dựng các thể chế hay dàn xếp quốc tế mới. Quyền lực định danh chỉ khả năng của một nước trong việc gây ảnh hưởng đến các nước khác thông qua sự công nhận của họ đối với vai trò lãnh đạo của nước đó. Quyền lực cảm hóa chỉ khả năng hấp dẫn của các giá trị, ý thức hệ và hệ thống xã hội của một nước. Diêm Học Thông cho rằng, quyền lực mềm nằm ở quyền lực chính trị của các thể chế chính trị, quy chuẩn và uy tín

1. Vương Tập Tư: *Mục tiêu cuối cùng của nền chính trị quốc tế*, Nxb. Trung Tín (Trung Quốc), 2018.

2. Samuel S. Kim: “China's path to great power status in the globalization era”, *Asian Perspective*, 2003, p. 41.

của một nước hơn là văn hóa. Chu Phong cũng lập luận rằng, quyền lực mềm không có mấy liên quan đến nguồn của quyền lực mà là liệu cộng đồng quốc tế có chấp nhận chính sách và sự lựa chọn chiến lược của một nước hay không và mức độ trùng khớp của những lựa chọn đó với lợi ích của các nước khác. Các học giả Trung Quốc cũng thường trích dẫn các chương trình viện trợ nước ngoài như một nguồn quyền lực mềm của Trung Quốc, một điều vượt ra ngoài khuôn khổ quyền lực mềm của Nye¹.

Liên quan đến mối quan hệ giữa sức mạnh cứng và sức mạnh mềm, một số học giả Trung Quốc dường như nhấn mạnh hơn Nye về sự đan xen không thể tách rời giữa hai khái niệm này. Học giả Môn Hồng Hoa lưu ý rằng, liệu Trung Quốc có thực sự trỗi dậy được hay không không chỉ phụ thuộc vào sức mạnh cứng mà còn cần phải nhấn mạnh đến sức mạnh mềm. Một sự trỗi dậy thực sự là khi cả hai dạng sức mạnh này bổ sung cho nhau. Cụ thể sau đó, Trung Quốc đã đưa ra cơ chế để thúc đẩy sức mạnh mềm của mình: (i) Truyền tải văn hóa truyền thống Trung Quốc ra nước ngoài thông qua các học viện Khổng Tử và các hoạt động khác; (ii) Tập trung vào sự lãnh đạo của Trung Quốc ở các nước đang phát triển, nhất là việc sử dụng các gói kinh tế để xây dựng thiện chí ngoại giao; (iii) Sử dụng nhiều cách thức và phương tiện để trấn an các nước láng giềng và các nước khác rằng ý đồ chiến lược của

1. Li Mingjiang: "China debates soft power", *The Chinese journal of international politics* 2, no. 2, 2008, p. 295.

Trung Quốc là hòa bình và rằng nước này đang hành xử như một “cường quốc có trách nhiệm”¹.

Phát huy sức mạnh tư tưởng, ý thức hệ sẽ tạo cho Trung Quốc những ưu thế hiếm có dựa trên bề dày lịch sử, về chiều sâu tư tưởng và về sự phong phú của kho tàng kinh nghiệm đối ngoại trên quy mô châu lục và toàn cầu. Trên thực tế, Trung Quốc chưa thể đuổi kịp Mỹ theo các chỉ số sức mạnh cứng như sản xuất công nghệ cao, bằng phát minh sáng chế, quân sự hiện đại. Tập Cận Bình tin rằng đề cao vai trò của sức mạnh mềm Trung Quốc dựa trên tư tưởng và văn hóa cổ đại là một phần của sức mạnh tổng hợp, giúp đẩy Trung Quốc đi nhanh hơn trong cuộc cạnh tranh chiến lược với siêu cường Mỹ, tạo đà cho Trung Quốc nhanh chóng chạm tới “trung tâm của vũ đài quyền lực thế giới”. Đánh giá về sức mạnh tư tưởng của Trung Quốc, cựu Ngoại trưởng Mỹ, Tiến sĩ Henry Kissinger chỉ rõ: “khi Trung Quốc trở thành một cường quốc thế giới, tư tưởng mới dẫn dắt Trung Quốc không phải là chủ nghĩa Mác hay chủ nghĩa tự do (kiểu phương Tây) mà chính là triết lý và tư tưởng cổ đại Trung Quốc”². Như Vương Phi Linh chỉ rõ, mục tiêu đối ngoại Trung Quốc là nhằm xây dựng một trật tự thế giới mới và quản trị thế giới dựa trên

1. Joel Wuthnow: “The concept of soft power in China’s strategic discourse”, *Ibid*.

2. Henry Kissinger: *World Order - Reflections on the Character of Nations and the course of History*, Allen Lane Penguin Groups, 2014, pp. 221-227.

mô hình Trật tự Trung Quốc đã được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình hiện nay.

b) Các thành tố của sức mạnh tổng hợp quốc gia:

Trên cơ sở các mô hình phương Tây, học giả Trung Quốc Diêm Học Thông đã đưa ra mô hình tính sức mạnh tổng hợp quốc gia của Trung Quốc: $P = (M + E) \times (C + P)$, trong đó: P là sức mạnh tổng hợp; M là sức mạnh quân sự; E là tiềm lực kinh tế; C là sức mạnh văn hóa; P là thực lực chính trị. Từ công thức này, M, E và C được coi là thực lực mang tính tài nguyên, còn P được coi là thực lực mang tính vận động, điều phối, điều khiển.

Như vậy, có thể thấy, tuy tồn tại nhiều mô hình khác nhau để đánh giá sức mạnh tổng hợp quốc gia nhưng các mô hình này đều có điểm chung. Đó là sức mạnh tổng hợp quốc gia được cấu thành từ ba thành tố chính gồm: (i) các thành tố cơ bản, (ii) sức mạnh cứng, và (iii) sức mạnh mềm. Thành tố (i) gồm: vị trí địa lý tự nhiên, diện tích lãnh thổ và địa hình địa mạo. Thành tố (ii) gồm: sức mạnh kinh tế, sức mạnh chính trị, sức mạnh khoa học công nghệ, sức mạnh quân sự - quốc phòng, sức mạnh ngoại giao. Thành tố (iii) gồm: văn hóa quốc gia, giá trị quốc gia và chính sách của quốc gia. Mặt khác, khi đánh giá sức mạnh tổng hợp của một quốc gia, nhất là khi so sánh với sức mạnh của quốc gia khác, cần tính đến khả năng sử dụng và kết hợp hiệu quả các nguồn lực cũng như khả năng chuyển hóa các nguồn lực đó thành sức mạnh quốc gia.

Theo Clifford Geertz, văn hóa là mô hình ý nghĩa tồn tại trong các ký hiệu được truyền lại từ lịch sử và là hệ

thống khái niệm sử dụng hình thức ký hiệu để biểu đạt sự lặp lại trước sau như một, nhờ đó, con người trao đổi, tồn tại và phát triển hiểu biết và thái độ đối với cuộc sống. Dựa trên định nghĩa này của Geertz, Tần Á Thanh nhận định rằng văn hóa là một hệ thống ý nghĩa có tính chất công hữu của một số đông người, là hệ thống ý nghĩa kết nối chặt chẽ của con người, là hình thức sinh hoạt xã hội và tinh thần xã hội do con người sáng tạo nên. Sự nhận thức của con người về bản sắc (thân phận), về lợi ích chắc chắn sẽ có những ảnh hưởng rất lớn đối với cách thức hành vi của họ. Nếu coi thế giới là sự tồn tại mang tính xã hội, coi quan hệ quốc tế và quan hệ giữa các nước là quan hệ mang tính xã hội, khi đó nghiên cứu văn hóa chắc chắn trở thành nội dung không thể thiếu được trong chính trị học thế giới. Nếu coi hành vi của chủ thể hành vi trong chính trị thế giới, đặc biệt là hành vi chiến tranh/xung đột cùng hòa bình/hợp tác, là cốt lõi của chương trình nghị sự về nghiên cứu chính trị thế giới, thì văn hóa trở thành phương thức biểu đạt tư duy, tình cảm và tín ngưỡng của số đông, là phương thức trù tượng và thực tế của hành vi, là khuynh hướng nhận thức tiêu chuẩn hóa, là cơ chế điều chỉnh tính quy phạm hành vi, vì vậy, lại càng là nhân tố không thể thiếu được. Do đó, nghiên cứu về chính trị thế giới bắt buộc phải có cơ sở lý luận văn hóa¹.

1. Tần Á Thanh: *Quyền lực, chế độ, văn hóa: Lý luận và phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế*, Nxb. Đại học Bắc Kinh (Trung Quốc), 2016, tr. 147.

Trong khi đó, Diêm Học Thông cho rằng do cả sức mạnh cứng và mềm đều là nhân tố quan trọng, nếu một trong hai bằng 0 thì bất kể nhân tố còn lại có lớn đến mức nào thì tổng giá trị của CNP vẫn sẽ bằng 0. Ông phân loại vị thế sức mạnh của Trung Quốc từ năm 1945 đến nay thành 3 thời kỳ suy giảm (1959-1963; 1966-1976; 1989-1992) và 4 thời kỳ gia tăng (1950-1958; 1964-1965; 1978-1988; 1993-nay). Những thời kỳ suy giảm sức mạnh quốc gia của Trung Quốc đều gắn liền với những biến động và rối loạn chính trị trong nước như “đại nhảy vọt”, “cách mạng văn hóa”,... chứ không phải là chiến tranh hay khủng hoảng kinh tế. Điều này khiến cho không những sức mạnh cứng như phát triển kinh tế và quân sự suy yếu mà hình ảnh quốc tế của Trung Quốc cũng xấu đi đáng kể. Trong khi đó, nhiều nước châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc và Xingapo đã thực hiện công nghiệp hóa và vị thế sức mạnh của họ gia tăng nhanh chóng so với Trung Quốc. Do đó, Diêm Học Thông cho rằng vị thế sức mạnh của Trung Quốc giảm khi quyền lực chính trị của nước này suy yếu nghiêm trọng. Và từ năm 1993 đến nay, Trung Quốc đã nhận thức được điều đó và gia tăng quyền lực chính trị của mình. Từ đó, Diêm Học Thông đi đến kết luận rằng, miễn là không có khủng hoảng chính trị trong tương lai, Trung Quốc sẽ có thể tránh được một đợt suy giảm mới trong vị thế sức mạnh của mình¹.

1. Yan Xuetong: “The rise of China and its power status”, *Chinese journal of international politics* 1.1, 2006, pp. 5-33.

Ngoài sức mạnh kinh tế, Diêm Học Thông cho rằng Trung Quốc cần phải tập trung xây dựng sức mạnh chính trị và sức mạnh đạo lý. Mô hình lý tưởng có thể được thực hiện theo công thức sau:

$$\text{CNP} = (\text{sức mạnh quân sự} + \text{sức mạnh kinh tế} + \text{sức mạnh văn hóa}) \times \text{sức mạnh chính trị}$$

Hình 1. Quan hệ giữa các khái niệm về các thành tố sức mạnh¹

Hình 1 cho chúng ta nhận thấy một công thức sức mạnh tổng hợp quốc gia đơn giản: $\text{CNP} = (\text{M} + \text{E} + \text{C}) \times \text{P}$, trong đó CNP là sức mạnh tổng hợp quốc gia, M là sức mạnh quân sự, E là sức mạnh kinh tế, C là sức mạnh văn hóa, P là sức mạnh chính trị.

Giả định rằng sức mạnh quân sự, sức mạnh kinh tế và sức mạnh văn hóa hiện tại của Trung Quốc là cố định (M, E, C không đổi), công thức trên ngụ ý rằng, nếu Trung Quốc tăng cường sức mạnh chính trị của mình một cách mạnh mẽ, xét từ khía cạnh tăng cường lòng tin chiến lược và sự chân thành, Trung Quốc sẽ trên đà giữ vững việc tăng cường sức mạnh toàn diện và địa vị quốc

1. Yan Xuetong: "Xun Zi's thoughts on international politics and their implications", *Chinese Journal of International Politics* 2.1, 2008, pp. 135-165.

tế của đất nước. Điều này có nghĩa, mặc dù chiến lược đúng đắn để tăng cường sức mạnh mềm của Trung Quốc bao gồm cả sức mạnh chính trị và sức mạnh văn hóa, nhưng điểm chú trọng trung tâm của chiến lược này vẫn nên là sức mạnh chính trị¹.

Ngoài ra, Diêm Học Thông đề xuất Trung Quốc nên xây dựng một trật tự thứ bậc có tính chuẩn tắc mà có thể đóng góp cho việc ngăn ngừa xung đột, nhờ đó các quốc gia khác nhau sẽ gánh những trách nhiệm an ninh quốc tế khác nhau. Hơn nữa, Trung Quốc cũng nên thúc đẩy một hệ thống trong đó các quốc gia khác nhau sẽ tuân thủ theo các quy chuẩn an ninh khác nhau. Ví dụ, nước lớn và nước nhỏ trong việc thực hiện nhiệm vụ gìn giữ hòa bình thế giới có những trách nhiệm an ninh khác nhau và sở hữu những thẩm quyền ở các cấp độ khác nhau, và xét về vấn đề không phổ biến hạt nhân, các cường quốc hạt nhân cần phải tuân thủ nghiêm ngặt những trách nhiệm không phổ biến của họ trong khi cung cấp đảm bảo an ninh hạt nhân cho các nước không có vũ khí hạt nhân.

Tóm lại, dựa trên tư tưởng của Tuân Tử, Diêm Học Thông cho rằng, nếu Trung Quốc dựa trên quyền lực chính

1. Mặc dù tổng lượng viện trợ của Trung Quốc dành cho các nước châu Phi không bằng được mức viện trợ của Liên minh châu Âu và Mỹ, nhưng chính quyền các nước châu Phi lại tỏ ra “mặn mà” hơn với những khoản vay ưu đãi không kèm điều kiện chính trị từ Trung Quốc. Xem tại: <https://www.washingtonpost.com/news/monkey-cage/wp/2018/09/27/china-is-offering-no-strings-attached-aid-to-africa-heres-what-that-means/>.

trị của mình và kiên định theo đuổi đổi mới về mặt thể chế thì Trung Quốc sẽ trỗi dậy để trở thành quốc gia dẫn đầu thế giới; nếu Trung Quốc cân bằng sự phát triển của cả sức mạnh chính trị, quân sự và kinh tế, thì Trung Quốc sẽ trở thành một cường quốc toàn cầu hùng mạnh; nếu Trung Quốc coi việc xây dựng nền kinh tế là mối ưu tiên trung tâm, thì Trung Quốc sẽ dần dần trở thành một quốc gia phát triển hạng trung¹.

c) Khái niệm văn hóa chính trị và chính sách đối ngoại của Trung Quốc từ cách tiếp cận văn hóa chính trị:

- Khái niệm văn hóa chính trị:

Ảnh hưởng của nhân tố văn hóa chính trị của mỗi quốc gia, mỗi nền văn hóa có thể tạo ra sự khác biệt trong nhận thức về sức mạnh quốc gia giữa Trung Quốc với những cường quốc khác trong hệ thống quốc tế. Năm 1956, Gabriel Almond lần đầu tiên đề cập tới khái niệm văn hóa chính trị và được coi là cha đẻ của lý thuyết văn hóa chính trị. Almond nhận định văn hóa chính trị là một tập hợp các quan niệm, niềm tin về hiện thực chính trị, cảm nhận về chính trị và cam kết với các giá trị². Lucian Pye cho rằng, văn hóa chính trị là một tập hợp các quan điểm, thái

1. Yan Xuetong: “Xunzi’s thought on international politics and their implication”, *Ibid*.

2. Gabriel A. Almond: “The Study of Political Culture”, in Lane Crother and Charles Lochart eds., *Culture and Politics*, New York: Palgrave Macmillan, 2000, pp. 5-20.

độ, niềm tin và tình cảm chỉ đạo quá trình chính trị, giải thích được những động cơ đằng sau tiến trình này và những quy luật chi phối hành vi của các chủ thể chính trị. Văn hóa chính trị còn bao hàm những lý tưởng chính trị, hệ giá trị chuẩn tắc, ý thức hệ, đặc điểm văn hóa, tâm lý quan chính trị, dư luận,... trong một chỉnh thể các nhận định tâm lý và chủ quan về chính trị¹.

Về phân loại, Gabriel Almond tiếp cận văn hóa chính trị từ ba khía cạnh: trình độ nhận thức, cảm quan chính trị, đánh giá về hệ thống chính trị². Hoa Thế Bình bổ sung phân loại khái niệm văn hóa chính trị từ việc tiếp cận một cách toàn diện từ dưới lên, bao gồm: (i) cấp độ văn hóa chính trị không ý thức, hay còn gọi là tâm lý chính trị. Ví dụ như sự thâm thấu văn hóa Khổng giáo trong tư tưởng, nhận thức của người Trung Quốc; (ii) cấp độ văn hóa chính trị có ý thức nhưng không hệ thống ở những nhóm, phong trào tự phát có thái độ nhận thức chính trị không nhất quán, có hàm ý chỉ dư luận chính trị; (iii) cấp độ văn hóa có ý thức và hệ thống là cấp độ cao nhất, chỉ những chủ thể có sự nhận thức hệ thống về hệ thống chính trị, và văn hóa chính trị ở cấp độ này

1. Lucian W. Pye: *The Spirit of Chinese Politics: A Psychocultural Study of the Authority Crisis in Political Development*, Cambridge, Mass.: M.I.T Press, 1968.

2. Gabriel A. Almond: "The Study of Political Culture", in Lane Crother and Charles Lochart eds., *Culture and Politics*, *Ibid*, pp. 5-20.

chính là tư tưởng chính trị, ý thức hệ chính trị¹. Nhận diện một quốc gia, dân tộc từ những đặc điểm văn hóa chính trị ở cả ba cấp độ này, đặc biệt tập trung vào cấp độ tư tưởng chính trị, ý thức hệ chính trị sẽ là một công cụ hiệu quả giúp lý giải được tư duy chiến lược và những lựa chọn quyết sách của các chủ thể chính trị trong quốc gia, dân tộc đó một cách toàn diện và đa chiều.

Các học giả Trung Quốc cho rằng, văn hóa là nguồn quan trọng nhất cho sức mạnh mềm của Trung Quốc. Tân Á Thanh đi vào nghiên cứu khái niệm văn hóa từ ba khía cạnh gồm: (i) sự hình thành của nội hàm văn hóa; (ii) động lực thúc đẩy sự hình thành văn hóa, đặc biệt là “sức mạnh văn hóa”; (iii) vai trò (công năng) của văn hóa, ảnh hưởng của văn hóa đối với bản sắc, lợi ích và hành vi của chủ thể hành vi bao gồm quốc gia hay các chủ thể phi quốc gia, đã có những đóng góp có tính phản biện đối với chủ nghĩa kiến tạo của Wendt và khái niệm sức mạnh mềm của Nye. Sức mạnh văn hoá có vai trò quan trọng, chuyển từ khái niệm cá nhân sang cộng đồng, tạo nên những kết nối ý nghĩa có hệ thống thứ bậc, góp phần thúc đẩy những cải cách và thay đổi về nội dung văn hoá².

Từ thời cổ đại, ý tưởng sức mạnh mềm về văn hóa, tư tưởng, giá trị quan, v.v. đã được các bậc vua chúa thời

1. Shiping Hua: *Chinese Political Culture 1989-2000*, Armond: M.E. Sharpe, 2001, pp.23-41.

2. Tân Á Thanh: *Quyền lực, chế độ, văn hóa: Lý luận và phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế*, Sđd, tr.143-153.

xưa của Trung Quốc cổ xúy và sử dụng một cách toàn diện. Nhiều nghiên cứu của Trung Quốc nhấn mạnh giá trị văn hóa Trung Quốc ẩn chứa trong các tư tưởng như Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo và các trường phái tư tưởng kinh điển khác: ví dụ như “dĩ đức phục nhân” (lấy đức hạnh thu phục lòng người), “vương đạo” (dùng nhân nghĩa cai trị thiên hạ), “sự hòa hợp”, và “hòa nhi bất đồng” (hòa hợp nhưng không hòa tan). Những nghiên cứu này lập luận rằng, các giá trị văn hóa truyền thống của Trung Quốc dựa trên nền tảng cơ bản là “hòa”, đây là cơ sở cho sức lôi cuốn về mặt văn hóa của Trung Quốc trong kỷ nguyên đa dạng văn hóa và toàn cầu hóa. Trong lịch sử hiện đại, văn minh phương Tây với các đặc trưng là khoa học, chủ nghĩa cá nhân và vật chất đã thúc đẩy công nghiệp hóa nhưng đồng thời gây ra rất nhiều vấn đề bao gồm suy thoái môi trường, suy đồi đạo đức xã hội, xung đột quốc tế và khu vực. Văn hóa truyền thống Trung Quốc vốn nhấn mạnh “lấy dân làm gốc” và “sự hòa hợp giữa tự nhiên và con người” có thể cung cấp những cách tiếp cận khác cho các vấn đề này và do vậy, việc tiếp cận văn hóa Trung Quốc sẽ là một lợi thế trong kỷ nguyên thông tin hậu công nghiệp¹.

Hệ thống Nho giáo đã tạo nên trật tự chính trị lâu nhất trong lịch sử nhân loại và những nguyên tắc khôn

1. Li Mingjiang: “China debates soft power”, *Chinese journal of international politics* 2, *Ibid*, p.292.

mẫu về cai trị¹. Từ thời Tôn Tử (544 - 496 trước Công nguyên) và Mặc Tử (470 - 390 trước Công nguyên), chủ nghĩa lý tưởng đã cung cấp một phản đề đối với chủ nghĩa hiện thực. Truyền thống lý tưởng của Trung Quốc cho rằng, đạo lý, luật pháp và hợp tác có thể tạo nền tảng cho quan hệ giữa các quốc gia, bản chất con người không phải là xấu xa, các mối quan hệ hòa bình và hợp tác giữa các nước là có thể, và rằng các quốc gia có thể vận hành như một cộng đồng hơn là những tác nhân vị kỷ tự chủ. Chẳng hạn như Nho giáo, tư tưởng thống trị ở Trung Quốc trong hơn 2.000 năm cho rằng một quốc gia nên đạt được vị thế lãnh đạo bằng cách làm gương và phản đối sự áp đặt giá trị lên kẻ khác. Trong khi thiên mệnh ban cho hoàng đế quyền cai trị, trong trường hợp sự bất mãn của nhân dân đối với hoàng đế lan rộng thì đồng nghĩa vị hoàng đế đó đã đánh mất thiên mệnh ấy và do đó bị lật đổ². Khổng Tử (551 - 479 trước Công nguyên) nói rằng, không nên đối xử với người khác những gì mà ta không muốn họ làm với mình. Khổng Tử cũng nhấn mạnh sự hạn chế và điều tiết quyền lực thay vì sử dụng quyền lực. Mạnh Tử (372 - 289 trước Công nguyên), một nhà hiền triết Nho giáo khác, tin tưởng rằng một vị vua hiền không có đối thủ trong thiên hạ và có thể dễ dàng có được

1. Martin Jacques: "Civilization State: The Nature of Chinese Politics", *When China rules the World*, New York: Penguin Books, 2012, p.244.

2. Lucian W. Pye: *The Spirit of Chinese Politics*, *Ibid*, pp.13-14, 17.

sự ủng hộ của công chúng bao gồm những người bị áp bức ở những nước khác. Ông xem việc phô trương sức mạnh quân sự như là một tội nghiêm trọng. Mặc Tử, người sáng lập phái Mặc gia và ủng hộ học thuyết phi vũ lực, cho rằng, việc sử dụng vũ lực quá mức có thể gieo mầm cho những xung đột kéo dài như trộm cắp và giết người. Chịu ảnh hưởng từ những triết lý này, các nhà lãnh đạo Trung Quốc thời xưa thích làm dịu những mối đe dọa an ninh bên trong bằng việc quản trị dựa trên đạo lý. Trong việc xử lý quan hệ với bên ngoài, các chiến lược quân sự của Trung Quốc thời xưa nhấn mạnh đến ngoại giao hơn là đối đầu quân sự¹.

Những tư tưởng, lý luận cổ đại về trật tự quốc tế, quan hệ giữa các quốc gia trong lịch sử, hệ giá trị quan điểm, nền tảng văn hóa - chính trị - lịch sử về quản trị xã hội, đức trị/pháp trị, trật tự tôn ti thứ bậc kiểu Khổng giáo, v.v. là những nhân tố quan trọng góp phần định hình các chiến lược ngoại giao đương đại của Trung Quốc. Trung Quốc có cách giải thích khác với phương Tây về các khái niệm quốc gia - dân tộc và chủ quyền (bao gồm các khái niệm dân quyền, chủ quyền quốc gia và chủ quyền nhà nước được du nhập từ châu Âu từ giữa đến cuối thế kỷ XIX). Mặc dù chủ quyền quốc gia được coi là tầm quan trọng cao nhất nhưng dân quyền đã được thay thế bằng

1. Sheng Ding: "Analyzing Rising Power from the Perspective of Soft Power: a new look at China's rise to the status quo power", *Journal of Contemporary China*, 2010, p.262.

chủ quyền nhà nước¹. Trung Quốc luôn tự coi mình là lãnh đạo thế giới - các nước trong khu vực trong lịch sử hàng nghìn năm. Đây không phải là một thế giới với thước đo chung như trong hệ thống các quốc gia - dân tộc, mà thay vào đó là một thế giới bị chia làm đôi, bao gồm một “nền văn minh” duy nhất bao quanh bởi nhiều giống người man di mọi rợ, những người man di mọi rợ được sắp đặt thứ tự cao thấp dựa trên sự gần gũi văn hoá của họ với nền văn minh, càng xa trung tâm càng tăm tối hơn. Là “toàn bộ vùng đất dưới bầu trời (thiên hạ)”, đế quốc Trung Hoa là một vũ trụ theo cách hiểu riêng của nó, đứng ở trên và đặc biệt không giống bất cứ một quốc gia, dân tộc nào, siêu việt hơn ở tất cả mọi khía cạnh, khác biệt với phần còn lại của thế giới, nền văn minh cao hơn đạt được nhờ các giá trị, đạo đức và giáo lý của Khổng giáo và nhà nước qua các triều đại thể hiện chúng. Lý tưởng của đế chế Trung Hoa là thuyết phổ quát, là sứ mệnh phổ biến văn minh, giáo hóa thế giới, đó cũng chính là lý do cho sự mở rộng không ngừng của nó². Không giống như một quốc gia dân tộc, biên giới của đế chế là biên giới mềm, không được vạch rõ ràng và không được bảo vệ nhiều, nhưng cũng phân chia

1. Zheng Yongnian: *Discovering Chinese Nationalism in China*, Cambridge University Press, 2010, p. 22.

2. William A. Callahan: *Contingent States: Greater China and Transnational Relations*, Minneapolis: University of Minnesota Press, 2004, pp. 34; Suisheng Zhao: *A Nation-State by Construction: Dynamism of Modern Chinese Nationalism*, Stanford: Stanford University Press, 2004, pp. 41-43.

theo các khu vực, mức độ văn minh sẽ dần dần giảm đi tại các quốc gia man di kém phát triển này¹. Phương thức mở rộng của nó là sự kết hợp của việc chinh phục và biểu tượng văn hoá, lý lẽ hệ tư tưởng đế chế Trung Hoa sử dụng là “sứ mệnh khai hóa văn minh”². Trung Quốc (những người cai trị Trung Quốc) muốn tin rằng Trung Quốc xứng đáng có vị trí là cường quốc lãnh đạo thế giới. Hai thế kỷ vừa qua là đi chệch với quỹ đạo vốn định sẵn của lịch sử, sự trỗi dậy và khôi phục vị thế cường quốc số một thế giới của Trung Quốc cũng thường được xem là sự tất yếu của lịch sử³.

Những thăng trầm của lịch sử hơn 3.000 năm của Trung Quốc từ thời Tiên Tần tới nay, kể cả những năm tháng đen tối nhất của Trung Quốc trong cách mạng văn hóa dưới thời Mao Trạch Đông đã không làm gián đoạn những ảnh hưởng quan trọng và xuyên suốt trong tư tưởng cốt lõi nhất của Khổng giáo về nghệ thuật trị nước,

1. R. Bin Wong, *China Transformed: Historical Change and the Limits of European Experience*, Ithaca and London: Cornell University Press, 2000, p. 103; Peter C. Perdue: “Why Do Empires Expand?”, presentation at the workshop on “Asian Expansions: The Historical Processes of Polity Expansion in Asia”, Asia Research Institute, National University of Singapore, 2006; William Callahan: *Contingent States: Greater China and Transnational Relations*, *Ibid*, p. 87.

2. William Callahan: *Contingent States: Greater China and Transnational Relations*, *Ibid*, pp.26-27.

3. Martin Jacques: *When China rules the World*, *Ibid*, pp. 339-340.

an dân, bình thiên hạ. Những tư tưởng cổ đại về vương quốc trung tâm, tính ưu việt của nền văn hóa Hoa Hạ, chủ thuyết trị nước bằng vương đạo, hoàng đế Trung Hoa là thiên tử cai trị thiên hạ theo mệnh trời, v.v. được thể hiện dưới mọi hình thức trong tất cả các thể chế lãnh đạo của Trung Quốc, từ các triều đại phong kiến trong quá khứ tới những nhà lãnh đạo cộng sản Trung Quốc hiện nay. Theo Vương Phi Linh, trật tự đế chế Trung Hoa thời Tần - Hán dựa trên đế chế phong kiến độc tài kết hợp Khổng giáo - pháp trị bảo vệ sự lãnh đạo của mình bằng các học thuyết về thiên tử (con trời) được trao sứ mệnh để thống nhất, ổn định và cai trị thiên hạ¹. Như một số nhà nghiên cứu nhận định, “trật tự Trung Quốc” là một mô hình về thể chế và quản trị có tính khả thi cao trong thực tiễn, đã được lịch sử chứng minh, có sức hấp dẫn lôi cuốn về chính trị dù chưa chứng minh được tính ưu việt nhiều về kinh tế - xã hội². Mặc dù có những giai đoạn lịch sử thăng trầm, nhưng lịch sử giao thương ở Đông Á từ thế kỷ III, đặc biệt là sự hình thành và vận hành của trật tự triều cống kéo dài trong khoảng năm thế kỷ với nhà nước phong kiến Trung Quốc là trung tâm, đã tạo cơ sở, nền tảng cho những ý tưởng và chiến lược trong thế kỷ XXI.

Tóm lại, mặc dù có những thay đổi sâu sắc về tư tưởng, giá trị văn hóa, nhóm tác giả nhận định có ba đặc điểm cơ

1, 2. Fei-ling Wang: *The China Order: Centralia, World Empire, and the Nature of Chinese Power*, State University of New York Press, 2017, p. 3, 4.

bản của văn hóa chính trị cổ đại Trung Quốc vẫn không thay đổi trong thời kỳ đương đại. Thứ nhất, trong văn hóa chính trị Trung Quốc, ưu tiên lớn nhất là sự thống nhất của đất nước, không chỉ tính từ khi Trung Quốc trở thành một quốc gia - dân tộc đầu thế kỷ XX, mà còn có ảnh hưởng lớn trong lịch sử và ý tưởng về nền văn minh Trung Quốc hơn 5.000 năm qua¹. Trong tư duy người Trung Quốc, ổn định và trật tự xã hội xếp hạng cao hơn nhiều so với sự tự do công dân và tự do chính trị². Thứ hai, theo suy nghĩ của người Trung Quốc, Trung Quốc nghĩa là vương quốc trung tâm vì có sự ưu đẳng hơn về văn hóa. Đế chế phong kiến Trung Hoa đã ủng hộ một quan điểm hoàn toàn coi Trung Quốc là trung tâm của vũ trụ khi nhận định về vị trí của nó trong trật tự toàn cầu. Thứ ba, nền chính trị Trung Quốc trên phương diện truyền thống đề cao tầm quan trọng của sự thuyết phục mang tính đạo nghĩa và ví dụ về đạo đức. Ba đặc thù văn hóa chính trị Trung Quốc sẽ tác động lên nhận thức về sức mạnh quốc gia bao gồm tư duy chiến lược, thế giới quan của lãnh đạo Trung Quốc và lựa chọn chính sách đối ngoại của nước này.

- Chính sách đối ngoại từ cách tiếp cận văn hóa chính trị Trung Quốc:

Nhìn chung, cách hiểu và diễn giải về ảnh hưởng của

1. Lucian W. Pye: *The Spirit of Chinese Politics*, *Ibid*, p. 236.

2. Rein Mullerson: "Crouching tiger hidden dragon: Which will it be?", *Eurozone*, xem tại: <http://eurozone.com/articles/2010-04-29-mullerons-en.html>.

văn hóa đối với chính sách của các quốc gia trên thế giới phần lớn là phản ánh một chiều, ít mang tính phản biện các quan điểm chính trị của chính đảng cầm quyền và người lãnh đạo. Trung Quốc cũng không phải là ngoại lệ. Theo nhận định của Tần Á Thanh, quan hệ giữa Trung Quốc và cộng đồng quốc tế đã trải qua những điều chỉnh có ý nghĩa sâu sắc, bao gồm việc tái định nghĩa bản sắc quốc gia, kiến tạo lại khái niệm văn hóa chiến lược, suy xét lại về khái niệm lợi ích an ninh quốc gia, thể hiện thành những đặc điểm quan trọng như nước lớn có trách nhiệm trong hệ thống, văn hóa chiến lược theo chủ trương hợp tác và tôn trọng an ninh của nhau. Những điều chỉnh này phản ánh tư duy mới trong chiến lược ngoại giao Trung Quốc, thúc đẩy tương tác tốt đẹp giữa Trung Quốc và cộng đồng quốc tế, tăng cường quan hệ hợp tác giữa Trung Quốc với những thành viên khác của cộng đồng quốc tế.

Chính sách đối ngoại của Trung Quốc sẽ được phân tích dựa trên cơ sở ba yếu tố đặc thù của văn hóa chính trị Trung Quốc. Nhận thức của Đảng Cộng sản Trung Quốc và lãnh đạo Trung Quốc về sức mạnh quốc gia và tương quan so sánh lực lượng trong hệ thống sẽ được phản ánh thông qua tư duy chiến lược và chiều hướng lựa chọn chính sách đối ngoại. Nếu nhận thức về sức mạnh quốc gia trước đây hoàn toàn hoặc chủ yếu dựa trên cách tiếp cận sức mạnh cứng, sức mạnh vật chất, thì trong vài thập niên trở lại đây, thế giới và Trung Quốc nói riêng đã dần chuyển hướng sang cách tiếp cận toàn diện hơn về

sức mạnh quốc gia, về chiến lược cạnh tranh, cân bằng quyền lực.

Có những giả thuyết khác nhau tìm cách giải thích mối liên hệ giữa nhận thức về sức mạnh quốc gia và chiều hướng chính sách đối ngoại. Giả thuyết thứ nhất cũng là quan điểm được ủng hộ nhiều nhất, cho rằng tăng trưởng sức mạnh quốc gia (thực lực) sẽ là tiền đề cho sự thay đổi nhận thức và chính sách theo hướng quyết đoán, còn sự suy thoái về sức mạnh quốc gia có thể dẫn tới sự thay đổi nhận thức và chính sách theo hướng mềm dẻo¹. Theo trường phái chính trị nội bộ Mác - Lênin, khi quốc gia có nhu cầu mở rộng thị trường để đảm bảo sự tăng trưởng kinh tế, sự bành trướng lãnh thổ và khai thác bóc lột tài nguyên các lãnh thổ thuộc địa đã tạo tiền đề cho sự hình thành của chủ nghĩa đế quốc. Tương tự, các nhà chủ nghĩa hiện thực cổ điển như Alastair Iain Johnston cho rằng, các quốc gia sẽ mở rộng quyền lực ra bên ngoài khi thực lực tăng lên và sẽ thay đổi trật tự quốc tế cho phù hợp với lợi ích của mình. Theo chủ nghĩa hiện thực cổ điển và chủ nghĩa hiện thực tấn công, các quốc gia luôn mở rộng quyền lực bất cứ khi nào môi trường bên trong và bên ngoài cho phép. Theo lôgích này, nếu thực lực (nhân tố X) tăng trưởng sẽ dẫn tới chính sách quyết đoán (chính sách Y),

1. Randall L. Schweller: “Domestic Politics and Nationalism in East Asian Security,” trong Robert Ross, Oystein Tunsjo: *Strategic Adjustment and the Rise of China’s Power and Politics in East Asia*, Cornell University Press, New York, 2017, p.25.

ngược lại nếu không có nhân tố X thì sẽ không có chính sách Y. Tuy nhiên, nhận thức sức mạnh quốc gia hoàn toàn dựa trên sức mạnh cứng không lý giải được những lựa chọn và chiều hướng đối ngoại bất lợi không dựa trên lôgích lý tính ngay cả khi các quốc gia và các chủ thể nhận thức rõ thực lực và vị thế của họ trong hệ thống quốc tế.

Theo giả thuyết thứ hai, dù sức mạnh quốc gia của quốc gia (nhân tố X) không tăng, nhưng nhận thức và tính toán của giới lãnh đạo sẽ dẫn tới chính sách quyết đoán có chiều hướng cực đoan (chính sách Y). Giả thuyết này chủ yếu dựa trên lý luận chủ nghĩa hiện thực, cho rằng chủ nghĩa dân tộc quần chúng (dư luận chính trị) là công cụ chính sách được giới cầm quyền sử dụng trong những tính toán dựa trên lợi ích và quyền lực. Tương tự, trường phái chính trị nội bộ cũng bổ sung lập luận rằng, chủ nghĩa dân tộc đôi khi có thể thúc đẩy nhà nước tập trung quyền lực một cách thiếu thận trọng, tạo ra sự dàn trải quá mức các nguồn lực và có thể bị các nước khác tìm cách bao vây, ngăn chặn những thay đổi theo hướng chủ nghĩa dân tộc của Trung Quốc. Phương Tây lo ngại chủ nghĩa dân tộc Trung Quốc và xu hướng hướng ngoại giống phát xít Đức mở rộng “không gian sinh tồn lebensraum” sẽ dẫn đến xung đột¹. Chủ nghĩa dân tộc sẽ tiếp tục gia tăng đồng bộ với sức mạnh ngày càng tăng của Trung Quốc và nước này sẽ ngày

1. Randall L. Schweller: “Domestic Politics and Nationalism in East Asian Security”, *Ibid*, p.31.

càng tỏ ra quyết đoán tới mức sẵn sàng can thiệp vào công việc nội bộ của các nước xa xôi khác như Mỹ để bảo vệ những lợi ích ở hải ngoại.

Trong thực tiễn, có một số kịch bản chứng minh giả thuyết này khi: (i) viễn cảnh suy thoái không có lối ra cũng có thể là động cơ đẩy quốc gia tới những hành động phiêu lưu, tìm cách đập đổ trật tự không có lợi cho mình, quốc gia càng suy yếu càng hành xử liều lĩnh; (ii) chủ nghĩa dân tộc cực đoan khi một nhà nước hoặc chính phủ của một quốc gia muốn đánh lạc hướng dư luận, hướng sự phản đối của quần chúng ra bên ngoài; và (iii) chính sách ngoại giao cứng rắn bắt nguồn từ tính dễ tổn thương của quốc gia dân tộc, sự nhận thức về tính bất ổn về an ninh. Trong tâm thức của người dân Trung Quốc, Trung Quốc là đại diện tiêu biểu, tượng trưng cho chính nghĩa. Chủ nghĩa dân tộc Trung Quốc là di sản lịch sử của quá khứ thiên triều huy hoàng hàng nghìn năm, pha trộn với tâm lý nạn nhân của “thế kỷ ô nhục”, bị đối xử bất bình đẳng từ năm 1840 đến 1949, thậm chí tới tận bây giờ, và khát vọng nhận được sự tôn trọng và bình đẳng trong quan hệ quốc tế, nhu cầu thống nhất lãnh thổ và khẳng định sự vĩ đại của một quốc gia dân tộc, một cường quốc. Cách giải thích này có hiệu quả hạn chế và khó mà giải thích được chiều hướng chính sách của Bắc Kinh khi mà sức mạnh quốc gia của Trung Quốc gia tăng, đồng thời cái gọi là “tâm lý nạn nhân” không còn là “con bài” được lãnh đạo Trung Quốc sử dụng.

Giả thuyết thứ ba cho rằng, sự nhận thức về sức mạnh quốc gia từ cách tiếp cận văn hóa chính trị mới chính là nhân tố quyết định tư duy chiến lược và chiều hướng chính sách đối ngoại dù sức mạnh quốc gia mạnh hay yếu. Nói cách khác, chính sách đối ngoại sẽ được xem xét dựa trên cách tiếp cận chỉnh thể của văn hóa chính trị Trung Quốc từ ý thức hệ quan điểm, giá trị quan chính trị, dư luận và tâm lý quan chính trị để nhìn nhận hiện tượng Trung Quốc trỗi dậy hiện nay. Quan hệ chính trị nội bộ và đối ngoại không chỉ thuần túy từ trong ra ngoài, mà còn là nhân tố bên ngoài tác động tới bên trong và ngược lại tác động trở lại tới bên ngoài¹. Bề dày văn hóa, đặc thù lịch sử tư tưởng, giá trị, quan niệm thời cổ đại về vai trò trung tâm của Trung Quốc vẫn kéo dài bền bỉ. Dựa trên lợi thế về vị trí địa lý, dân số, lãnh thổ và ưu thế sản xuất so với các nước láng giềng, Trung Quốc cổ đại đã tạo ra một hệ thống quan hệ giữa các chủ thể chính trị, kinh tế ở châu Á với kết nối lỏng, chủ yếu nhằm hạn chế những phiên toái có thể ảnh hưởng tới an ninh và ổn định của thiên triều. Lịch sử cận đại đã chứng kiến sự đô hộ của thực dân phương Tây và nhập châu Á vào hệ thống thế giới Westphalia của phương Tây do Mỹ và các đồng minh nắm vai trò chủ đạo. Dù bị mất vị trí trung tâm và bị loại ra ngoài rìa của hệ thống này do sự tụt hậu về sức sản xuất và sự suy yếu của sức

1. Randall L. Schweller: "Domestic Politics and Nationalism in East Asian Security", *Ibid*, p. 32.

mạnh quốc gia từ Chiến tranh Nha phiến (1840) tới nay, tư duy “cường quốc trung tâm” của Trung Quốc vẫn tiếp tục tồn tại dai dẳng trong tâm thức của dân tộc Trung Quốc. Nói cách khác, tư duy “cường quốc trung tâm” của cách tiếp cận văn hóa chính trị có sức sống dai hơn và có chiều sâu hơn khái niệm quyền lực hay sức mạnh quốc gia của các lý thuyết phương Tây¹. Tư duy này giải thích sự nôn nóng vội vàng của lãnh đạo Trung Quốc, đặc biệt là Tập Cận Bình khi công khai từ bỏ “giấu mình chờ thời” vì cho rằng đây là thời điểm Trung Quốc đã đủ mạnh, không thể giấu mình mãi được nữa, thời cơ chiến lược đã đến, Trung Quốc phải ra mặt đương đầu với thử thách để nắm ngọn cờ đầu, khôi phục vị thế cường quốc trung tâm trên vũ đài quyền lực thế giới².

Giả thuyết này hoàn toàn có thể lý giải được tính hai mặt trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc mà giả

1. Brantly Womack: “Trung Quốc và quá trình tái định vị trung tâm châu Á”, Tọa đàm lần thứ 11 về Trung Quốc, Học viện Ngoại giao Việt Nam và Quỹ Konrad Adenaur Stiftung đồng tổ chức, Hà Nội, ngày 11/12/2018.

2. Trong cuốn sách *Đồng sàng, dị mộng*, nhà nghiên cứu Trung Quốc nổi tiếng người Mỹ David M. Lampton cho rằng, tâm lý nạn nhân cộng với khát vọng mở rộng tác động và thực lực đang gia tăng tạo ra tâm lý đòi được công nhận, giải thích sự khó chịu, nôn nóng của Bắc Kinh, đặc biệt trong ứng xử với Mỹ và các nước láng giềng. David M. Lampton: *Same bed, different dreams: managing US - China relations, 1989-2000*, University of California Press, 2002.

thuyết thứ hai đã không làm được. Theo giả thuyết về nhận thức sức mạnh quốc gia dựa trên cách tiếp cận văn hóa chính trị, một mặt, chủ nghĩa dân tộc ở châu Á - Thái Bình Dương đang gia tăng đã dẫn tới những phát ngôn và hành xử theo hướng chủ nghĩa dân tộc trong nội bộ Trung Quốc, thách thức trật tự quốc tế đang tồn tại bất kể sức mạnh tương đối của Trung Quốc tăng, giảm hay dừng lại¹. Sự thay đổi do cán cân quyền lực quốc tế đã tạo ra sự thay đổi trong chính trị nội bộ Trung Quốc như tính dễ tổn thương, tính bất ổn về an ninh, và di sản lịch sử, chính sách đối ngoại của Trung Quốc đã tạo tiền đề để tính chất mở rộng phạm vi tác động có cơ hội phát triển mạnh mẽ, gây quan tâm, lo ngại cho cộng đồng quốc tế. Triệu Tuệ Sinh cho rằng, chính sách cứng rắn của Trung Quốc sau năm 2008 xuất phát từ sự đồng bộ của chủ nghĩa dân tộc nhà nước và chủ nghĩa dân tộc quần chúng².

Mặt khác, không phải lúc nào Trung Quốc cũng cần phải thi hành chính sách bá quyền, bành trướng nước lớn. Văn hóa chính trị Trung Quốc nêu cao tinh thần tự hào dân tộc, đặc thù tự tôn nước lớn, “đức trị” giáo hóa nhân loại. Chính sách của Trung Quốc đối với các đối tượng là khác nhau, và cùng đối tượng nhưng tùy từng thời điểm cũng khác nhau. Như Steve Chen nhận định, chủ nghĩa dân tộc và cân bằng quyền lực là hai khái niệm tỷ lệ thuận. Bất cứ khi nào và bất kỳ nơi đâu chủ nghĩa dân tộc

1, 2. Randall L. Schweller: “Domestic Politics and Nationalism in East Asian Security”, *Ibid*, p. 36, 26-29.

và chủ quyền giảm bớt, các quốc gia trong hệ thống quốc tế sẽ ít có nhu cầu cân bằng quyền lực và ngược lại, nơi nào chủ nghĩa dân tộc và chủ quyền vẫn còn chi phối mạnh mẽ thì cân bằng sẽ thường xuyên diễn ra¹. Theo nhận định của Randall L. Schweller, chủ nghĩa dân tộc gia tăng sẽ thúc đẩy cân bằng bên trong giữa các láng giềng của Bắc Kinh, tạo ra vòng xoáy mua sắm vũ khí, nhưng các nước này sẽ không thể phát triển và thành lập liên minh cản trở Trung Quốc, do đó Trung Quốc sẽ cảm thấy an toàn hơn trong quan hệ với các nước nhỏ hơn Trung Quốc. Ngoài ra, sự phụ thuộc kinh tế buộc các cổ đông có lợi ích phải tác động làm thay đổi cân bằng quyền lực trong chính trị nội bộ, từ đó tác động tới tiến trình giải quyết hòa bình xung đột quốc tế². Nói cách khác, Trung Quốc có thể theo đuổi chính sách cân bằng quyền lực thách thức vị trí lãnh đạo của Mỹ trên thế giới và ở khu vực Đông Á, nhưng không nhất thiết phải sử dụng vũ lực và chính sách quyết đoán để thực thi bá quyền.

1. Khái niệm “những cản trở lập liên minh” ở Đông Á bao gồm tư tưởng chủ nghĩa dân tộc, tình trạng tranh chấp lãnh thổ và biên giới, nỗi lo sợ bị gài bẫy, những ý thức, tư tưởng cạnh tranh nhau, đặc biệt là những di sản lịch sử như sự nghi kỵ, thiếu lòng tin lẫn nhau... đã ngăn chặn bất cứ sự kết hợp nào giữa các nước láng giềng để thành lập một liên minh kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc. Randall L. Schweller: “Domestic Politics and Nationalism in East Asian Security”, *Ibid*.

2. Randall L. Schweller: “Domestic Politics and Nationalism in East Asian Security”, *Ibid*, p. 39-40.

Hiện nay có hai cách tiếp cận chính trong nghiên cứu bá quyền ở Trung Quốc, những nghiên cứu này đã đề xuất những cách thức Trung Quốc có thể sử dụng để đạt được bá quyền. Cách tiếp cận thứ nhất áp dụng cách hiểu của phương Tây về bá quyền (tìm kiếm sự lãnh đạo và thống trị thế giới) thông qua các công cụ quyền lực cứng, quyền lực mềm và quyền lực thông minh. Khung phân tích này chủ yếu được các học giả Trung Quốc vận dụng để phân tích bá quyền của Mỹ trong khi khẳng định Trung Quốc không theo đuổi một dạng bá quyền tương tự nước Mỹ. Về mối liên hệ giữa chuyển dịch quyền lực và chiến tranh bá quyền, sự rút ngắn khoảng cách về sức mạnh và sự bất mãn gia tăng giữa các nước đang trỗi dậy với nguyên trạng do quốc gia bá quyền dẫn dắt sẽ là nhân tố quan trọng đẩy nhanh nguy cơ chiến tranh nhằm thay đổi hệ thống¹. Đây là quan điểm chính thống của ngoại giao Trung Quốc về tư duy bá quyền và chống bá quyền. Trên thực tế, các lãnh đạo Trung Quốc từng nhiều lần khẳng định, Trung Quốc không theo đuổi bá quyền, không có gen bá quyền... Ví dụ, bài viết “Trung Quốc sẽ không bao giờ tìm kiếm bá quyền” được tạp chí *Beijing Review* đăng lại của *Nhân Dân nhật báo* từ năm 1983 đã nêu rõ: “Người dân Trung Quốc đã nhiều lần tuyên bố với thế giới rằng, trong mọi trường hợp chúng tôi sẽ không tìm kiếm bá quyền. Điều này có nghĩa rằng Trung Quốc sẽ không bao

1. A.F.K Organski: *World Politics*, New York: Alfred A. Knopf, 1958, p. 333.

giờ tìm cách trở thành siêu cường hoặc dùng đến sức mạnh hoặc các phương tiện chính trị và kinh tế như các siêu cường làm để xâm chiếm, kiểm soát hoặc cướp bóc các quốc gia khác hoặc can thiệp vào công việc của họ. Vị trí này được xác định bởi hệ thống xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc. Các chính sách đối ngoại của các nước đế quốc được cai trị bởi giai cấp bóc lột luôn được dựa trên quyền lực chính trị, đặc trưng bởi luật của rừng. Những nước này chắc chắn sẽ nắm bắt mọi cơ hội để mở rộng và tìm kiếm phạm vi ảnh hưởng. Điều này cũng được xác định bởi các hệ thống xã hội của họ”¹.

Gần đây, trong nội bộ Trung Quốc nổi lên cách tiếp cận thứ hai cho rằng Trung Quốc có một cách hiểu riêng về bá quyền và Trung Quốc cũng theo đuổi bá quyền nhưng sẽ là một dạng bá quyền khác với Mỹ. Trường phái này do Diêm Học Thông, Trưởng khoa Quan hệ quốc tế của Đại học Thanh Hoa và một số học giả Trung Quốc khác phát triển. Những tư tưởng cổ đại về sức mạnh quốc gia có thể đưa ra những gợi ý cho lãnh đạo Trung Quốc hiện nay về phương thức đạt được bá quyền dựa trên đặc điểm văn hóa chính trị Trung Quốc. Trong những nghiên cứu mới nhất của mình, Diêm Học Thông đã phác họa ba kiểu trật tự/quyền lực đã được các nhà tư tưởng cổ đại của Trung Quốc như Tuân Tử, Khổng Tử, Mạnh Tử, Hàn Phi Tử, Quản Trọng đưa ra, đó là “vương quyền” hay

1. Beijing Review: “China will never seek hegemony”, xem tại: <http://www.massline.org/PekingReview/PR1983/PR1983-06.pdf>.

“nhân trị”, “bá quyền” và “cường quyền”¹. Theo tư duy của Tuân Tử, “vương” có nghĩa là “dẫn đầu thế giới”; “bá” có nghĩa là nắm giữ quyền thống trị trong một vài khu vực cụ thể trên thế giới; và “cường” có nghĩa là áp đặt sức mạnh vốn lớn hơn sức mạnh của các quốc gia khác. Các danh từ “vương”, “bá” và “cường” cũng phản ánh những hành vi khác nhau của các quốc gia và các nhà lãnh đạo. Các quốc gia có bản chất “vương đạo chân chính” sẽ mang lại ổn định cho hệ thống quốc tế, các quốc gia ưa dùng sức mạnh sẽ mang đến hỗn loạn; những mối quan hệ bá quyền sẽ mang tính ổn định đối với đồng minh của kẻ bá quyền, nhưng lại bất ổn với các quốc gia không phải là đồng minh của kẻ bá quyền².

Diêm Học Thông phát triển khái niệm bá quyền dựa trên tư tưởng chính trị của Tuân Tử. Tuân Tử cho rằng, sức mạnh chính trị là nền tảng để có được sức mạnh tổng hợp và theo đuổi bá quyền. Trong khi tri thức của thời hiện đại về cơ bản cho rằng sức mạnh kinh tế là nền tảng của sức mạnh chính trị, Tuân Tử lại có quan điểm trái ngược hoàn toàn. Theo ông, sức mạnh chính trị là nền tảng của sức mạnh kinh tế và quân sự. Bởi lẽ, dù các loại sức mạnh này có lớn đến đâu, chúng cũng không có nghĩa lý gì nếu không có một nền tảng sức

1. Yan Xuetong: *Ancient Chinese thought, modern Chinese power*, New Jersey: Princeton University Press, 2011.

2. Yan Xuetong: “Xun Zi's thoughts on international politics and their implications”, *Ibid*, pp. 135-165.

mạnh chính trị vững chắc. Tuân Tử tin rằng, sức mạnh chính trị là nền tảng cho sự gia tăng của sức mạnh cứng, còn sự đúng đắn (về luân thường đạo lý) của chính sách quốc gia là nhân tố xác định sức mạnh, sự thịnh vượng hay điểm yếu cốt lõi của một quốc gia. Chính sách thuận theo đạo lý thì sức mạnh quốc gia sẽ được củng cố. Ngược lại, chính sách mà trái với luân thường đạo lý thì sẽ dẫn đến tự diệt vong. Ví dụ, mô hình kiểm soát và đối trọng giữa ba nhánh quyền lực của Mỹ, Minh Trị Duy Tân của Nhật Bản và hệ thống chủ nghĩa xã hội của Liên Xô đạt được thành tựu vì đã làm cho sức mạnh quốc gia tăng lên một cách đáng kể. Những ví dụ lịch sử này đã chứng thực cho quan điểm coi sức mạnh chính trị là nền tảng để tăng cường sức mạnh cứng của Tuân Tử. Một ví dụ nữa của thời kỳ hiện nay mà Diêm Học Thông dẫn ra là trường hợp của Tòa thánh Vatican: Quốc gia này có diện tích nhỏ hơn Xingapo, sức mạnh kinh tế không bằng và cũng chẳng có lực lượng quân đội. Nhưng Xingapo không thể sánh bằng ảnh hưởng đầy quyền lực của Vatican trong các công việc của thế giới. Ví dụ này đã minh chứng cho quan điểm của Tuân Tử rằng, các nguyên tắc đạo đức và đạo lý được mọi người tôn trọng chính là căn bản của vị trí lãnh đạo thế giới¹.

1. Yan Xuetong: "Xun Zi's thoughts on international politics and their implications", *Ibid*.

Diêm Học Thông cho rằng, trong bối cảnh thế giới ngày nay, dạng thức cường quyền - trật tự được thiết lập hoàn toàn dựa trên chiến thuật và sức mạnh quân sự có thể được loại trừ. Hai dạng thức còn lại là “bá quyền” - nhằm đạt được sự thống trị thông qua lực lượng mạnh và chiến lược tin cậy (ví dụ: cam kết từ các đồng minh) và vương quyền “nhân trị” hay còn gọi là cai trị dựa trên nền tảng đạo đức và công lý. Theo tư tưởng của Tuân Tử, sức mạnh bá quyền không lớn bằng sức mạnh của vương đạo chân chính. Theo ông, các quốc gia tự nguyện thần phục sự lãnh đạo thế giới của vương đạo, còn kẻ bá chủ giành được sự thần phục ấy thông qua sức mạnh đáng gờm và sự chân thành chiến lược. Nói cách khác, người hiền tài cơ bản sẽ đạt đến địa vị vương đạo chân chính, còn bá quyền được thiết lập nhờ nỗ lực bên bỉ của kẻ cai trị thông qua sức mạnh cứng và sự chân thành chiến lược.

Dựa trên tư tưởng của Tuân Tử, vương đạo chân chính là một dạng thức của sự lãnh đạo thế giới, cao hơn so với bá quyền, bởi vì “thiên hạ” có được nhờ sự thần phục tự nguyện chứ không phải ép buộc, Diêm Học Thông đặt ra câu hỏi: Khi trời dậy, Trung Quốc nên là một quốc gia như thế nào? Một siêu cường có thể là bá quyền hoặc vương đạo chân chính. Bản chất khác biệt của hai khái niệm này không chỉ nằm ở sự khác biệt về quyền lực, mà còn nằm ở cấp độ luân thường đạo lý. Cộng đồng quốc tế đang chú ý nhiều hơn đến việc Trung Quốc sẽ trở thành siêu cường theo kiểu nào. Tất nhiên, cộng

đồng quốc tế không muốn Trung Quốc trở thành một Đức quốc xã hay đế quốc Nhật khác. Và họ cũng không muốn Trung Quốc trở thành một nước Mỹ nào nữa, bởi nếu điều đó xảy ra, một trong hai sự thật sau đây sẽ thành hiện thực: một là, một thế giới bị thống trị bởi hai cường quốc bá quyền, chất xúc tác cho việc lập lại Chiến tranh lạnh; hai là, Trung Quốc chỉ đơn giản là thay thế Mỹ, còn trật tự thế giới sẽ vẫn giữ nguyên. Cộng đồng quốc tế không hề muốn cả hai viễn cảnh đó xảy ra.

Nếu Trung Quốc trở thành một quốc gia vương đạo chân chính, một siêu cường được xây dựng trên nền tảng đạo đức cao, Trung Quốc sẽ mang đến một trật tự thế giới hòa bình và an toàn. Vương đạo chân chính có thể không phải là hệ thống quốc tế hoàn hảo nhưng nếu so với hệ thống bá quyền, đây sẽ là hệ thống cho phép có được hợp tác và an ninh lớn hơn. Để có thể trở thành siêu cường mang bản chất vương đạo chân chính, Trung Quốc trước tiên cần tự đóng vai trò là quốc gia hình mẫu để các nước khác noi theo. Giới học thuật thế giới đã đề xuất hai mô hình cạnh tranh nhau: “Đồng thuận Bắc Kinh” và “Đồng thuận Washington”. Nếu Trung Quốc có thể xây dựng một quốc gia được các nước khác xem là đáng để noi theo, Trung Quốc có thể trở thành một quốc gia vương đạo chân chính.

Từ những nhận định và phân tích của học giả Trung Quốc, các tác giả của cuốn sách này sẽ sử dụng khung phân tích chính sách đối ngoại dựa trên nhận thức của Trung Quốc về sức mạnh quốc gia được tiếp cận từ ba đặc

điểm của văn hóa chính trị Trung Quốc đó là: (i) trật tự thứ bậc sẽ dẫn tới sự ổn định trong khuôn khổ do Trung Quốc có quyền định đoạt, chi phối; (ii) ưu đẳng văn hóa, hàm nghĩa về tư tưởng, nền văn minh, v.v. có đẳng cấp vượt trội hơn so với các nước khác trong hệ thống; và (iii) đức trị/cai trị bằng đạo đức. Sau hơn một thế kỷ bị tụt hậu và bị gạt ra ngoài rìa của vũ đài quyền lực thế giới, Trung Quốc đang nỗ lực tìm lại vị trí “cường quốc trung tâm” dựa trên sự tích lũy sức mạnh quốc gia và nhận thức về sức mạnh quốc gia của các lãnh đạo qua các thời kỳ. Tư duy “cường quốc trung tâm”, tư tưởng thiên hạ là những nhân tố xuyên suốt chiều dài lịch sử lúc thịnh, lúc suy, là nền tảng trong nhận thức của các lãnh đạo Trung Quốc từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập tới nay.

2. Nhận thức của lãnh đạo Trung Quốc về sức mạnh quốc gia từ năm 1949 tới nay

2.1. Quan điểm của Mao Trạch Đông

Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã trở thành đảng cầm quyền duy nhất. Mao Trạch Đông là người lãnh đạo tối cao của đảng cầm quyền trong khoảng thời gian tương đối dài. Vấn đề mà Mao Trạch Đông suy tính đều là nâng cao đời sống nhân dân, nâng cao địa vị quốc tế của Trung Quốc, những vấn đề liên quan chặt chẽ đến khái niệm sức mạnh tổng hợp quốc gia. Tuy Mao Trạch Đông chưa

đề ra khái niệm khoa học liên quan đến sức mạnh tổng hợp quốc gia, nhưng ông đã hình thành quan niệm sức mạnh tổng hợp quốc gia. Mục tiêu chiến lược xuyên suốt của Trung Quốc kể từ ngày thành lập nước là tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, nhanh chóng vươn lên trở thành một cường quốc toàn diện có tiếng nói và sức mạnh ở phạm vi toàn cầu¹.

Nhận thức của Mao Trạch Đông về sức mạnh tổng hợp quốc gia đó là: Sức mạnh tổng hợp quốc gia là sức mạnh tổng hợp trên các mặt như: chính trị, kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật, văn hóa... Khái niệm này bao hàm ba tầng ý nghĩa: (i) Sức mạnh của các yếu tố trong sức mạnh tổng hợp quốc gia là sức mạnh chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa; (ii) Các yếu tố sức mạnh đó theo quy luật nội tại tạo thành một thể hữu cơ; (iii) Thể hữu cơ của sức mạnh tổng hợp quốc gia lớn hơn tổng hòa các yếu tố sức mạnh cộng lại. Theo Mao Trạch Đông, chiến tranh chính là cuộc chạy đua về sức mạnh tổng hợp quốc gia, nó không chỉ quy định và ảnh hưởng đến tất cả các chính sách về chính trị và chiến thuật, chiến lược về quân sự của hai bên, mà còn ảnh hưởng hoặc quy định việc chiến tranh lâu dài hay thần tốc và cuối cùng bên thắng lợi là bên nào. Trong thời bình, sức mạnh tổng hợp quốc gia mạnh yếu sẽ ảnh hưởng và quy định chính sách đối nội và đối ngoại của một quốc

1. Phạm Cao Phong: “Chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với các nước lớn trong những năm đầu thế kỷ XXI”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 2 (57), tháng 6/2004, Hà Nội, tr.31.

gia, ảnh hưởng và quy định chiến lược phát triển chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa của quốc gia, ảnh hưởng và quy định địa vị và vai trò của quốc gia trong các công việc quốc tế. Chính vì thế, Mao Trạch Đông đã chỉ ra rằng: “Nhân dân Trung Quốc cần có một quy hoạch lâu dài, cần phải trong hàng chục năm cố gắng thay đổi tình trạng lạc hậu về kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa, nhanh chóng đạt được trình độ tiên tiến của thế giới”¹.

Tư tưởng của Mao Trạch Đông về mục đích tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia đó là: Mục đích của việc tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia là nhanh chóng thoát khỏi tình trạng lạc hậu, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao địa vị quốc tế của Trung Quốc. Do bối cảnh đặc thù khi đó, Mao Trạch Đông nhận thấy rằng, nếu trong thời gian tương đối ngắn mà không thay đổi được tình trạng lạc hậu của Trung Quốc so với phương Tây thì bi kịch lịch sử ô nhục đối với Trung Quốc sẽ tái diễn. Mao Trạch Đông đã cảnh tỉnh toàn Đảng: “Nếu như, trong mấy chục năm sau này mà không thay đổi được tình trạng kinh tế và khoa học kỹ thuật của Trung Quốc luôn tụt hậu so với các nước chủ nghĩa đế quốc, thì việc bị tấn công là không tránh khỏi”². Chính vì thế, cố gắng nâng cao sức mạnh của

1 “Biên niên tư tưởng Mao Trạch Đông”, xem tại: <http://cpc.people.com.cn/GB/69112/70190/236641/16606312.html>.

2. Lý Trân: “Thái độ cơ bản của Mao Trạch Đông đối với chiến tranh: một là phản đối, hai là không sợ”, xem tại: <http://dangshi.people.com.cn/n1/2017/0620/c85037-29350064.html>.

Trung Quốc luôn là một trong những vấn đề quan trọng mà Mao Trạch Đông suy tính, đồng thời gắn kết chặt chẽ việc tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia với sự hưng vong của dân tộc, tồn vong của quốc gia và củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa. Việc tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia không chỉ để kết thúc trang lịch sử bị phương Tây “xem thường” của Trung Quốc, mà còn thay đổi tình trạng lạc hậu của Trung Quốc.

Con đường tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia chính là thực hiện hiện đại hóa. Đầu tiên phải loại bỏ hết trở ngại ảnh hưởng đến tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia. Trung Quốc bị tụt hậu trong cận đại có nguyên nhân là do sức mạnh tổng hợp quốc gia còn chưa đủ, và còn có cả nguyên nhân do sự hủ bại của chế độ xã hội. Năm 1957, Mao Trạch Đông đã chỉ ra rằng: “Nhiệm vụ căn bản của Trung Quốc hiện nay đã chuyển từ giải phóng sức sản xuất sang bảo vệ và phát triển sức sản xuất trong quan hệ sản xuất mới”¹. Tại Hội nghị Nam Ninh vào tháng 01/1958, Mao Trạch Đông đã chỉ rõ: “Trọng điểm công tác của đảng chuyển sang cách mạng khoa học kỹ thuật”². Trên một góc độ nào đó, nó là thành

1. Tú Sản: “Lý luận mặt trận thống nhất của Mao Trạch Đông và sự phát triển của nó trong thời kỳ mới”, xem tại: <http://cpc.people.com.cn/GB/69112/70190/70194/5235538.html>.

2. La Bình Hán: “Hội nghị Nam Ninh năm 1958: Phát động Đại nhảy vọt”, xem tại: <http://dangshi.people.com.cn/n/2014/1215/c85037-26210862.html>.

quả quan trọng trong việc tìm tòi nghiên cứu con đường tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia của Mao Trạch Đông. Tư tưởng của Mao Trạch Đông về con đường tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia gắn với tư tưởng thực hiện hiện đại hóa. Tư tưởng thực hiện bốn hiện đại hóa là một trong những tư tưởng của Mao Trạch Đông. Thực hiện hiện đại hóa là con đường chủ yếu nhất để tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia.

Tuy Mao Trạch Đông coi trọng tăng cường sức mạnh quốc gia, nhưng lý luận về sức mạnh tổng hợp quốc gia vẫn có những hạn chế lịch sử nhất định, cụ thể :

Thứ nhất, bản thân Mao Trạch Đông có những hạn chế nhất định. Ông chưa thể đưa ra được khái niệm khoa học về sức mạnh tổng hợp quốc gia. Phương pháp tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia cũng bị đi vào ngõ cụt. Mao Trạch Đông đã áp dụng phương pháp như: (i) dựa vào sự thay đổi nhanh chóng quan hệ sản xuất để thúc đẩy sự phát triển của sức sản xuất xã hội, từ đó tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia; (ii) thông qua đấu tranh giai cấp để thúc đẩy tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia; và (iii) thông qua phong trào quần chúng quy mô lớn để tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia. Ba phương pháp mà Mao Trạch Đông đã thực hiện đều có khiếm khuyết nghiêm trọng, không thể giành được những kết quả như mong muốn. Thực tế cho thấy, tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia có quy luật nội tại của nó, đi ngược lại quy luật của nó thì việc tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia chỉ là lời nói suông.

Thứ hai, Mao Trạch Đông có khuynh hướng vội vàng, nôn nóng trong việc nhìn nhận về sức mạnh tổng hợp quốc gia trong tương quan so sánh lực lượng quốc tế. Ngay từ năm 1956, Mao Trạch Đông đã khẳng định: “không thể có chuyện sau vài chục năm nữa chúng ta vẫn chưa trở thành một nước lớn nhất thế giới... Trung Quốc không những phải trở thành trung tâm chính trị thế giới mà còn phải trở thành trung tâm quân sự và kỹ thuật nữa”¹. Mao Trạch Đông đưa ra khẩu hiệu vào năm 1957 là: “kịp Anh vượt Mỹ”, “Sau 15 năm, Trung Quốc có thể đuổi kịp hoặc vượt Anh”. Hội nghị Trung ương lần thứ 2 khóa VIII vào tháng 5/1958 đã định ra mục tiêu trong 7 năm Trung Quốc sẽ vượt Anh, 15 năm Trung Quốc sẽ kịp Mỹ, Hội nghị Bắc Đới Hà vào tháng 8/1958 đã chỉ ra: “Qua một năm cố gắng, sản lượng hàng công nghiệp chủ yếu của Trung Quốc đã có thể vượt qua Anh, vượt qua Mỹ không cần đến 15 năm mà chỉ cần 7 năm là đủ”. Thực tiễn đã chứng minh rằng, do Mao Trạch Đông quá vội vàng, nôn nóng nên mộng “cường quốc trung tâm” của Mao Trạch Đông chưa thể thực hiện được. Cách mạng và sự lạc hậu của Trung Quốc trở nên xa lạ trong cỗ máy sản xuất mà các nước thực dân phương Tây đã phát triển tại các nước thuộc địa cũ của họ ở châu Á và bị cô lập hơn nữa về ngoại giao với chủ trương “xuất khẩu cách mạng” ra các nước trong khu vực và ủng hộ các nhóm du kích Maoít chống chính phủ thời gian này.

1. Phạm Cao Phong: “Chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với các nước lớn trong những năm đầu thế kỷ XXI”, *Tlđđ*, tr.31.

2.2. Quan điểm của Đặng Tiểu Bình

Khái niệm sức mạnh tổng hợp quốc gia được phát triển trong những năm đầu thập kỷ 1980 và được nêu lần đầu tiên khi Đặng Tiểu Bình yêu cầu các học giả Trung Quốc phân tích và dự đoán môi trường an ninh tương lai để bổ sung cho nghiên cứu về phòng thủ chiến lược của Trung Quốc trong thiên niên kỷ mới. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc lúc đó cho rằng sức mạnh quốc gia của Trung Quốc cần phải được đo lường một cách toàn diện¹. Từ góc nhìn của lãnh đạo Trung Quốc, đánh giá CNP có hai mục tiêu chính: Tính toán khả năng tương đối của các cường quốc về việc ai có thể chiến thắng hay thất bại nếu như chiến tranh xảy ra và để đánh giá tiềm năng của các đối tác cũng như đối thủ chiến lược. Tháng 3/1978, Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc đã thông qua mục tiêu chiến lược cơ bản của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trong thời kỳ tiến hành toàn diện công cuộc “bốn hiện đại hóa” nhằm xây dựng Trung Quốc thành một cường quốc xã hội chủ nghĩa vĩ đại có nông nghiệp, công nghiệp, quốc phòng và khoa học kỹ thuật hiện đại.

Đặng Tiểu Bình nhấn mạnh: “Sức mạnh quốc gia quyết định vận mệnh tiền đồ của quốc gia”². Trong “Bài

1. Deng Xiaoping quoted in Renmin Ribao [People's Daily], February 26, 1990, quoted in Huang Shuofeng: *Zonghe guoli lun* [On comprehensive national power], Beijing: Zhongguo shehui kexue chubanshe, 1992, p.7.

2. Hồ An Cường: “Sức mạnh của Trung Quốc đã bước vào hàng ngũ đứng đầu thế giới”, xem tại: www.news.tsinghua.edu.cn.

nói chuyện tại chuyến thị sát miền Nam”, ông khẳng định “việc có tăng cường được sức mạnh tổng hợp quốc gia hay không là một trong những tiêu chuẩn quan trọng đánh giá đúng sai”¹. Vào tháng 12/1992, Đặng Tiểu Bình chỉ rõ: “Phải nắm lấy cơ hội, phát triển bản thân, không ngừng nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia”². Quan điểm đó đã trở thành một chiến lược lớn của Trung Quốc sau này. Chiến lược nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia là hết sức quan trọng, bởi vì nó tập trung thể hiện sức mạnh chính thể và địa vị quốc tế của một quốc gia, liên quan đến vận mệnh của quốc gia.

Đặng Tiểu Bình hết sức coi trọng tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia: “Đánh giá sức mạnh quốc gia của một quốc gia cần phải xem xét tổng hợp, toàn diện.” Trong đó, phát triển kinh tế, tăng cường sức mạnh kinh tế của Trung Quốc là xuất phát điểm cơ bản để suy tính mọi vấn đề³. Kiên trì chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ ổn định nội bộ là sự bảo đảm chính trị cho việc tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia của Trung Quốc. Đối với Đặng Tiểu Bình, phát triển kinh tế và ổn định chính trị là một chính thể thúc đẩy lẫn nhau, gắn chặt với nhau, phát triển kinh tế là căn bản, ổn định chính trị là điều

1, 2. Dương Thừa Huân: “Bàn về định vị chiến lược đẩy nhanh nâng cấp sức mạnh quốc gia tổng hợp”, xem tại: <https://www.xzbu.com/4/view-3841225.htm>.

3. Lưu Kiệt: “Quan niệm chiến lược xuyên thế kỷ của Đặng Tiểu Bình và định vị quốc tế Trung Quốc trong thế kỷ XXI”, xem tại: <http://cpc.people.com.cn/GB/33839/34943/34983/2641888.html>.

kiện, phát triển kinh tế quyết định ổn định chính trị và ngược lại ổn định chính trị là sự bảo đảm quan trọng để phát triển kinh tế. Cơ sở và cốt lõi của sức mạnh tổng hợp quốc gia là sức mạnh kinh tế, nếu một quốc gia không có sức mạnh kinh tế lớn thì sức mạnh chính trị, quân sự hoặc sức mạnh tổng hợp quốc gia đều yếu. Sự thay đổi to lớn về sức mạnh kinh tế được quyết định bởi tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh hay chậm. Tốc độ tăng trưởng thấp đối với Trung Quốc - một nước lớn đang phát triển vốn dĩ là lạc hậu, đồng nghĩa với việc dậm chân tại chỗ, thậm chí là tụt hậu, vì có thể làm cho sức mạnh kinh tế và cả sức mạnh tổng hợp quốc gia của Trung Quốc sẽ luôn tụt hậu so với các nước phát triển¹.

Chính vì vậy, Đặng Tiểu Bình đã đưa ra “chiến lược ba bước” để từng bước nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia của Trung Quốc. Chỉ cần nắm bắt thời cơ, nhanh chóng phát triển thì sức mạnh tổng hợp quốc gia của Trung Quốc nhất định sẽ được tăng cường và từng bước thu hẹp khoảng cách với các nước phát triển. Quan điểm từng bước thận trọng của Đặng Tiểu Bình đã phản ánh thực tiễn việc các nước đang phát triển như Trung Quốc đuổi kịp và vượt các nước phát triển là một quá trình lâu dài².

Năm 1992, báo cáo của Đại hội lần thứ XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc lần đầu tiên đưa ra: “Phán đoán sự việc

1, 2. Trương Bá Lý: “Nghiên cứu tư tưởng sức mạnh quốc gia của Mao Trạch Đông và sức mạnh quốc gia tổng hợp đương đại”, xem tại: <http://cpc.people.com.cn/GB/69112/70190/70194/5233642.html>.

đúng sai, được mất, suy cho cùng là phải xem nó có lợi cho việc phát triển sức sản xuất xã hội chủ nghĩa hay không, có lợi cho việc tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia hay không, có lợi cho việc nâng cao đời sống nhân dân hay không để làm tiêu chuẩn”¹. Trung Quốc lần đầu tiên coi sức mạnh tổng hợp quốc gia là mục tiêu cường quốc và đã xác lập ba mục tiêu chiến lược lớn phát triển quốc gia, trong đó tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia trở thành “mục tiêu cường quốc” hết sức rõ ràng và luôn kiên trì theo đuổi những mục tiêu đó². Tuy nhiên, diễn biến tình hình phức tạp trong quan hệ giữa Trung Quốc với Mỹ và phương Tây sau biến cố ở Bắc Kinh năm 1989 cho thấy tính rủi ro và những hạn chế từ môi trường bên ngoài tới an ninh của Trung Quốc. Trung Quốc mới chỉ tập trung phát triển sức mạnh cứng hữu hình, trong khi chưa khai thác và tận dụng được những lợi thế về sức mạnh mềm văn hóa chính trị để hỗ trợ chiến lược trỗi dậy nâng cao địa vị cũng như ảnh hưởng của Trung Quốc trong khu vực và trên thế giới.

2.3. Quan điểm của Giang Trạch Dân

Từ thập niên 90 của thế kỷ XX, các nhà lãnh đạo Trung Quốc luôn coi việc nâng cao sức mạnh tổng hợp

1. “Nước lớn hưng suy và cơ hội của Trung Quốc: Đánh giá sức mạnh quốc gia tổng hợp”, xem tại: <http://mini.eastday.com/a/180125101049509.html>.

2. Trương Bá Lý: “Nghiên cứu tư tưởng sức mạnh quốc gia của Mao Trạch Đông và sức mạnh quốc gia tổng hợp đương đại”, *Tlđđ*.

quốc gia là mục tiêu cốt lõi cho phát triển quốc gia, đồng thời cũng coi đây là chỉ tiêu cốt lõi quan trọng để đánh giá thành tích phát triển quốc gia¹. Trung Quốc đề ra việc không ngừng tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia là mục tiêu cốt lõi để trở thành cường quốc trên thế giới, và đây cũng chính là tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá năng lực quản trị đất nước. Giang Trạch Dân đã khái quát tư tưởng của Đặng Tiểu Bình về sức mạnh tổng hợp quốc gia, đó là: “Trên phạm vi thế giới, cạnh tranh giữa các nước nói cho cùng đó là sự độ sức về sức mạnh tổng hợp quốc gia”².

Giai đoạn này, Trung Quốc đứng trước cục diện mới với nhiều thách thức lớn sau khi Liên Xô tan rã, Mỹ trở thành siêu cường duy nhất, chi phối thế giới với hệ thống đồng minh và các định chế chính trị - kinh tế quốc tế. Mục tiêu của Trung Quốc lúc này là dựa vào vốn, kỹ thuật và thị trường các nước phát triển để xây dựng và tăng cường thực lực, có nhu cầu cải thiện quan hệ với Mỹ và các nước phương Tây đã bị giảm sút sau biến cố ở Bắc Kinh năm 1989, tránh bị coi là mục tiêu tiếp sau Liên Xô của Mỹ. Giang Trạch Dân nhấn mạnh: “Phát triển là đạo lý cứng, dùng biện pháp phát triển để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong phát triển, đó là kinh nghiệm quan trọng được rút ra từ thực tiễn lâu dài của Đảng. Cho dù thiên hạ chưa thái bình, nhưng cục

1. “Nước lớn hưng suy và cơ hội của Trung Quốc: Đánh giá sức mạnh quốc gia tổng hợp”, *Tlđđ*.

2. Lưu Kiệt: “Quan niệm chiến lược xuyên thế kỷ của Đặng Tiểu Bình và định vị quốc tế Trung Quốc trong thế kỷ XXI”, *Tlđđ*.

diện quốc tế lớn vẫn chưa thay đổi. Trong bối cảnh đó, Trung Quốc cần nắm chắc cơ hội, luôn tiến cùng thời đại, kiên trì phấn đấu gian khổ, tập trung sức lực làm tốt việc của bản thân, phát triển kinh tế, nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia. Điều đó có ý nghĩa to lớn đối với việc thực hiện mục tiêu vĩ đại xây dựng toàn diện xã hội khá giả và thực hiện sự phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa”¹.

Trong một diễn văn năm 1991, Giang Trạch Dân phát biểu “mấu chốt trong cạnh tranh quốc tế hiện nay là sức mạnh tổng hợp quốc gia dựa trên sức mạnh kinh tế và chính trị”². Sau đó, tại một Hội nghị của Quân ủy Trung ương (CMC) năm 1993, Giang Trạch Dân nhấn mạnh vai trò của lực lượng quân đội trong việc xây dựng sức mạnh tổng hợp quốc gia và nhìn nhận chính trị quốc tế chủ yếu bao gồm một cuộc cạnh tranh kinh tế và công nghệ giữa các nước nhưng cho rằng vai trò của sức mạnh quân sự vẫn quan trọng³. Đến năm 2002, ông nhận định rằng “cạnh tranh sức mạnh tổng hợp quốc gia đang ngày càng trở nên gay gắt. Do bối

1. Giang Trạch Dân: “Phát triển kinh tế, tăng cường sức mạnh quốc gia tổng hợp”, xem tại: <http://news.sina.com.cn/c/2003-03-06/194866018s.shtml>.

2. Jiang Zemin: “Zai qingzhu Zhongguo gongchandang chengli qishi zhounian shangde jianghua” [Speech at the Meeting Commemorating the Seventieth Anniversary of the CCP’s Founding], *RMRB*, 1991, pp. 1-3.

3. Jiang Zemin: “Guoji Xingshi he Junshi Zhanlue Fangzhen” [International Affairs and Military Guiding Principles], *Jiang Zemin wenxuan [Collected Works of Jiang Zemin]*, Beijing: Renmin Chubanshe, 2006, pp. 278-294, 280-281.

cạnh đầy sức ép này, chúng ta phải tiến lên, nếu không chúng ta sẽ tụt lại phía sau”¹.

Chủ tịch Giang Trạch Dân cũng là vị lãnh đạo Trung Quốc đầu tiên công khai đề cập vai trò của sức mạnh mềm văn hóa chính trị. Tại Hội nghị biểu dương, tổng kết công tác chống lũ lụt toàn quốc tháng 9/1998, ông đã nhấn mạnh: “Tinh thần dân tộc là thước đo quan trọng trong việc đánh giá sự mạnh yếu về sức mạnh tổng hợp quốc gia của một quốc gia. Trong thế giới này nay, văn hóa và kinh tế, chính trị đan cài lẫn nhau, địa vị và vai trò của nó trong cạnh tranh sức mạnh tổng hợp quốc gia càng nổi trội. Sức mạnh văn hóa ngày càng hòa quyện vào sức sống, sức sáng tạo và sức ngưng tụ của dân tộc. Cạnh tranh sức mạnh tổng hợp quốc gia ác liệt trong thế giới hiện nay, bao gồm cả cạnh tranh về văn hóa”². Tại Đại hội lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc vào tháng 11/2002, chủ đề văn hóa lần đầu được đưa vào nội dung của báo cáo chính trị, khi Chủ tịch Giang Trạch Dân kêu gọi phát triển và cải cách văn hóa. Ông cho rằng: “Để xây dựng một xã hội tốt đẹp theo cách toàn diện, cần những nỗ lực lớn để phát triển văn hóa xã hội chủ nghĩa và nền văn

1. “Full text of Jiang Zemin's Report at 16th Party Congress on Nov 8, 2002”, http://www.fmprc.gov.cn/mfa_eng/topics_665678/3698_665962/t18872.shtml, 18/11/2002.

2. Lý Văn Mẫn: “Tinh thần dân tộc: Tiêu chí quan trọng của sức mạnh quốc gia tổng hợp”, xem tại: <http://www.people.com.cn/GB/paper85/8313/783180.html>.

minh tinh thần. Trong thế giới ngày nay, văn hóa tương tác với các hoạt động kinh tế và chính trị, đồng thời vị thế và chức năng của nó ngày càng trở nên nổi bật hơn trong cuộc cạnh tranh về sức mạnh toàn quốc. Sức mạnh của văn hóa được bắt rễ sâu trong sức sống, sự sáng tạo và sự gắn kết của một quốc gia. Tất cả các thành viên của Đảng phải hiểu đầy đủ ý nghĩa chiến lược của phát triển văn hóa và làm cho văn hóa xã hội chủ nghĩa phát triển”¹.

Trên lĩnh vực đối ngoại, từ giữa những năm 1990, Trung Quốc đã bắt đầu điều chỉnh chiến lược ngoại giao. Chiến lược ngoại giao nước lớn nhằm phục vụ cho mục tiêu chung là thực hiện “bốn hiện đại hóa” với nội dung chủ yếu là lấy quan hệ với nước lớn làm chủ thể, Trung Quốc dùng tư thế nước lớn để quan hệ với Mỹ và các nước lớn khác, đồng thời gánh vác trách nhiệm và nghĩa vụ tương ứng với địa vị nước lớn của mình trong việc thúc đẩy thế giới đa cực hóa và giải quyết các vấn đề toàn cầu². Đồng thời, Giang Trạch Dân đã phát triển khái niệm An ninh mới (1996) từ năm nguyên tắc chung sống hòa bình, tập trung tăng cường lòng tin thông qua đối thoại và thúc đẩy an ninh thông qua hợp tác. Về cơ bản, khái niệm này phản ánh chủ trương tránh va chạm với Mỹ và phương

1. Jiang Zemin, *Full Text of Jiang Zemin's Report at 16th Party Congress*, <http://www.china.org.cn/english/features/49007.htm>.

2. Tú Linh: “Một số nét chính trong chiến lược ngoại giao nước lớn của Trung Quốc đầu thế kỷ XXI”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 1 (56), tháng 3/2004, tr.45.

Tây, giảm thiểu phiền phức tới mức tối đa, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho tiến trình cải cách mở cửa và hiện đại hóa của Trung Quốc, bảo đảm an ninh cho Trung Quốc trong môi trường quốc tế phức tạp sau Chiến tranh lạnh khi thế và lực của Trung Quốc còn nhiều hạn chế. Đồng thời, khái niệm “An ninh mới” còn nhằm truyền tải thông điệp Trung Quốc không có ý đồ xấu với các nước láng giềng, mong muốn giải quyết những tranh chấp tồn tại về biên giới lãnh thổ, đảm bảo an ninh khu vực¹.

Vai trò tích cực của Trung Quốc trong cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á 1997-1998 đã tạo cơ hội vàng cho Trung Quốc bước đầu xây dựng lòng tin của các nước láng giềng trong khu vực và tạo cơ sở cho sự trở lại vị trí “cường quốc trung tâm” của Trung Quốc ở khu vực Đông Á². Đây là những điều kiện thuận lợi, từng bước góp phần thúc đẩy sự kết nối lại của Trung Quốc với các nước ở khu vực Đông Á cả trên bình diện kinh tế và chính trị đã được triển khai từ thời “cải cách, mở cửa” của Đặng Tiểu Bình. Nhưng nếu như dưới thời Đặng Tiểu Bình, Trung Quốc mới chỉ tham gia chọn lọc, thậm chí bị động vào

1. Phar Kim Beng: “Beijing nurtures its regional influence”, *Asia Time Online*, xem tại: <http://www.atimes.com/atimes/China/EC22Ad01.html>.

2. Liên kết kinh tế khu vực Đông Á vốn dựa trên hai trụ cột là vai trò của kinh tế Nhật Bản trong mô hình “đàn sếu bay” và mạng lưới thương mại của người Hoa trong khu vực Đại Trung Hoa (Greater China), đã ngày càng được tăng cường sau khi Đặng Tiểu Bình chủ trương cải cách mở cửa kinh tế.

quan hệ quốc tế theo phương châm “giấu mình chờ thời” hay “quyết không đi đầu”, thì đến thời Giang Trạch Dân, Trung Quốc không còn là quốc gia đóng cửa, tách biệt với khu vực và thế giới, mà đã dần “hòa nhập”, từng bước trở lại vũ đài chính trị, dùng Đông Á làm bàn đạp chiến lược để tiến ra toàn cầu. Với lý luận “Ba đại diện” được thông qua tại Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc, Trung Quốc tiếp tục phát huy truyền thống của người Trung Hoa, xây dựng Trung Quốc trở thành một nước hùng mạnh¹. Lý luận “Ba đại diện” cùng với sự khẳng định xây dựng “chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc” nhằm điều chỉnh nội dung phát triển đất nước theo phương châm “thực sự cầu thị” linh hoạt, cởi mở hơn, góp phần giải quyết những khó khăn nảy sinh trong quá trình cải cách phát triển, hoàn thành nhiệm vụ chiến lược lâu dài là phục hưng đất nước Trung Hoa².

2.4. Quan điểm của Hồ Cẩm Đào

Hồ Cẩm Đào nhậm chức Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc tháng 11/2002, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tháng 3/2003 và Chủ tịch Quân uỷ Trung ương tháng 9/2004. Những năm 90 của thế kỷ XX, các

1. Thuyết “Ba đại diện” có nội dung: Đảng Cộng sản Trung Quốc (1) đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến nhất, (2) đại diện cho nền văn hóa tiên tiến nhất và (3) đại diện cho quyền lợi của đa số quần chúng.

2. Phạm Cao Phong, “Chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với các nước lớn trong những năm đầu thế kỷ XXI”, *Tlđđ*, tr.31.

nước phương Tây lo ngại trước sự gia tăng thế và lực của Trung Quốc, đề xướng thuyết “mối đe dọa Trung Quốc”¹. Mục tiêu của Hồ Cẩm Đào và thế hệ lãnh đạo thứ tư của Trung Quốc là đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, bảo vệ chế độ chính trị xã hội. Giai đoạn từ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc tới trước cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008-2009, Mỹ hoàn thành việc xác lập vị thế và ảnh hưởng bao trùm trong quan hệ quốc tế. Trong trật tự đơn cực dưới sự lãnh đạo của Mỹ, chính sách của Trung Quốc tiếp tục “giấu mình chờ thời”, củng cố sức mạnh cứng và từng bước xây dựng sức mạnh mềm ở khu vực. Đặc biệt, cuộc tấn công khủng bố ngày 11/9/2001 và cuộc chiến toàn cầu chống khủng bố do Mỹ phát động được đánh giá là cơ hội vàng cho Trung Quốc đánh đổi sự ủng hộ của Bắc Kinh với cuộc chiến do Mỹ phát động để tranh

1. Trong bài diễn thuyết tại Diễn đàn Bắc Ngao (tháng 11/2003), Trịnh Tất Kiên, cố vấn của Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã đưa ra khái niệm Trung Quốc “trỗi dậy hòa bình” để bác bỏ thuyết về “mối đe dọa Trung Quốc” của phương Tây. Trịnh Tất Kiên cho rằng, sự trỗi dậy của Trung Quốc không nhằm mục đích tranh bá quyền hay bành trướng quân sự mà chỉ nhằm tìm ra những chiến lược để đối phó với các thách thức đặt ra từ quá trình hiện đại hóa của Trung Quốc. Ngay sau đó, khái niệm này được đưa vào chính sách đối ngoại của Trung Quốc và được các nhà lãnh đạo nước này sử dụng trên các diễn đàn quốc tế để giải thích sự can dự của Trung Quốc vào các vấn đề quốc tế, cũng như tầm quan trọng của hợp tác an ninh khu vực. Đỗ Thị Thủy: “Nghiên cứu chính sách đối ngoại Trung Quốc từ góc độ lý luận quan hệ quốc tế”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 4(83), tháng 12/2010, tr. 53-73.

thủ được vốn, công nghệ, quản lý của Mỹ và phương Tây¹. Xây dựng sức mạnh tổng hợp quốc gia, cải thiện quan hệ chiến lược với các nước lớn, đặc biệt là siêu cường Mỹ là những ưu tiên quan trọng trong tổng quan tư duy chiến lược của Trung Quốc.

Trong giai đoạn này, nhân tố văn hóa chính trị được giới lãnh đạo Trung Quốc, đứng đầu là Hồ Cẩm Đào, đánh giá cao hơn trước, Trung Quốc bước đầu hướng tới các tiêu chí về giá trị lịch sử, quay vào khai thác sức mạnh mềm của văn hóa chính trị Trung Quốc làm công cụ và phương tiện triển khai chính sách đối ngoại². Đây cũng là giai đoạn then chốt đối với sự cất cánh của nền kinh tế Trung Quốc khi nước này trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2001 sau 14 năm đàm phán, đánh dấu sự hội nhập với thế giới ở mức độ đầy đủ. Trung Quốc trở thành thành viên của nhiều tổ chức hiệp hội khu vực và thế giới, tham gia vào quá trình định hình và điều chỉnh các nguyên tắc cũng như luật chơi tại các tổ chức này, bảo vệ hiệu quả hơn các lợi ích của Trung Quốc trên bình diện quốc tế. Những thành tựu đạt được đã xóa đi mặc

1. Trước nay, Đảng dựa vào hai yếu tố để duy trì tính chính danh của một đảng cầm quyền: một là thành tựu cải cách phát triển, hai là vai trò của Đảng trong đảm bảo an ninh bên trong và bên ngoài.

2. Trên nền tảng chính sách “xã hội hài hòa”, tháng 9/2005, Chủ tịch nước Trung Quốc Hồ Cẩm Đào đã đề xuất ý tưởng “thế giới hài hòa”, đề cao nguyên tắc cùng chung sống hòa bình, nhấn mạnh chủ trương ổn định khuôn khổ quan hệ chiến lược Trung - Mỹ, tránh bị nhầm làm mục tiêu của siêu cường số 1 thế giới.

cảm tự ti của “thế kỷ ô nhục”, giúp Trung Quốc ngày càng tự tin và có động lực nuôi dưỡng và củng cố tham vọng nước lớn, bước đầu mở rộng vùng ảnh hưởng.

Năm 2003, Hồ Cẩm Đào đề xướng ra thuyết “trỗi dậy hòa bình”. Đến năm 2005, ông đưa ra khái niệm “thế giới hài hòa”, đồng thời xuất bản sách trắng về “Con đường phát triển hòa bình của Trung Quốc” nhằm đổi lại với quan điểm chiến tranh trong quá trình trỗi dậy của cường quốc từ chủ nghĩa hiện thực Mỹ cũng như thuyết “mối đe dọa Trung Quốc” của phương Tây¹. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc cũng đẩy mạnh tuyên truyền về chủ thuyết “phát triển hòa bình” của mình với ba luận điểm: Thứ nhất, sự phát triển cân đối, hài hòa, liên tục và có cơ sở khoa học của nước này là một đóng góp lớn đối với tiến bộ của nhân loại và trật tự toàn cầu. Thứ hai, sự phát triển của Trung Quốc không được cản trở hay làm suy yếu sự phát triển của các nước khác, nỗ lực phát triển không được gây ra sự tiêu diệt đối thủ cạnh tranh. Ngược lại, “khi mình phát triển, hãy tạo cơ hội cho các nước khác cùng phát triển”².

1. Dư luận quốc tế phản ứng khá mạnh mẽ về chủ thuyết “trỗi dậy hòa bình”, cho rằng Trung Quốc “trỗi dậy” bao hàm cả những tác động tiêu cực trong quan hệ quốc tế. Do đó, năm 2004, chiến lược này được hoàn thiện và đổi tên thành “phát triển hòa bình”.

2. Trần Thọ Quang: “Những nét mới trong chính sách đối ngoại Trung Quốc”, Tạp chí *Cộng sản*, ngày 3/11/2010, xem tại: <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2010/3162/Nhung-net-moi-trong-chinh-sach-doi-ngoai-cua-Trung-Quoc-hien.aspx>.

Thứ ba, trong bối cảnh toàn cầu hóa, nền văn hóa Trung Quốc đang tuyên truyền về hòa bình, xã hội hài hòa, tìm kiếm điểm chung từ các bất đồng, cạnh tranh trong bối cảnh cùng tồn tại, cùng tận hưởng các thành quả của sự thịnh vượng.

Khái niệm “thế giới hài hòa” đã được Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào đề cập tại Lễ kỷ niệm 60 năm thành lập Liên hợp quốc (tháng 9/2005) và sau đó được chọn làm chủ đề chính của Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 10/2007). Đây là khái niệm mở rộng của “xã hội hài hòa”, được Hồ Cẩm Đào nêu lần đầu tiên vào năm 2005¹. “Thế giới hài hòa” cụ thể hóa chủ thuyết “phát triển hòa bình” ra đời từ năm 2003, đặt ra những mục tiêu cụ thể hơn cho Trung Quốc trên con đường vươn lên vị trí số 1

1. Mục tiêu xây dựng một xã hội hài hòa của Trung Quốc không chỉ là nhằm giải quyết những mâu thuẫn trong xã hội Trung Quốc, mà còn hướng tới mô hình xuất khẩu ra nước ngoài. Cụ thể, một khi xã hội hài hòa được xây dựng thành công ở Trung Quốc, đó sẽ là mô hình phát triển đầu tiên ở châu Á mà kết hợp được những tinh hoa của chủ nghĩa xã hội hiện đại và những bản sắc truyền thống của chính Trung Quốc. Điều này sẽ giúp Trung Quốc tăng cường sức mạnh mềm, mở rộng ảnh hưởng và nâng cao vị thế của một cường quốc hơn nữa trên trường thế giới. Những nhà hiện thực chủ nghĩa còn lý luận rằng, luận thuyết “thế giới hài hòa” xuất phát từ tư tưởng chống bá quyền, phản đối chủ nghĩa đơn phương của Trung Quốc. Trung Quốc không hài lòng với trật tự hiện nay, mà muốn xây dựng một thế giới đa cực, trong đó Trung Quốc là một cực có quyền lực chi phối cục diện thế giới mới. Đỗ Thị Thủy: “Nghiên cứu chính sách đối ngoại Trung Quốc từ góc độ lý luận quan hệ quốc tế”, *Tlđđ*, tr.53-73.

thế giới¹. Quan niệm “thế giới hài hòa” thời kỳ Hồ Cẩm Đào là một chủ trương chiến lược rất đặc sắc, có sự kế thừa các giá trị truyền thống văn hoá Trung Quốc như Nho giáo, Đạo giáo,... trên cơ sở kết hợp các tư tưởng hiện đại như chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời kết hợp sâu sắc với thực tiễn của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, quá trình hiện đại hóa và quá trình cải cách mở cửa ở Trung Quốc hiện nay².

Năm 2007, Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc đề xướng quan điểm “phát triển khoa học xây dựng xã hội hài hòa”, khẳng định “Trung Quốc trước sau không thay đổi đi theo con đường phát triển hòa bình”. Chiến lược phát triển hòa bình cơ bản hình thành. Về đối ngoại, nội hàm của con đường phát triển hoà bình của Trung Quốc được thể hiện trên các mặt sau: (i) Xây dựng, duy trì và phát triển mối quan hệ tương đối ổn định với các nước lớn chủ yếu trên thế giới, đặc biệt là Mỹ trên mặt trận chiến lược, ngoại giao, kinh tế, đồng thời mở rộng không gian an ninh và phát triển của Trung Quốc, tăng nhanh ảnh hưởng đối với các nước láng giềng, các nước trong khu vực và các nước thế giới thứ ba; (ii) Chủ động tham dự các thể chế an ninh đa biên và hợp tác kinh tế ở khu vực châu Á -

1. “Xã hội hài hòa” thực chất là sự phát triển tiếp nối của khái niệm “xã hội khá giả” được các nhà lãnh đạo đi trước là Đặng Tiểu Bình, Giang Trạch Dân đưa ra. Theo O. Shenkar: “Thế kỷ 21 - Thế kỷ của Trung Quốc”, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2008.

2. Lê Văn Toàn: "Xã hội hài hoà: ngọn nguồn tư tưởng và nội dung hiện thực", Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 9/2008, tr.23-40.

Thái Bình Dương; tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, nhất là trong việc quyết định những vấn đề lớn của thế giới; tích cực phát huy tác dụng của tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc, thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm quốc tế bảo vệ hòa bình và phát triển của thế giới; (iii) Xử lý tốt mối quan hệ giữa “giấu mình chờ thời” và “làm nên sự nghiệp”; (iv) Phát triển chiến lược văn hóa, xây dựng chiến lược văn hóa đối ngoại, tạo ra sức ảnh hưởng to lớn của nền văn hóa Trung Quốc trên thế giới¹.

Trên phương diện tuyên truyền, các học thuyết “phát triển hòa bình”, “thế giới hài hòa” thể hiện bước phát triển mới trong tư tưởng ngoại giao của Trung Quốc đầu thế kỷ XXI². Những lý luận này đã đánh dấu bước chuyển tâm lý, tư duy của Trung Quốc từ trạng thái tâm lý của nạn nhân đã chịu đựng một thế kỷ bị phương Tây sỉ nhục sang trạng thái tâm lý của một cường quốc³. Tư duy mới cũng thể hiện rõ nét sự tự tin của Trung Quốc cũng như dự đoán của lãnh đạo về thời kỳ cơ hội chiến lược: “Trung Quốc có thể vươn lên nắm lấy ngọn cờ, tranh thủ tập hợp lực lượng, thực hiện mục tiêu nhất quán và xuyên suốt của Trung

1. Báo cáo chính trị Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2007.

2. Hai khái niệm “phát triển hòa bình” và “thế giới hài hòa” cùng hướng đến một mục tiêu chung là xây dựng hình ảnh một Trung Quốc ôn hòa, đóng góp cho một thế giới hòa bình, phát triển toàn diện.

3. Baladas Ghoshal: “The Rise of China: Regional and Global Implications”, bài thuyết trình tại Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, tháng 5/2010.

Quốc từ khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là trở thành cường quốc thế giới, một cực quyền lực chi phối cục diện quan hệ quốc tế¹. Tư duy này còn cho thấy giới lãnh đạo Trung Quốc đã bước đầu kết hợp sức mạnh cứng (phát triển kinh tế, quân sự, an ninh) với sức mạnh mềm (lịch sử tư tưởng văn hóa lâu đời). Những quan niệm, chủ thuyết mới về “thế giới hài hòa” và “phát triển hòa bình” cùng vạch ra đường hướng phát triển cho Trung Quốc dưới thời Hồ Cẩm Đào, đánh dấu sự thay đổi trong tư duy, nhận thức của lãnh đạo so với những thời kỳ trước. Quan niệm “thế giới hài hòa” nhấn mạnh đến khía cạnh hợp tác cũng như những chuẩn mực hành vi của các mối tương tác trong xã hội cũng như trên toàn cầu. Nó bổ sung cho lý luận “phát triển hòa bình”, xoa dịu những lo ngại về mối đe dọa Trung Quốc của cộng đồng quốc tế, đặc biệt là tìm cách tranh thủ Mỹ và các nước phương Tây.

Tuy nhiên, những hành động phiêu lưu của Trung Quốc trên thực tế đã khiến các nước trong và ngoài khu vực cảm thấy bất an, mất đi lòng tin với những tuyên bố của Trung Quốc về sự “phát triển hòa bình”, thậm chí coi đó là một “chủ thuyết chết”. Sự quyết đoán và hung hăng của Trung Quốc đã làm cho nhiều nước lo ngại². Thực tiễn cho

1. Hiền Lương, Phương Mai: “Từ khái niệm ‘xã hội hài hòa’ tới bước phát triển mới trong tư duy quốc tế của giới lãnh đạo Trung Quốc”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 3(82), tháng 9/2010, tr.41-57.

2. Hà Anh Tuấn: “Dấu chấm hết cho “sự trỗi dậy hòa bình” của Trung Quốc?”, xem tại: <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-vietnam/4116-du-chm-ht-cho-s-tri-dy-hoa-binh-ca-trung-quc>.

thấy, Trung Quốc càng phát triển, sức mạnh cứng càng gia tăng, thì sức mạnh mềm và sức hấp dẫn của Trung Quốc lại càng ít đi, không tương xứng với sức mạnh vật chất¹.

2.5. Quan điểm của Tập Cận Bình

Là đại diện của thế hệ lãnh đạo thứ năm, khi lên cầm quyền, Tập Cận Bình đưa ra tầm nhìn về “Giấc mơ Trung Quốc”, hướng đến công cuộc phục hưng sự vĩ đại của nền văn minh và đất nước Trung Hoa². Ngay từ Đại hội XVIII

1. Theo Giáo sư Brantly Womack, giai đoạn 1997-2007 là kỷ nguyên vàng trong quan hệ Trung Quốc - ASEAN khi Trung Quốc triển khai chiến dịch “tấn công quyền rũ”, tìm cách gây dựng lòng tin với các nước ASEAN. Sau cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008, Trung Quốc cho rằng Mỹ và các nước phát triển đã suy yếu, Trung Quốc mạnh lên và trở nên ngạo mạn, áp đặt trong quan hệ với các nước ASEAN. Tọa đàm lần thứ 11 về Trung Quốc, Hà Nội, ngày 11/12/2018.

2. Trong 5 năm kể từ khi Tập Cận Bình lên nắm quyền, thực lực kinh tế Trung Quốc bước lên tầm cao mới, GDP từ 54.000 nghìn tỷ Nhân dân tệ tăng lên 82.700 nghìn tỷ Nhân dân tệ, bình quân tăng 7,1%/năm; tỷ trọng trong nền kinh tế thế giới tăng từ 11,4% lên đến khoảng 15%, tỷ lệ đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế thế giới vượt 30%. Phát triển mạng lưới đường sắt cao tốc, thương mại điện tử, thanh toán di động, kinh tế chia sẻ. Tổng chiều dài đường sắt cao tốc đi vào hoạt động từ hơn 9.000 km tăng lên 25.000 km, chiếm 2/3 tổng chiều dài đường sắt cao tốc trên thế giới; hơn 68 triệu người dân nghèo khó được thoát nghèo, tỷ lệ nghèo khó giảm từ 10,2% xuống còn 3,1%. Về kinh tế: bước đầu phát huy được tính đặc thù và đặc sắc trong tư duy mới của Trung Quốc trong giai đoạn chuyển đổi tìm kiếm mô hình phát triển mới, giương cao ngọn cờ tạo ra mô hình phát triển mới kiểu Trung Quốc, phù hợp với điều kiện của Trung Quốc.

vào năm 2012, Tập Cận Bình đã đặt quyết tâm thực hiện “Giấc mơ Trung Quốc” với hai mục tiêu thế kỷ, ứng với hai dấu mốc 100 năm¹. Tại Đại hội lần thứ XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc khai mạc ngày 18/10/2017, Tập Cận Bình tuyên bố “chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc đã bước vào thời đại mới”². Theo Giáo sư Hàn Khánh Tường tại trường Đảng Trung ương Trung Quốc bình luận trên tờ *Nhân Dân nhật báo* (ngày 25/10/2017), “Tư tưởng Tập Cận Bình về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc trong thời đại mới” là hiện thân của những ý tưởng mới, tư duy mới và chiến lược mới trong triết lý quản trị của Ban Chấp hành Trung ương

1. Một là, xây dựng một xã hội khá giả vào năm 2020, tức một năm trước sự kiện kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc. Hai là, phát triển Trung Quốc thành quốc gia xã hội chủ nghĩa, hiện đại toàn diện vào năm 2049, đúng dịp tròn 100 năm ngày khai sinh nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

2. “Tư tưởng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới” của Tập Cận Bình xác định rõ bố cục tổng thể của chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc là “5 trong 1” (xây dựng kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội và sinh thái phát triển hài hoà trong một bố cục tổng thể), bố cục chiến lược là “bốn toàn diện” (xây dựng xã hội khá giả toàn diện, cải cách sâu sắc toàn diện, quản lý đất nước bằng pháp luật toàn diện và quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện). Mục tiêu chung của tư tưởng này là đi sâu cải cách toàn diện, hoàn thiện và phát triển chế độ xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc. Thúc đẩy toàn diện quản lý đất nước theo pháp luật và hiện đại hoá năng lực quản lý đất nước, xây dựng nhà nước pháp trị xã hội chủ nghĩa. Xác định rõ mục tiêu xây dựng quân đội hùng mạnh hàng đầu thế giới, là quân đội của nhân dân, tuân theo sự chỉ huy của Đảng.

Đảng Cộng sản Trung Quốc với Tổng Bí thư Tập Cận Bình là hạt nhân. Nội dung của tư tưởng chính là mục tiêu phục hưng Trung Quốc trên nhiều bình diện.

Cụ thể, tại Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc, Tập Cận Bình nhấn mạnh: “Thời kỳ đầu cải cách mở cửa, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã phát đi lời hiệu triệu vĩ đại về việc đi con đường của riêng mình, xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc. Từ đó đến nay, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đoàn kết, dẫn dắt nhân dân và các dân tộc trong cả nước không ngừng phấn đấu bền bỉ; đưa thực lực về kinh tế, khoa học công nghệ, quốc phòng và sức mạnh tổng hợp của Trung Quốc vươn lên tốp đầu thế giới, vị thế quốc tế của Trung Quốc được nâng lên tầm cao chưa từng có; diện mạo của Đảng, đất nước, nhân dân, quân đội và dân tộc Trung Hoa có những thay đổi chưa từng có; dân tộc Trung Hoa đang đứng hiên ngang ở phía Đông của thế giới với tầm vóc hoàn toàn mới”¹. Xa hơn, ông đưa ra tầm nhìn: “Giai đoạn thứ hai, từ năm 2035 đến giữa thế kỷ này, trên cơ sở cơ bản thực hiện hiện đại hóa, phấn đấu thêm 15 năm, xây dựng Trung Quốc thành cường quốc xã hội chủ nghĩa hiện đại, giàu mạnh, dân chủ, văn minh, hài hòa và tươi đẹp. Khi đó, văn minh vật chất, văn minh chính trị, văn minh tinh thần, văn minh xã hội, văn minh sinh thái của Trung Quốc sẽ được nâng cao toàn diện, thực

1. “Nhận diện Trung Quốc qua Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội XIX”, <https://vov.vn/the-gioi/ho-so/nhan-dien-trung-quoc-qua-bao-cau-chinh-tri-trinh-bay-tai-dai-hoi-19-687472.vov>.

hiện hiện đại hóa hệ thống quản trị và năng lực quản trị đất nước, trở thành đất nước hàng đầu về sức mạnh tổng hợp quốc gia và tầm ảnh hưởng quốc tế, cơ bản thực hiện toàn dân cùng giàu có...”¹.

Vai trò lãnh đạo của Tập Cận Bình chính là gắn tư tưởng Tập Cận Bình với từ khóa “thời đại mới” với một loạt các thay đổi từ ý thức hệ, luật pháp, và thể chế đã được Đại hội XIX và Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa XII thông qua. Tư tưởng của Tập Cận Bình sẽ dẫn dắt Đảng Cộng sản Trung Quốc bước vào thời đại mới của chủ nghĩa xã hội, thực hiện mục tiêu “hai lần 100 năm”. Điều lệ Đảng sửa đổi đã nêu rõ “Tư tưởng Tập Cận Bình” là kết tinh của trí tuệ và kinh nghiệm thực tế của toàn Đảng, toàn dân. Tuyển tập các bài phát biểu của Tập Cận Bình về quản lý đất nước xuất bản trước Đại hội Đảng XIX nêu rõ: những người cộng sản Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Tập Cận Bình đã cùng phát triển tư tưởng Tập Cận Bình về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc trong “thời đại mới”².

Tập Cận Bình nhanh chóng củng cố vai trò lãnh đạo của mình trong tiến trình ra quyết sách đối ngoại. Tập Cận Bình

1. “Nhận diện Trung Quốc qua Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội XIX”, *Tlđđ*.

2. Xi Jinping: *The Governance of China*, Foreign Languages Press, Beijing, 2017, pp.23-26; Alice Miller: “Only Socialism can save China; Only Xi Jinping can save Socialism”, *China Leadership Monitor*, 2018, no. 56, xem tại <https://www.hoover.org/research/only-socialism-can-save-china-only-xi-jinping-can-save-socialism>.

chủ trương đổi mới khái niệm, sáng kiến đối ngoại, như “Vành đai và Con đường” hay “cộng đồng chung vận mệnh”, “quan hệ kiểu mới giữa các quốc gia chủ chốt”, “quan hệ quốc tế kiểu mới” và hiện đang quảng bá chúng thông qua những nỗ lực ngoại giao công cộng đáng kể với mục đích cuối cùng để khẳng định chúng như những khái niệm chi phối trong khu vực và quốc tế¹. Với nguồn lực tài chính và nhân sự khổng lồ đã được dành cho việc quảng bá và triển khai các hoạt động đối ngoại trên nhiều kênh (do chính phủ dẫn dắt, với sự giúp đỡ của phương tiện truyền thông liên kết chính phủ, các thể chế giáo dục, các cộng đồng hải ngoại, các doanh nghiệp nhà nước, và một số cơ quan khác). Từ chiến lược “đi ra ngoài” về kinh tế tới chiến lược Vành đai và Con đường đã thể hiện tham vọng kết nối ba châu lục dưới ảnh hưởng của Trung Quốc cả trên lĩnh vực kinh tế, ngoại giao, chính trị, an ninh chiến lược và quân sự, tìm cách thiết lập một trật tự quốc tế mới thừa nhận sức mạnh và vị thế mới của Trung Quốc.

*

* *

1. Tổng số những sáng kiến được phát động bởi ngành ngoại giao Trung Quốc trên cả cấp độ song phương và đa phương đã tăng với tốc độ chóng mặt, nhưng có chọn lọc, do Trung Quốc cũng lo ngại sẽ không tạo được dấu ấn thực chất khi đồng thời triển khai quá nhiều sáng kiến. Trung Quốc đang tăng cường hiện diện tại các cuộc họp đa phương (điển hình là G20) và củng cố những tổ chức khác mà họ đã lập ra (như Ngân hàng phát triển cơ sở hạ tầng châu Á, những khuôn khổ hợp tác khu vực hay Hội nghị cấp cao “Vành đai và Con đường”).

Tóm lại, kết hợp giữa định nghĩa của phương Tây và của Trung Quốc có thể thấy, sức mạnh quốc gia là phương tiện kiểm soát hành vi của các nước khác nhằm đạt được mục đích nào đó. Các nước sử dụng sức mạnh nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia trong quan hệ quốc tế. Điều này khiến cho sức mạnh được xem như một phương tiện giữa các nước. Tuy nhiên, trên thực tế sức mạnh cũng được theo đuổi như là một mục tiêu hay mục đích. Các nước mong muốn có sức mạnh không chỉ để phục vụ những nhu cầu trước mắt mà còn trong tương lai. Do vậy họ luôn cố gắng củng cố sức mạnh và theo đuổi nó như là mục đích.

Sức mạnh tổng hợp quốc gia là một khái niệm dựa trên tư tưởng chính trị hiện thời của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và hàm ý sức mạnh tổng quát của một quốc gia - dân tộc. Cách tiếp cận sức mạnh tổng hợp quốc gia từ góc độ văn hóa - chính trị là một khung phân tích mới làm nổi bật được vai trò thực sự quan trọng của sức mạnh mềm trong ưu tiên chiến lược và chính sách đối ngoại của Trung Quốc đầu thế kỷ XXI. Trong sức mạnh tổng hợp quốc gia, khái niệm sức mạnh mềm/quyền lực mềm khi chuyển ngữ sang tiếng Trung, được học giả Trung Quốc dịch thành “thực lực mềm”, là một công cụ hỗ trợ cho sức mạnh cứng, một bộ phận cấu thành nên sức mạnh tổng hợp quốc gia.

Nội dung trong chương này đã khái quát được ba đặc điểm của sức mạnh mềm từ cách tiếp cận văn hóa chính trị Trung Quốc gồm: (i) Ưu tiên sự ổn định theo thứ bậc trật tự trong khuôn khổ do Trung Quốc có quyền định đoạt, chi phối; (ii) Ưu đẳng văn hóa hàm nghĩa về tư

tưởng, nền văn minh, v.v. có đẳng cấp vượt trội hơn so với các nước khác trong hệ thống; và (iii) Đức trị/cai trị bằng đạo đức. Cả ba đặc điểm này đều được thể hiện đồng bộ khi sử dụng cách tiếp cận hệ thống, liên ngành để xem xét và phân tích ba nhân tố chi phối tư duy đối ngoại. Quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại bao gồm: (i) Lợi ích và ưu tiên của Đảng Cộng sản Trung Quốc; (ii) Lợi ích và tính toán của Tập Cận Bình; và (iii) Tư duy “cường quốc trung tâm” trong “trật tự thiên hạ” Trung Quốc. Có thể nói, tính đồng bộ của ba nhân tố này tạo nền tảng cho sự nhận thức toàn diện và hệ thống của lãnh đạo Trung Quốc về sức mạnh tổng hợp quốc gia, đặc biệt là sức mạnh mềm, có khả năng định hướng lại các ưu tiên và cách thức sử dụng để đạt mục tiêu đối nội, đối ngoại của Trung Quốc trong mối tương quan với các phạm trù lớn trong quan hệ quốc tế.

Trên thực tế, khái niệm “thực lực mềm” này vẫn được hiểu và sử dụng theo nghĩa “quyền lực mềm”, và được xem xét trong mối tương quan giữa chủ thể có ảnh hưởng (tác động quyền lực) và đối tượng chịu ảnh hưởng (tiếp nhận quyền lực) đó. Trong bối cảnh Trung Quốc trỗi dậy mạnh mẽ về sức mạnh cứng như hiện nay, thế giới quan tâm tới câu hỏi liệu lãnh đạo Trung Quốc nhìn nhận đánh giá ra sao về sức mạnh mềm dựa trên tư tưởng văn hóa chính trị Trung Hoa cổ đại đang được sử dụng để lồng ghép với những mục tiêu đối ngoại đương đại của Trung Quốc.

Có thể thấy, các nhà lãnh đạo và giới học thuật Trung Quốc đang nỗ lực phát triển khái niệm và nội hàm về sức

mạnh quốc gia từ góc độ của Trung Quốc. Dù thừa nhận những khác biệt trong tư duy chiến lược về sức mạnh quốc gia và bá quyền của Trung Quốc trong truyền thống tư tưởng cũng như lịch sử lâu đời của nước này, các học giả phương Tây cũng đã chỉ ra những điểm mâu thuẫn trong tư duy và hành động thực tế của Trung Quốc. Họ cho rằng, bất chấp những tuyên bố về việc không theo đuổi mở rộng ảnh hưởng hay theo đuổi một kiểu mở rộng ảnh hưởng dạng thức khác như mô hình “nhân trị” hay “thiên hạ”, trên thực tế những hành động của Trung Quốc lại đang thể hiện đúng lôgic mở rộng ảnh hưởng theo tư tưởng của phương Tây. Theo đó, với sự trỗi dậy nhanh chóng của mình, Trung Quốc cũng đã và đang thực thi những hành vi mang tính mở rộng ảnh hưởng như đe dọa vũ lực, cưỡng chế, mua chuộc kinh tế, áp đặt luật chơi, vận dụng cả sức mạnh cứng và sức mạnh mềm... Khi Trung Quốc thu hẹp hơn khoảng cách với Mỹ, nước này có thể xây dựng một học thuyết Monroe của mình ở khu vực Đông Á tương tự như Mỹ đã làm ở khu vực Mỹ Latinh. Do đó, việc thống nhất nhận thức về sức mạnh quốc gia với hành động thực tiễn của Trung Quốc vẫn là một bài toán khó khăn cho các nhà hoạch định chính sách và giới học thuật Trung Quốc.

Chương II

NHẬN THỨC CỦA TRUNG QUỐC VỀ SỨC MẠNH QUỐC GIA TRONG THỰC TIỄN ĐỐI NGOẠI TRUNG QUỐC TỪ CÁCH TIẾP CẬN VĂN HÓA CHÍNH TRỊ

1. Tổng quan tư duy chiến lược đối ngoại của Trung Quốc

1.1. Mục tiêu và tư duy chiến lược đối ngoại của Trung Quốc từ năm 1949 tới nay

Như đã phân tích trong Chương I về cơ sở lý luận và thực tiễn, chính sách đối ngoại của Trung Quốc từng thời kỳ lại phản ánh những thay đổi trong nhận thức của các cá nhân lãnh đạo giai đoạn đó với ảnh hưởng của tư duy “cường quốc trung tâm” đặc thù trong văn hóa chính trị Trung Quốc. Trong thể chế chính trị của Trung Quốc, người lãnh đạo cao nhất của Trung Quốc luôn có quyền quyết sách lớn đối với tiến trình chính trị trong nước cũng như trong hoạch định chính sách ngoại giao của

Trung Quốc¹. Các thể hệ lãnh đạo ở Trung Quốc từ thời Mao Trạch Đông đều kiêm nhiệm nhiều chức vụ cấp cao, có quyền lực và vai trò chi phối rất lớn. Thể hệ lãnh đạo thứ tư và thứ năm của Trung Quốc từ đầu thế kỷ XXI đến nay là Hồ Cẩm Đào và Tập Cận Bình cũng đồng thời đảm đương cả hai chức vụ Tổng Bí thư và Chủ tịch Quân uỷ Trung ương, là những người quyền lực nhất Trung Quốc. Các kỳ Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ là dấu mốc của các lãnh đạo từng thời kỳ và tư tưởng chỉ đạo đại chiến lược phát triển của Trung Quốc nói chung, chiến lược đối ngoại nói riêng.

Từ khi thành lập nước tới nay, mục tiêu chiến lược xuyên suốt của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là xây dựng Trung Quốc trở thành cường quốc số 1 lãnh đạo thế giới. Tuy nhiên, bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều biến động, chứa đựng nhiều yếu tố phức tạp khó

1. Tư duy chính trị Trung Quốc đề cao vai trò của cá nhân lãnh đạo, coi trọng đức độ, năng lực của người lãnh đạo, có tầm nhìn và khả năng quy tụ người tài của cá nhân lãnh đạo, trao quyền lực cho giới lãnh đạo, khác với thể chế chính trị dân chủ phương Tây chủ trương hạn chế quyền lực cá nhân, trao thêm quyền lực cho quần chúng. Quan điểm truyền thống trong hệ thống chính trị Trung Quốc là một lãnh đạo năng lực yếu kém là nguy cơ đối với sự ổn định xã hội, tạo ra động loạn, lo ngại Trung Quốc bị suy yếu và dễ bị tổn thương trong một thế giới “cá lớn nuốt cá bé”. David M. Lampton: *Following the Leaders: Ruling China, from Deng Xiaoping to Xi Jinping*, University of California Press, 2014, p. 59.

lường trong hai thập kỷ qua, cũng đã và đang có những tác động không nhỏ tới quan điểm, đánh giá và nhận định của giới lãnh đạo Trung Quốc về đường hướng chính sách trị quốc an dân, tầm nhìn và ý tưởng chiến lược tăng cường ảnh hưởng quốc tế, đối phó với những thách thức an ninh ở trong và ngoài nước. Tập Cận Bình khẳng định: “Tư tưởng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới” là sự kế thừa và phát triển đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình, tư tưởng quan trọng “Ba đại diện” và quan điểm phát triển khoa học, là thành quả mới nhất Trung Quốc hoá chủ nghĩa Mác, là kết tinh kinh nghiệm thực tiễn và trí tuệ tập thể của Đảng và nhân dân Trung Quốc, là bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống lý luận chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc¹.

Từ giữa những năm 1990, bộ máy tuyên truyền của Đảng và Nhà nước Trung Quốc đã gắn Đảng Cộng sản với sứ mệnh “phục hưng vĩ đại của dân tộc và nền văn minh Trung Hoa”, Giang Trạch Dân tuyên bố Đảng có mục tiêu “thực hiện sự phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa dựa trên nền tảng xã hội chủ nghĩa” sẽ kéo dài ít nhất 100 năm. Hồ Cẩm Đào thì nhấn mạnh vai trò của sức mạnh mềm và đưa vào Báo cáo chính trị của Đại hội toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2012: “Sức mạnh mềm văn hóa của đất nước cần được cải thiện.

1. Phát biểu của Tập Cận Bình tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc, ngày 18/10/2017.

Các giá trị cốt lõi của xã hội chủ nghĩa nên lấy con người làm gốc, cả lễ giáo của công dân và các tiêu chuẩn đạo đức, luân lý của toàn xã hội nên được nâng lên đáng kể... chúng ta sẽ đặt một nền tảng vững chắc hơn để phát triển một nền văn hóa xã hội chủ nghĩa mạnh mẽ ở Trung Quốc”¹. Tập Cận Bình thì khẳng định: “Giấc mơ Trung Quốc có mẫu số chung cơ bản đó là sự phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa... Ngày nay, Trung Quốc đã lần đầu tiên tiến vào trung tâm của vũ đài thế giới, lần đầu tiên tiến tới thực hiện giấc mơ phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa... Trên cơ sở thực hiện Giấc mơ Trung Quốc (trước), sau đó sẽ cùng nắm tay các dân tộc khác thực hiện Giấc mơ thế giới. Giấc mơ thế giới chính là “cộng đồng chung vận mệnh nhân loại”, thể hiện sự hòa hợp của giấc mơ các dân tộc, các châu lục, “cả thế giới là một đại gia đình hài hòa”, là “một sự chuyển biến vĩ đại của thế giới trong hơn bốn thế kỷ qua” mà nhân dân Trung Quốc hằng mong mỏi².

Văn hóa chính trị là phong nền cho nhận thức chính trị, từ đó định hướng lựa chọn chính sách. Yếu tố văn hóa truyền thống thời kỳ cổ đại và trung đại, đặc biệt là văn hóa cung đình, văn hóa của sau vẫn có sức ảnh hưởng đậm

1. Hu Jintao: “Full text of Hu Jintao's report at 18th Party Congress”, http://www.china-embassy.org/eng/zt/18th_CPC_National_Congress_Eng/t992917.htm.

2. “Thông điệp đầu năm 2017 của Tập Cận Bình”, xem tại: http://www.xinhuanet.com/english/2017-12/31/c_136863397.htm.

nét đến chính trị đương đại thông qua vai trò của những người đứng đầu xã hội Trung Quốc. Tùy từng thời điểm khác nhau, những người lãnh đạo tối cao có đánh giá về sức mạnh Trung Quốc khác nhau và có chính sách khác nhau. Nói cách khác, họ đều bị ảnh hưởng bởi khung phân tích văn hóa truyền thống, tập quán, quán tính của họ trong ứng xử với bên ngoài. Do đó, chương này sẽ đi sâu phân tích sự hình thành về nhận thức chính trị của thế hệ lãnh đạo thứ năm của Trung Quốc, đứng đầu là Tập Cận Bình, trên nền tảng văn hóa truyền thống kết hợp với tư tưởng đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Trung Quốc và nhận thức cá nhân của mỗi nhà lãnh đạo. Trên cơ sở mối liên hệ hữu cơ giữa tổ hợp đồng bộ văn hóa chính trị đó, Trung Quốc xác định nhận thức về sức mạnh quốc gia, đặt ra những mục tiêu khả thi và lựa chọn chính sách đối ngoại trên thực tiễn.

1.2. Mục tiêu và tư duy chiến lược đối ngoại của Trung Quốc đầu thế kỷ XXI

Hồ Cẩm Đào đặc biệt chú trọng chiến lược ngoại giao nước lớn đã được người tiền nhiệm Giang Trạch Dân triển khai từ giữa những năm 1990. Cơ sở lý luận cho chiến lược đối ngoại Trung Quốc thời kỳ sau Chiến tranh lạnh của Hồ Cẩm Đào vừa mang tính kế thừa thời kỳ trước: chiến lược địa - chính trị và cân bằng quyền lực cổ điển, học thuyết “ba thế giới” của Mao Trạch Đông, đồng thời có những nét mới như chiến lược “hòa bình, độc lập, tự chủ, ngoại giao toàn phương vị”

của Đặng Tiểu Bình, lý luận “đa cực hóa” của Giang Trạch Dân”¹. Khi Hồ Cẩm Đào lên nắm quyền, ông đã thúc đẩy chính sách quan hệ với các nước lớn trên thế giới lên hàng đầu, cụ thể là “ưu tiên cao nhất cho quan hệ với Mỹ và các cường quốc khác”. Trong quan hệ với Mỹ, Trung Quốc luôn xuất phát từ đại cục chiến lược của sự phát triển kinh tế trong nước và môi trường bên ngoài phục vụ hiện đại hóa, tránh đối đầu với Mỹ; chống bá quyền Mỹ không phải là mục tiêu chính của chiến lược ngoại giao nước lớn, mà chỉ là một nước đi và công cụ để thực hiện mục tiêu thống nhất Tổ quốc, an ninh và phát triển². Hồ Cẩm Đào nhận thấy rằng, với thực lực đã được củng cố và phát triển từ thời Đặng Tiểu Bình và Giang Trạch Dân, Trung Quốc lúc này có cơ sở để thúc đẩy quan hệ ngang tầm với các nước lớn khác. Ngoại giao Trung Quốc triển khai thúc đẩy hình thành một thế giới đa cực, trong đó các cường quốc hợp tác với nhau, phát triển tư duy mới cùng thắng.

Tập Cận Bình khi mới lên nắm quyền (tháng 3/2013) đã nhấn mạnh phải có sự chỉ đạo nhất quán của Đảng Cộng sản đối với chính sách đối ngoại của Trung Quốc, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, xây dựng cơ chế Đảng chỉ đạo, phối hợp, phân bổ nguồn lực để thực hiện

1. Phạm Cao Phong: “Chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với các nước lớn trong những năm đầu thế kỷ XXI”, *Tlđđ*, tr. 43.

2. Tú Linh: “Một số nét chính trong chiến lược ngoại giao nước lớn của Trung Quốc trong những năm đầu thế kỷ XXI”, *Tlđđ*, tr. 46.

các mục tiêu đề ra trong Giấc mơ Trung Quốc. Đảng có “sứ mệnh lịch sử trong thời kỳ mới”, Đại hội XIX đã xác lập tư tưởng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới Tập Cận Bình, đề ra phương lược cơ bản để kiên trì và phát triển chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới, quy hoạch chiến lược phát triển của Trung Quốc trong thời gian sắp tới¹. Đại hội XIX phản ánh sự tập trung quyền lực cao độ sau khi Chủ tịch Tập Cận Bình hoàn tất việc xác lập vai trò là hạt nhân lãnh đạo². Đại hội đề ra lộ trình phát triển tới năm 2050 và hai mục tiêu 100 năm, đánh dấu tư duy chiến lược dài hạn của ông Tập Cận Bình đối với chiến lược phát triển của Trung Quốc. Đại hội XIX đề ra mục tiêu Đảng Cộng sản lãnh đạo Trung Quốc có sứ mệnh “phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa” và “sự nghiệp vĩ đại” triển khai đại chiến

1. Quách Vệ Dân, Phó Chủ nhiệm Văn phòng thông tin Quốc vụ viện Trung Quốc, phát biểu tại Diễn đàn Học giả Việt Nam - Trung Quốc, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, ngày 8/11/2017.

2. Việc đưa Tư tưởng Tập Cận Bình vào Điều lệ Đảng là dấu hiệu cho thấy dù sau này ông Tập Cận Bình không nắm giữ chức vụ nào, tư tưởng của ông vẫn có ảnh hưởng lớn trong Đảng, dấu ấn của ông sẽ còn tiếp tục trong ba thập kỷ cho các thế hệ lãnh đạo tiếp theo (thế hệ thứ 6, 7 và 8). Đảng Cộng sản còn tồn tại thì Tập Cận Bình sẽ có cơ hội trở thành vị lãnh tụ vĩ đại như Mao Trạch Đông trong lịch sử. Hiện ông đảm đương từ 13-14 chức vụ, trong đó nắm quyền chỉ đạo trực tiếp Tiểu tổ Các vấn đề khẩn cấp, bao gồm tranh chấp Biển Đông.

lược “Giấc mơ Trung Quốc” nhằm xác lập vị thế mới của Trung Quốc¹. Trung Quốc ngày càng tự tin, tuy khẳng định không trở thành bá quyền, nhưng nỗ lực “vươn lên vũ đài trung tâm” thực chất là nhằm mục tiêu lãnh đạo ở phạm vi thế giới. Từ khi lên nắm quyền, Tập Cận Bình đã phát huy vai trò lãnh đạo trên nhiều phương diện, từ việc chi phối, giám sát toàn bộ quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Trung Quốc trong các ủy ban Trung ương lãnh đạo (đã được nâng cấp từ Tiểu tổ Trung ương lãnh đạo) và đưa ra những quyết sách lớn, tới việc đích thân triển khai khái niệm “ngoại giao nguyên thủ” trong các hoạt động đối ngoại.

Trong thế kỷ XXI này, Đảng Cộng sản Trung Quốc tìm cách định hình lợi ích và vị thế nước lớn trỗi dậy, xác định mục tiêu chiến lược cạnh tranh với Mỹ, sắp xếp lại trật tự thế giới dựa trên di sản lịch sử và kho tàng trí tuệ cổ đại Trung Hoa, cũng chính là nỗ lực xóa đi tâm lý mặc cảm, tự ti của “thế kỷ ô nhục” dưới sự cai trị của thực dân phương Tây. Ảnh hưởng của hệ tư duy Westphalia về quốc gia dân tộc, khái niệm chủ quyền và

1. Đại hội XIX xác định “chiến lược hai bước đi mới”: từ năm 2020 đến 2035 cơ bản thực hiện hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa; từ năm 2035 đến 2050, Trung Quốc tiếp tục đưa đất nước trở thành cường quốc hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, dân chủ, văn minh, hài hòa, tươi đẹp. Báo cáo Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc, xem tại: http://www.chinadaily.com.cn/china/19thcpcnationalcongress/2017-11/04/content_34115212.htm.

quyền lực được đưa vào Trung Quốc cuối thế kỷ XIX sau khi nước này bị thực dân phương Tây đánh bại bằng chính sách “ngoại giao pháo hạm”. Hệ thống triều cống ở Đông Á chính là nền tảng cho ý tưởng về quản trị thế giới, trật tự thế giới cho Đảng Cộng sản Trung Quốc và cá nhân Tập Cận Bình để sử dụng những tiền lệ, kinh nghiệm trong quá khứ thành chất liệu cho chính sách đối ngoại hiện đại của Trung Quốc.

Mục tiêu của ngoại giao Trung Quốc nằm trong tổng thể “hai mục tiêu 100 năm Trung Quốc”, chuyển từ “giấu mình chờ thời” sang “trỗi dậy mạnh mẽ”, “nỗ lực lập công” xuyên suốt từ Đại hội XVIII của Trung Quốc nhằm duy trì và kéo dài “thời kỳ cơ hội chiến lược” cho Trung Quốc từ khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới năm 2008. Ngoại giao chủ động thúc đẩy thực thi sáng kiến “Vành đai và Con đường” ở quy mô toàn cầu, tìm cách che chắn, bọc lót cho mục tiêu tăng cường sức mạnh hải quân, trở thành “cường quốc biển” của quân đội Trung Quốc.

Đại hội XIX xác định mục tiêu chiến lược, nhiệm vụ tổng quát của ngoại giao Trung Quốc là bảo vệ lợi ích cốt lõi quốc gia, đưa Trung Quốc “tiến gần tới vũ đài quyền lực thế giới” thông qua kiên trì thúc đẩy xây dựng “cộng đồng chung vận mệnh nhân loại”, xây dựng “quan hệ quốc tế kiểu mới”, và xây dựng “mạng lưới quan hệ đối tác toàn cầu”, ngoại giao nước lớn đặc sắc Trung Quốc, ngoại giao láng giềng, ngoại giao các nước đang phát triển, ngoại giao đa phương và ngoại giao nhân dân, đồng thời làm sâu sắc hơn cục diện đối ngoại “toàn phương vị, đa lĩnh vực, nhiều

tầng nấc”, chủ động thay thế và tạo dựng trật tự và luật chơi mới có lợi cho Trung Quốc, tạo dựng những cơ chế mới trong BRI, AIIB, RCEP, Mê Công - Lan Thương... giúp Trung Quốc phát huy vai trò nước lớn chủ đạo.

Đại hội XIX phản ánh ý định của Đảng Cộng sản Trung Quốc muốn siết chặt vai trò độc quyền lãnh đạo và củng cố quyền lực của giới lãnh đạo Bắc Kinh ở trong và ngoài lãnh thổ Trung Quốc cả về quy mô và cường độ. Đề xuất “Ba quy luật lớn” là cách diễn đạt mới trong Báo cáo của Đại hội XIX, “lấy tầm nhìn hoàn toàn mới để đi sâu nhận thức quy luật cầm quyền của Đảng Cộng sản, quy luật xây dựng xã hội chủ nghĩa và quy luật phát triển xã hội loài người”¹. Theo ông Vương Linh Quế, trọng điểm nổi bật nhất trong Báo cáo Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc chính là phán đoán chính trị trọng đại “chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc bước vào thời đại mới”. Đảng Cộng sản Trung Quốc chia sẻ kinh nghiệm kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội với thị trường trong mô hình cải cách mở cửa và phát triển đặc sắc Trung Quốc, đồng thời tích cực tham gia vào việc cải cách và xây dựng hệ thống quản trị toàn cầu, thúc đẩy xây dựng khối cộng đồng chung

1. Vương Linh Quế, Phó Viện trưởng Viện nghiên cứu chiến lược toàn cầu và châu Á - Thái Bình Dương, Viện Khoa học xã hội Trung Quốc: “Chia sẻ những lĩnh hội ban đầu trong học tập tinh thần Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc với Việt Nam”, tham luận trình bày tại Diễn đàn Học giả Việt Nam - Trung Quốc, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, ngày 8/11/2017.

vận mệnh của nhân loại, cống hiến trí tuệ và phương án Trung Quốc để giải quyết các vấn đề của nhân loại. Trung Quốc không xưng bá, cũng không độc tôn thống trị, mà là cung cấp “trí tuệ Trung Quốc”, mong muốn có thể “chuyển hoá thành trí tuệ của Trung Quốc, trở thành một sự lựa chọn mà các nước đang phát triển khác có thể học hỏi”¹. Thời đại mới đồng nghĩa với việc Trung Quốc chính thức đoạn tuyệt phương châm “giấu mình chờ thời”. Đại chiến lược “Giấc mơ Trung Quốc” là ngọn cờ đưa Trung Quốc tiến dần đến trung tâm quyền lực của thế giới. Về quân sự, Tập Cận Bình tiến hành cải tổ Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc, đặt mục tiêu xây dựng Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc trở thành một quân đội có đẳng cấp thế giới theo phương châm “phú quốc, cường binh”, khẳng định quyết tâm đưa Trung Quốc ra trung tâm vũ đài thế giới. Nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ (Tân Cương, Tây Tạng, Đài Loan, v.v.) được tuyên bố là lợi ích cốt lõi của Trung Quốc, và lần đầu tiên ông Tập Cận Bình đề cập “lợi ích hải ngoại” trong Báo cáo Đại hội XIX.

Trong quá trình phát triển và tương tác quan hệ quốc tế, mặc dù có những lợi ích nhất định từ quá trình hội nhập hệ thống quốc tế hiện nay, Trung Quốc cho rằng việc

1. Vương Linh Quế, Phó Viện trưởng Viện nghiên cứu chiến lược toàn cầu và châu Á - Thái Bình Dương, Viện Khoa học xã hội Trung Quốc: “Chia sẻ những lĩnh hội ban đầu trong học tập tinh thần Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc với Việt Nam”, *Tlđđ*.

Mỹ và phương Tây định đoạt cuộc chơi, trước sau sẽ kìm hãm sự trỗi dậy của Trung Quốc. Sức mạnh hiện nay của Trung Quốc chủ yếu là sự phát triển của sức mạnh cứng về thương mại, tài chính, công nghệ phụ thuộc rất lớn vào nhân tố bên ngoài. Cuộc chiến thương mại Trung - Mỹ do Tổng thống Mỹ Donald Trump phát động khẳng định nhận định của lãnh đạo Bắc Kinh về tính dễ tổn thương của nền kinh tế Trung Quốc, tuy phát triển nhanh (chiếm 30% mức tăng trưởng của kinh tế thế giới) nhưng vẫn lộ “gót chân Asin” dẫn tới việc Mỹ và các nước có thể lợi dụng để tấn công Trung Quốc. Do đó, phát triển sức mạnh thực chất của Trung Quốc không đơn thuần chỉ là đòi hỏi phải có sự sắp xếp lại trật tự quốc tế phản ánh tương quan lực lượng mới, mà còn liên quan tới việc hình thành một trật tự mới do Trung Quốc lãnh đạo. Như đã phân tích ở phần đầu, tư duy nước lớn “thiên hạ” của Trung Quốc bắt nguồn từ vai trò trong lịch sử của đế chế phong kiến kéo dài nhiều thế kỷ vẫn có ảnh hưởng trong chiến lược và tiến trình tham gia trật tự quốc tế của Trung Quốc. Tư duy “cường quốc trung tâm” trong “trật tự thiên hạ” này sẽ dẫn đến sự cạnh tranh với Mỹ và phương Tây ở mức độ nào phụ thuộc vào khả năng lãnh đạo Trung Quốc đánh giá chính xác về sức mạnh tổng hợp quốc gia của Trung Quốc trong tương quan so sánh lực lượng và phản ánh nhận thức này trong điều chỉnh chính sách đối ngoại.

Trung Quốc thường dùng tư duy “cường quốc trung tâm” để định vị Trung Quốc trên bàn cờ quốc tế. Trong thời kỳ phong kiến từ thế kỷ XIV, cùng với mạng lưới

giao thương trải rộng vươn ra ngoài châu Á, Trung Quốc đã thiết lập hệ thống phiên thuộc, triều cống với những luật lệ do thiên triều quy định, coi các nước là “ngoại vi”. Tư tưởng nước lớn có vai trò trung tâm, tập tục quan niệm của Trung Quốc từ trước tới nay đã có nhiều thay đổi qua các thời kỳ khác nhau, đặc biệt sau gần một “thế kỷ ô nhục” dưới ách áp bức của thực dân phương Tây. Tuy nhiên, khát vọng muốn dẫn dắt thế giới, trở thành “bá chủ thiên hạ” trong tổng quan tư duy chiến lược đối ngoại của Trung Quốc vẫn không thay đổi. Căn cứ vào sự nhận thức về những nguồn lực nội tại của Trung Quốc cũng như sự dịch chuyển của cán cân so sánh lực lượng quốc tế, hệ tư tưởng “trung tâm - ngoại vi” này sẽ được hiện thực hoá thông qua các mục tiêu chính sách và chiến lược cụ thể.

2. Trung Quốc trỗi dậy và tương quan so sánh lực lượng quốc tế

2.1. Trung Quốc trỗi dậy

Sức mạnh quốc gia là một khái niệm quan trọng trong quan hệ quốc tế. Sức mạnh quốc gia được phân tích trong đề tài bao gồm khái niệm “thực lực” và “quyền lực” như đã trình bày trong phần trước. Vị thế thực lực quốc gia là nền tảng để phán đoán lợi ích quốc gia, là điểm tựa để thực hiện lợi ích quốc gia. Vị thế quốc tế của một quốc gia cũng là do thực lực của quốc gia đó quyết định, sự trỗi dậy của các nước lớn phản ánh so sánh tương quan thực lực giữa

các nước lớn và sự thay đổi quan hệ thực lực. Theo đánh giá của Diêm Học Thông, phát triển là chỉ sự tăng trưởng tuyệt đối về thực lực; trỗi dậy chỉ sự tăng trưởng tương đối về thực lực, hơn nữa còn đặc biệt chỉ sự biến đổi tương đối về thực lực giữa các nước mới trỗi dậy và các bá chủ thế giới. Sự trỗi dậy của nước lớn là khái niệm để chỉ thực lực của một quốc gia đuổi kịp nước lớn mạnh nhất trên thế giới đồng thời làm thay đổi cục diện thế giới. Nội dung trọng tâm của trỗi dậy là đuổi kịp các quốc gia bá quyền, nhưng trong thực tế đời sống chính trị quốc tế cũng có rất ít cơ hội cho các quốc gia trỗi dậy, vì (i) trở thành nước lớn là điều kiện tiên quyết của sự trỗi dậy và cũng có rất ít quốc gia đạt được điều kiện này; (ii) thực tế những quốc gia có đầy đủ điều kiện để trỗi dậy cũng chưa nhất định có thể thực hiện trỗi dậy. Xét về một góc độ nào đó, trỗi dậy không thể chỉ dựa vào nỗ lực mà còn phải nhờ vào cơ hội lịch sử tạo ra cho quốc gia này. Nếu như các quốc gia bá quyền không phạm những sai lầm mang tính chiến lược nghiêm trọng thì sự trỗi dậy của những nước lớn sẽ không có cơ hội thành công¹.

Sự trỗi dậy của Trung Quốc là tiền đề dẫn tới sự chuyển biến trong nhận thức của Trung Quốc về sức mạnh tổng hợp, bản sắc mới của chính mình. Thành tựu

1. Yan Xuetong: *The Analysis of International Relations* (Chinese version), Textbook of International Relations in the 21st Century, Beijing: Peking University Press, 2016, pp. 122-131.

sau hơn 40 năm cải cách mở cửa đã giúp Trung Quốc gia tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia đầy ấn tượng. Trên lĩnh vực kinh tế, sự tăng trưởng của nền kinh tế (sức sản xuất, thương mại, đầu tư, tài chính tiền tệ...) là những nhân tố cứng giúp Trung Quốc có cơ sở hiện thực hóa giấc mơ phục hưng vĩ đại, giành được vị trí “cường quốc trung tâm” trong hệ thống kinh tế, chính trị thế giới. Sự chuyển đổi nền kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường đã làm thay đổi diện mạo của đất nước Trung Quốc trên mọi mặt, đặc biệt là sự phát triển thần kỳ về kinh tế đã trở thành hiện tượng của thế giới¹. Trung Quốc luôn duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao, trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến 2016, GDP duy trì bình quân 7,2%, cao hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng của thế giới so với cùng kỳ (3,3%)². Tỷ lệ đóng góp bình quân cho tăng trưởng kinh tế thế giới là khoảng 30%, vượt qua tất cả các nước Mỹ, Liên minh châu Âu và Nhật Bản cộng lại, đứng đầu thế giới³. Về tổng lượng kinh tế, năm 1990, Trung Quốc đứng thứ 11 thế giới, nhưng đến năm 2000 đã vươn lên xếp thứ 6, năm 2002 đứng thứ 5, năm 2006 đứng thứ 4, năm 2007 đứng thứ 3 và năm 2010 đã vượt qua Nhật Bản vươn lên đứng thứ 2 và chỉ đứng sau Mỹ⁴.

1, 4. Lý Hoài Ẩn: “Thực lực nguyên của Trung Quốc”, xem tại: <http://www.aisixiang.com/data/111134-6.html>.

2, 3. Hồ An Cường: “Sức mạnh của Trung Quốc đã bước vào hàng ngũ đứng đầu thế giới”, *Tlđđ*.

Quy mô kinh tế năm 2000 bằng 11% của Mỹ, năm 2017 đã lên tới 65% của Mỹ¹. Tốc độ trỗi dậy nhanh chóng của Trung Quốc trong lịch sử kinh tế thế giới gần như là không có. Năm 2010 đã trở thành dấu mốc đối với nền kinh tế Trung Quốc khi nước này đã vượt qua Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới với GDP đạt 5.880 tỷ USD, tương đương 40% GDP của Mỹ. Những năm gần đây, mặc dù kinh tế của Trung Quốc có giảm nhưng vẫn giữ vững vị trí là nền kinh tế thứ hai thế giới². Trung Quốc đang đóng vai trò là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng toàn cầu. Có thể nói, sự trỗi dậy thần kỳ về kinh tế là nền tảng cơ bản để Trung Quốc có thể thực hiện mục tiêu vươn lên cường quốc hàng đầu thế giới.

Về kim ngạch thương mại, đây là lĩnh vực có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc trong những năm qua, đồng thời góp phần tạo kết nối cộng sinh và thực chất giữa Trung Quốc và các nước trên

1. “Hiện nay sức mạnh quốc gia của Trung Quốc khác với năm 1945, tuyệt nhiên Mỹ không thể gây được áp lực”, xem tại: http://m.haiwainet.cn/middle/345437/2018/0822/content_31380885_1.html.

2. GDP năm 2016 của Trung Quốc tăng trưởng 6,5% đạt khoảng 11.392 tỷ USD, tương đương khoảng 60% GDP của Mỹ (tuy nhiên, nếu tính theo sức mua ngang giá (PPP), quy mô kinh tế Trung Quốc năm 2016 là 21.269 tỷ USD, lớn nhất thế giới). GDP của nước này năm 2017 tăng 6,9% - cao hơn mục tiêu mà chính phủ Trung Quốc đề ra và chỉ số GDP nước này được dự báo sẽ đạt khoảng 6,5% trong năm 2018.

quy mô toàn cầu¹. Từ những năm 2008, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc đã vượt Mỹ và từ đó đến nay, Trung Quốc luôn được coi là động lực tăng trưởng quan trọng của kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương, có những đóng góp quan trọng vào tăng trưởng của thế giới². Từ năm 2014 trở lại đây, tuy xuất khẩu có xu hướng giảm nhưng Trung Quốc vẫn là đối tác thương mại lớn của 128 nước và vùng lãnh thổ, bao gồm cả các nước đồng minh thân cận của Mỹ như Nhật Bản, Hàn Quốc, Ôxtrâyliia..., duy trì tỷ trọng không nhỏ trong nền kinh tế toàn cầu.

Về đầu tư FDI, kể từ sau khi tiến hành cải cách mở cửa, đặc biệt là sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc luôn là nơi thu hút FDI hàng đầu thế giới. Trong giai đoạn 2000-2010, hằng năm nước này thu hút bình quân từ 60-70 tỷ USD FDI. Sau cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ toàn cầu, nguồn vốn FDI vào Trung Quốc đặc biệt tăng mạnh.

1. Giáo sư Brantly Womack đánh giá: từ năm 2008, Trung Quốc đang lấy lại được vị trí “cường quốc trung tâm”, nhưng lần này không phải trong quy mô Đông Á mà đã mở rộng ra sự “kết nối chặt chẽ và toàn diện” ở quy mô toàn cầu, Tọa đàm lần thứ 11 về Trung Quốc, Hà Nội, ngày 11/12/2018.

2. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc từ đứng thứ 29 của thế giới trong năm 1978 đã vươn lên thứ ba năm 2008 (2561,6 tỷ USD), xuất siêu 300 tỷ USD, chỉ sau Mỹ và Đức, từ chiếm tỷ trọng 0,8% tổng kim ngạch mậu dịch thế giới lên tới 7,9%. Năm 2013, tổng kim ngạch thương mại của Trung Quốc đã vượt Mỹ (4.200 tỷ USD) và trở thành cường quốc thương mại đứng đầu thế giới.

Năm 2008, nguồn vốn của các công ty Mỹ đổ vào Trung Quốc đạt mốc 53,93 tỷ USD, năm 2017, con số này là 107,56 tỷ USD¹. Đầu tư ra nước ngoài của công ty Trung Quốc năm 2016 đạt 183,1 tỷ USD, vươn lên vị trí thứ hai thế giới, chỉ sau Mỹ².

Về tài chính tiền tệ, hiện nay Trung Quốc có nguồn dự trữ ngoại tệ khổng lồ và luôn đứng ở mức cao nhất thế giới. Trong 10 năm trở lại đây, dự trữ ngoại hối của Trung Quốc luôn ở mức hơn 3.000 tỷ USD³. Tính đến thời điểm cuối tháng 3/2018, dự trữ ngoại hối của Trung Quốc tiếp tục đứng đầu thế giới, đạt 3.142 tỷ USD⁴. Hiện nay, Trung Quốc cũng là chủ nợ lớn thứ hai thế giới và là chủ nợ lớn nhất của Mỹ. Từ năm 2008 đến 2014, Trung Quốc đã ký thỏa thuận hoán đổi tiền tệ song phương với 27 nước và khu vực. Sau khi IMF quyết định đưa đồng Nhân dân tệ vào rổ tiền tệ thế giới, đồng Nhân dân tệ của Trung Quốc đã trở thành 1 trong 8 đồng tiền mạnh nhất thế giới. Giao dịch bằng đồng Nhân dân tệ đã chiếm đến 15% tổng

1. <https://www.statista.com/statistics/188629/united-states-direct-investments-in-china-since-2000/>.

2. Tổng hợp báo cáo UNCTAD World Investment Report 2017 và tin Tân Hoa xã Trung Quốc, xem tại: https://unctad.org/en/PublicationsLibrary/wir2017_en.pdf; https://www.xinhuanet.com/english/2017-06/08/c_136350164.htm.

3. Cục Niên giám nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: *Tình hình đất nước Trung Quốc năm 2010*, Nxb. Tân Hoa, Bắc Kinh, tr. 182.

4. data.eastmoney.com/cjsj/hjwh.html

thương mại toàn cầu. Mặc dù trình độ quốc tế hóa tiền tệ của đồng Nhân dân tệ và đồng đôla Mỹ còn có khoảng cách tương đối lớn¹, nhưng tỷ trọng đồng Nhân dân tệ trong dự trữ ngoại hối toàn cầu bắt đầu từng bước tăng lên. Tài chính tiền tệ của Trung Quốc đã có những bước tiến mạnh mẽ, năm 2016, đồng Nhân dân tệ đã được đưa vào rổ tiền tệ (SDR), quyền trọng đạt 10,92%, còn đồng đôla Mỹ là 41,7%².

Về sức mạnh quốc phòng, năm 2012, sức mạnh quốc phòng Trung Quốc chiếm 9,13% tỷ trọng thế giới, đến năm 2016 tăng lên, chiếm 10,65% tỷ trọng thế giới. Trung Quốc được đánh giá là một trong ba cường quốc quân sự hàng đầu thế giới, chỉ đứng sau Mỹ, Nga³. Tuy nhiên, so với Mỹ thì khoảng cách về sức mạnh quân sự giữa hai nước vẫn là lớn nhất trong so sánh sức mạnh tổng hợp quốc gia⁴. Về trang bị và kỹ thuật, hiện nay,

1, 2. Quy mô thị trường vốn của Trung Quốc chỉ bằng 1/3 của Mỹ, trình độ mở cửa thị trường của Trung Quốc còn kém xa Mỹ, chỉ số quốc tế hóa của đồng đôla Mỹ luôn là khoảng 55%, còn đồng Nhân dân tệ là dưới 3%. Nguồn: “Sự thực trong so sánh sức mạnh Trung - Mỹ: Cơ sở hạ tầng của Trung Quốc thực sự áp đảo Mỹ”, xem tại: http://www.sohu.com/a/243619709_236505.

3. Hồ An Cường: “Sức mạnh của Trung Quốc đã bước vào hàng ngũ đứng đầu thế giới”, *Tlđđ*.

4. Chỉ tiêu quân sự của Trung Quốc trong năm 2017 chỉ bằng 1/3 của Mỹ, hàng không mẫu hạm bằng 1/7 của Mỹ, số lượng vũ khí hạt nhân chỉ bằng 1/25 của Mỹ, số lượng căn cứ quân sự chỉ bằng 1/600 của Mỹ. Nguồn: “Sự thực trong so sánh sức mạnh Trung - Mỹ: Cơ sở hạ tầng của Trung Quốc thực sự áp đảo Mỹ”, *Tlđđ*.

Trung Quốc chỉ đứng sau Mỹ, Anh và Pháp, cơ bản gần tương đương với Nga¹.

**Bảng 1: So sánh sức mạnh quân sự
Mỹ - Nga - Trung năm 2017²**

Tên nước	Mỹ	Nga	Trung
Nhân lực (nghìn người)	145	70	750
Xe tăng (chiếc)	5.884	20.216	6.457
Máy bay quân sự (chiếc)	13.762	3.794	2.955
Tàu sân bay (chiếc)	19	1	1
Tàu ngầm (chiếc)	70	63	68
Đầu đạn hạt nhân (chiếc)	6.800	7.000	270
Ngân sách quốc phòng (tỷ USD)	587	44,6	161

Dưới sự lãnh đạo của Tập Cận Bình, Trung Quốc phấn đấu hướng tới lực lượng vũ trang hiện đại hóa vào năm 2035 và một quân đội hùng mạnh hàng đầu vào năm 2050. Sức mạnh quốc phòng của Trung Quốc trong những

1. “Hải quyền - vấn đề buộc phải đổi mặt khi Trung Quốc trở thành cường quốc, nước lớn”, xem tại: <http://1937wwgc.com/d/587>.

2. Global Firepower: 2017 Military Strength Ranking, <https://www.globalfirepower.com/countries-listing.asp>.

năm qua đã không ngừng tăng lên¹. Theo SIPRI, chi tiêu quốc phòng của Trung Quốc năm 2016 đã tăng gần 5 lần trong thập kỷ qua và hiện chỉ đứng sau Mỹ, nhiều hơn tổng chi tiêu quốc phòng của Nhật Bản, Hàn Quốc, Philíppin và Việt Nam gộp lại².

Kể từ sau Đại hội XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc, nhất là từ năm 2015 trở lại đây, Trung Quốc đã có nhiều bước đi quan trọng tiến tới cải cách triệt để quân đội nước này với mục đích xây dựng “cường quốc quân sự”, nhằm đáp ứng khả năng tác chiến của chiến tranh hiện đại, chuyển từ phòng thủ tích cực sang chủ động tấn công, mở rộng nhiệm vụ ra bảo vệ lợi ích của Trung Quốc

1. Trung Quốc ngày càng chú trọng tới việc tăng ngân sách quốc phòng, trong đó tập trung vào đầu tư phát triển hải quân, không quân, lực lượng tên lửa và hàng không vũ trụ. Ngân sách quốc phòng của Trung Quốc năm 2016 là 146,7 tỷ USD, tăng 7,6% so với năm 2015. Năm 2017, ngân sách quốc phòng của Trung Quốc đạt 161 tỷ USD, tăng 7% so với năm trước và đứng thứ hai thế giới, nhưng chỉ bằng khoảng 25% của Mỹ. Trong bản Báo cáo công tác Chính phủ Trung Quốc năm 2018 cũng như những tuyên bố của Trung Quốc, nước này sẽ tăng ngân sách quốc phòng lên 174,5 tỷ USD, đánh dấu mức tăng cao nhất trong 3 năm qua, tăng 8,1% so với năm 2017.

2. Xếp hạng chi tiêu quốc phòng của 5 nước đứng đầu thế giới năm 2016 bao gồm: Mỹ (611 tỷ USD), Trung Quốc (215 tỷ USD), Nga (69,2 tỷ USD), Ả-rập Xê-út (63,7 tỷ USD) và Ấn Độ (55,9 tỷ USD).

trên toàn cầu nhằm hiện thực hóa mục đích cuối cùng là “Giấc mơ Trung Quốc” mà Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đã đề ra¹.

Về sức mạnh khoa học công nghệ, Trung Quốc đã bước vào giai đoạn mới hết sức quan trọng, đã trở thành nước lớn với khoa học kỹ thuật có tầm ảnh hưởng. Sức mạnh khoa học kỹ thuật đã đứng hàng đầu thế giới, trình độ khoa học kỹ thuật đứng thứ hai thế giới, tạo nền móng vững chắc cho việc thực hiện quốc gia theo loại hình sáng tạo mới thế giới vào năm 2020². Trong một số lĩnh vực, Trung Quốc đã bắt kịp trình độ của các cường quốc khoa học công nghệ như Đức, Pháp, Nhật Bản... và hướng tới mục tiêu cạnh tranh vị trí số 1 của Mỹ. Theo báo cáo khoa học công nghệ và công nghiệp (STI) của Tổ chức

1. Trong thời gian tới, Trung Quốc vẫn sẽ tiếp tục đẩy mạnh công cuộc cải cách quân đội, chú trọng xây dựng hải quân, không quân và tên lửa chiến lược nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng năng lực tác chiến vượt ra ngoài phạm vi eo biển Đài Loan, Biển Đông, vươn ra phía tây Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

2. Năm 2012, sức mạnh khoa học kỹ thuật của Trung Quốc chiếm 19% tỷ trọng thế giới, đến năm 2016 chiếm 24,81% tỷ trọng thế giới, trong đó đầu tư cho nghiên cứu đã gần bằng Mỹ, cư dân Trung Quốc có bằng phát minh sáng chế bằng 1,87 lần của Mỹ, các bài viết khoa học kỹ thuật quốc tế bằng 1,23 lần của Mỹ, số lượng các bài viết khoa học kỹ thuật quốc tế được trích dẫn đứng ở vị trí thứ tư thế giới. Theo Hồ An Cương: “Sức mạnh của Trung Quốc đã bước vào hàng ngũ đứng đầu thế giới”, *Tlđđ*.

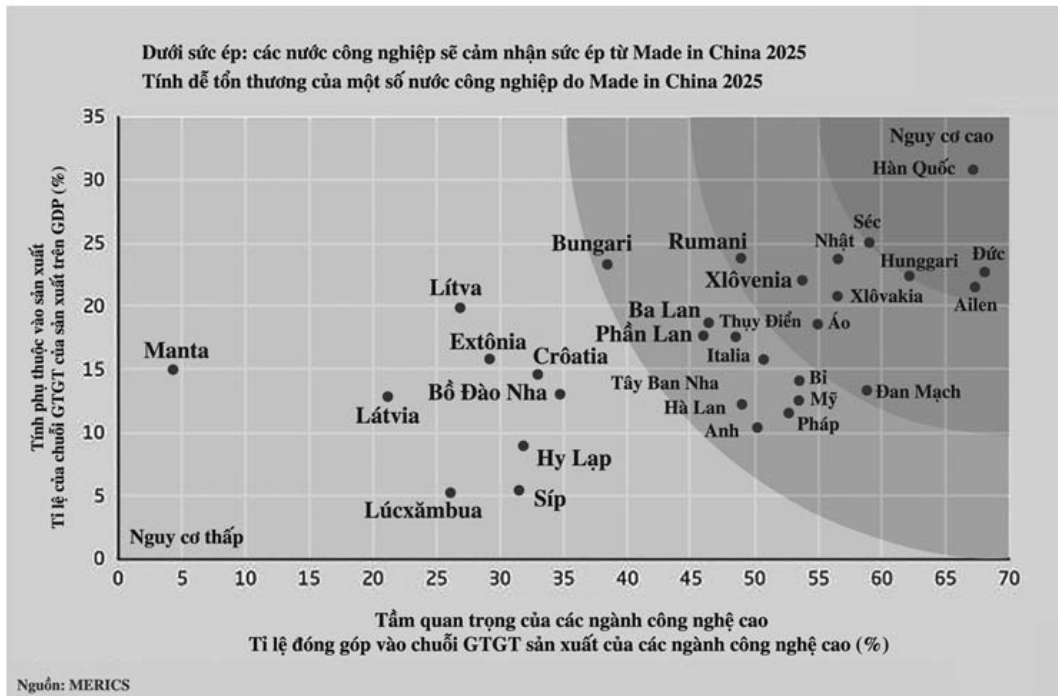
Hợp tác kinh tế và phát triển (OECD) năm 2015, trong tương lai gần, Trung Quốc có khả năng sẽ vượt Mỹ trong tám lĩnh vực quan trọng, trong đó có khoa học vật liệu, toán học, hóa học, khoa học máy tính¹. Trung Quốc đã vươn lên thành nước lớn về khoa học công nghệ, trong đó có nhiều chỉ số Trung Quốc chỉ đứng sau Mỹ - cường quốc số 1 về khoa học công nghệ, mặc dù còn có những tranh cãi về sức mạnh thực sự của Trung Quốc². Đây là nền

1. Riêng năm 2014, số bằng sáng chế được công nhận của Trung Quốc đã lên tới 928.000, vượt tổng số bằng cấp cho Mỹ (578.000) và Nhật (325.000). Theo Báo cáo Khoa học công nghệ và Công nghiệp (STI) của OECD năm 2015, xem tại: https://www.oecd-ilibrary.org/science-and-technology/oecd-science-technology-and-industry-scoreboard-2015_sti_scoreboard-2015-en;jsessionid=34fte2ulkjsbs.x-oecd-live-02.

2. Mức độ chân thực trong các thống kê thành tựu khoa học kỹ thuật của Trung Quốc vẫn là một dấu hỏi, nhất là trong môi trường thiếu tính minh bạch và đầu tư chủ yếu vẫn thực hiện theo hình thức “từ trên xuống”. Một ví dụ điển hình là Trí tuệ nhân tạo (AI - Artificial intelligence). Với tham vọng tiến tới dẫn đầu thế giới trong lĩnh vực này, Chính phủ Trung Quốc đã đầu tư hơn 1 tỷ USD vào các công ty AI khởi nghiệp. Dư luận Trung Quốc xuất hiện ý kiến cho rằng “Năng lực AI của Trung Quốc đã vượt Mỹ”. Tuy nhiên, tháng 3/2018, Đại học Oxford (Anh) công bố một báo cáo nghiên cứu cho thấy, năng lực AI (AI capabilities) của Trung Quốc chỉ bằng khoảng một nửa của Mỹ, xem tại: https://www.fhi.ox.ac.uk/wp-content/uploads/Deciphering_Chinas_AI-Dream.pdf.

tăng thuận lợi để Trung Quốc tiếp tục phát triển khoa học kỹ thuật trong tương lai¹.

Bảng 2. Tác động của “Made in China 2025”



1. Trung Quốc đã trở thành nước đầu tiên trên thế giới thành lập và hoàn thiện thư viện gen lúa, nắm giữ công nghệ then chốt để biến đổi gen ở cây bông, nhân bản vô tính và cấy gen chống chịu sâu bệnh. Hiện Trung Quốc có nhiều trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ nano nhằm phục vụ mục đích dân sự và quốc phòng, đạt được những thành quả khoa học kỹ thuật mang tính đột phá, cụ thể như: thông tin lượng tử, đường sắt cao tốc, đưa người lên vũ trụ, công trình thăm dò mặt trăng, kính viễn vọng radio, máy bay cỡ lớn, máy tính siêu cấp. Nguồn: Ninh Cát Cát: “Từ sau Đại hội XVIII, sức mạnh tổng hợp quốc gia và sức ảnh hưởng quốc tế của Trung Quốc tăng lên rõ rệt”, xem tại: https://finance.china.com/domestic/11173294/20171010/31554893_all.html#page_2.

Đặc biệt, chiến lược “Sản xuất tại Trung Quốc 2025” (Made in China 2025) đề ra ba giai đoạn phát triển khoa học công nghệ của Trung Quốc với những mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn¹. Trung Quốc không giấu tham vọng trở thành nước dẫn đầu toàn cầu trong các lĩnh vực sản xuất kỹ thuật cao này vào năm 2025². Nếu thành công, chiến lược “Sản xuất tại Trung Quốc 2025” sẽ tạo bước nhảy vọt, làm thay đổi vị trí của Trung Quốc trong chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu, đồng thời làm thay đổi phương thức sản xuất và tác động không nhỏ đến phân công lao động toàn cầu. Về lâu dài, cùng BRI, chiến lược “Sản xuất tại Trung Quốc 2025” sẽ góp phần hình thành hệ thống kinh tế độc lập và một trật tự kinh tế thế giới mới với Trung Quốc ở vị trí trung tâm (khác với hệ thống WTO hiện nay).

Sức mạnh mềm văn hóa của Trung Quốc tuy đã được nâng cao, nhưng về tổng thể vẫn còn khoảng cách tương

1. Giai đoạn 1 (đến năm 2025): đưa Trung Quốc vào nhóm các cường quốc công nghiệp chế tạo; Giai đoạn 2 (năm 2035): ở vị trí tầm trung trong bảng xếp hạng (ngang với Nhật Bản, Đức); Giai đoạn 3 (năm 2049): xếp vào nhóm nước đi đầu về khoa học công nghệ.

2. Chương trình tập trung vào 10 ngành chiến lược, gồm: công nghệ thông tin mới, công cụ điều khiển số và rôbot, thiết bị hàng không vũ trụ, thiết bị kỹ thuật biển và tàu biển công nghệ cao, thiết bị đường sắt, xe sử dụng năng lượng mới và tiết kiệm năng lượng, thiết bị phát điện, vật liệu mới, thiết bị y tế và thuốc sinh học, máy móc nông nghiệp. Deng Yaqing: “Leaping into the First Echelon”, *Beijing Review*, 23/4/2015.

đổi lớn so với các nước phương Tây. Hiện nay, cạnh tranh sức mạnh tổng hợp quốc gia ngày càng gay gắt, ác liệt, theo đó, văn hóa cũng đang trở thành nội dung then chốt và là chiến trường quan trọng trong cạnh tranh sức mạnh tổng hợp quốc gia¹. Các nước chủ yếu trên thế giới liên tiếp đưa ra những chiến lược tương ứng để tận dụng và phát huy sức mạnh văn hóa của bản thân.

Đại hội XVIII và XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc vẫn tiếp tục nhấn mạnh việc xây dựng cường quốc văn hóa, đặc biệt là sức mạnh mềm văn hóa nhằm (i) tăng cường rõ rệt sức mạnh mềm văn hóa quốc gia, làm sâu rộng hơn tầm ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa; (ii) quảng bá hình ảnh quốc gia và gia tăng sức thuyết phục của các giá trị quan Trung Quốc; (iii) tăng cường sức hấp dẫn văn hóa, mở ra cửa ngõ đưa văn hóa Trung Quốc lan tỏa ra thế giới. Tập Cận Bình cũng đã chỉ ra rằng: “Nâng cao sức mạnh mềm văn hóa quốc gia không chỉ liên quan đến địa vị của Trung Quốc trong cục diện văn hóa thế giới, mà còn quan hệ đến địa vị quốc tế và sức ảnh hưởng quốc tế của Trung Quốc, quan hệ đến việc thực hiện hai mục tiêu 100 năm và Giấc mơ Trung Quốc phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa”². Nâng cao sức mạnh mềm văn hóa là nhấn mạnh việc xây dựng quan niệm giá trị và văn hóa Trung Hoa. Tập Cận Bình cũng đã chỉ ra rằng: “Sức mạnh mềm văn

1, 2. “Lôgích của Trung Quốc trong việc xây dựng cường quốc văn hóa”, xem tại: <http://opinion.people.com.cn/n1/2016/0921/c1003-28728341.html>.

hóa của một quốc gia về căn bản được quyết định bởi sức sống, sức ngưng tụ, sức hiệu triệu của quan niệm giá trị cốt lõi của nó”¹.

Để thực hiện các mục tiêu này, Trung Quốc đã triển khai một số biện pháp như: (i) tăng cường quan hệ ngoại giao kết hợp mô hình viện trợ, hợp tác kinh tế; (ii) thúc đẩy giao lưu, hợp tác, truyền bá văn hóa, giáo dục; (iii) tăng cường vai trò người Hoa trên thế giới. Trung Quốc đã đầu tư một lượng tiền lớn để mở rộng dấu ấn văn hóa trên thế giới, tuyên truyền ra bên ngoài và thúc đẩy ngoại giao nhân dân². Năm 2009, Trung Quốc đưa ra kế hoạch chi tiêu hàng tỷ đôla Mỹ để phát triển tập đoàn truyền thông khổng lồ nhằm cạnh tranh với Bloomberg, Time Warner, đồng thời đầu tư 8,9 tỷ USD vào ngoại giao nhân dân, trong đó có kênh truyền hình cáp Xinhua phát sóng 24/24 giờ. Về giáo dục, Trung Quốc

1. Thục Cương: “Sức mạnh quốc gia tổng hợp và sức mạnh mềm văn hóa”, xem tại: <http://theory.people.com.cn/n/2014/0326/c40531-24742373.html>.

2. Cụ thể, Trung Quốc đã tiến hành viện trợ kinh tế đối với châu Phi, châu Á. Châu Phi được Trung Quốc đổ vào các khoản viện trợ kinh tế lớn. Đổi lại, Trung Quốc được hưởng quyền tiếp cận thị trường, các nguồn tài nguyên, tăng ảnh hưởng chính trị, phát triển thị trường cho người lao động Trung Quốc. Tại Đông Nam Á, Trung Quốc xây dựng hình ảnh “nước lớn có trách nhiệm” thông qua chính sách ngoại giao láng giềng kết hợp viện trợ kinh tế. Campuchia, Lào là hai nước chính được Trung Quốc cung cấp các khoản viện trợ.

phát triển hàng trăm học viện Khổng Tử trên khắp thế giới để truyền bá văn hóa, ngôn ngữ¹.

Tuy nhiên, còn nhiều tranh cãi, hoài nghi trong cộng đồng quốc tế về sức mạnh mềm văn hóa của Trung Quốc. Nhìn tổng thể quan hệ tương tác giữa Trung Quốc với xã hội quốc tế, có thể nói Trung Quốc vẫn cần phải nâng cao sự đồng thuận với xã hội quốc tế, phải làm sâu sắc thêm văn hóa chiến lược theo mô hình hợp tác, coi trọng hơn nữa lợi ích an ninh quốc gia và các lợi ích an ninh phi truyền thống khác một cách thực chất hơn để có thể trở thành một nhân tố góp phần vào ổn định của thế giới và khu vực, đồng thời ngày càng phát huy vai trò tích cực và nêu cao tinh thần trách nhiệm như lãnh đạo Trung Quốc từng nhiều lần tuyên bố. Ngày càng có nhiều quốc gia, chính phủ hoài nghi về tuyên bố của Trung Quốc từ những năm đầu thế kỷ XXI rằng “bảo vệ hòa bình và thúc đẩy sự phát triển chung trở thành tôn chỉ của ngoại giao Trung Quốc”².

1. Tính đến cuối năm 2017, Trung Quốc thành lập được 525 học viện Khổng Tử và 1.113 lớp học Khổng Tử tại 146 quốc gia và vùng lãnh thổ. Chỉ tính riêng tại Mỹ, Trung Quốc đã thành lập được 110 học viện Khổng Tử và 501 lớp học Khổng Tử, và tại Nga có 17 học viện và 5 lớp học Khổng Tử. Theo quy hoạch, số lượng học viện Khổng Tử sẽ còn tiếp tục tăng lên trong tương lai nhằm truyền bá văn hóa Trung Hoa, tiếng Hán ra bên ngoài thế giới.

2. Giang Trạch Dân: “Xây dựng toàn diện xã hội tiểu khang, mở ra cục diện mới sự nghiệp xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc”, Nxb. Nhân dân, Bắc Kinh (Trung Quốc), 2002, tr. 47.

Một mặt, tư tưởng, quan niệm, hệ giá trị chính là linh hồn của sức mạnh văn hóa. Mặt khác, các tư tưởng, giá trị, quy chuẩn mà Trung Quốc tuyên truyền, cổ xúy lại vẫn chưa được phản ánh và duy trì trong những hành xử thực tiễn của Trung Quốc. Quá trình mở rộng, phát triển và duy trì các học viện Khổng Tử trên thế giới của Trung Quốc đang gặp nhiều khó khăn, do một số quốc gia công khai phản đối, thậm chí đòi đóng cửa các viện này bởi lo ngại đây là công cụ chính trị đội lốt văn hóa của Trung Quốc. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, những tính toán lợi ích hẹp hòi, tư tưởng nước lớn bá quyền, v.v. của Trung Quốc lại bộc lộ rõ nét trong xử lý các vấn đề quốc tế (trong các tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, cứu trợ nhân đạo...) tất yếu tạo ra những đánh giá, phản ứng không thuận, thậm chí tiêu cực của một số quốc gia trong và ngoài khu vực về sức mạnh và vai trò nước lớn của Trung Quốc¹. Một số học giả Trung Quốc còn thừa nhận: “sau 40 năm cải cách mở cửa, Trung Quốc có những thành tựu kinh tế lớn nhưng không có bạn thân, đồng minh và đang làm cho cả thế giới nghi ngại”².

1. Ở những nước Trung Quốc tăng cường hợp tác kinh tế cũng có những phản ứng trái chiều do các vấn đề: hủy hoại tài nguyên môi trường, “xuất khẩu tham nhũng”, kinh doanh bất chấp luật lệ sở tại, sự di cư ồ ạt của người Hoa, v.v..

2. Trao đổi với học giả Trung Quốc tại Viện Nghiên cứu quan hệ quốc tế đương đại Trung Quốc (CICIR) tháng 11/2018.

2.2. Tương quan so sánh lực lượng quốc tế

Sức mạnh quốc gia có mối liên hệ chặt chẽ với khái niệm cốt lõi về “trung tâm - ngoại vi” trong hệ thống quốc tế xét từ cả góc độ tự nhiên và xã hội. Tình trạng vô chính phủ là thuộc tính tự nhiên của hệ thống quốc tế. Quốc gia dựa vào thực lực để chiếm vị trí trung tâm trong hệ thống, tất cả mọi quốc gia đều muốn đứng ở vị trí trung tâm của vị trí này, kết quả là các quốc gia có thực lực lớn mạnh sẽ tiến rất gần đến vị trí trung tâm của hệ thống, còn các nước thực lực yếu sẽ bị đẩy ra ngoài. Do thực lực của các quốc gia có sự khác biệt, cho nên hình thái cơ bản của hệ thống quốc tế là “trung tâm - ngoại vi”. Thuộc tính xã hội của hệ thống quốc tế là tính thứ bậc¹.

Mặc dù quan hệ chiến lược nước lớn² và tương quan so sánh thực lực nước lớn quyết định hình thái cục diện thế giới, nhưng nguyên nhân dẫn tới động lực của sự biến hóa

1. Hệ thống quốc tế là một xã hội mang tính chất vô chính phủ, nhưng không có nghĩa là hệ thống quốc tế không có thứ bậc xã hội. Trong hệ thống xã hội quốc tế vô chính phủ, yếu tố chính quyết định thứ bậc xã hội là thực lực, còn ở trong xã hội có chính phủ, yếu tố chính quyết định thứ bậc xã hội là quyền lực. Yan Xuetong: *The Analysis of International Relations*, *Ibid*, pp. 31-32.

2. Khái niệm “quan hệ chiến lược” trọng tâm chính là chỉ ảnh hưởng chiến lược đến cục diện quốc tế của tình trạng kết đồng minh, đối địch hoặc không đối địch, không kết đồng minh giữa các nước lớn. Yan Xuetong: *The Analysis of International Relations*, *Ibid*, pp. 31-48.

tầng sâu nhất vẫn là sự thay đổi so sánh thực lực¹. Trong Chiến tranh lạnh, trọng tâm hệ thống Yalta là cục diện hai cực Mỹ - Xô thay thế cục diện cân bằng đa cực lấy châu Âu làm trung tâm. Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc là thời kỳ hệ thống quốc tế mà Mỹ là siêu cường duy nhất. Sự thay đổi so sánh thực lực nước lớn ở đây là từ chỗ Liên Xô và Mỹ - hai siêu cường trở thành chỉ còn Mỹ là siêu cường, sự thay đổi quan hệ chiến lược nước lớn ở đây là sự tan rã của khối Vacsava mà Liên Xô đứng đầu. Do đó, sức mạnh quốc gia, luôn được xem xét trong mối liên hệ tương đối với các nước khác, nhất là sức mạnh của nước đối địch. Ví dụ như sự sụp đổ của Liên Xô năm 1991 và sự suy yếu của Nga sau đó được xem là một nguồn gia tăng sức mạnh của Mỹ trong quan hệ quốc tế.

Các nước trỗi dậy cần căn cứ vào cục diện quốc tế và sự cách biệt về thực lực của nước mình với các nước bá quyền để lựa chọn chiến lược trỗi dậy hợp lý nhằm thay đổi

1. Theo nghiên cứu của Diêm Học Thông, hệ thống quốc tế do ba nhân tố cần thiết tổ hợp thành, bao gồm: Tập hợp hành vi quốc tế, cục diện quốc tế và quy phạm quốc tế. Cục diện quốc tế là sự phân phối thực lực giữa các quốc gia và quan hệ chiến lược giữa các nước lớn. Vì tốc độ biến đổi về chất của tập hợp hành vi và quy phạm quốc tế rất chậm, mà cục diện quốc tế lại thay đổi nhanh, cho nên mọi người khi quan sát sự thay đổi hệ thống quốc tế thường nhìn vào sự thay đổi cục diện quốc tế. Sự thay đổi tổng hợp về lượng của hai yếu tố so sánh tương quan lực lượng giữa các nước lớn và quan hệ chiến lược nước lớn, mới có thể phán đoán về hình thái cục diện quốc tế. Yan Xuetong: *The Analysis of International Relations*, *Ibid*, pp. 31-48.

nguyên trạng đã không còn phù hợp với thế và lực mới, sự thay đổi chiến lược đúng thời điểm có tác dụng quan trọng giúp mục đích trỗi dậy cuối cùng được thực hiện¹. Những lựa chọn chiến lược bao gồm: (i) Chiến lược thôn tính, trước Chiến tranh thế giới thứ hai, chiến lược này thường xuyên được sử dụng, tuy nhiên hiện nay chi phí chi trả cho chiến lược thôn tính tăng cao khiến các quốc gia ngày càng giảm việc sử dụng chiến lược này; (ii) Chiến lược “kết đồng minh” chỉ việc tự coi bản thân là minh chủ và có thể kết đồng minh với các nước mạnh trên thế giới. Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, chiến lược “kết đồng minh” trở thành chiến lược chủ đạo của các nước lớn trỗi dậy để giảm chi phí; (iii) Chiến lược “đi nhờ xe” thông qua việc kết đồng minh kiếm lợi từ các nước bá quyền. Chiến lược này giống với chiến lược “kết đồng minh” ở chỗ đều mượn lực lượng của các nước lớn khác, khác nhau ở chỗ, “đi nhờ xe” coi các quốc gia bá quyền là minh chủ, còn “kết đồng minh” thì coi nước mình làm minh chủ. “Đi nhờ xe” là chiến lược chỉ thích hợp với sự trỗi dậy ở giai đoạn đầu, đến giai đoạn sau, chiến lược này sẽ khó mà thực thi một cách hiệu quả².

1. Sự trỗi dậy của nước lớn có thể được phân làm ba giai đoạn: chuẩn bị, cất cánh và về đích. Về nghĩa hẹp, trỗi dậy đặc biệt là chỉ giai đoạn cất cánh, còn giai đoạn về đích là chỉ giai đoạn hoàn thành cuối cùng của trỗi dậy, đồng thời cũng là giai đoạn then chốt của trỗi dậy. Yan Xuetong: *The Analysis of International Relations*, *Ibid*, pp. 122-131.

2. Yan Xuetong: *The Analysis of International Relations*, *Ibid*, pp. 122-131.

Sự trỗi dậy của Trung Quốc và các nước châu Á hiện nay đang được đặt trong mối tương quan so sánh với sự suy yếu tương đối của Mỹ và phương Tây. Các cường quốc mới nổi, nhất là Trung Quốc cũng được xem như là kẻ thách thức đối với nước bá quyền hiện hữu của hệ thống và các nước lớn khác bởi vì họ có những văn hóa quản trị kinh tế và chính trị khác biệt. Câu chuyện tăng trưởng ấn tượng của Trung Quốc và vị thế được nâng cao tương đối của nước này sau khủng hoảng tài chính toàn cầu đã có tác động sâu sắc đến cấu trúc và chức năng của các thể chế quốc tế mà Trung Quốc tham gia, rất nhiều trong số các thể chế đó phản ánh thế giới quan của Mỹ. Trật tự thế giới hiện tại với trụ cột là các thể chế kinh tế do Mỹ và phương Tây lập ra như Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Ngân hàng Thế giới (WB) đang trải qua khủng hoảng trên 4 khía cạnh toàn diện: chức năng, phạm vi, tính hợp pháp và thẩm quyền. Trong khi Mỹ và phần lớn châu Âu lâm vào suy thoái nghiêm trọng, Trung Quốc trỗi dậy để trở thành một cường quốc kinh tế toàn cầu và một cổ đông chính yếu của các thể chế kinh tế và tài chính: i) nước thương mại lớn nhất và là bạn hàng thương mại lớn nhất của đa số các nước; ii) nguồn viện trợ và phát triển quan trọng; iii) một mô hình phát triển kinh tế hấp dẫn và liên quan.

Trung Quốc thường bị các chính trị gia và học giả phương Tây xem là có ý đồ thiết lập một trật tự thế giới Hán hóa - một trật tự “đặc sắc Trung Quốc”. “Đặc sắc

Trung Quốc” thường được thể hiện trong những thuật ngữ như “kinh tế thị trường đặc sắc Trung Quốc”, hoặc “mô hình Trung Quốc”. Tuy nhiên, sau khủng hoảng kinh tế năm 2008, Trung Quốc đưa ra những lời kêu gọi mạnh mẽ đòi hỏi sự đại diện lớn hơn trong các thể chế như Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ quốc tế và các nước khác bao gồm các nước phát triển phương Tây dường như đã chấp nhận điều này. Uy tín và vị thế của Trung Quốc hiện nay đang được thể hiện trong một loạt các thể chế lớn hơn bất kỳ giai đoạn nào trước đây. Theo thuyết hệ thống thế giới, ngay cả khi trật tự thế giới tương lai bị ảnh hưởng bởi “đặc sắc Trung Quốc”, thì cũng chỉ đơn giản là một sự phản ánh và mở rộng các cấu trúc kinh tế, chính trị và văn hóa trong nước của Trung Quốc mà không làm thay đổi kiến trúc cốt lõi của hệ thống tư bản thế giới¹. Một mặt, sự tham gia và hội nhập trật tự hiện hành là bước đi mới của Trung Quốc nhằm tìm cách hóa giải mâu thuẫn chiến lược giữa Trung Quốc với trật tự do Mỹ và phương Tây chi phối, khuyến khích những nhân tố tích cực trong chính sách của Mỹ với Trung Quốc, không để Trung Quốc thành tâm điểm công kích trong chiến lược toàn cầu của Mỹ². Mặt khác, động thái này cho thấy tính toán chiến lược của Trung Quốc, “đi nhờ xe” để từng bước thay đổi trật tự phù

1. Stephen Olson, Clyde Prestowitz: “The evolving role of China in international institutions”, *Washington DC*, 2011.

2. Phạm Cao Phong: “Chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với các nước lớn trong những năm đầu thế kỷ XXI”, *Tlđđ*, tr. 37.

hợp với lợi ích và thực lực của mình, vì thực tế bất cứ hệ thống nào cũng không thể tự thiết lập được, mà phải dựa trên quá trình chuyển giao quyền lực, hoặc tự nguyện hoặc bị cưỡng ép.

Bước vào thời kỳ quá độ của một cục diện quốc tế mới (tính theo chu kỳ 10 năm từ 2008 đến 2018), lãnh đạo Trung Quốc nhận thức rõ sức mạnh mềm là một công cụ chính sách hữu hiệu để theo đuổi mục tiêu cạnh tranh chiến lược với Mỹ, trong bối cảnh cạnh tranh sức mạnh cứng gặp khó khăn, quan hệ chiến lược với Mỹ và các nước lớn khác căng thẳng do các nước cảnh giác, lo ngại bị Trung Quốc vượt qua. Cụ thể, Tổng thống Trump là sự lựa chọn đúng thời điểm, đại diện cho một xu hướng đồng thuận mới của nội bộ Mỹ trong đánh giá về mối đe dọa Trung Quốc trỗi dậy và trong việc triển khai một chiến lược cạnh tranh toàn diện với Trung Quốc nhằm bảo vệ địa vị lãnh đạo thế giới của Mỹ đang bị Bắc Kinh thách thức. Đề cao vai trò của sức mạnh tổng hợp quốc gia nói chung, sức mạnh mềm văn hóa chính trị nói riêng là lựa chọn chiến lược trỗi dậy của Trung Quốc trong giai đoạn mới.

3. Nhận thức của Trung Quốc về sức mạnh quốc gia trong thực tiễn đối ngoại đầu thế kỷ XXI

3.1. Nhận thức về sức mạnh quốc gia từ cách tiếp cận văn hóa chính trị

Nhận thức mới về sức mạnh tổng hợp quốc gia, đặc biệt là sức mạnh mềm trong thực tiễn chính sách đối ngoại

được thể hiện trên hai lĩnh vực: (i) tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia của bản thân Trung Quốc và (ii) tác động đến tương quan so sánh lực lượng quốc tế. Trong gần hai thập kỷ qua, chiến lược cho con đường trỗi dậy của Trung Quốc đã được phát triển dựa trên sự kết hợp giữa chủ trương chiến lược “đi nhờ xe” (ưu tiên hợp tác với Mỹ và phương Tây) và chiến lược “kết đồng minh”, tập hợp lực lượng linh hoạt với các nước tầm trung và các nước đang phát triển, kém phát triển ở các khu vực.

Từ cách tiếp cận văn hóa chính trị, có thể nói chính sách đối ngoại Trung Quốc đã và đang triển khai bước đầu có những điểm tích cực, phần nào phản ánh khách quan hơn nhận thức mới về sức mạnh tổng hợp quốc gia, trong đó có vai trò thực chất của sức mạnh mềm trong chiến lược trỗi dậy, trở thành cường quốc hàng đầu thế giới. Chính sách đối ngoại trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI bước đầu thể hiện sự tự tin của lãnh đạo Trung Quốc về vị thế của “cường quốc trung tâm”, về khả năng thu phục, đồng hóa các quốc gia, dân tộc khác từ sự ưu đẳng trong hệ giá trị, quan niệm, tư tưởng, mô hình phát triển của mình.

a) Xây dựng nhận thức về sức mạnh tổng hợp quốc gia toàn diện, nhấn mạnh vai trò của sức mạnh mềm:

Xây dựng sức mạnh tổng hợp quốc gia toàn diện, nhận thức về sức mạnh mềm đã có những tác động nhất định tới quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Trong Báo cáo của Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2012, khi đánh giá công tác 10

năm qua đã cho rằng: “Sức mạnh tổng hợp quốc gia, sức cạnh tranh quốc tế, sức ảnh hưởng quốc tế đã được nâng lên tầm cao mới”¹. Sức mạnh tổng hợp quốc gia chủ yếu lấy sức mạnh kinh tế, sức mạnh khoa học kỹ thuật làm cơ sở, nhưng không thể tách rời tinh thần dân tộc, sức ngưng tụ dân tộc, sức mạnh tinh thần cũng là một bộ phận cấu thành quan trọng của sức mạnh tổng hợp quốc gia². Nhận thức về sức mạnh tổng hợp quốc gia là một quá trình phát triển đi vào chiều sâu. Ban đầu, điểm xuất phát của sức mạnh tổng hợp quốc gia chủ yếu là sức mạnh kinh tế và quốc phòng. Sau này càng chú ý hơn đến tính quan trọng của sức mạnh khoa học kỹ thuật trong sức mạnh tổng hợp quốc gia.

Để xây dựng hình ảnh một nước lớn yêu hòa bình và nhanh chóng tạo dựng tầm ảnh hưởng trên khu vực và trên thế giới, phát triển sức mạnh mềm được xem như lựa chọn thông minh và cần thiết nhất của Trung Quốc. Trong khi tăng trưởng kinh tế và đầu tư cho quân sự của nước này (sức mạnh cứng) vẫn còn ít nhiều bị thế giới hoài nghi về mục tiêu hòa bình, thì tăng cường sức mạnh mềm là cơ sở dễ dàng hơn để thuyết phục cộng đồng quốc tế có cách tiếp cận tích cực hơn với một Trung Quốc đang nổi lên. Như một học giả đã từng nhận định: “Sự vắng mặt của Mỹ

1. Báo cáo chính trị Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc 2012.

2. Lý Văn Mẫn: “Tinh thần dân tộc: Tiêu chí quan trọng của sức mạnh quốc gia tổng hợp”, *Tlđđ*.

trong khu vực lại được bù đắp bằng việc Trung Quốc sử dụng một cách thông minh sức mạnh mềm của mình, những nguồn lực giành được thông qua việc kiên trì tạo dựng hình ảnh Trung Quốc như một lãnh đạo yêu hòa bình, tương phản với hình ảnh hiếu chiến của Mỹ¹. Bản thân nước Mỹ chính là một ví dụ của việc tạo dựng và sử dụng thành công quyền lực này nhằm mục tiêu duy trì vị thế siêu cường và đặc biệt là trong quan hệ với các nước khác. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc cũng cho rằng, cần phải tập trung phát triển sức mạnh mềm, bởi lẽ “những quốc gia có thể phát huy tác dụng trong cộng đồng quốc tế và nhận được sự tôn trọng đều là những quốc gia có đầy đủ thực lực về cả sức mạnh cứng và sức mạnh mềm”².

Là một cường quốc đang lên, Trung Quốc đã và đang tham gia ngày càng chủ động và quyết đoán trong các vụ việc quốc tế³. Mặc dù khi tham gia vào các tổ chức quốc tế, diễn đàn đa phương, Trung Quốc ủng hộ tính nguyên trạng của các chuẩn tắc, hành xử trong các vấn đề như chủ

1. Phar Kim Beng: “Beijing nurtures its regional influence”, *Ibid.*

2. Thông tấn xã Việt Nam: “Trung Quốc xác định xây dựng sức mạnh mềm là nhiệm vụ chiến lược”, Tài liệu tham khảo đặc biệt, *Thông tấn xã* ngày 4/6/2007, tr. 18 - 29.

3. Các học giả phương Tây cho rằng Trung Quốc vừa là quốc gia “giữ nguyên trạng” (status-quo state), vừa là quốc gia “xét lại” (revisionist state) tùy vào từng vấn đề. Nguồn: Alastair I. Johnston: “Is China a status quo Power?”, *International Security*, Vol. 27, No.4, Spring 2003, pp. 55-56.

quyền quốc gia, cơ chế an ninh kiểm soát vũ khí quốc tế..., nhưng nước này vẫn chủ trương thay đổi trong các vấn đề về chia sẻ quyền lực, vị thế quốc tế và biên giới lãnh thổ. Nhằm thúc đẩy một thế giới đa cực, chính sách ngoại giao thời Hồ Cẩm Đào đã liên tục xây dựng một mạng lưới các đối tác chiến lược trên cả bình diện đa phương và song phương, bao gồm tất cả các cường quốc và các tổ chức khu vực trên thế giới như Nga, Pháp, Anh, ASEAN, Liên minh châu Âu, Nam Phi, Canada, Braxin, Ấn Độ, Mêhicô và Nhật Bản. Trung Quốc cũng muốn sử dụng “đối tác chiến lược” như một kiểu “lá chắn” để bảo vệ an ninh quốc gia. Thậm chí, “quan hệ đối tác chiến lược” còn được Trung Quốc sử dụng như một công cụ hữu hiệu để thâm nhập vào không gian địa - chính trị mới. Ngoài ra, Trung Quốc còn tận dụng khái niệm “đối tác chiến lược” để đạt được các lợi ích kinh tế trong quan hệ với các nước cần quan tâm, đồng thời buộc các nước khác phải rơi vào quỹ đạo ảnh hưởng, phụ thuộc lâu dài vào Trung Quốc¹. Chiến lược này không chỉ giữ vững mục tiêu của Trung Quốc nhằm giữ vững vị trí là một cực quan trọng trong hệ thống đa cực, mà còn là cách thức Trung Quốc cân bằng lực lượng, dùng các cường quốc khác làm đối trọng nhằm nâng cao vị thế của mình trong quan hệ song phương Mỹ - Trung.

1. Lê Thế Mẫu: Nhận diện quan hệ đối tác chiến lược trong kỷ nguyên toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, tháng 8/2016, xem tại: <http://tapchiquptd.vn/vi/binh-luan-phe-phan/nhan-dien-quan-he-doi-tac-chien-luoc-trong-ky-nguyen-toan-cau-hoa-va-hoi-nhap-quoc-te/9196.html>.

Hồ Cẩm Đào đặt quan hệ với các nước láng giềng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương ở trung tâm chính sách đối ngoại bởi vấn đề an ninh của Trung Quốc vẫn phụ thuộc vào việc giữ vững mối quan hệ tốt đẹp với các nước này. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề trong quan hệ láng giềng, mà trong đó mâu thuẫn về biên giới là một trong những vấn đề tồn tại dai dẳng và nghiêm trọng nhất¹. Để hợp tác với các nước láng giềng và tạo nên một môi trường biên giới có lợi cho công cuộc đổi mới kinh tế, lãnh đạo Trung Quốc đã thực hiện những bước đi có chủ đích nhằm tạo nên chính sách xung quanh, được biết đến như chính sách láng giềng hữu nghị kể từ những năm 1980, nhằm đến mục tiêu thăm dò các nền tảng chung với các quốc gia châu Á khác trên các lĩnh vực kinh tế, an ninh và truyền tải hình ảnh của một cường quốc có trách nhiệm, sẵn sàng góp phần xây dựng ổn định và hợp tác trong khu vực².

1. Ở phía bắc, mặc dù quan hệ Trung - Nga có vẻ phát triển tốt trong những năm gần đây, người Nga vẫn luôn lo ngại về việc Trung Quốc sẽ “đòi lại” các vùng đất thừa dân ở phía đông nước này. Ở phía nam, quan hệ giữa Ấn Độ và Trung Quốc bị chi phối bởi vấn đề biên giới vẫn chưa giải quyết từ hơn 50 năm nay. Ở phía đông, Trung Quốc phải đối mặt với Nhật Bản về những tranh chấp trên vùng biển Hoa Đông giàu tiềm năng khai thác ga và khí đốt. Còn phía đông nam Trung Quốc là những quốc gia Đông Nam Á với những xung đột về chủ quyền, lợi ích trên Biển Đông.

2. Zhao Suisheng: “Chinese Foreign Policy in Hu’s Second Term: Coping with Political Transition Abroad”, xem tại: <http://www.fpri.org/enotes/20080510.zhao.chineseforeignpolicyhu.html>.

Chính sách đối ngoại của Trung Quốc giai đoạn này thể hiện đánh giá thận trọng của giới lãnh đạo Trung Quốc mà cụ thể là Hồ Cẩm Đào trong nhiệm kỳ đầu về tình hình quốc tế, tương quan lực lượng và vị trí của Trung Quốc trên bàn cờ khu vực và thế giới. Đặc biệt, chính sách này đã đánh dấu bước chuyển quan trọng đầu tiên trong nhận thức về sức mạnh quốc gia từ cách tiếp cận văn hóa chính trị của giới lãnh đạo Trung Quốc đầu thế kỷ XXI. Sau cuộc khủng hoảng tài chính thế giới 2008-2009, khi Mỹ và phương Tây gặp khó khăn trong việc tái điều chỉnh cơ cấu nhằm khắc phục hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu, lãnh đạo Trung Quốc đón bắt thời cơ này để triển khai sức mạnh cứng về quân sự trong các điểm nóng khu vực, đồng thời phác thảo những đường nét đầu tiên của chính sách đối ngoại hướng ra bên ngoài khu vực. Hồ Cẩm Đào đã tận dụng triệt để một loạt chính sách ngoại giao như viện trợ quốc tế, trao đổi văn hóa, gìn giữ hòa bình, tổ chức những hội nghị và ký kết các hiệp định cấp cao với các nước và các tổ chức trong khu vực. Hồ Cẩm Đào còn chủ trương mở rộng ảnh hưởng đến các khu vực mà các nước lớn chưa để tâm hoặc chưa gây ảnh hưởng tới như châu Phi, Trung Á¹.

1. Đầu năm 2006, Trung Quốc đưa ra chính sách châu Phi với nội dung chính là thúc đẩy quan hệ trên tất cả các phương diện với các quốc gia thuộc lục địa giàu tài nguyên thiên nhiên này. Nguồn: Phạm Hồng Anh: “Chính sách đối ngoại của Trung Quốc dưới thời Hồ Cẩm Đào”, Khoá luận tốt nghiệp Học viện Ngoại giao Việt Nam, tháng 5/2012.

b) Quảng bá các quan niệm, hệ giá trị Trung Quốc:

Với thế mạnh văn hóa sẵn có của một nền văn minh lâu đời, Trung Quốc coi văn hóa là công cụ để tiếp cận các nguồn lực khác. Trung Quốc cố gắng xây dựng một hình ảnh mới về một đất nước yêu hoà bình, có trọng trách với thế giới trong vai trò “cường quốc trung tâm”. Các lãnh đạo Trung Quốc nhấn mạnh tới việc phải xây dựng chính sách đối ngoại dựa trên cơ sở sức mạnh cứng và mềm, sức hấp dẫn của văn hóa và tư tưởng truyền thống của Trung Quốc, cụ thể là hệ tư tưởng xã hội hài hòa, thế giới hài hòa và phát triển hòa bình của Trung Quốc. Bản thân luận thuyết “thế giới hài hòa” đã kế thừa những giá trị đúc kết trong đạo Khổng, kết hợp với những lý luận từ kho tàng triết học và văn hóa chính trị truyền thống để trở thành một chiến lược trong chính sách đối ngoại của Trung Hoa. Năm 2005, phát biểu tại Liên hợp quốc, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào lần đầu tiên đưa ra khái niệm “thế giới hài hòa”, nhấn mạnh tư tưởng hòa hiếu và đường lối phát triển hòa bình của Trung Quốc. Tại Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc, Hồ Cẩm Đào nhấn mạnh: “Trung Quốc sẽ nhất quán đi theo con đường phát triển hòa bình và kiên quyết theo đuổi một chính sách ngoại giao hòa bình độc lập... Trung Quốc phản đối chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền dưới tất cả các hình thức, không can thiệp vào các vấn đề nội bộ của các nước khác và sẽ

không bao giờ tìm kiếm quyền bá chủ hoặc tham gia vào việc bành trướng”¹. Nói cách khác, tư tưởng “hòa nhập nhưng không hòa tan” mà Khổng Tử nêu ra hơn 2.000 năm trước là một trong những kết tinh quý báu của trí tuệ chính trị mấy nghìn năm của Trung Quốc, có ý nghĩa thực tiễn to lớn đối với xử lý nhiều vấn đề quan trọng trong đối ngoại Trung Quốc.

Trong chiến lược ngoại giao nước lớn, Trung Quốc đã từng bước áp dụng khá hiệu quả chủ trương “hòa nhập nhưng không hòa tan”. Ngoại giao Trung Quốc thường mang màu sắc chống Mỹ, nhấn mạnh đến chống bá quyền, phản đối chính trị cường quyền, chủ trương đa cực hoá chống lại cục diện đơn cực do một mình Mỹ lãnh đạo. Khi mới lên cầm quyền, Tập Cận Bình cũng phát biểu rằng: “Đảng Cộng sản Trung Quốc đề cao chính sách đối ngoại độc lập và hòa bình, đi theo đường lối phát triển hòa bình và một chiến lược mở cửa cùng thắng, cân nhắc cả tình hình trong nước và bối cảnh quốc tế, đồng thời tích cực phát triển các mối quan hệ với các nước khác nhằm mang lại một môi trường quốc tế thuận lợi cho sự cải cách, mở cửa và hiện đại hóa của Trung Quốc. Trong các vấn đề quốc tế, Trung Quốc giữ vững độc lập và chủ quyền của mình, phản đối chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền, bảo vệ hòa bình thế giới, thúc đẩy tiến bộ con người

1. Hu Jintao: “Full text of Hu Jintao's report at 18th Party Congress”, *Ibid*.

và thúc đẩy việc xây dựng một thế giới hài hòa của hòa bình lâu dài và sự thịnh vượng chung”¹.

Trên thực tế, Trung Quốc chỉ chống chính trị cường quyền và chủ nghĩa bá quyền Mỹ khi nào nó đụng chạm đến lợi ích quốc gia trực tiếp của Trung Quốc, không phải lúc nào Trung Quốc cũng coi chống bá quyền Mỹ là mục tiêu. Quan hệ Trung - Mỹ có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự nghiệp hiện đại hoá của Trung Quốc, lãnh đạo Bắc Kinh luôn đặt việc xây dựng, duy trì và phát triển quan hệ bình thường với Mỹ lên vị trí hàng đầu trong ngoại giao Trung Quốc, tránh đối đầu, xử lý tốt mọi bất đồng. Đối với Trung Quốc, điều quan trọng trong tiến trình đa cực hoá là phải giải quyết hài hoà sự hiện diện của siêu cường Mỹ².

Dưới thời Tập Cận Bình, nhận thức rõ vai trò của quyền lực mềm, Trung Quốc trong những năm gần đây đã thúc đẩy ngoại giao văn hóa, xây dựng các học viện Khổng Tử trên toàn thế giới và tăng cường vai trò của các viện tham mưu trong nước³. Việc tuyên truyền những tư tưởng văn hóa, chính trị Nho giáo sẽ có hiệu quả đặc biệt lớn đối với khu vực Đông Á, nơi các quốc gia láng giềng của Trung Quốc từ lâu đã chia sẻ nền tảng tư tưởng đạo

1. “Full text: Constitution of Communist Party of China (Adopted on Nov. 14, 2012)”, xem tại: http://china.org.cn/china/18th_cpc_congress/2012-11/16/content_27138030.htm.

2. Tú Linh: “Một số nét chính trong chiến lược ngoại giao nước lớn của Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XXI”, *Tlđđ*, tr. 46-47.

3. <https://thediplomat.com/2015/06/the-rise-of-chinas-new-soft-power/>.

Nho, đạo Khổng. Bên cạnh việc tăng cường thiết lập các học viện Khổng Tử, Trung Quốc còn cấp học bổng cho học sinh các nước đến Trung Quốc học tập, trong đó dành nhiều ưu tiên cho khu vực Đông Nam Á¹. Trong một bài báo phỏng vấn của Tân Hoa xã, giám đốc điều hành Viện Mỹ - Trung của Đại học Nam California (USC) định nghĩa về quyền lực mềm như sau: “Quyền lực mềm mô tả khả năng thu hút và hòa nhập thay vì sử dụng vũ lực”². Trương Vệ Hồng cho rằng người Trung Quốc ngày càng mong muốn có một đời sống văn hóa phong phú hơn và sẽ tăng cường vai trò của văn hóa như một phần sức mạnh mềm của nước này³. So với các tập đoàn truyền thông

1. Trung Quốc gia tăng mạnh việc trao đổi sinh viên với các nước trong khu vực, nhận và tài trợ cho một số lượng đông đảo sinh viên từ các nước này sang học ở Trung Quốc, tích cực tham gia các hoạt động giao lưu văn hoá nghệ thuật trong khu vực, cung cấp cho các nước Tiểu vùng sông Mê Công 1.000 suất học bổng trong 5 năm và viện trợ cho các nước này nhiều kinh phí cho việc đào tạo Hán ngữ. Hợp tác văn hóa cũng là một phần quan trọng trong quan hệ giao lưu văn hóa với các nước. Nghệ thuật và văn hóa truyền thống của Trung Quốc như thư pháp, hội họa, võ công, kinh kịch, phim ảnh, thậm chí cả ẩm thực và trang phục truyền thống... đã có mặt từ lâu trong đời sống của người dân châu Á, có những nét hấp dẫn và thu hút riêng.

2. Song Lifang: “Interview: China's soft power accumulated in several aspects: U.S. scholar”, xem tại: http://www.xinhuanet.com/english/2017-07/24/c_136468620.htm.

3. Weihong Zhang: “China’s cultural future: from soft power to comprehensive national power”, *International Journal of Cultural Policy*, 16:4, 2010, p. 384.

phương Tây như CNN và BBC, các cơ quan truyền thông Trung Quốc vẫn ở giai đoạn đầu, nhưng thành công của Al-Jazeera cho thấy việc vượt qua một thách thức nghiêm trọng đối với truyền thông phương Tây không phải là khó khăn như người ta tưởng¹. Một yếu tố quan trọng khác trong sự hấp dẫn của Trung Quốc với các nước đang phát triển là mô hình nhấn mạnh sự kiểm soát quyền lực từ giới cầm quyền đối với sự phát triển, giảm đói nghèo, chỉ tập trung cải cách kinh tế mà không phải thực hiện các cải cách chính trị như phương Tây yêu cầu².

c) Xây dựng hình ảnh một cường quốc có trách nhiệm, mở rộng ảnh hưởng thông qua các sáng kiến hợp tác:

Trung Quốc luôn khẳng định sự phát triển của Trung Quốc không đe dọa bất kỳ quốc gia nào, ngược lại, nó có lợi cho hòa bình, ổn định của khu vực. Tuy nhiên, sự gia tăng thịnh vượng vật chất đã giúp tăng cường sức mạnh quốc gia của Trung Quốc, nhưng không giúp tăng sự tin cậy và tôn trọng của thế giới đối với Trung Quốc. Thay vào đó,

1. CCTV phát sóng 6 kênh quốc tế bằng 5 ngôn ngữ và tuyên bố có khoảng 125 triệu khán giả trên toàn cầu. Tân Hoa xã là cơ quan thông tấn đáng chú ý nhất trong thế giới đang phát triển và trở thành nguồn tin chính cho châu Phi. Martin Jacques: *When China Rules the World, Ibid*, p. 551.

2. Joshua Kurlantzich: “Sự tấn công hiệu quả của Trung Quốc vào Đông Nam Á”, *Thông tin tham khảo quan hệ quốc tế* (lưu hành nội bộ), Học viện Quan hệ quốc tế, số tháng 12/2006, tr. 9.

sự gia tăng sức mạnh vật chất của Trung Quốc đã làm dấy lên những quan ngại của phương Tây về “mối đe dọa Trung Quốc”. Trung Quốc vẫn đang nỗ lực xây dựng hình ảnh một nước lớn với nền ngoại giao lớn, mà một trong những cách để đạt được mục tiêu đó là tạo dựng uy tín một cường quốc có trách nhiệm. Trong chủ thuyết xây dựng “thế giới hài hòa” của mình, Trung Quốc sẽ là một nước lớn có trách nhiệm, cùng các cường quốc khác hợp tác giải quyết các vấn đề lớn của thời đại. Xây dựng hình ảnh một nước lớn có trách nhiệm, theo cách giải thích của các nhà lãnh đạo Trung Quốc, có nghĩa là: “Lợi ích an ninh và lợi ích kinh tế của Trung Quốc phụ thuộc chủ yếu vào sự tương tác với thế giới bên ngoài, vì thế Trung Quốc phải tham gia tích cực hơn vào quan hệ quốc tế, điều này ngụ ý rằng Trung Quốc cần phải đạt được điều gì đó cũng như cần phải chung vai, chung sức gánh trách nhiệm”¹. Báo cáo của Tập Cận Bình tại Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng nêu: “Trung Quốc vẫn kiên trì theo đuổi một chính sách đối ngoại hòa bình, độc lập. Chúng tôi tôn trọng quyền ở người dân của tất cả các quốc gia để lựa chọn con đường phát triển của riêng họ. Chúng tôi nỗ lực để duy trì sự công bằng và công lý quốc tế, phản đối các hành vi áp đặt ý chí của người khác hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của người khác cũng như

1. Ye Zicheng: *Xin Zhonguo waijiao sixiang: cong Mao Zedong dao Deng Xiaoping* (Tư tưởng ngoại giao mới của Trung Quốc: Từ Mao Trạch Đông đến Đặng Tiểu Bình), Nxb. Đại học Bắc Kinh, Bắc Kinh (Trung Quốc), 2001.

bất nạt kẻ yếu. Trung Quốc sẽ không bao giờ theo đuổi sự phát triển với chi phí là lợi ích của nước khác, nhưng cũng không phải Trung Quốc sẽ từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Không ai có thể mong đợi chúng tôi nuốt bất cứ thứ gì làm suy yếu lợi ích của chúng tôi. Trung Quốc theo đuổi một chính sách quốc phòng tự vệ. Sự phát triển của Trung Quốc không đe dọa đến bất kỳ quốc gia nào khác. Ở bất kỳ giai đoạn phát triển nào, Trung Quốc sẽ không bao giờ tìm kiếm bá quyền hoặc liên quan đến việc bành trướng”¹.

Trung Quốc đang từng bước tham gia vào những thể chế, cam kết quốc tế. Trung Quốc đã chuyển mình, từ một kẻ đứng ngoài trở thành một thành viên có trách nhiệm trong mọi vấn đề quốc tế². Quá trình Trung Quốc tham gia các tổ chức, thể chế quốc tế là rõ ràng và có hiệu quả. Trung Quốc đã chủ động tham gia trong việc tạo lập “luật chơi” phù hợp với lợi ích của mình chứ không đơn giản chấp nhận luật chơi do các nước lớn khác đặt ra tại các tổ chức, cơ chế, diễn đàn khu vực như Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Diễn đàn Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS), ASEAN +3, Diễn đàn Kinh tế thế giới Davos, BRICS, v.v... Điều này

1. Xi Jinping: Full text of Xi Jinping's report at 19th Party Congress, xem tại: <http://www.xinhuanet.com/english/special/2017-11/03/c136725942.htm>.

2. Alastair I. Johnston: “Is China a status quo Power?”, *International Security*, *Ibid*, pp.5-56.

phản ánh sự tự tin của Trung Quốc trong vai trò là một cường quốc, một cực quan trọng của thế giới đa cực đang đóng góp xây dựng và hoàn thiện một hệ thống quan hệ quốc tế hiện đại, một “thế giới hài hòa” như mục tiêu nước này hướng đến. Tuy nhiên, cách thức tạo lập luật chơi của Trung Quốc với một số cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN đang gặp phải những khó khăn, dẫn đến nguy cơ chia rẽ nội bộ khối.

Không chỉ tham gia vào các diễn đàn đa phương và các tổ chức quốc tế, Trung Quốc còn thể hiện trách nhiệm trong việc chung tay giải quyết các vấn đề an ninh quốc tế, các điểm nóng của thế giới. Sau vụ khủng bố ngày 11/9/2001 tại Mỹ, Hồ Cẩm Đào đã nhấn mạnh Trung Quốc “tham gia chống khủng bố dưới mọi hình thức”. Ưu tiên này trước hết là để đảm bảo an ninh của chính Trung Quốc. Trung Quốc không còn “thao quang dưỡng hối” (giấu mình chờ thời) như dưới thời Đặng Tiểu Bình nữa, mà đã chuyển hẳn sang “sở hữu tác vi, đại hữu tác vi” (nắm lấy thời cơ). Việc Trung Quốc sẵn sàng gánh vác trách nhiệm chung đối với những nghĩa vụ toàn cầu cho thấy quốc gia này đã sẵn sàng trở thành một “cổ đông có trách nhiệm”¹ trên thế giới.

Để hỗ trợ cho thuyết “phát triển hòa bình” của mình, Trung Quốc đã mạnh tay đầu tư và hỗ trợ tài chính cho các nước nghèo và các nước đang phát triển dưới mục

1. Theo Trần Tiên Khuê: *Đặng Tiểu Bình: Từ lý luận đến thực tiễn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.

tiêu danh nghĩa là giảm khoảng cách chênh lệch nam - bắc, đảm bảo mọi quốc gia phát triển kinh tế đồng đều, đồng thời thúc đẩy hợp tác hài hoà giữa các nước lớn, quan hệ láng giềng hữu nghị và cùng phát triển với các nước xung quanh, tăng cường đoàn kết và hợp tác với các nước đang phát triển. Tổ chức tốt Diễn đàn châu Á Bắc Ngao, Hội nghị Thượng đỉnh SCO, Diễn đàn Hợp tác Trung Quốc - châu Phi... Tiếp tục phát huy vai trò nước lớn có tinh thần trách nhiệm trong giải quyết các vấn đề điểm nóng quốc tế và khu vực. Hoàn thiện hệ thống bảo đảm an ninh lợi ích của Trung Quốc ở nước ngoài. Trung Quốc bày tỏ mong muốn cùng với các nước nỗ lực xây dựng cộng đồng chung vận mệnh của nhân loại.

Không chỉ tạo dựng sự ảnh hưởng với các nước láng giềng bằng con đường hợp tác về kinh tế, Trung Quốc còn tìm cách giải quyết những mâu thuẫn, xung đột về an ninh, cải thiện quan hệ các nước láng giềng dựa trên khái niệm “an ninh mới”, lấy “tin cậy lẫn nhau, cùng có lợi, bình đẳng, hợp tác” làm hạt nhân hợp tác, chủ trương thông qua đối thoại tăng thêm tín nhiệm lẫn nhau, thông qua hợp tác xúc tiến an ninh chung¹. Trung Quốc dưới thời Hồ Cẩm Đào đã từng bước tiến hành giải quyết căng thẳng biên giới với các nước láng giềng như Nga,

1. Giang Tây Nguyên, Hạ Lập Bình: *Trỗi dậy hòa bình*, Nxb. Khoa học xã hội Trung Quốc, 2004, (Bản dịch của Dương Danh Dy, Hà Nội, tháng 7/2005, tr.29-40).

Cadăcxtan, Lào, Tátgikixtan, Ấn Độ và Việt Nam. Trong đàm phán các hiệp định, thỏa thuận, đôi khi Trung Quốc có những nhượng bộ nhất định, nhận một nửa hoặc ít hơn diện tích khu vực lãnh thổ có tranh chấp¹. Trên Biển Đông, sau nhiều năm đàm phán, thỏa thuận, cuối cùng “Bản Thỏa thuận về hướng dẫn thực thi DOC” đã được đưa ra năm 2011 tại hội nghị ở Indônêxia. Hiện nay, các bên đang hướng đến việc soạn thảo và ký kết “Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông” (COC). Đây là cơ hội để Trung Quốc chứng tỏ thành ý “mục lân, an lân” (thân thiện với láng giềng, ổn định với láng giềng), tạo dựng niềm tin cũng như đáp ứng được kỳ vọng của các nước láng giềng về một khu vực hòa bình, ổn định.

Về ưu tiên trong chính sách đối ngoại, Tập Cận Bình và ban lãnh đạo mới của Trung Quốc đã xác định rõ những ưu tiên trong chính sách đối ngoại của mình là: (i) cải thiện và phát triển quan hệ với các nước lớn, thúc đẩy quan hệ nước lớn kiểu mới phát triển lâu dài, ổn định và lành mạnh; (ii) củng cố hữu nghị láng giềng, đi sâu hợp tác cùng có lợi, nỗ lực để sự phát triển của bản thân đem lại lợi ích cho các nước xung quanh; (iii) tăng cường hợp tác đoàn kết với đông đảo các quốc gia đang phát triển, mãi mãi là người bạn đáng tin cậy và là đối tác chân thành của các nước đang phát triển; (iv) tham dự các công việc quốc tế tích cực hơn, phát huy vai trò nước lớn có

1. K. R. Al-Rodhan: “A Critique of the China Threat Theory: A systematic analysis”, *Asian Perspective*, 2007 Vol.31, No.3, pp. 41-66.

trách nhiệm; (v) tích cực thúc đẩy giải quyết các tranh chấp quốc tế và các điểm nóng khu vực bằng biện pháp hoà bình.

Kể từ sau Đại hội XVIII, phương châm đối ngoại của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình đã có bước điều chỉnh mang tính chiến lược, từ phương châm “giấu mình chờ thời” chuyển sang “trỗi dậy mạnh mẽ”, “nỗ lực lập công”. Trong Báo cáo chính trị được trình bày tại Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc, Tập Cận Bình nhấn mạnh Trung Quốc tích cực phát triển quan hệ đối tác trên toàn cầu, mở rộng điểm giao thoa lợi ích với các nước khác, thúc đẩy điều phối và hợp tác với nước lớn, xây dựng khung quan hệ nước lớn ổn định về tổng thể, phát triển cân bằng và làm sâu sắc thêm quan hệ với các nước láng giềng. Ông đặt ưu tiên vào việc xử lý, ổn định quan hệ với các nước lớn theo khuôn khổ “quan hệ quốc tế kiểu mới”; cải thiện quan hệ với các nước láng giềng theo phương châm “thân, thành, huệ, dung”¹, đề xướng xây dựng “cộng đồng chung vận mệnh nhân loại”, đưa ra nhiều sáng kiến trong đó đáng chú ý là sáng kiến “Vành đai và Con đường”. Đường lối đối ngoại được xác lập trong Đại hội XIX được dự đoán sẽ tiếp tục những chính sách đối ngoại mà Trung Quốc đã triển khai trong thời gian vừa qua nhằm thực hiện mục tiêu đưa Trung Quốc trở thành cường quốc hàng đầu thế giới vào giữa thế kỷ XXI.

1. Tức là: thân thiện, chân thành, cùng có lợi và bao dung (BT).

Tại Đại hội XVIII, Đảng Cộng sản Trung Quốc xác định chú trọng cải thiện và phát triển quan hệ với các nước lớn, đồng thời thúc đẩy xây dựng quan hệ nước lớn kiểu mới phát triển lâu dài, ổn định và lành mạnh nhằm đạt được sự công nhận của cộng đồng quốc tế về một vị trí ngang hàng với Mỹ trong nhóm những nước lãnh đạo toàn cầu. Trung Quốc đã chủ động xây dựng quan hệ với các nước lớn, đề xuất khung quan hệ nước lớn kiểu mới với Mỹ, gia tăng ảnh hưởng địa - chính trị thông qua sáng kiến “Vành đai và Con đường”, thách thức vai trò và ảnh hưởng với các thể chế tài chính truyền thống thông qua thành lập nhiều tổ chức tài chính quốc tế mới như Ngân hàng đầu tư cơ sở hạ tầng châu Á, Ngân hàng phát triển mới.

Đối với Trung Quốc, khu vực Đông Á là vũ đài trung tâm, là bàn đạp tiến lên giành quyền chủ đạo toàn cầu, đồng thời cũng là khu vực Trung Quốc coi là vùng ảnh hưởng truyền thống. Do đó, một mặt Trung Quốc coi trọng quan hệ với các nước xung quanh trong chủ trương “thân, thành, huệ, dung”, mặt khác, gây sức ép cho các nước nhỏ và vừa phải “chọn phe”, ngả hẳn theo Trung Quốc, không cho phép chính sách “nước đôi”.

Thông qua ngoại giao đa phương và các sáng kiến hợp tác kết nối, Trung Quốc từng bước “phủ sóng” toàn cầu. Trung Quốc vừa tích cực tham gia các cơ chế đa phương sẵn có ở khu vực và quốc tế, đồng thời thiết lập mạng lưới hợp tác kinh tế của Trung Quốc bao phủ các khu vực, thúc đẩy tập hợp lực lượng mới, qua đó làm gia tăng đáng kể sự

hiện diện ở nhiều khu vực như châu Phi, Trung Á, Đông Nam Á, thậm chí cả châu Âu¹. Trung Quốc cũng đưa ra nhiều sáng kiến và chương trình nghị sự cho phát triển kinh tế, nổi bật nhất là: “Vành đai kinh tế con đường tơ lụa mới” và “Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ XXI”, xây dựng Ngân hàng Đầu tư cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB)... Việc thúc đẩy các đại chiến lược và các sáng kiến mới, tham gia đăng cai tổ chức nhiều sự kiện quốc tế lớn đã phần nào thể hiện sự tự tin và bản lĩnh của ngoại giao Trung Quốc².

Những sáng kiến Vành đai và Con đường, cộng đồng chung vận mệnh, v.v. thể hiện tham vọng và tính toán chiến lược quy mô toàn cầu của Trung Quốc dưới sự lãnh

1. Trong chiến lược đối ngoại của mình, Trung Quốc đã xác định ngoại giao đa phương là “vũ đài quan trọng”, tích cực tham gia giải quyết các vấn đề quốc tế cũng như định hình luật chơi toàn cầu, ngày càng tích cực, chủ động tham gia vào cải cách và xây dựng hệ thống quản trị toàn cầu, cụ thể như hoàn thiện khung quản trị phát triển toàn cầu, tăng cường điều tiết giữa các cơ chế khác nhau; nâng cao địa vị vai trò của Liên hợp quốc trong quản trị phát triển toàn cầu, coi trọng và tích cực dẫn dắt vai trò của G20 trong quản trị phát triển toàn cầu, tích cực tham gia vào các tổ chức hợp tác kinh tế và viện trợ phát triển.

2. Ngân hàng Đầu tư cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB) là ví dụ rõ ràng cho thấy sự quyết tâm và tự tin của Trung Quốc nhằm khẳng định sự trỗi dậy và ảnh hưởng của nước này trong một phạm vi rộng hơn mà không cần sự chấp thuận của Mỹ. Trung Quốc ngày càng tự tin và có tham vọng sắp đặt lại trật tự trước hết trong lĩnh vực như kinh tế, thương mại.

đạo của Tập Cận Bình¹. Trong “thời kỳ cơ hội chiến lược” của Trung Quốc, Tập Cận Bình muốn phục hồi sức mạnh của Trung Quốc và niềm tự hào về quá khứ khi đề xướng “Giấc mơ Trung Quốc”. Giấc mơ Trung Quốc chính là trở thành một Trung Quốc tự tin, thay thế Mỹ trở thành siêu cường lãnh đạo thế giới². Sáng kiến Một vành đai, Một con đường/Sáng kiến Vành đai và Con đường (gọi tắt là Sáng kiến OBOR/BRI) bao gồm Vành đai kinh tế con đường tơ lụa (SREB) và Con đường tơ lụa trên biển (MSR) được đề xuất bởi Tập Cận Bình vào tháng 9 và tháng 10/2013 khi ông tới thăm các nước Trung Á và Đông Nam Á. Sáng kiến “Vành đai và Con đường” in đậm dấu ấn của “thời đại Tập Cận Bình” nhằm: (i) phục vụ các mục tiêu kinh tế và địa chính trị, hiện thực hóa mục tiêu phục hưng dân tộc Trung Hoa và “Giấc mơ Trung Quốc” của Tập Cận Bình và trước hết là xây dựng sự hiện diện và ảnh hưởng cả về kinh tế và quân sự tại khu vực xung quanh Trung Quốc nhằm đối phó lại sự kiềm chế ảnh hưởng của Mỹ tại khu vực; (ii) giải quyết vấn đề năng lực sản xuất dư thừa của Trung Quốc;

1. Trung Quốc đã đưa ra một loạt những sáng kiến, cơ chế về an ninh và kinh tế như “Vành đai và Con đường”, ngân hàng AIIB, hợp tác Mê Công - Lan Thương, RCEP, ACFTA 2.0... đồng thời Trung Quốc cũng tăng cường và mở rộng vai trò của các tổ chức mà Trung Quốc có ảnh hưởng, nhất là các tổ chức không có sự tham gia của Mỹ và phương Tây như SCO, BRICS...

2. Liu Mingfu: *China Dream: Great Power Thinking and Strategic Positioning of China in the Post-American Age*, Beijing: China Friendship Publishing Company, 2008.

(iii) hỗ trợ doanh nghiệp Trung Quốc phát triển ở ngoài nước; (iv) gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc, OBOR/BRI là một siêu dự án bao gồm nhiều khu vực và các quốc gia liên quan đã dần trở thành một chiến lược quốc gia hàng đầu, được sử dụng như một công cụ chính sách thúc đẩy lợi ích của Trung Quốc ở nước ngoài... Năm 2017, Trung Quốc đã tổ chức thành công hội nghị về Vành đai và Con đường tại Bắc Kinh¹. Trung Quốc muốn từng bước thể chế hóa BRI thành một công cụ lâu dài về đối ngoại để xây dựng khu vực ảnh hưởng, thiết lập luật chơi theo kiểu của Trung Quốc và cạnh tranh với các nước khác ở khu vực.

Sáng kiến này là thông điệp của Tập Cận Bình về Trung Quốc mới đang trỗi dậy, có sức cạnh tranh cao, có thể đem tới một phiên bản mới của trật tự quốc tế với Trung Quốc ở vị trí “cường quốc trung tâm”, tạo dựng một mô hình mới trong quan hệ quốc tế dựa trên nền tảng đạo đức, có “sự tham vấn rộng rãi và bình đẳng”, “sự đóng góp chung và chia sẻ lợi ích” và “sự công bằng thực chất và tôn trọng người khác.” Trong cuộc họp báo tại Kỳ họp thứ ba Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc khóa XII ngày 8/3/2015, khi công bố sáng kiến “Vành đai và Con đường”, Bộ trưởng Ngoại giao Vương Nghị phân biệt sáng

1. Diễn đàn Hợp tác quốc tế Vành đai và Con đường diễn ra tại Bắc Kinh trong hai ngày 14-15/5/2017 với sự tham gia của 29 nguyên thủ và lãnh đạo chính phủ các nước cùng đại diện của hơn 100 quốc gia và tổ chức quốc tế (Tổng thư ký Liên hợp quốc, Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ quốc tế, Tổ chức Thương mại thế giới, v.v..)

kiến mới của Trung Quốc với kế hoạch Marshall của Mỹ trong Chiến tranh lạnh, nhấn mạnh rằng sáng kiến mới ra đời trong thời kỳ toàn cầu hóa và là sản phẩm của hợp tác mở, không phải là công cụ địa - chính trị và không xuất phát từ tư duy thắng - thua lỗi thời¹. Trung Quốc đã nghiên cứu thái độ của phương Tây cũng như của các nước láng giềng từ lâu, dự án Vành đai và Con đường là một chiến lược mà lãnh đạo Trung Quốc đã vạch ra để thích ứng với sự vận động của các cường quốc khác và nhờ nó, Trung Quốc có thể đạt được các mục tiêu của mình².

Trung Quốc muốn cài đặt lại quan hệ nước lớn kiểu mới với Mỹ và phương Tây, công khai thể hiện vai trò nước lớn, tuy nhiên đánh giá chưa đúng về Tổng thống Mỹ D. Trump và chiến lược toàn cầu của nước Mỹ, cho rằng Trump là “nhà buôn”, có thể tiếp cận ông và gia đình ông để “ngã giá”. Đối với các nước láng giềng và các nước lớn khác, Trung Quốc nhận định sai lầm sức mạnh và ảnh hưởng của Mỹ ở các nước này đã suy giảm, cho rằng chỉ có phương án Trung Quốc là giải pháp cuối cùng, dẫn đến cách áp đặt một chiều đối với các nước này. Sự bế tắc của phương Tây sau khủng hoảng tài chính đáng ra có thể là cơ hội cho Trung Quốc

1. http://www.fmprc.gov.cn/mfa_eng/zxxx_662805/1243662.shtml.

2. “Phân tích chính sách ngoại giao của Trung Quốc”, Viện quan hệ quốc tế và chiến lược Pháp - IRIS, bài phỏng vấn ông Pierre Picquart, chuyên gia địa - chính trị Pháp, đồng thời là chuyên gia về Trung Quốc và nhóm nước BRICS, Tin tham khảo đặc biệt số 341, *Thông tấn xã*, ngày 24-12-2017.

phát ngọn cờ đầu, nhưng những hành xử theo đuổi lợi ích vị kỷ, coi thường luật pháp và nguyên tắc quốc tế của Trung Quốc tạo nhiều phản cảm trong quan hệ với nhiều nước, bao gồm các nước lớn và láng giềng trong khu vực. Chính sách hung hăng của Trung Quốc ở Biển Đông là một ví dụ rõ thấy khi nhận thức sức mạnh của mình tăng lên, Trung Quốc hành xử “thiếu hòa bình” để đạt được mục đích của mình. Tháng 11/2017, Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe đã thành công “mượn tay” Tổng thống Mỹ D. Trump để ngăn chặn ảnh hưởng của Trung Quốc thông qua chiến lược Ấn Độ - Thái Lan tự do và rộng mở (FOIPS).

Năm 2018 đánh dấu sự mở màn của một giai đoạn khó khăn mới của Trung Quốc trước sự “phản tỉnh chiến lược” của Mỹ và phương Tây. Đầu năm 2018, ngoại giao Trung Quốc dự định triển khai định hướng “chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc” trong báo cáo Đại hội XIX, xác định thúc đẩy xây dựng “cộng đồng chung vận mệnh nhân loại”, “quan hệ quốc tế kiểu mới” nhưng bị chững lại, gặp khó khăn do Tổng thống Mỹ D. Trump khai hỏa chiến tranh thương mại vào tháng 3/2018. Tập Cận Bình xác định thời điểm Trung Quốc xuất đầu lộ diện “tiến tới gần trung tâm vũ đài quyền lực thế giới” là quá sớm, quá vội, đặt Trung Quốc vào vị trí tương đối bất lợi, thậm chí có đánh giá là khó khăn hơn cả một số thời kỳ trước đó. Trung Quốc bị Mỹ trực diện tấn công, các nước đồng minh vẫn ngả theo Mỹ. Sau những lời có cánh, Tổng thống D. Trump đã gây “sốc” cho ông Tập Cận Bình với quyết định áp thuế, ra tối hậu thư buộc Trung Quốc thay đổi. Trung Quốc không chỉ

vấp phải chính sách hạn chế chuyển giao công nghệ của phương Tây, mà vụ ZTE, Huawei còn cảnh báo nguy cơ chiến lược Trung Quốc trôi dạt giai đoạn về đích bị phong tỏa về công nghệ, bị mất thị phần trong những thị trường quan trọng nhất trên thế giới, chủ trương dựa vào phương Tây “đổi thị trường lấy công nghệ” nhằm chuyển đổi cơ cấu kinh tế của Trung Quốc đã bị thất bại. Phương Tây quay lưng với “phương án Trung Quốc”, trật tự phương Tây không dễ cho Trung Quốc tìm kẽ hở để công phá, Mỹ, Nhật Bản, Liên minh châu Âu đã siết chặt những quy định về nhà cung cấp dịch vụ 5G, v.v.. Một loạt vụ shaming (hạ nhục) có chủ ý, từ phát biểu của Phó Tổng thống Mỹ Mike Pence tại Viện Hudson, Tổng thống D. Trump cử Pence thay mình dự Thượng đỉnh APEC, vụ cảnh sát Canada bắt giữ Giám đốc Tài chính của Huawei theo yêu cầu dẫn độ của Tòa án Mỹ ngay khi D. Trump - Tập Cận Bình đạt thỏa thuận tạm “đình chiến” 90 ngày... đều là “trái đắng” Bắc Kinh đang phải nuốt.

Tuyên bố của người phát ngôn Cao Phong, Bộ Thương mại Trung Quốc tháng 6/2018: “Trung Quốc sẽ trả đũa Mỹ tương đương cả về số lượng và chất lượng”¹ không có chút giá trị nào. Ông D. Trump tiếp tục ra đòn trong cuộc chiến nhiều khả năng sẽ diễn ra trên tất cả các mặt trận

1. Người phát ngôn Bộ Thương mại Trung Quốc Cao Phong phát biểu tại cuộc họp báo ngày 6/4/2018. Xem tại: <http://www.cnbc.com/2018/06/21/china-accuses-us-of-capricious-trade-says-it-woill-hurt-us-workers.html>.

từ thương mại tới tài chính, tiền tệ, công nghệ, quân sự. Trước thái độ cứng rắn, không khoan nhượng của Mỹ, Trung Quốc đã từng bước phải xuống thang. Luật đầu tư nước ngoài mới được thông qua tại kỳ họp của Lưỡng Hội¹ tháng 3/2019 cũng phản ánh những điều chỉnh về hướng dẫn đầu tư, hạ thấp rào cản gia nhập thị trường, bảo hộ sở hữu trí tuệ, v.v. nhằm giảm những áp lực từ cuộc chiến thương mại với Mỹ. Đáng chú ý, Trung Quốc vừa phải tìm cách đáp ứng các yêu cầu của D. Trump mà không làm mất thể diện của Trung Quốc, đồng thời tập hợp lực lượng với các nước khác². Đòn “chiến tranh thương mại” mà Tổng thống Trump sử dụng đã có những tác động đáng kể đến nội bộ Đảng Cộng sản Trung Quốc, nhiều ý kiến chỉ trích Tập Cận Bình từ bỏ chiến lược “giấu mình chờ thời” quá sớm khi chưa tạo đủ uy tín và ảnh hưởng, phần nào đó đã tạo sức ép đáng kể đối với đường lối đối ngoại “nỗ lực lập công” quá nhanh và mạo hiểm của Tập Cận Bình. Do nhận định đánh giá chưa

1. Kỳ họp của Lưỡng Hội bao gồm kỳ họp của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Hội nghị Hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc, tổ chức vào tháng 3 hằng năm (BT).

2. Có những chuyển động trong các cặp quan hệ nước lớn, cụ thể trong quan hệ Trung - Nhật, tháng 4/2018, lần đầu tiên sau 8 năm, Ngoại trưởng Vương Nghị sang thăm Tokyo, tranh thủ Nhật Bản ủng hộ BRI theo công thức công nghệ Nhật Bản, vốn Trung Quốc. Trong quan hệ Trung - Ấn, Tập Cận Bình và Narendra Modi gặp gỡ ở Vũ Hán, gặp song phương ngoài lề các cuộc gặp đa phương BRICS, SCO.

chính xác nên ngoại giao Trung Quốc được đầu tư lớn, truyền thông rầm rộ nhưng hiệu quả thấp.

3.2. Đánh giá kết quả triển khai chính sách đối ngoại đầu thế kỷ XXI của Trung Quốc

Chính sách đối ngoại phản ánh nhận thức của Trung Quốc về sức mạnh quốc gia, về cân bằng quyền lực và cách thức tranh giành bá quyền của Trung Quốc giai đoạn hiện nay. Mỗi liên hệ giữa sức mạnh quốc gia và lựa chọn sử dụng sức mạnh, chiến lược đối ngoại từng thời kỳ phản ánh những thay đổi mang tính quy luật, gợi mở cho chúng ta về thời điểm và đối tượng mà Trung Quốc lựa chọn hoặc theo đuổi chủ nghĩa dân tộc Đại Hán, hoặc thực thi chính sách hài hòa. Có ý kiến cho rằng, từ năm 1949 tới nay, Đảng Cộng sản Trung Quốc trên thực tế đã “hồi sinh” thể chế chính trị Tần - Hán nhằm tìm kiếm an ninh và tính hợp pháp chính danh thông qua nỗ lực sắp xếp lại trật tự thế giới theo cách nhìn của Trung Quốc trong giai đoạn mới, tuy nhiên chưa được hiện thực hóa cho đến khi Trung Quốc trỗi dậy¹. Trên cơ sở sức mạnh tổng hợp quốc gia ngày càng gia tăng và môi trường quốc tế có những biến đổi phức tạp, trọng tâm của chiến lược ngoại giao xuyên thế kỷ của Trung Quốc là tích cực thúc đẩy, cải thiện và điều chỉnh quan hệ với các nước lớn theo hướng “đi nhờ xe”. Ngay từ những năm 80 của thế kỷ XX, Trung Quốc đã

1. Fei-ling Wang: *China Order, the China Struggle between Tianxia and Westphalia*, Ibid, p. 4.

thay đổi tư duy đối ngoại, chuyển hướng chiến lược, chủ trương cải thiện mạnh mẽ quan hệ với Mỹ và phương Tây. Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, Trung Quốc cho rằng hệ thống quốc tế sẽ phát triển theo hướng đa cực hóa, thúc đẩy chính sách ngoại giao nước lớn là một sự phát triển tất yếu để bản thân có đầy đủ sức lực để đảm nhận là một cực trong thế giới đa cực đó, và vũ đài trung tâm trong chính sách ngoại giao nước lớn của Trung Quốc là Đông Á¹. Từ năm 1996 trở đi, chiến lược ngoại giao nước lớn của Trung Quốc mới thực sự được tiến hành một cách tương đối toàn diện mà biểu hiện rõ nét nhất là việc định hình một khuôn khổ quan hệ song phương dưới hình thức “đối tác chiến lược” với các nước lớn và các trung tâm quyền lực trên thế giới².

a) Vai trò của Trung Quốc trong cân bằng quyền lực quốc tế:

Trong thế kỷ XXI này, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã từng bước định hình lợi ích và vị thế nước lớn trỗi dậy, xác định mục tiêu chiến lược cạnh tranh với Mỹ, sắp xếp lại trật tự thế giới dựa trên di sản lịch sử và kho tàng trí tuệ cổ

1. Tú Linh: “Một số nét chính trong chiến lược ngoại giao nước lớn của Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XXI”, *Tlđđ*, tr. 50.

2. Năm 1996, Trung Quốc xây dựng quan hệ “bạn bè đối tác chiến lược hướng tới thế kỷ XXI” với Nga, năm 1997 xây dựng quan hệ “đối tác toàn diện” với Pháp và xây dựng quan hệ “đối tác chiến lược có tính xây dựng hướng vào thế kỷ XXI” với Mỹ.

đại Trung Hoa, phần nào đã xóa đi được tâm lý mặc cảm, tự ti của “thế kỷ ô nhục” dưới sự cai trị của thực dân phương Tây. Ảnh hưởng của hệ tư duy Westphalia về quốc gia dân tộc, khái niệm chủ quyền và quyền lực được đưa vào Trung Quốc cuối thế kỷ XIX sau khi nước này bị thực dân phương Tây đánh bại bằng chính sách “ngoại giao pháo hạm”. Đối với lãnh đạo Bắc Kinh, hệ thống quốc gia dân tộc Westphalia bản chất là sản phẩm của phương Tây và do đó không thể đáp ứng được kỳ vọng của Trung Quốc. Hệ thống triều cống ở Đông Á chính là nền tảng cho ý tưởng về quản trị thế giới, trật tự thế giới cho Đảng Cộng sản Trung Quốc và cá nhân Tập Cận Bình sử dụng những tiền lệ, kinh nghiệm trong quá khứ thành chất liệu cho chính sách đối ngoại hiện đại của Trung Quốc. Như Vương Phi Linh chỉ rõ, “những mục tiêu thực sự trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc luôn luôn bất đồng cơ bản với trật tự thế giới hiện hành, đặc biệt là với những chuẩn tắc thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (do phương Tây áp đặt) như tự trị/tự quyết dân tộc, bình đẳng chủ quyền, những quyền con người phổ quát và nền dân chủ chính trị”¹.

Cục diện quốc tế vẫn còn có rất nhiều “biến dạng” như nhất siêu nhất cường, nhất siêu lưỡng cường, nhất siêu đa cường, lưỡng siêu lưỡng cường, lưỡng siêu đa cường, v.v.. Hình thái cục diện quốc tế chủ yếu được quyết định bởi tương quan lực lượng và quan hệ chiến lược nước lớn. Về

1. Fei-ling Wang: *China Order, the China Struggle between Tianxia and Westphalia*, Ibid, p.197.

quan hệ giữa các nước lớn trong hệ thống, có lúc quan hệ nước lớn rất mơ hồ, khó mà phán đoán chính xác chiều hướng quan hệ địch/bạn của họ, có rất nhiều quốc gia ở vào trạng thái không địch không bạn, hoặc lúc địch, lúc bạn, lúc đó việc dự đoán cục diện quốc tế theo những tiêu chí cơ bản ngày càng khó khăn¹. Lãnh đạo Trung Quốc nhận thức rõ sức mạnh mềm là một công cụ chính sách hữu hiệu để theo đuổi mục tiêu cạnh tranh chiến lược với Mỹ trong bối cảnh cạnh tranh sức mạnh cứng gặp khó khăn, quan hệ chiến lược với Mỹ và các nước lớn khác căng thẳng do các nước cảnh giác, lo ngại bị Trung Quốc vượt qua. Sau Đại hội XVIII, Trung Quốc đã có sự điều chỉnh cách nhìn nhận trong quan hệ với các nước lớn, chuyển từ “tăng cường đối thoại chiến lược, tăng cường niềm tin và thúc đẩy quan hệ lẫn nhau phát triển lành mạnh ổn định lâu dài”² lên thành “Trung Quốc sẽ cải thiện và phát triển quan hệ với các nước phát triển, mở rộng các lĩnh vực hợp tác, xử lý thỏa đáng những tranh chấp, thúc đẩy việc xây dựng quan hệ nước lớn kiểu mới ổn định lâu dài, phát triển lành mạnh”³ nhằm điều hòa, giải quyết các mâu thuẫn cọ xát về lợi ích với các nước lớn

1. Yan Xuetong: *The Analysis of International Relations*, Ibid, pp. 31-53.

2. Báo cáo chính trị Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2007.

3. Báo cáo chính trị Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2012.

khi Trung Quốc đang ngày càng vươn lên mạnh mẽ ra bên ngoài. Trong thời gian qua, cuộc chiến tranh thương mại do Tổng thống Trump phát động không chỉ phản ánh một xu hướng đồng thuận mới của nội bộ Mỹ trong đánh giá về mối đe dọa Trung Quốc trỗi dậy, mà còn là sự phản tỉnh chiến lược của Mỹ và phương Tây nhằm triển khai một chiến lược toàn diện đối phó với Trung Quốc để bảo vệ trật tự thế giới do Mỹ và phương Tây lãnh đạo đang bị Bắc Kinh thách thức.

Có thể nói, sự thay đổi nhận thức bản sắc quốc gia đã ảnh hưởng trực tiếp tới nhận thức của Trung Quốc về một loạt các vấn đề liên quan tới an ninh quốc gia như nhận định xã hội quốc tế, về chiến tranh, xung đột, và cũng là điểm cơ bản và nền tảng trong tư duy mới về chiến lược ngoại giao Trung Quốc đầu thế kỷ XXI. Thái độ và hành vi của quốc gia đối với cộng đồng quốc tế phụ thuộc vào bản sắc của chủ thể đó, những quốc gia có bản sắc khác nhau sẽ có quan niệm và do đó có những chính sách khác nhau. Ngay cả khi cùng một quốc gia, nếu bản sắc đó có những biến đổi, thì quan niệm và chính sách của quốc gia đó với cộng đồng quốc tế cũng vì thế mà thay đổi theo. Từ khi Trung Quốc cải cách mở cửa tới nay đã hơn 40 năm, bản sắc của Trung Quốc trong xã hội quốc tế, khái niệm văn hóa chiến lược và khái niệm an ninh đã trải qua những điều chỉnh và thay đổi, điều này có ý nghĩa sâu sắc và quan trọng đối với quá trình Trung Quốc hội nhập tích cực vào xã hội quốc tế, giúp Trung Quốc có thể phát huy vai trò quan trọng và có tính xây dựng trên tinh thần tăng

cường hợp tác và ý thức trách nhiệm¹. Tính tới năm 1999, Trung Quốc đã tham gia tổng cộng 220 công ước quốc tế, trong đó giai đoạn đầu 1949 - 1969, Trung Quốc chỉ tham gia 34 công ước quốc tế, nhưng từ năm 1979 trở về sau Trung Quốc đã tham gia ký kết 186 công ước quốc tế khác. Theo nhận định của Tần Á Thanh, điều này không những có thể giúp Trung Quốc đạt được những lợi ích quốc gia thực sự, mà còn có lợi cho tiến trình tương tác giữa Trung Quốc với các thể chế quốc tế. Tần Á Thanh cho rằng, thông qua quá trình tương tác này, Trung Quốc sẽ không ngừng nhận thức, học hỏi, phản hồi và mở rộng hiểu biết các quy phạm quốc tế. Các hành xử của Trung Quốc cũng sẽ ngày càng chịu sự ràng buộc của các quy phạm quốc tế, như vậy sẽ bớt vị kỷ và chú ý tôn trọng các thể chế quốc tế, đồng thời bảo vệ hình ảnh uy tín của mình. Tần Á Thanh lập luận rằng khi tham gia càng nhiều hoạt động, Trung Quốc sẽ trở thành một thành viên quan trọng trong thể chế và xã hội quốc tế, mức độ hiểu biết của Trung Quốc ngày càng cao. Quan điểm học giả Trung Quốc cũng tương tự với quan điểm chính thức của các cơ quan ngôn luận chính phủ, đề cao “Trung Quốc từ một nước lớn đứng ngoài hệ thống, có tư tưởng “làm cách mạng” đã thay đổi trở thành một quốc gia phát huy vai trò quan trọng trong xã hội quốc tế, một quốc gia “nguyên trạng” bảo vệ trật tự khu vực và thế giới. Bảo vệ ổn định của xã hội quốc tế và khu

1. Tần Á Thanh: *Quyền lực, chế độ, văn hóa: Lý luận và phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế*, Sđd, tr. 363.

vực đã trở thành nhiệm vụ quốc tế quan trọng của chiến lược quốc tế của Trung Quốc”¹.

Thực tế không hoàn toàn như vậy. Trong việc điều chỉnh tập hợp các hành vi quốc tế, lãnh đạo Trung Quốc nhận thức rõ rằng Trung Quốc chưa đủ thế và lực để thách thức hệ thống hiện hành do Mỹ và phương Tây chi phối, việc sử dụng sức mạnh cứng sẽ tạo ra những hành vi gây rối, việc bị coi là cường quốc xét lại không có lợi cho Trung Quốc trỗi dậy (bài học của Liên Xô là một ví dụ). Ngoài ra, nền kinh tế thị trường và sự kết nối toàn cầu trong trật tự thế giới tự do có lợi cho sự phát triển của Trung Quốc. Do đó, việc đề cao sức mạnh tổng hợp quốc gia, đặc biệt là sức mạnh mềm về văn hóa, tư tưởng, giá trị, v.v. sẽ là lựa chọn chiến lược trỗi dậy của Trung Quốc trong giai đoạn mới, là một hướng triển khai quyền lực mới giúp Trung Quốc từng bước thay đổi nguyên trạng theo hướng có lợi cho mình, từng bước tạo dựng ảnh hưởng, làm chủ cục diện mới, thực hiện trỗi dậy thành công với chi phí thấp. Điều này giải đáp câu hỏi về tính hai mặt trong chính sách của Trung Quốc, việc lựa chọn chính sách cứng rắn, sẵn sàng sử dụng vũ lực để gây rối hay chính sách hòa hiếu với đặc trưng là tông “quyến rũ” sẽ được sử dụng linh hoạt, tùy đối tượng, tùy vấn đề, tùy thời điểm.

Trong chiến tranh thương mại Trung - Mỹ, khi Tổng thống Mỹ D. Trump chọc đúng vào điểm yếu, “gót chân

1. Tần Á Thanh: *Quyền lực, chế độ, văn hóa: Lý luận và phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế*, Sđd, tr. 352-353.

Asin” của Trung Quốc, thời gian đầu Tập Cận Bình “khá lúng túng” chọn cách phản ứng yếu, thậm chí còn chỉ đạo truyền thông chính thức của Trung Quốc không công khai đối đầu, chỉ trích D. Trump mà chủ trương quay vào “tự lực, tự cường”, muốn tranh thủ thêm thời gian để phát triển thế và lực. Sự căng thẳng trong quan hệ Trung - Mỹ hiện nay chỉ là do Trung Quốc đang giằng dứ, tìm cách thương lượng với Trump để có thể “xuống thang” nhưng trong danh dự, giữ thể diện nước lớn. Bên cạnh đó, trước những phản ứng từ cộng đồng quốc tế và từ chính các nước tham gia các dự án BRI, Trung Quốc cũng đang bước đầu có những điều chỉnh hợp tác trong khuôn khổ BRI theo hướng xây dựng và bớt tiêu cực hơn.

Về điều chỉnh và xây dựng quy phạm quốc tế, đây là phương diện cần thời gian lâu hơn (30-50 năm) để sự thay đổi về lượng chuyển sang sự thay đổi về chất, so với sự thay đổi về tương quan lực lượng hay quan hệ chiến lược nước lớn trong cục diện quốc tế, cũng như so với sự thay đổi của tập hợp các hành vi quốc tế. Nhận thức đúng đắn về vai trò của sức mạnh tổng hợp quốc gia, đặc biệt là vai trò của sức mạnh mềm văn hóa, chính trị của Trung Quốc sẽ góp phần tạo ra “thương hiệu” cho chiến lược trỗi dậy nhằm phục hưng dân tộc và cạnh tranh nước lớn của Trung Quốc theo hướng lâu dài và có chiều sâu hơn. Trung Quốc cần thể hiện vai trò nước lớn có trách nhiệm trong việc đóng góp xây dựng các định chế quốc tế và thiết lập các “luật chơi”, cần đóng vai trò là nước lớn đi đầu tạo ra và phổ biến những hệ giá trị, tư tưởng và dẫn

dắt những quốc gia ủng hộ theo hệ giá trị, tư tưởng này. Trên thực tế, Trung Quốc không có nước đồng minh nào thực sự chia sẻ những giá trị của Trung Quốc (kể cả năm nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình Băng-đung). Lý do chính là Trung Quốc không nhất quán trong lời nói và việc làm, và một phần khác là do chủ trương không liên minh của Đảng Cộng sản Trung Quốc sau năm 1982. Lãnh đạo Trung Quốc rút ra được bài học từ sự sụp đổ của Liên Xô sau 70 năm tồn tại trước tấn công của các nền dân chủ tự do phương Tây, ngoài lý do nội bộ không kiểm soát được tốc độ quá nhanh của công cuộc cải cách, còn lý do nữa là Liên Xô chỉ chú trọng chạy đua với Mỹ về sức mạnh cứng mà không thực sự ưu tiên việc phát huy sức mạnh mềm trong sức mạnh tổng hợp quốc gia, không lan tỏa những hệ giá trị, quy phạm có sức hấp dẫn, đủ khả năng cạnh tranh được với những giá trị của Mỹ và phương Tây.

Sức mạnh tổng hợp quốc gia hiện nay của Trung Quốc chưa cho phép nước này có đủ khả năng và nguồn lực cung cấp dịch vụ công cho thế giới như Mỹ đã làm trong nhiều thập kỷ qua nhằm duy trì trật tự do Mỹ lãnh đạo. Trung Quốc vẫn còn hạn chế trong xử lý những vấn đề ở phạm vi toàn cầu, đặc biệt “cộng đồng chung vận mệnh nhân loại” cũng có giới hạn nhất định do thế và lực của Trung Quốc. Vai trò đi đầu của Trung Quốc trong tiến trình tự do hóa thương mại phụ thuộc vào khả năng nước này thực hiện các cam kết cải cách (về thể chế, khung pháp lý, công đoàn, tiêu chuẩn môi trường, v.v.) trong Tổ chức Thương

mai thế giới (WTO)¹. Trung Quốc còn gặp những thách thức liên quan tới an ninh mạng và những tác động lan tỏa của cái gọi là “chủ quyền không gian mạng”. Ngoài ra, hoạt động đầu tư, viện trợ của Trung Quốc ở các nước đã nhận được nhiều sự ủng hộ của các cấp chính quyền ở nước sở tại, tuy nhiên, trong nội bộ người dân lại có sự phản đối, nguyên nhân là do họ sợ hoạt động đầu tư, viện trợ của Trung Quốc có bản chất là bóc lột tài nguyên, lấy đi cơ hội việc làm của người dân bản địa.

Trên bình diện khu vực và toàn cầu, Trung Quốc đứng trước những thử thách mới khi Trump lên nắm quyền và chính quyền Trump thay đổi cách tiếp cận truyền thống chủ yếu dựa trên tư duy chiến lược tổng thể của Mỹ trước đây².

1. Về an ninh, Trung Quốc phải xử lý những thách thức an ninh ngày càng phức tạp cả từ bên trong và bên ngoài. Biểu tình chính trị và biểu tình phản đối của người dân tộc thiểu số ở Tân Cương, Tây Tạng ngày càng tăng mạnh (năm 1991 chỉ khoảng 5.500 vụ, tới năm 2016 là khoảng 300.000 vụ), đứng thứ 3 thế giới chỉ sau Ai Cập và Ấn Độ. Theo Giáo sư Srikanth Kondapalli trong bài thuyết trình về chính sách đối nội và đối ngoại của Trung Quốc sau Đại hội XIX, Tọa đàm lần thứ 8 về Trung Quốc, Học viện Ngoại giao Việt Nam và Quỹ Konrad Adenauer Stiftung đồng tổ chức, Hà Nội, ngày 05/12/2017.

2. Mục tiêu khu vực và toàn cầu của Tổng thống D. Trump là tập trung “làm cho nước Mỹ vĩ đại trở lại” như lời hứa khi ra tranh cử. Gần một năm sau khi nhậm chức, D. Trump tỏ ra là một nhà lãnh đạo thực dụng, chủ trương nước Mỹ là số 1, nước Mỹ không chịu thiệt thòi, không để các nước khác lợi dụng. Ông tuyên bố Mỹ sẽ không thực hiện các thỏa thuận, kể cả song phương và đa phương, nếu các thỏa thuận này “trói tay” Mỹ.

Một mặt, D. Trump chọn cách đấu tranh trực diện, coi Trung Quốc là đối thủ, chỉ trích Trung Quốc phát triển kinh tế không công bằng, kiểu “cá lớn nuốt cá bé”, không có trách nhiệm. D. Trump tìm cách thiết lập lại khung quan hệ có lợi cho nước Mỹ, nhấn mạnh thương mại công bằng trên cơ sở có đi có lại. Mặt khác, Mỹ nhìn nhận Trung Quốc như một phần quan trọng không thể thiếu được trong tổng thể bức tranh khu vực châu Á - Thái Bình Dương. D. Trump cố xúi song phương, rút lui khỏi các thỏa thuận đa phương mà theo ông là gây thiệt hại cho nước Mỹ. Nhưng thực tế, Mỹ chỉ chủ trương đơn phương trong lĩnh vực kinh tế và vẫn cần tới hợp tác đa phương chính trị - an ninh. Tại APEC 2017 vừa qua, D. Trump lần đầu tiên chính thức đưa ra khái niệm “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” với mục đích mở rộng không gian chiến lược và lôi kéo thêm Ấn Độ và Ôxtrâyliia trong tập hợp lực lượng kiềm chế Trung Quốc. Đây là thông điệp quan trọng nhất mà Tổng thống D. Trump muốn chuyển tới Trung Quốc và khu vực qua chuyến thăm châu Á lần này, thể hiện sự quan ngại không che giấu của Mỹ đối với sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc.

Thời gian qua, tuy thế và lực Trung Quốc mạnh hơn rất nhiều, đặc biệt là so sánh số lượng GDP với Mỹ và các nước còn lại, nhưng Trung Quốc vẫn yếu nhiều cả về lượng và chất khi so sánh GDP/đầu người và năng suất lao động. Các khoản nợ xấu ngân hàng và giảm tiêu dùng năng lượng cho thấy dấu hiệu đi xuống của nền kinh tế, sự suy giảm của GDP sẽ kéo theo các vấn đề an sinh xã hội và

bất ổn, khả năng sáng tạo công nghệ mới và chất lượng cuộc sống, cơ cấu bền vững và tính ổn định xã hội như sự chênh lệch về mức độ phát triển bền vững giữa các vùng dân cư, mâu thuẫn xã hội, sắc tộc, tôn giáo, v.v.. Về một phương diện hiện đại hóa và văn minh hóa, mô hình phát triển đặc sắc Trung Quốc cho dù vẫn đang thu hút được sự quan tâm, chú ý của các nước đang phát triển, nhưng không phải là tấm gương cho các nước phát triển, đặc biệt là về hệ thống chính trị.

Trong bối cảnh kinh tế Trung Quốc suy giảm tốc độ tăng trưởng hàng năm và đã có những dự báo về một sự hạ cánh cứng của nền kinh tế Trung Quốc, đã xuất hiện nhiều ý kiến chỉ trích nhà kinh tế học Hồ An Cương về lập luận chu kỳ hưng thịnh của siêu cường và chiến lược phát triển đón đầu của Trung Quốc. Ông cho rằng đến năm 2020, Trung Quốc sẽ là một cường quốc trỗi dậy hòa bình dựa trên sự phát triển kinh tế trong quá khứ cũng như triển vọng tương lai của Trung Quốc qua các giai đoạn 1950-1980, 1980-2020 và 2020-2050, vốn được đánh giá tương ứng là: giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn tăng trưởng cao và giai đoạn tăng trưởng ổn định. Để Trung Quốc tiếp tục con đường phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa, nước này phải tránh làm mất ổn định môi trường kinh tế bên ngoài¹. Năm 2020, GDP bình quân đầu người của Trung Quốc có thể đạt tới 10.000 USD, đến năm 2023 có

1. Hu Angang: *China in 2020: A new type of superpower*, Brookings Institution Press, 2011.

thể đạt tới mức khởi điểm của quốc gia thu nhập cao theo tiêu chuẩn của Ngân hàng Thế giới. Như vậy, vào khoảng trước hoặc sau năm 2023, Trung Quốc có thể sẽ thành công trong việc vượt qua “bẫy thu nhập trung bình”. Theo Hồ An Cương, tốc độ tăng trưởng kinh tế Trung Quốc sẽ giảm xuống mức 4% vào năm 2030 nhưng GDP bình quân đầu người sẽ vượt mức 20.000 USD và tổng lượng GDP của Trung Quốc sẽ vượt Mỹ, đưa Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới. Những người chỉ trích Hồ An Cương cho rằng, những dự báo quá lạc quan của ông về sức mạnh của Trung Quốc sẽ làm các nước phương Tây cảnh giác và tìm cách ngăn chặn Trung Quốc¹. Sau gần một năm chính quyền Tổng thống Mỹ D. Trump chính thức “khai chiến” với Trung Quốc về vấn đề thương mại, thuế quan và chuyển giao công nghệ (tháng 3/2018), những thách thức mà Trung Quốc cần vượt qua để đạt được mục tiêu duy trì đà tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội ngày càng lớn và khó khăn hơn.

Kinh tế Trung Quốc đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Chuyên gia về Trung Quốc Robert Ross (Đại học Boston, Mỹ) nhận định: về kinh tế - xã hội, Đảng Cộng sản Trung Quốc rất lo sợ về tốc độ phát triển chậm lại và tỷ lệ thất nghiệp gia tăng do thất nghiệp liên quan đến bất ổn chính trị. Vì vậy, cho đến nay, Trung Quốc liên tục sử dụng các biện pháp kích cầu để kích

1. Hu Angang: “Embracing China’s ‘new normal’ why the economy is still on track”, *Foreign Affairs* 94, no. 3, 2015, pp. 8-12.

thích phát triển kinh tế. Nợ công của Trung Quốc là khoảng 300% GDP, và phát triển nhanh hơn GDP. Chiến tranh thương mại đang gây áp lực buộc Trung Quốc tiếp tục cho vay và đóng băng các khoản nợ để giữ tăng trưởng GDP. Vì thế, trong tương lai, nợ sẽ tiếp tục tăng. Điều này có nghĩa là đầu tư vào Trung Quốc sẽ giảm đi, không ai muốn đầu tư tiền vào Trung Quốc nữa vì nền kinh tế quá phụ thuộc vào nợ. Chính phủ Trung Quốc sẽ cần chi nhiều tiền hơn để duy trì tốc độ phát triển, điều này nếu kéo dài sẽ khiến tình hình trở nên tệ hơn. Tốc độ phát triển của Trung Quốc hiện giờ là khoảng 6.8%, trong vòng 10 năm tới có thể là 5%, 4% và tốc độ phát triển công nghệ cũng sẽ kém đi vì không có đầu tư mới. Các thành phố sẽ có nhiều người thất nghiệp hơn, nhiều tham nhũng hơn và nhiều người nghèo hơn. Trung Quốc chưa cho thấy có biện pháp gì để giải quyết những vấn đề này, tuy nhiên trong vòng 10-20 năm tới Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ phải làm nhiều việc, bao gồm cơ cấu lại nền kinh tế để hoạt động tốt. Trong vòng 10 năm tới, nếu GDP của Trung Quốc là 6.8%, hoặc giảm xuống 6.5% đến 6% - 5.5%, Trung Quốc sẽ vẫn phát triển nhanh hơn Mỹ. Trung Quốc là thị trường lớn nhất thế giới với 1,4 tỷ dân, trong khi Mỹ chỉ có khoảng 350 triệu dân, và thị trường Trung Quốc phát triển nhanh gấp đôi thị trường Mỹ. Riêng ở khu vực Đông Á, Mỹ không thể cạnh tranh với Trung Quốc về sức mạnh kinh tế, vì cơ sở quan trọng nhất của sức mạnh kinh tế là sức mạnh thị trường. Do đó, xuất khẩu của tất cả các quốc gia ở Đông Á sẽ hướng

đến Trung Quốc nhiều hơn là Mỹ và họ sẽ ngày càng phụ thuộc vào Trung Quốc hơn Mỹ¹.

b) Sáng kiến chiến lược kết nối Trung Quốc và thế giới:

Chiến lược “kết đồng minh” không chính thức trong đó Trung Quốc đóng vai trò “minh chủ” cũng được song song triển khai với chiến lược “đi nhờ xe” thông qua các sáng kiến chiến lược của Trung Quốc. Với tư cách là nước lớn đang đi vào trung tâm vũ đài thế giới, sự phát triển của kinh tế Trung Quốc không những trở thành lực lượng thúc đẩy quan trọng đối với sự phát triển của kinh tế khu vực và thế giới, mà còn phát huy vai trò rất lớn trong việc dẫn dắt khu vực và thế giới đi theo con đường mở cửa, hợp tác, cùng thắng. Chính sách ngoại giao Trung Quốc thúc đẩy sự thịnh vượng không chỉ của Trung Quốc mà còn của các nước đối tác, đồng thời thúc đẩy hòa bình và trao đổi thương mại. Dự án này cho thấy quyết tâm chính trị và tư tưởng thực dụng trong đảm bảo mục tiêu an ninh và phát triển của Trung Quốc trong thời đại mới. Trung Quốc cần phải đảm bảo an toàn cho dự án của riêng họ về mặt hậu cần bằng cách thiết lập các căn cứ dọc các tuyến đường của dự án cũng như đảm bảo an ninh về nguồn cung ứng.

Sáng kiến xây dựng “Vành đai và Con đường” của Trung Quốc sẽ trở thành diễn đàn thúc đẩy hợp tác và

1. Nội dung thuyết trình của Giáo sư Robert Ross tại Học viện Ngoại giao, Hà Nội, ngày 13/8/2018.

phát triển kiểu mới đi vào chiều sâu, việc xây dựng cộng đồng chung vận mệnh nhân loại mà Trung Quốc thúc đẩy cũng sẽ tăng thêm sự phụ thuộc lẫn nhau, thừa nhận lợi ích và giá trị giữa các nước trong khi phát triển. Theo đánh giá của một số chuyên gia kinh tế, sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) chính là một chiến lược toàn cầu của Trung Quốc hiện nay, bao gồm năm kết nối về chính sách, cơ sở hạ tầng, thương mại, tài chính và giao lưu nhân dân. Công cụ quan trọng được Trung Quốc sử dụng trong việc triển khai chiến lược này là bộ máy tài chính to lớn của Trung Quốc ở châu Á sẵn sàng cho vay với lãi suất rất hấp dẫn và không có nhiều điều kiện chính trị - xã hội đi kèm¹. Thông qua dự án BRI, Trung Quốc sẽ có mặt trên khắp thế giới để xây dựng các tuyến đường bộ, đường sắt và đường biển cũng như để phát triển các mạng lưới thông tin liên lạc kỹ thuật số sử dụng cáp quang. Dự án này đã vươn tới Ấn Độ Dương và có mục tiêu mở rộng phạm vi bao phủ ra toàn thế giới. Phương Tây và Ấn Độ đánh giá Trung Quốc có ý đồ thiết lập các căn cứ ở khắp mọi nơi trên thế giới nhằm sẵn sàng cho một cuộc đối đầu, thậm chí một cuộc xung đột có khả năng xảy ra.

Những nhân tố trên đã đưa Trung Quốc trở thành đối tác thương mại và thị trường xuất khẩu hàng đầu của hầu hết các quốc gia trong khu vực, định hình nên mối quan

1. Võ Đại Lực: “Trung Quốc và thế giới hiện đại”, tham luận tại Diễn đàn Học giả Việt Nam - Trung Quốc, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, ngày 8/11/2017.

hệ trung tâm - ngoại vi. Các cơ chế mới ra đời do Trung Quốc chủ đạo liên tục xuất hiện và đã lôi kéo được nhiều nước trong và ngoài khu vực tham gia (Hội nghị thượng đỉnh BRI, Diễn đàn Bắc Ngao, Diễn đàn Davos Thiên Tân, Diễn đàn Hương Sơn và một loạt các hội chợ triển lãm tổ chức kết nối với khu vực như Hội chợ triển lãm Trung Quốc - ASEAN, Trung Quốc - Nam Á).

Thông qua BRI, Trung Quốc muốn đóng góp dấu mốc mới trong hệ thống kinh tế quốc tế, nổi lên như là một nhà lãnh đạo toàn cầu, cam kết toàn cầu hóa, ở vị trí chính để định hình trật tự kinh tế quốc tế hậu Mỹ. Trong thập kỷ tới, Trung Quốc dự kiến sẽ đầu tư 5.000 tỷ USD vào các dự án cơ sở hạ tầng xuyên lục địa, kết nối trung tâm công nghiệp của nước này với các thị trường tiêu dùng lớn ở châu Âu. Siêu dự án này bao trùm 70 quốc gia trên khắp 4 lục địa, chiếm 62% dân số thế giới và 1/3 GDP toàn cầu. Để hỗ trợ tài chính, các ngân hàng chính sách Trung Quốc như Ngân hàng Phát triển, Ngân hàng Xuất nhập khẩu, Ngân hàng Thương mại Trung Quốc sẽ đóng vai trò trung tâm cấp vốn.

Về mặt chiến lược, BRI phục vụ cả mục đích kinh tế, chính trị, giúp Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng địa - chính trị trên khắp các quốc gia thuộc chuỗi ngọc trai có vị trí chiến lược, toàn cầu hóa các tiêu chuẩn công nghệ và công nghiệp của Trung Quốc trên khắp các thị trường mới nổi thông qua chiến lược “Sản xuất tại Trung Quốc năm 2025”; hỗ trợ các doanh nghiệp nhà nước thông qua cung cấp các dự án sinh lợi ở nước ngoài; làm thay đổi tình trạng trì trệ

trong thương mại toàn cầu bằng cách cải thiện cơ sở hạ tầng cơ bản các đối tác thương mại. Trong lĩnh vực thương mại, mức độ phụ thuộc về thị trường, về nguồn tài nguyên, về tiêu thụ sản phẩm ngày càng tăng. Trung Quốc đã trở thành nước trao đổi hàng hóa thương mại lớn nhất thế giới và quốc gia đang phát triển thu hút đầu tư nước ngoài lớn nhất¹. Mạng lưới các đối tác thương mại của Trung Quốc bao phủ khắp toàn cầu, lên tới 231 quốc gia. Trung Quốc cũng trở thành đối tác thương mại lớn nhất của 130 quốc gia và khu vực. Trung Quốc đang và sẽ huy động mọi phương tiện để thực hiện thành công cũng như đảm bảo tính bền vững của dự án.

Về hiệu quả, có một số học giả không đánh giá cao BRI, cho rằng BRI (i) là sáng kiến địa - chính trị, chủ yếu nhằm phục vụ cho những ưu tiên đối nội của Tập Cận Bình và giúp Trung Quốc giải quyết những vấn đề kinh tế của nước này; (ii) có nội hàm và hiệu quả hợp tác kinh tế thấp, thể hiện qua sự thất bại của các dự án BRI được triển khai tại 8 quốc gia, thậm chí có nước đã rơi vào bẫy nợ; (iii) vi phạm chủ quyền của các quốc gia tham gia, chủ yếu là các nước nghèo, kinh tế kém phát triển, muốn dựa vào nguồn vốn của Trung Quốc để phát triển cơ sở hạ tầng;

1. Tổng thương mại hàng hóa của Trung Quốc năm 2017 là 4.100 tỷ USD, chiếm 11,8% tỷ trọng thương mại toàn cầu. Năm 2017, thu hút đầu tư nước ngoài của Trung Quốc đạt 131 tỷ USD, đứng thứ hai sau Mỹ; đầu tư ra bên ngoài của Trung Quốc đạt 125 tỷ USD, đứng thứ ba trên thế giới.

(iv) dự án đầy tham vọng (tên gọi ban đầu là “Một vành đai một con đường” (OBOR) được thay bằng sáng kiến “Vành đai và Con đường” (BRI)). Sáng kiến này đang tiếp tục mở rộng về phạm vi địa lý với số thành viên đã lên tới 68 quốc gia, nhưng vẫn còn nhiều yếu tố chưa rõ ràng, nhất là vai trò cũng như mối quan hệ giữa BRI và các khuôn khổ hợp tác khu vực và toàn cầu hiện hành. Trung Quốc chủ động xây dựng hình ảnh quốc gia mới nhằm tăng sức hấp dẫn quốc tế đối với cái gọi là “mô hình Trung Quốc” hiện đại và hiệu quả, nhưng bản thân Trung Quốc chưa đủ mạnh để dẫn dắt trật tự mới. Thông qua BRI, Trung Quốc can thiệp ngày càng sâu vào nội bộ các nước. Những nước từng có quan hệ thân thiện với Trung Quốc như Ôxtrâylia, Xingapo, Indônêxia, Malaixia, các quốc gia Đông Âu... đã có phản ứng trước sự can thiệp nội bộ của Bắc Kinh.

Có ý kiến cho rằng, tỷ lệ thất bại của BRI rất cao, tuy nhiên theo số liệu phân tích được, chỉ có 15-38% tỷ lệ các dự án là thất bại, so với tỷ lệ thành công chỉ có 40% của các dự án trong Ngân hàng Thế giới. Ngoài ra, tỷ lệ thành công của các dự án cơ sở hạ tầng không cao, do đó báo chí cũng đánh giá chưa thật sự khách quan. Trung Quốc lao vào những khu vực mà các nhà đầu tư phương Tây không dám vào, các nước nghèo không có sự lựa chọn nào khác. BRI có rất nhiều lợi ích đan xen, nước nào cũng thấy mình có lợi ích nhất định. Nhật Bản sẽ tham gia vào các dự án BRI với tư cách nước thứ ba. Với nền tảng tốt, Trung Quốc sẽ đẩy mạnh các dự án hợp tác trong khuôn khổ BRI vốn

chỉ bị phê phán về tài chính, nhưng có thể điều chỉnh được. Tỷ lệ đầu tư giảm vì trước đây các doanh nghiệp, công ty lao vào đầu tư dưới mũ dự án BRI để được hưởng vay lãi suất rẻ. Hiện nay, việc đầu tư ồ ạt về số lượng đã giảm, Trung Quốc ưu tiên những dự án đầu tư chất lượng thiết thực và có chọn lọc hơn. Khó khăn của Trung Quốc rất lớn, cả về bên trong lẫn bên ngoài, nhưng không thể đánh giá thấp quyết tâm đẩy mạnh BRI của Trung Quốc¹. Tương tự, có những nhận định thận trọng hơn về BRI, đánh giá AIIB đang phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Ngân hàng Thế giới (WB). Bắc Kinh đang có thái độ cầu thị, tiếp thu phê bình và điều chỉnh theo hướng tích cực. Do đó, BRI có thể đem lại những cơ hội mới.

Tuy nhiên, nên nhìn BRI trong đánh giá tổng thể mục tiêu và ưu tiên chiến lược của lãnh đạo Trung Quốc. Về mặt chiến lược, BRI là bước tổng kết lại những bước đi trong hai thập kỷ qua, định hướng lại, chủ động hơn, chủ đạo hơn, góp phần định hình chiến lược của Trung Quốc. Về mặt kinh tế, Trung Quốc đã thiết lập một mạng lưới rõ rệt về cảng biển, giao thông vận tải, có tiếng nói, chi phối chuỗi cung ứng toàn cầu. Trung Quốc đã thành công trên nhiều khía cạnh với sự tham gia của 65 nước, hiện đã có 149 thỏa thuận hợp tác đã được ký với các nước, có uy tín, có vị thế đáng kể. Với khái niệm lỏng, điều kiện linh hoạt, tham vọng lớn nhưng vẫn hiện

1. Tổng hợp đánh giá và trao đổi về sáng kiến BRI của các nhà nghiên cứu và học giả Việt Nam.

thực hóa, bản đồ BRI đang dần trải rộng khắp châu Phi, châu Á, châu Âu, Mỹ latin.

3.3. Những hạn chế của Trung Quốc

Thứ nhất, dường như nhận thức về sức mạnh quốc gia của Trung Quốc qua các thời kỳ, đặc biệt từ đầu thế kỷ XXI đến nay, chưa hoàn toàn chính xác. Trung Quốc từng bước công khai xây dựng trật tự và luật chơi phù hợp với lợi ích của mình ở khu vực, tạo ra đối trọng với bá quyền Mỹ: (i) công nghệ cao (5G); (ii) hiện đại hóa Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc (PLA); (iii) thách thức vị thế độc tôn của đồng đôla Mỹ trong nền tài chính toàn cầu; (iv) cạnh tranh mô hình trật tự xây dựng trên luật lệ, nói nhiều tới mô hình phát triển, tiêu chuẩn đạo lý kiểu Trung Quốc. Sự “lộ diện” quá nhanh, quá sớm của Trung Quốc khiến cho phương Tây lo ngại và tìm cách ngăn chặn Trung Quốc trước khi nước này trở nên quá mạnh. Tổng thống Mỹ D. Trump đã công khai coi Trung Quốc là đối thủ đáng gờm nhất cả về địa - chính trị, địa - kinh tế. Trong đối ngoại, Trung Quốc phải trả giá cho việc khoa trương, thổi phồng quá lớn sức mạnh của Trung Quốc khi Tổng thống Mỹ D. Trump đàm phán với sức ép gia tăng tối đa. Việc triển khai sức mạnh mềm thông qua mô hình học viện Khổng Tử và tuyên truyền, bản thân hệ giá trị và mô hình Trung Quốc chưa được chuyển tải rõ ràng, nhất quán tới cộng đồng quốc tế, chưa tạo được niềm tin và sức thu hút nội tại, Trung Quốc đầu tư quá nhiều tiền nhưng hiệu quả thu về quá ít.

Thứ hai, do chưa đánh giá đúng đối tượng, tương quan lực lượng và sức mạnh của bản thân, việc kiên định nguyên tắc “dĩ đấu cầu hoà”, phương châm “đấu mà không vỡ” của lãnh đạo Trung Quốc để giải quyết mâu thuẫn Trung - Mỹ là chưa phù hợp.

Sau khi D. Trump làm Tổng thống Mỹ, Tập Cận Bình và giới lãnh đạo Trung Quốc vẫn cho rằng có thể tìm cách tranh thủ D. Trump, cho rằng sự phụ thuộc cao giữa hai nền kinh tế khiến D. Trump sẽ “giơ cao đánh khẽ”, và đó chỉ là chiêu trò mặc cả của Trump trước khi vào bàn đàm phán, chứ không dám kéo dài đối đầu thương mại hay không dám đánh mạnh vào kinh tế Trung Quốc. Trong quan hệ Trung - Mỹ hiện nay, Trung Quốc đang xuống thang, nhượng bộ. Đây là điều hiếm gặp vì trên bình diện đối ngoại, điều quan trọng nhất của Trung Quốc là “thể diện”.

Đáng chú ý, Tập Cận Bình đã rất kiềm chế và “nhấn nại chiến lược” trước những đòn tấn công của D. Trump. Phát biểu của ông tại Hội nghị thượng đỉnh BRI lần thứ hai (26 - 27/4/2019) thể hiện rõ ba nhượng bộ lớn: (i) mua hàng hóa, tăng nhập khẩu từ Mỹ; (ii) mở cửa thị trường tài chính - bảo hiểm; (iii) nâng bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ IPR, tập trung vào xoa dịu những chỉ trích và nghi ngờ về BRI, truyền tải thông điệp tới Mỹ về sự nhượng bộ, điều chỉnh chính sách nhằm tháo gỡ ngòi nổ chiến tranh thương mại. Nhiều khả năng Tập Cận Bình và giới lãnh đạo Trung Quốc vẫn muốn tranh thủ tận dụng tối đa “thời cơ chiến lược” thông qua đấu sách “cầu hoà” tìm cách

“câu giờ” với Mỹ, cho rằng mối quan hệ giữa Mỹ - Trung Quốc tuy còn gặp nhiều khó khăn nhưng đã trở thành mối quan hệ cộng sinh.

Tuy nhiên, tình thế đã chuyển biến khác trước, Trung Quốc cũng đang nhận biết được yêu cầu cần phải thay đổi cách tiếp cận, bởi vì Mỹ không cho phép Trung Quốc thay đổi trật tự thế giới. Như thực tế chứng minh, “quan hệ Trung - Mỹ không thể quay lại thời kỳ hoàng kim bốn thập kỷ qua”, lãnh đạo Trung Quốc cũng biết rằng dù Trung Quốc có nhượng bộ thế nào đi nữa cũng không thể giải quyết dứt điểm chiến tranh thương mại, thương mại chỉ là phát súng mở màn trận đấu trên toàn tuyến cạnh tranh chiến lược. Các nhà phân tích chiến lược nhận định cuộc chơi này sẽ còn lan ra các lĩnh vực khác trong đó có lĩnh vực giá trị, văn minh tư tưởng, ý thức hệ¹.

Trong giai đoạn hiện nay, cách thức đàm phán ở thế trên của D. Trump sẽ đặt cho Tập Cận Bình thách thức lớn vì bất kỳ sự nhượng bộ nào trong tình thế bị “súng kè cổ” của lãnh đạo Trung Quốc sẽ tạo cơ cho phái dân tộc chủ nghĩa nước lớn trỗi dậy.

Thứ ba, mâu thuẫn hiện nay của Trung Quốc là lời nói và hành động không giống nhau, đây là yếu điểm của Trung Quốc và giới lãnh đạo Bắc Kinh cũng nhận ra điều này. Chính quyền Trump công khai tố cáo Trung Quốc đã đạt được lợi thế không công bằng như duy trì thuế quan

1. Robert Kaplan, “U.S. vs. China--A New Cold War Has Begun”, *Foreign Policy*, 8-1-2019.

cao, ăn cắp quyền sở hữu trí tuệ, cưỡng ép các công ty Mỹ chuyển giao công nghệ bắt buộc, trợ giá cho các công ty trong nước. Trong bài phát biểu tại Viện Nghiên cứu Hudson ngày 20/4/2018, Phó Tổng thống Mỹ Mike Pence bày tỏ lo ngại về sự giàu có của Trung Quốc ngày càng gắn liền với việc tăng cường quân sự và siết chặt vòng kiểm soát xã hội kiểu quốc gia kiểm soát chuyên chế Orwellian. Các nhà nghiên cứu, các chiến lược gia Mỹ và phương Tây lo ngại trước viễn cảnh Bắc Kinh sử dụng công cụ công nghệ cao như “nhận diện khu vực” và hệ thống tính “điểm tín dụng xã hội”. Khoảng cách giá trị và sự mất lòng tin đối với những hứa hẹn của Trung Quốc ngày càng lớn. Sở dĩ Mỹ thành công trong việc tập hợp được các nước đồng minh cùng phản đối Huawei chiếm lĩnh thị trường toàn cầu và cung cấp những dự án hạ tầng mạng 5G của Trung Quốc là vì hệ giá trị, niềm tin và nền pháp quyền ngày càng trở nên đặc biệt quan trọng trong bối cảnh 5G là xương sống mới của thương mại điện tử và thông tin liên lạc toàn cầu¹.

Do lo ngại về những rủi ro an ninh quốc gia liên quan tới các sản phẩm và mạng công nghệ 5G của Trung Quốc, chính phủ nhiều nước đã phối hợp tiến hành các nghiên cứu chung về trí tuệ nhân tạo và tăng cường bảo đảm an ninh mạng. Khái niệm “quyền lực sắc nhọn” (sharp power) cáo buộc Trung Quốc và Nga sử dụng công nghệ cao để

1. Thomas L. Friedman: “China Deserves Donald Trump”, *The New York Times*, 21/5/2019.

can thiệp vào chính trị nội bộ của phương Tây là màn mở đầu của chiến lược giành thế chủ động về truyền thông cũng như dư luận của Mỹ và phương Tây trước ảnh hưởng của Trung Quốc. Trong phỏng vấn với đài CNBC ngày 23/5/2019, Ngoại trưởng Mỹ Mike Pompeo chỉ rõ việc ứng dụng công nghệ cao nhằm thúc đẩy và phổ biến mô hình cai trị độc đoán của Trung Quốc là mối đe dọa tới an ninh quốc gia của Mỹ và phương Tây, khẳng định chuẩn hệ thống 5G toàn cầu bắt buộc phải có những giá trị của phương Tây.

Thứ tư, thể chế chính trị của Trung Quốc trong lịch sử và hiện nay vẫn chưa cho phép những đánh giá có tính phản biện về nhận thức và chính sách của lãnh đạo Trung Quốc, hoặc nếu có phản biện thì cũng không được công khai, cấp dưới sẽ chỉ đưa ra những nhận xét hoặc kiến nghị mà Tập Cận Bình muốn nghe để làm vui lòng ông. Quyền lực tập trung của Tập Cận Bình thể hiện rõ qua việc ông đã đưa tư tưởng cá nhân trở thành tâm nhìn và định hướng nhận thức của toàn Đảng, toàn dân trong tư duy và tâm nhìn của Giác mơ Trung Quốc tại Đại hội XIX năm 2018. Điều này có thể dẫn tới những sai lầm chiến lược trong bối cảnh giai đoạn quá độ còn chưa rõ ràng và còn nhiều biến động như hiện nay.

Thứ năm, về kinh tế, quá trình toàn cầu hoá được thúc đẩy bởi công nghệ số, và những sáng chế toàn cầu trong cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã làm thay đổi cơ bản những tư duy lôgic thông thường, làm thay đổi quan niệm và những thể thức quan hệ giữa các nước lớn và các

trung tâm quyền lực lớn. Trong bối cảnh toàn cầu hoá số hiện nay, các nước phương Tây đang lo ngại về việc bị Trung Quốc qua mặt trong lĩnh vực tiếp cận thị trường lớn, nguồn dữ liệu khổng lồ và trí tuệ nhân tạo.

Điều gọi là “phản tỉnh chiến lược” của thế giới phương Tây bắt đầu có cơ sở khi Trung Quốc công bố chính sách công nghiệp “sản xuất tại Trung Quốc” (Made in China) do Nhà nước bảo trợ¹. Mỹ và phương Tây cho rằng, sở dĩ những luận điểm cơ bản của trường phái tự do về ưu thế cho các xã hội dân chủ đã không thể áp dụng cho Trung Quốc vì chính phủ nước này đã sử dụng những lối đi tắt không chính đáng để vượt qua các đối thủ cạnh tranh, vươn lên nắm giữ những ngành công nghệ kỹ thuật mũi nhọn của thế giới².

Đặc biệt, sức mạnh kinh tế, kỹ thuật của Trung Quốc vẫn còn đặt ra nhiều nghi ngại trong bối cảnh sự tăng trưởng của các doanh nghiệp nhà nước (SOEs) vẫn đang được hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua những đơn đặt hàng của chính phủ nhằm tăng cường sức mạnh lực lượng hải quân của Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc,

1. Chiến lược này nhằm nâng cấp cơ sở công nghiệp của Trung Quốc thông qua nỗ lực phát triển nhanh 10 ngành công nghệ cao chủ chốt gồm: xe điện và xe chạy bằng năng lượng mới, IT thế hệ mới, viễn thông, rôbot hiện đại và trí tuệ nhân tạo, nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ vũ trụ, vật liệu tổng hợp mới, các thiết bị điện tiên tiến, sinh dược, hạ tầng hiện đại, công nghệ biển tiên tiến.

2. Xem Thomas L. Friedman: “China Deserves Donald Trump”, *Tlđđ*, 21/5/2019.

hoặc trợ giá và tạo điều kiện tiếp cận thị trường toàn cầu đối với các công ty của Trung Quốc trong những lĩnh vực và ngành công nghiệp mũi nhọn như viễn thông, công nghệ thông tin, năng lượng mới, thám hiểm không gian vũ trụ.

Thứ sáu, trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng, rắn đe và ngăn chặn đã trở thành đặc điểm nổi bật trong triển khai sức mạnh của các cường quốc ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Kế hoạch chiến tranh của cả Mỹ và Trung Quốc đều bao gồm các bước sử dụng lực lượng bộ binh đóng tại các đảo và bãi đá để triển khai sức mạnh trên biển, bảo vệ các đế chế thương mại ngày càng lớn mạnh của mỗi nước. Đặc biệt, nước Mỹ lo ngại nếu không sớm có hành động để đối phó, Trung Quốc sẽ trở nên quá mạnh và khó có thể thoả hiệp được nữa. Tập hợp lực lượng của Trung Quốc thông qua RCEP, BRI sẽ có thể thay đổi hoàn toàn cục diện “hai châu Á” phân chia ảnh hưởng giữa Mỹ và Trung Quốc như hiện nay, tiến tới chính thức gạt Mỹ ra ngoài khu vực.

Chi tiêu quân sự giữa các cường quốc đã tạo ra mối quan ngại lớn và cuộc đua mua sắm vũ khí trong khu vực. Chỉ riêng năm 2017, chi tiêu quân sự gộp lại của hai nước Mỹ (602 tỷ USD) và Trung Quốc (150 tỷ USD) đã chiếm gần 50% chi tiêu quân sự toàn cầu. Khi các nước đồng minh và các nước đối tác của Mỹ nằm ven chuỗi đảo Thái Bình Dương như Nhật Bản, Xingapo và xa hơn như Ôxtrâyliia, Niu Dilân dưới Nam bán cầu phối hợp với Mỹ trong tập trận và mua bán vũ khí, các nước này sẽ đóng

vai trò quan trọng trong cuộc đấu giữa hai cường quốc Mỹ - Trung¹.

*

* *

Nhìn chung, qua phân tích quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Trung Quốc trên cơ sở nhận thức mới về vai trò của sức mạnh tổng hợp quốc gia (CNP), chú trọng hơn tới sức mạnh mềm, có thể thấy Trung Quốc đã tích cực tham gia xây dựng nền kinh tế thế giới mở theo hướng tìm cách thiết lập luật chơi mới có lợi cho sự phát triển của Trung Quốc. Trong thời gian 10 năm tới, Mỹ sẽ phải chật vật cạnh tranh với Trung Quốc ở rất nhiều lĩnh vực, cơ sở hạ tầng, công nghệ cao, cung ứng toàn cầu, kiểm soát luật chơi cho thương mại và thậm chí cạnh tranh có thể sẽ lan sang cả lĩnh vực tư tưởng và hệ giá trị.

Tuy nhiên, hiệu quả và mức độ thành công của những nỗ lực triển khai sức mạnh tổng hợp quốc gia, đặc biệt là sức mạnh mềm của Trung Quốc thông qua các yếu tố văn hóa - lịch sử, giá trị và chuẩn mực trên thế giới thời gian vừa qua không cao, có hiện tượng “sức hấp dẫn” Trung Quốc và lòng tin đối với sức mạnh mềm của Trung Quốc suy giảm ngay chính tại Đông Á, khu vực Trung Quốc vốn có ảnh hưởng truyền thống dù Bắc Kinh đã đầu tư và sử dụng nhiều các công cụ “sức mạnh mềm kiểu Trung Quốc”

1. James Stavridis: “China seeks new islands to conquer”, *The Japan Times*, 23/2/2019.

trong quan hệ với các nước. Các chiến dịch ngoại giao công chúng, tác động dư luận của truyền thông trong chiến lược cạnh tranh toàn cầu với Trung Quốc của Mỹ và phương Tây thậm chí còn cáo buộc Bắc Kinh sử dụng những biện pháp thiếu đạo đức (đánh cắp, đe dọa, v.v.) trong chuyển giao công nghệ cao cường bức, “quyền lực sắc nhọn”, “ngoại giao cơ sở hạ tầng”, v.v. để can thiệp vào nội bộ các nước khác. Đa số các ý kiến đều nhận định, thời gian 10 năm tới sẽ đặc biệt khó khăn cho giai đoạn về đích của “chiến lược Trung Quốc trỗi dậy” trước sự “phản tỉnh chiến lược” của Mỹ và phương Tây.

Chương III

NHỮNG ĐIỀU CHỈNH TRONG NHẬN THỨC CỦA TRUNG QUỐC VỀ SỨC MẠNH QUỐC GIA TRONG 10 NĂM TỚI: TÁC ĐỘNG VÀ GỢI MỞ ỨNG XỬ CỦA VIỆT NAM

1. Những điều chỉnh trong nhận thức của Trung Quốc về sức mạnh quốc gia trong 10 năm tới

1.1. Nhận thức về sức mạnh tổng hợp quốc gia từ cách tiếp cận văn hóa chính trị

Nhận thức về sức mạnh quốc gia từ cách tiếp cận văn hoá chính trị đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng và tổ chức sức mạnh quốc gia trong thực tiễn. Trong hai thập kỷ trở lại đây, đặc biệt là sau khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008, khi sức mạnh vật chất của Trung Quốc phát triển mạnh mẽ, lãnh đạo và người dân Trung Quốc trở nên tự tin hơn về tương lai phục hưng và trỗi dậy của đất nước. Tuy nhiên, tình hình hiện nay đã bộc lộ những hạn chế trong chủ trương, nhận thức và triển khai chính sách của Đảng, Nhà nước và lãnh đạo Trung Quốc về sức mạnh quốc gia của nước này. Do uy quyền của Tập Cận Bình trong chính trị nội bộ và quyết tâm chính trị của ông,

Trung Quốc đã vươn ra quá sớm, quá nhanh, khiến chính sách đối ngoại của Trung Quốc buộc phải chạy theo khi chưa có nhận thức và sự chuẩn bị cần thiết. Dư luận cho rằng Tập Cận Bình không giữ được chữ “nhẫn”, đánh giá chưa chính xác về sức mạnh của Trung Quốc và tương quan so sánh lực lượng, đặc biệt là so sánh sức mạnh Trung - Mỹ.

Mặc dù sức mạnh vật chất đang gia tăng nhưng Trung Quốc chỉ là cường quốc khu vực Đông Á, chưa phải là cường quốc thế giới¹. Hai học giả Trung Quốc là Trương Uẩn Linh và Đường Thế Bình đã tổng kết, “cách thức Trung Quốc kiểm soát sự trỗi dậy của nước này và thực thi quyền lực đang gia tăng ở khu vực Đông Á sẽ là chỉ dấu rất quan trọng về cách thức hành xử của Trung Quốc với tư cách là cường quốc toàn cầu”². Do vậy, cần có sự nhận thức phù hợp và tương xứng với thế và lực mới, triển khai chiến lược trỗi dậy toàn diện với khẩu hiệu “Giấc mơ Trung Quốc” nhằm đạt mục tiêu sự phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa. Nhiều khả năng Trung Quốc sẽ phải điều chỉnh theo hướng tuân thủ luật chơi hiện hành do về tổng

1. Edward N. Luttwak: *The rise of China vs the Logic of Strategy*, Cambridge, London: The Belknap Press of Harvard University Press, 2012; Rober Sutter: *Chinese Foreign Relations: Power and Policy since the Cold War*, Lanham: Rowman & Littlefield Publishers, Inc., 2010.

2. Zhang Yunling, Tang Shiping: “China’s Regional Strategy” trong David Shambaugh: *Power Shift: China and Asia’s New Dynamics*, Berkeley and Los Angeles and London: University of California Press, 2005, pp. 51-52.

thế Mỹ vẫn có sức mạnh vượt trội, Trung Quốc không có đồng minh thực sự và chưa đủ khả năng kiến tạo cuộc chơi và luật chơi mới. Trong bối cảnh đó, việc Tập Cận Bình và giới lãnh đạo Bắc Kinh có thể sẽ phải điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng nhận thức và thực sự ưu tiên vai trò của sức mạnh mềm sẽ là cơ hội cho cả Trung Quốc và thế giới tìm được phương án mới cho Trung Quốc thực sự “trỗi dậy hòa bình”.

a) Nội hàm trong điều chỉnh nhận thức:

Thứ nhất, về quan niệm trật tự thứ bậc, Trung Quốc nhận thức phải có cả sức mạnh cứng và mềm (sức mạnh quốc gia tổng hợp), nhấn mạnh “sức mạnh cứng là đạo lý” trong trật tự thứ bậc lớn, nhỏ, nước lớn phải có sức mạnh để bảo đảm trật tự, và có trật tự phù hợp phản ánh đúng và thực chất tương quan lực lượng thì mới có ổn định giữa các quốc gia. Trước đây, Trung Quốc nghiêng về hướng phô diễn sức mạnh cứng, sức mạnh mềm không được chú trọng đúng mức.

Trong bối cảnh tình hình quốc tế thay đổi nhanh chóng, cạnh tranh sức mạnh tổng hợp quốc gia ngày càng khốc liệt, Tập Cận Bình đã chỉ rõ: “Đứng trước sự cạnh tranh sức mạnh tổng hợp quốc gia ngày càng khốc liệt, sự nghiệp của Trung Quốc như chiếc thuyền đi ngược dòng, không tiến là lùi”¹. Đối với Trung Quốc, cạnh tranh sức

1. Hồ An Cường, Vương Hồng Xuyên: “Cục diện Nam Bắc và trỗi dậy hòa bình: Nghiên cứu sức mạnh quốc gia tổng hợp của Tập đoàn G20”, xem tại: <http://www.aisixiang.com/data/112281.html>.

mạnh tổng hợp quốc gia suy cho cùng là cạnh tranh sự sáng tạo mới, về bản chất là cạnh tranh chế độ quốc gia. Trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế hiện nay, phàm là những quốc gia không thể tiến cùng thời đại, cho dù là quốc gia lớn mạnh nhất cũng đều không tránh khỏi già cỗi, tụt hậu và đi đến suy vong.

Về tổng thể, sức mạnh tổng hợp quốc gia của Trung Quốc tuy được nâng lên nhanh chóng nhưng vẫn còn có khoảng cách so với nước phát triển. Trên một số góc độ nào đó, với sức mạnh quốc gia tăng lên nhanh chóng như hiện nay, Trung Quốc đã thực sự bước vào đội ngũ hàng đầu thế giới và có thể thực hiện ngoại giao bình đẳng với các nước trên thế giới¹. Tuy nhiên, so với Mỹ, sức mạnh cứng của Trung Quốc vẫn chưa đủ để thách thức trật tự quốc tế do siêu cường Mỹ chi phối, còn sức mạnh mềm thì tồn tại rất nhiều vấn đề, cụ thể như: sức mạnh ảnh hưởng đến kết cấu quốc tế chưa đủ, sức ảnh hưởng văn hóa cũng bình thường². Bài học Tập Cận Bình rút ra từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung là Trung Quốc dù mạnh lên nhưng chưa đủ sức thách thức bá quyền Mỹ, sức mạnh quốc gia của Trung Quốc đã được nâng lên nhanh chóng, nhưng Trung Quốc đã sai lầm khi từ bỏ chủ trương “giấu

1. “Trung Quốc hiện nay đã có sức mạnh quốc gia lớn mạnh như vậy, những cái đó bạn có biết không?”, xem tại: https://www.sohu.com/a/196409165_592473.

2. “Trung Quốc cần có sức mạnh quốc gia như thế nào: kinh tế, văn hóa cùng phục hưng”, xem tại: http://www.dzwww.com/caijing/cjssl/t20051208_1286325.htm.

mình chờ thời” quá sớm, quá vội. Do đó, Tập Cận Bình nhấn mạnh phải nâng cao sức mạnh mềm của Trung Quốc, đó là chiến lược tương đối khôn khéo, thông minh. Sức mạnh cứng về kinh tế và quân sự của Trung Quốc đang tăng lên, nếu không tăng cường sức mạnh mềm thì sẽ khiến cho một số nước lo ngại sự trỗi dậy của Trung Quốc là mối đe dọa đối với họ, từ đó có thể liên minh với nhau để cân bằng với sức mạnh của Trung Quốc. Nếu trong quá trình trỗi dậy, Trung Quốc nâng cao được sức mạnh mềm thì sẽ có thể “vỗ về an ủi” các quốc gia đó, làm “mềm hóa” sự manh động của những liên minh đó. Tập Cận Bình còn chỉ rõ: “Cốt lõi nhất trong sức mạnh tổng hợp quốc gia của một quốc gia vẫn là sức mạnh mềm văn hóa”¹. Điều đó cho thấy, sức mạnh mềm văn hóa chiếm địa vị và vai trò quan trọng trong sức mạnh tổng hợp quốc gia. Nói cách khác, xây dựng sức mạnh mềm văn hóa đã được đưa vào trong bố trí tổng thể của xây dựng sức mạnh tổng hợp quốc gia.

Thứ hai, về ưu đẳng văn hóa, trong 10 năm trở lại đây, kết quả khảo sát thăm dò dư luận cho thấy người Trung Quốc dần dần tự tin, cho rằng Trung Quốc có khả năng thay thế Mỹ trong tương lai, trong khi giới học giả thì công khai nói về “Giấc mơ Trung Quốc”, về mô hình trật tự quốc tế mới hai cực (G-2). Tại Đại hội Đảng lần thứ XIX, giới lãnh đạo Trung Quốc không che giấu tham vọng về

1. Thục Cương: “Sức mạnh quốc gia tổng hợp và sức mạnh mềm văn hóa”, *Tlđđ*.

“sự trỗi dậy vĩ đại của dân tộc Trung Hoa vĩ đại”, “tiến ra trung tâm vũ đài chính trị thế giới”. Ở khu vực, Tập Cận Bình còn tuyên bố “Thái Bình Dương đủ rộng cho hai nước Trung - Mỹ”. Trung Quốc xác định sức mạnh mềm là một trong những nguồn lực quan trọng trong cạnh tranh với Mỹ để vươn tới vị trí cường quốc số một thế giới. Trong giai đoạn Trung Quốc triển khai “giấu mình chờ thời”, gắn kết giữa văn hóa với vị thế của quốc gia trên trường quốc tế đã trở thành công thức hỗ trợ cho tầm nhìn “xã hội hài hòa” ở bên trong và hình ảnh một nước Trung Quốc “trỗi dậy hòa bình”, “phát triển hòa bình” đối với bên ngoài¹. Như phân tích ở trên, điều này đã góp phần quan trọng trong việc phản bác lại thuyết “mối đe dọa Trung Quốc” của phương Tây. Trong giai đoạn hậu “giấu mình chờ thời” (sau khi Chủ tịch Tập Cận Bình lên nắm quyền), văn hóa và sức mạnh mềm được thể hiện qua các khái niệm “Giấc mơ Trung Quốc”, “mô hình Trung Quốc” hay “cộng đồng chung vận mệnh nhân loại”.

Tuy nhiên, giới lãnh đạo Bắc Kinh vẫn chưa xác định được hệ giá trị, chuẩn tắc của Trung Quốc cụ thể là gì, có điểm gì được cộng đồng đánh giá là ưu đẳng hơn mô hình tự do dân chủ nhân quyền của Mỹ và phương Tây. Hiện nay, Trung Quốc chưa phải là nước lớn về văn hóa, sức

1. Các cuộc tranh luận về sức mạnh mềm ở Trung Quốc chủ yếu tập trung trong hai phạm trù sau: (i) lý thuyết về sức mạnh mềm như là một chiến lược phát triển quốc gia, và (ii) lý thuyết về sức mạnh mềm như là một chính sách đối ngoại.

mạnh văn hóa của nó vẫn còn trong giai đoạn đang phát triển. Đặc biệt, chủ nghĩa dân tộc của Trung Quốc cũng là thách thức lớn đối với sự ổn định và an ninh khu vực Đông Á, nơi có số lượng Hoa kiều lớn nhất trên thế giới. Hiện nay, trong cuộc chơi cân bằng quyền lực của các nước lớn, các nước nhỏ tự tìm cách bảo vệ lợi ích của mình thông qua việc triển khai chính sách “đi dây” mạo hiểm, về an ninh dựa vào Mỹ, về kinh tế thì dựa vào Trung Quốc.

Thứ ba, về mô hình mở rộng ảnh hưởng dựa trên đức trị kiểu Trung Quốc, mặc dù có quá nhiều tuyên bố về chính sách hòa bình, hài hòa, chủ trương không sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế, nhưng trên thực tế 70 năm từ khi thành lập nước tới nay, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa lại không có bạn bè hay đồng minh thực sự. Mặc dù sức mạnh kinh tế, quân sự, cũng như sự đầu tư nhằm nâng cao hình ảnh và ảnh hưởng tại các diễn đàn quốc tế rất lớn¹, nhưng Trung Quốc lại không mấy cải thiện được hình ảnh của mình. Nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn coi Trung Quốc là mối quan tâm, lo ngại lớn, thậm chí là mối đe dọa về an ninh. Trong tranh chấp ở Biển Đông, Trung Quốc sử dụng chiến lược dùng sức mạnh uy hiếp, áp đảo các nước trên thực địa, tiến

1. Chỉ riêng giai đoạn 2012-2015, số tiền Trung Quốc cam kết để đầu tư nâng cao hình ảnh và ảnh hưởng toàn cầu đã đạt 1,41 nghìn tỷ USD, gấp 100 lần so với kế hoạch Marshall theo tỷ giá đồng đôla hiện nay. Fei-ling Wang: *The China Order: Centralia, World Empire, and the Nature of Chinese Power*, *Ibid*, p.1.

hành các hoạt động làm thay đổi nguyên trạng bất chấp sự phản đối của các nước có tranh chấp và cộng đồng quốc tế. Trên lĩnh vực ngoại giao thì dùng sức mạnh kinh tế để triển khai “ngoại giao ký séc” nhằm mua chuộc, chia rẽ các nước có liên quan, đỉnh điểm là ngăn cản các nước ASEAN thông qua tuyên bố chung có nhắc tới Biển Đông hoặc tìm cách “câu giờ”, trì hoãn tiến trình đàm phán COC. Ngoại trưởng Trung Quốc Vương Nghị cũng ý thức được vấn đề này khi cho rằng: “để bảo vệ những lợi ích và mối liên hệ đang mở rộng của mình ở nước ngoài, Trung Quốc không chỉ dựa vào sự tiếp tục tăng trưởng của sức mạnh tổng hợp quốc gia mà còn dựa vào sự phát triển các mối quan hệ hòa bình với tất cả các nước”¹.

Như vậy, cách tiếp cận của Trung Quốc đối với sức mạnh cứng và sức mạnh mềm đã chứng kiến cả sự thay đổi và tính liên tục: việc duy trì giá trị truyền thống dựa trên sức mạnh cứng được bổ sung với sự gia tăng đáng kể tầm quan trọng của sức mạnh mềm. Do phải tập trung giải quyết các vấn đề trong nước, duy trì cải cách và phát triển, Trung Quốc sẽ cần có thời gian để phát triển một số nguồn tài nguyên sức mạnh mềm (thể chế chính trị, giá trị và tầm nhìn cho tương lai...). Trong thời gian tới, Trung Quốc sẽ tiếp tục nỗ lực để phát triển sức mạnh mềm trên cả ba phương diện: nguồn lực, khả năng khai

1. Wang Yi: “Peaceful Development and the Chinese Dream of National Rejuvenation”, xem tại: http://www.ciis.org.cn/english/2014-03/11/content_6733151.htm.

thác và hiệu quả. Sức mạnh mềm của Trung Quốc được đầu tư nhiều hơn và trở thành một khía cạnh ngày càng quan trọng của chính sách đối ngoại Trung Quốc.

b) Đối tượng và trọng tâm trong điều chỉnh nhận thức:

Trọng tâm chính trong chiến lược trỗi dậy nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia bao gồm: (i) Tập trung phát triển sức mạnh cứng theo phương châm “tự lực tự cường”, cải thiện vị thế trong tương quan so sánh lực lượng vẫn tiếp tục là ưu tiên trong đối ngoại Trung Quốc, tăng chi phí nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ cao, BRI là một điểm đột phá, mở đường thoát cho Trung Quốc, tuy nhiên sẽ rất khó khăn; (ii) Nỗ lực tìm cách cải thiện quan hệ nước lớn, có thể sẽ điều chỉnh “khuôn khổ quan hệ nước lớn kiểu mới” để dễ được Mỹ và phương Tây chấp nhận hơn trong giai đoạn tới¹. Tuy nhiên, việc Trung Quốc tiếp tục “giấu mình chờ thời”, “đi nhờ xe” các nền kinh tế lớn sẽ rất khó vì sự “phản tỉnh chiến lược” của Mỹ và đồng minh trước sự trỗi dậy quá mạnh, quá nhanh của Trung Quốc giai đoạn 10 năm qua; (iii) Trung Quốc có thể theo đuổi chính sách “kết đồng minh”, vào vai “minh chủ”

1. Sự phụ thuộc lẫn nhau quá lớn khiến thực lực kinh tế và thị trường Trung Quốc trở thành một nhân tố không thể thiếu được đối với sự phát triển tiếp tục của Mỹ và phương Tây. Nhật Bản và các nước phương Tây có thể “phá rào” cấm vận của Mỹ để bắt tay làm ăn với Trung Quốc như thực tiễn đã chứng minh. Bản thân D. Trump và nước Mỹ không muốn kịch bản Trung Quốc sụp đổ vì tính phụ thuộc cao của hai nền kinh tế lớn nhất thế giới.

hào phóng mở hầu bao, sử dụng “ngoại giao ký séc” để tập hợp lực lượng; (iv) Trung Quốc có thể đóng góp xây dựng những sáng kiến và định chế hấp dẫn như BRI, AIIB, vận hành theo sự điều tiết cung - cầu của thị trường, tích cực tham gia vào các diễn đàn, cơ chế quốc tế như cải tổ Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, biến đổi khí hậu COP 21, v.v.; (v) Xem xét, cân nhắc trước những phản ứng quốc tế về “chủ nghĩa thực dân kiểu mới”, về “chiến lược thôn tính lãnh thổ” thông qua “bẫy nợ” của Trung Quốc tại các nước nghèo ở châu Phi, châu Á, những nước tham gia vào dự án cơ sở hạ tầng của Trung Quốc.

Niềm tin của Trung Quốc về sức mạnh cứng không thay đổi nhiều. Là một nước đang phát triển, từng trải qua một “thế kỷ ô nhục”, Trung Quốc đã hiểu rõ tầm quan trọng sống còn của sức mạnh cứng trong bảo vệ chủ quyền quốc gia và đã cố gắng hết sức để đạt được sức mạnh cứng thông qua phát triển kinh tế và hiện đại hóa quân đội. Hiện nay, căng thẳng giữa các nước, nhất là các nước lớn và các nước có tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên và điểm nóng sẽ có xu hướng gia tăng. Có một số ý kiến ủng hộ Trung Quốc “nỗ lực lập công” trong thập kỷ qua là đúng và hợp với xu thế, vì cho rằng trước sau Mỹ cũng sẽ tìm cơ để “chọc phá” Trung Quốc, kể cả Trung Quốc muốn “giấu mình chờ thời” cũng không được yên thân. Tuy thực lực Trung Quốc vẫn còn kém Mỹ nhưng nội bộ Trung Quốc (cả lãnh đạo và dân chúng) nhìn chung cho rằng Trung Quốc đang ở thế đi lên, sẽ đuổi kịp và vượt Mỹ, cần tận dụng thời cơ để vươn ra khi Mỹ có những sơ hở chiến lược. Đây

có thể là động cơ để Trung Quốc ngày càng cứng rắn và khó nhượng bộ Mỹ công khai.

Tuy nhiên, trong quá trình hội nhập và phát triển, Trung Quốc cũng nhận thức rõ, để trở thành một siêu cường được các nước khác tôn trọng - mà ví dụ rõ nhất là Mỹ - cần có sự kết hợp giữa sức mạnh cứng và sức mạnh mềm. Sau khi Trung Quốc tích lũy được đáng kể sức mạnh cứng trong vài thập kỷ qua, thế giới bên ngoài - đặc biệt là các nước láng giềng của Trung Quốc và Mỹ - ngày càng lo lắng về cách Trung Quốc sử dụng sức mạnh đang ngày càng gia tăng này. Chính vì vậy, Trung Quốc đang và sẽ tiếp tục chú trọng đến sức mạnh mềm hơn và nỗ lực để phát triển sức mạnh mềm với nhiều tài nguyên đang không ngừng mở rộng¹.

Sức mạnh mềm được các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc nhìn nhận dưới góc độ nguồn lực/tài nguyên, khả năng khai thác và hiệu quả. Tài nguyên sức mạnh mềm đề cập cả nguồn tài nguyên “cứng” và nguồn tài nguyên “mềm”. Tài nguyên “cứng” được hiểu là kinh tế, quân sự, khoa học và công nghệ. Tài nguyên “mềm” đề cập văn hóa, giáo dục, quản trị, giá trị, ý tưởng và tầm nhìn. Cả hai nguồn tài nguyên “cứng” và “mềm” là cần

1. Là một nền văn minh lớn với lịch sử lâu đời, tài nguyên “mềm” của Trung Quốc rất đa dạng, từ nghệ thuật, kiến trúc đến ẩm thực. Là một nước đang phát triển, Trung Quốc có mối quan hệ hợp tác với nhiều nước đang phát triển. Mặt khác, tăng trưởng kinh tế bền vững trong thời gian dài giúp Trung Quốc gia tăng đáng kể nguồn tài nguyên “cứng” từ kinh tế đến quân sự.

thiết nhưng chưa đủ mà phải có khả năng khai thác sức mạnh mềm. Khả năng khai thác sức mạnh mềm là khả năng chuyển hóa các tài nguyên sức mạnh mềm thành sức mạnh mềm thực sự. Cụ thể hơn, đó là nỗ lực xây dựng thể chế, phát triển các phương pháp và kỹ năng phù hợp để sử dụng sức mạnh mềm. Hiệu quả sức mạnh mềm đề cập tác động thực tế của sức mạnh mềm, nói cách khác là làm thế nào để sử dụng sức mạnh mềm tạo ra kết quả mong muốn.

Cụ thể, trong quan hệ Trung - Mỹ, Trung Quốc cần phải chứng tỏ nước này có khả năng thay thế vị trí lãnh đạo của siêu cường tại vị Mỹ cũng như ưu thế của Mỹ cả về mặt vật chất và sự hấp dẫn về lý tưởng, ý chí và tư tưởng, chiến lược đối ngoại có khả năng tác động, dẫn dắt, và định hình luật chơi của trật tự quốc tế¹. Sự trỗi dậy của Trung Quốc phải đối mặt với nhiều thách thức từ quá trình chuyển dịch quyền lực và điều chỉnh chiến lược của các nước lớn. Bước vào thế kỷ XXI, do suy yếu tương đối của Mỹ và sự trỗi dậy mạnh mẽ của một số nước, nổi bật là Trung Quốc và Ấn Độ, dẫn tới sự chuyển dịch quyền lực trên phạm vi toàn cầu. Sự chuyển dịch trọng tâm quyền lực từ tây sang đông bắt nguồn từ sự thay đổi tương quan so sánh lực lượng giữa các nước lớn trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, tác động sâu sắc đến quan hệ quốc tế, làm cho cục diện thế giới theo

1. Manjari Chatterjee Miller: "The Role of Beliefs in Identifying Rising Powers," *The Chinese Journal of International Politics*, Vol.9, No. 2, 2016.

hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn. Trong bối cảnh như vậy, hầu hết các nước, nhất là những nước lớn có sự điều chỉnh chiến lược, nhằm tranh giành ảnh hưởng, khẳng định vị thế của mình¹.

Với mục tiêu duy trì vị thế siêu cường duy nhất, Mỹ tiếp tục đẩy mạnh chiến lược quân sự, an ninh toàn cầu bằng việc tập hợp lực lượng, điều chỉnh chiến lược với từng khu vực để khống chế, kìm hãm các thế lực thách thức “ngôi vị số 1” của mình. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, chính quyền Donald Trump tìm cách cân bằng lợi ích của Mỹ trên thế giới, vừa củng cố và tăng cường vị thế siêu cường, “đưa nước Mỹ vĩ đại trở lại”, đảm bảo cho họ vẫn là quốc gia đặt ra “luật chơi” trong quan hệ quốc tế. Theo GS. Vladimir Kolotov (Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh thuộc Đại học Quốc gia Saint Petersburg, Nga), Mỹ đã theo đuổi chiến lược Vòng cung bất ổn từ lâu, từ việc đứng sau tổ chức Al Qaeda ở Ápganixtan những năm 1990,

1. Sự cạnh tranh quyền lực, lợi ích và vị thế chiến lược giữa các nước lớn, đặc biệt là giữa Mỹ, Trung Quốc và Nga đang diễn ra ngày càng quyết liệt, tác động nhiều chiều đến đời sống quốc tế, cả tích cực và tiêu cực, tạo ra thời cơ và thách thức đối với các nước vừa và nhỏ. Luồng di chuyển hàng hóa, con người và ý tưởng, sự tương tác giữa các dân tộc trong toàn cầu hoá kéo theo sự giao thoa và xung đột giữa các giá trị văn hóa. Đây là bản chất của chính trị bản sắc, điều liên quan đến quá trình quốc gia/dân tộc xác định rõ vị trí và hệ giá trị cốt lõi của mình trong tương quan với các nước khác và việc các nhóm thiểu số/dân tộc xác định mình và tìm được sự hòa hợp về kinh tế, sắc tộc, tôn giáo với các nhóm khác trong một nước.

tiếp tay cho chủ nghĩa khủng bố quốc tế lan rộng ra Trung Đông, đến việc ủng hộ những chính quyền độc tài ở Trung Đông, tiếp tay cho các phong trào đối lập (Mùa xuân Ả-rập). Để duy trì vị thế bá quyền, Mỹ kiểm soát các khu vực bằng cách tạo ra bất ổn và “vấn đề rắc rối” từ trong chính trị nội bộ các nước nhằm làm tiêu hao các nguồn lực của Nga, Trung Quốc, tìm cách kiềm chế các cường quốc có khả năng thách thức vị thế lãnh đạo của Mỹ trong trật tự hiện hành¹.

Với các nước ở khu vực Đông Á, khu vực Trung Quốc có ảnh hưởng truyền thống nhiều thế kỷ nay, Trung Quốc sẽ có thể theo đuổi chính sách cứng rắn cạnh tranh không khoan nhượng với Mỹ, trong khi chính sách với các nước vừa và nhỏ trong khu vực sẽ là hai mặt, vừa ve vãn vừa thể hiện uy quyền “bất khả tư nghị” của Trung Quốc ở khu vực mà Trung Quốc thường coi là “sân sau” của mình. Với sức mạnh được tăng lên sau nhiều năm phát triển, Trung Quốc đang và sẽ mở rộng không gian chiến lược để

1. Mỹ gián tiếp đứng đằng sau các lực lượng gây bất ổn, mở rộng “chân rết”, mượn tay các nước trong khu vực để tiến hành các cuộc chiến tranh ủy nhiệm, từ chiến tranh Irắc, tới xung đột ở Xyri, tảo xuống Pakixtan và Mianma, và hiện đang bắt đầu “ươm mầm” nhân tố bất ổn tại các nước Đông Nam Á như Philíppin, Indônêxia. Theo GS. Kolotov, dù là D. Trump hay bất kỳ tổng thống nào của Mỹ cũng đều nhất quán theo đuổi chiến lược này, đồng thời có những điều chỉnh về chính sách để ngăn chặn đà suy thoái của nước Mỹ, tìm cách giảm bớt gánh nặng tài chính, san sẻ trách nhiệm với đồng minh, rút khỏi hoặc đàm phán lại các thoả thuận đa phương không có lợi cho Mỹ.

khẳng định vị thế cường quốc khu vực và quốc tế. Hiện nay, lãnh đạo Trung Quốc đang triển khai nhiều biện pháp, như: tăng thực lực quân sự, chú trọng phát triển nhanh lực lượng hải quân để mở rộng hoạt động ra hướng biển, gia tăng ảnh hưởng ở Đông Nam Á, Đông Á, từng bước cạnh tranh ảnh hưởng với Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương. Trung Quốc đang đẩy mạnh thực thi sáng kiến “Vành đai và Con đường”, tham gia và thúc đẩy nhóm nền kinh tế mới nổi (BRICS) và Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), hướng tới xây dựng cơ chế hợp tác lấy Trung Quốc là trọng tâm, động lực. Sự phát triển đó dẫn đến mâu thuẫn, căng thẳng, cọ xát giữa Trung Quốc với Mỹ diễn ra tại nhiều khu vực trên thế giới, đặc biệt là ở châu Á - Thái Bình Dương theo hướng ngày càng gia tăng. Chi tiêu quân sự của các nước lớn, đặc biệt là Trung Quốc đã tăng mạnh. Năm 2017, Mỹ (602 tỷ USD) và Trung Quốc (150 tỷ USD) là hai nước có chi phí quốc phòng lớn nhất, chiếm gần 50% chi phí quân sự toàn thế giới. Trong đó, Trung Quốc tăng chi tiêu quân sự nhiều nhất gần 7 tỷ USD, chiếm 25% mức tăng chi phí quân sự toàn thế giới. Châu Á trở thành khu vực có mức tăng chi tiêu quân sự lớn nhất và chiếm 40% chi tiêu của thế giới.

c) Định hướng trong điều chỉnh nhận thức:

Dự đoán trong thời gian tới, Trung Quốc sẽ tiếp tục dùng mọi phương tiện, mọi hình thức và mọi cơ hội để khai thác triệt để sức mạnh mềm phục vụ cho những tham vọng chính trị. Sức mạnh mềm của Trung Quốc phụ

thuộc vào ba nguồn lực sau: mô hình phát triển Trung Quốc, chính sách đối ngoại tập trung vào thuyết phát triển hòa bình và nền văn minh Trung Quốc¹. Trung Quốc sẽ tiếp tục dùng những biện pháp kinh tế, tài chính hỗ trợ cho quá trình phát triển sức mạnh mềm của mình². Một là, xuất khẩu mô hình phát triển Trung Quốc³. Từ lâu,

1. Young Nam Cho, Jong Ho Jeong: “China’s Soft Power: Discussions, Resources, and Prospects”, *Asian Survey*, Vol.48, No.3 (May/Jun), 2008, p. 460.

2. Rất khó để thống kê chính xác tổng đầu tư cho phát triển sức mạnh mềm của Trung Quốc. Theo một thống kê chưa đầy đủ, Trung Quốc hỗ trợ sức mạnh mềm với lượng tiền khổng lồ: 50 tỷ USD cho Ngân hàng Đầu tư cơ sở hạ tầng châu Á, 41 tỷ USD cho Ngân hàng Phát triển mới, 40 tỷ USD cho Vành đai kinh tế Con đường tơ lụa, và 25 tỷ USD cho Con đường tơ lụa trên biển. Bắc Kinh cũng đã cam kết đầu tư 1,25 nghìn tỷ USD trên toàn thế giới vào năm 2025. Quy mô đầu tư này là chưa từng có. Ngay cả trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, Hoa Kỳ và Liên Xô cũng không đầu tư ở bất cứ nơi nào nhiều như Trung Quốc hiện nay. Xem David Shambaugh, China’s Soft-Power Push, *Foreign Affairs*, (Jul/Aug), 2018.

3. Hiện nay, vẫn còn tranh cãi liệu có thực sự tồn tại “Mô hình Trung Quốc” hay không? Nhiều học giả cho rằng “Mô hình Trung Quốc” thực chất là một biến thể của “Mô hình Nhà nước phát triển (Developmental State) ở Đông Á. Mặt khác, Trung Quốc không muốn phát triển “Mô hình Trung Quốc” như một mô hình tăng trưởng rõ ràng và mạch lạc mà chỉ là chứng minh các quốc gia có thể có “một sự lựa chọn khác” thay vì mô hình phương Tây. Xem Gordon White: *Developmental States in East Asia* (St. Martin’s Press, 1998), p. 162; Pan Wei: “Western System versus Chinese System,” *University of Nottingham Contemporary China Centre Briefing Series*, No. 61 (July 2010), p. 9.

trong chuỗi liên kết sức mạnh mềm, Trung Quốc đã theo đuổi việc xuất khẩu mô hình phát triển Trung Quốc. Tuy nhiên, trong thời gian tới, nỗ lực này sẽ được thúc đẩy nhanh hơn, mạnh hơn và toàn diện hơn thông qua Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI), hướng tới hai mục tiêu: tăng cường sức mạnh mềm (hình ảnh, vị thế và sức ảnh hưởng) và lợi ích kinh tế (xuất khẩu năng lực sản xuất dư thừa và thúc đẩy nhu cầu sử dụng sản phẩm Trung Quốc ở nước ngoài, hỗ trợ chuyển đổi mô hình kinh tế ở trong nước). Dưới góc độ chiến lược, việc đẩy mạnh xuất khẩu mô hình phát triển của Trung Quốc là chỉ dấu cho thấy Trung Quốc đang trên con đường trở thành cường quốc toàn cầu, đủ tự tin và sẵn sàng cạnh tranh mô hình phát triển với các nước phương Tây, đặc biệt là Mỹ. Tập Cận Bình nhấn mạnh thành tích của Đảng Cộng sản Trung Quốc đưa hơn nửa tỷ người thoát khỏi đói nghèo, đưa nền kinh tế Trung Quốc bên bờ vực thẳm cất cánh trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới. Mô hình quản trị của Trung Quốc, hay “phương án Trung Quốc” được cho là lối thoát cho các nước nghèo và lạc hậu không theo chế độ chính trị dân chủ của Mỹ và phương Tây. Mô hình Trung Quốc được đề cao như một minh chứng cho thấy các quốc gia vẫn có thể lựa chọn đi theo tư tưởng, nguyên tắc, đường lối và cách thức của riêng mình, không cần thay đổi chế độ và định hướng chính trị mà vẫn giải được bài toán giữa phát triển và ổn định một cách ngoạn mục, đóng góp vào an ninh và phát triển thế giới.

Hai là, tiếp tục quảng bá hình ảnh “quốc gia phát triển hòa bình” để thuyết phục và xoa dịu phản ứng nghi ngờ của thế giới. Trong vai trò là nước đang phát triển với tốc độ lớn nhất, Trung Quốc sẽ phát huy vai trò quan trọng trong bảo vệ hòa bình và an ninh thế giới, tham gia vào các hoạt động chống khủng bố, hợp tác chống khủng bố quốc tế và khu vực, đóng góp vào quá trình giải quyết các điểm nóng mang tính toàn cầu và khu vực. Châu Á sẽ là khu vực trọng điểm để Trung Quốc phát huy vai trò nước lớn có trách nhiệm. Ở khu vực Đông Bắc Á, Trung Quốc tập trung vào lĩnh vực kinh tế và an ninh; ở khu vực Trung Á, Trung Quốc chú trọng an ninh và tài nguyên thiên nhiên; khu vực Đông Nam Á được quan tâm toàn diện cả về chính trị, kinh tế và an ninh. Mặt khác, Trung Quốc tích cực phát huy vai trò dẫn dắt tại các tổ chức/cơ chế hợp tác đa phương khu vực và quốc tế không có sự tham gia của Mỹ, đồng thời đa dạng hóa đối tượng và tăng quy mô viện trợ đối ngoại dưới nhiều hình thức khác nhau như hỗ trợ kinh tế kỹ thuật, các hoạt động gìn giữ hòa bình, đào tạo cán bộ, cứu trợ nhân đạo, viện trợ thông qua các tổ chức đa phương quốc tế.

Ba là, tích cực truyền bá văn minh/văn hóa Trung Quốc trên quy mô toàn cầu. Trung Quốc đang cố gắng quảng bá văn hóa ở nước ngoài thông qua các hoạt động thể thao, nghệ thuật, biểu diễn nghệ thuật, âm nhạc, điện ảnh, văn học, và kiến trúc... Mạng lưới các học viện Khổng Tử tiếp tục là phần quan trọng trong nỗ lực xây dựng quyền lực mềm của Trung Quốc trong lĩnh vực giáo dục.

Những phương tiện truyền thông, cả truyền thống (sách, báo, phát thanh, truyền hình) và hiện đại (mạng xã hội, website...) đang và sẽ tiếp tục trở thành công cụ đắc lực để Trung Quốc tiến hành “cuộc chiến ngôn luận” với phương Tây và quảng bá văn hóa Trung Quốc ra toàn thế giới.

Mặc dù nỗ lực đầu tư các nguồn lực như vậy, nhưng dư báo Trung Quốc vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn trên con đường thách thức vị trí số một của Mỹ về sức mạnh mềm. Hiện tại, sức mạnh mềm của Trung Quốc chưa đủ sức hấp dẫn như sức mạnh mềm của Mỹ¹, thậm chí có mặt còn chưa đuổi kịp Nhật Bản, Ấn Độ; mô hình phát triển của Trung Quốc chưa trở thành “phương án thay thế” cho thế giới. Không chỉ các nước phương Tây, ngay cả các nước mới nổi như Ấn Độ, Braxin, Nam Phi, Cuba cũng không coi Trung Quốc là mô hình đáng học tập. Nỗ lực thúc đẩy quyền lực

1. Nếu định nghĩa sức mạnh mềm thiên về năng lực của một quốc gia huy động sức mạnh của mình cho một mục đích nhất định, thì Trung Quốc đang ở thế mạnh. Thể chế, cơ cấu bộ máy và văn hóa chính trị đặc thù cho phép Trung Quốc làm điều này. Tuy nhiên, nếu hiểu sức mạnh mềm là khả năng của một xã hội ảnh hưởng tới một xã hội khác, dựa trên cơ sở văn hóa và mô hình mà nó thể hiện, thì Mỹ đang giữ một lợi thế so với Trung Quốc. Văn hóa đại chúng của Mỹ, lối tư duy xuất phát từ xã hội tiêu dùng và thậm chí trong một số khu vực mà lối sống Mỹ tiếp tục có sức hấp dẫn hơn những khu vực khác, là những công cụ của sức mạnh mềm mà Trung Quốc, mặc dù có những nỗ lực và tiến bộ, vẫn chưa có được. “La puissance chinoise” - 3 questions à Valérie Niquet, xem tại: <http://www.iris-france.org/101421-la-puissance-chinoise-3-questions-a-valerie-niquet/>.

mềm của Trung Quốc bị giới hạn bởi sự đối lập giữa hình ảnh mà nước này cố xây dựng với hành động thực tế. Sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc, thái độ quyết đoán, thậm chí hung hăng trong tranh chấp lãnh thổ, sự kiểm duyệt truyền thông... đang và sẽ tiếp tục cản trở quyền lực mềm của Trung Quốc. Như học giả Elizabeth C. Economy (Hội đồng Đối ngoại Mỹ) đã nhận xét: “Văn hóa và ý tưởng của Trung Quốc có sức hấp dẫn tiềm ẩn trên toàn thế giới, nhưng chỉ khi chúng được mô tả một cách trung thực”¹. Mặt khác, việc dựa quá nhiều vào nguồn lực tài chính để thúc đẩy phổ biến và lan tỏa sức mạnh mềm sẽ làm giảm “sức sống tự thân” cũng như tính bền vững của sức mạnh mềm. Cuối cùng, sự gia tăng lo ngại về “sức mạnh sắc bén” của Trung Quốc - thao túng, thay vì thu hút, thuyết phục - đang nổi lên gần đây tại các nước phát triển đang và sẽ tiếp tục làm xói mòn sức mạnh mềm của nước này².

Căn cứ vào tình hình hiện nay, chưa có cơ sở chắc chắn về khả năng chế độ chính trị độc đảng của Trung Quốc có thể giải quyết được bài toán thúc đẩy cải cách để phát triển và ổn định xã hội, đảm bảo an ninh trong khu vực cũng như liệu ông Tập Cận Bình có thực sự cam kết đẩy mạnh cải cách theo như tuyên bố và tầm nhìn đã

1. Eleanor Albert: “China’s Big Bet on Soft Power”, xem tại: <https://www.cfr.org/backgrounder/chinas-big-bet-soft-power>.

2. Joshua Kurlantzick: “Australia, New Zealand Face China’s Influence”, xem tại: <https://www.cfr.org/expert-brief/australia-new-zealand-face-chinas-influence>.

được thông qua tại Đại hội Đảng hay không? Tuy nhiên, những điều chỉnh nhận thức về sức mạnh quốc gia từ cách tiếp cận văn hóa chính trị nêu trên là cách tiếp cận khả thi nhất để ban lãnh đạo Trung Quốc đối mặt và xử lý những thử thách nội bộ và ngoài nước trong thời điểm hiện tại.

Về nội bộ, mặc dù gặp khó khăn, nhưng về cơ bản Tập Cận Bình vẫn có sự ủng hộ cần thiết trong chính trị đối nội để đảm bảo tính ổn định tương đối trong chiều hướng chính sách đối ngoại. Tập Cận Bình vẫn được tin nhiệm giao vị trí lãnh đạo hạt nhân vì có đủ “tâm vóc” gia thế (phe thái tử) và bề dày kinh nghiệm chính trường để tiến hành chiến dịch thanh trừng tham nhũng trên quy mô lớn, lấy lại uy tín cho Đảng Cộng sản Trung Quốc¹. Chiến dịch chống tham nhũng của Tập Cận Bình là công cụ hữu hiệu để ông giảm bớt ảnh hưởng của cấu trúc chính trị hiện nay ở Trung Quốc đối với sự tự quyết của lãnh đạo mới trong quá trình hoạch định chính sách, củng cố vị trí, uy tín bị sụt giảm của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong xã hội, đặc biệt là cuộc đấu tranh giành quyền lực giữa các nhóm lợi ích và phe phái lũng đoạn nội bộ chính trị Trung Quốc ở cấp cao nhất.

1. Bo Zhi Yue: China's Fifth-Generation Leaders: The Characteristics of the New Elite and Pathways to Leadership, trong Robert Ross, Jo Inge Bekkevold: *China in the Era of Xi Jinping: Domestic and Foreign Challenges*, Georgetown University, 2016, pp. 26-28.

Trên mặt trận chính sách hay về đấu tranh phe cánh trong hàng ngũ lãnh đạo, ông Tập Cận Bình đã chiếm thế thượng phong và hiện nay đang ở đỉnh cao quyền lực với những thách thức đến từ trong nước giảm hẳn. Đại cục chính trị tương đối yên tĩnh sau việc Đảng Cộng sản Trung Quốc bãi bỏ giới hạn nhiệm kỳ Chủ tịch nước cho thấy vai trò và ảnh hưởng của Tập Cận Bình, tuy ông gặp nhiều thách thức, nhưng sẽ sớm ổn định nội bộ Trung Quốc. Khẩu hiệu “chỉ có chủ nghĩa xã hội mới cứu được Trung Quốc” đang được bổ sung thêm vế mới “chỉ có Tập Cận Bình mới cứu được chủ nghĩa xã hội”¹.

Về đối ngoại, lãnh đạo Trung Quốc đã có bước điều chỉnh quan trọng, từ sự chủ quan, ngạo mạn, coi thường Mỹ sang chủ trương cần phải đánh giá lại thực chất sức mạnh Mỹ, nhận diện đúng ý đồ và chiến lược của Mỹ, tìm cách “cầu hòa” trong quan hệ với Mỹ. Trong bối cảnh chính quyền D. Trump công khai châm ngòi chiến tranh thương mại và những bế tắc, căng thẳng trong quan hệ Trung - Mỹ, Tập Cận Bình vẫn đủ sức “trấn áp” những dư luận chỉ trích về chiến lược sai lầm “lộ diện” quá sớm của Trung Quốc. Một mặt, Tập Cận Bình bề ngoài giữ lập trường cứng rắn, không nhượng bộ, định hướng truyền thông nhà nước Trung Quốc hướng sự công kích ra ngoài, kiểm duyệt an ninh mạng, đổ lỗi cho chính quyền D. Trump ngăn chặn và kiềm chế sự phát triển của Trung Quốc.

1. Alice Miller: “Only Socialism can save China; Only Xi Jinping can save Socialism”, *Ibid*.

Mặt khác, ông vẫn chỉ đạo ngoại giao Trung Quốc tìm cách đàm phán với Mỹ để tìm lối thoát trong thế diện. Tập Cận Bình nhấn mạnh cần phải nhìn nhận lại quan hệ với siêu cường Mỹ theo phương châm “cầu đồng, tồn dị” (tìm kiếm điểm tương đồng, gác lại bất đồng), “kiên định nguyên tắc”, “dĩ đấu cầu hòa” (lấy đấu tranh để mưu cầu hòa bình) và “đấu mà không vỡ”.

Trong thời gian ngắn (giai đoạn nhiệm kỳ thứ hai của Tập Cận Bình), sự đồng bộ giữa mục tiêu, lợi ích của Đảng Cộng sản Trung Quốc và những tính toán của cá nhân Tập Cận Bình có thể cho phép Trung Quốc triển khai chính sách đối ngoại theo những biến chuyển mới trong nhận thức về sức mạnh quốc gia. Việc chỉ định Tập Cận Bình làm Tổng Bí thư thể hiện sự nhất trí của những lãnh đạo trong Đảng Cộng sản Trung Quốc muốn trao quyền cho ông tháo gỡ những rào cản trong Bộ Chính trị cũng như tạo công cụ mới cần thiết để bảo đảm sự tồn tại và cầm quyền lâu dài của Đảng Cộng sản Trung Quốc¹.

Tuy nhiên, giai đoạn tiếp theo của cải cách dưới quyền Tập Cận Bình sẽ rất khó khăn và có thể bộc lộ rõ sự chia rẽ trong đảng về con đường đi lên phía trước, nhất là khi

1. Cụ thể, gói cải cách được đẩy mạnh trong Đại hội Đảng XIX và trong kỳ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa XII vừa qua đã chứng tỏ lập luận này có cơ sở. Tập Cận Bình được tái nhiệm sau giai đoạn 2012-2022 sẽ gắn chặt với điều kiện liệu ông có thể thực hiện được những mục tiêu lớn trong thời gian ông nắm quyền hay không.

Ông muốn tiếp tục nắm quyền sau hai nhiệm kỳ¹. Khi sức mạnh của Trung Quốc tăng lên, Tập Cận Bình và giới lãnh đạo Trung Quốc có nhiều công cụ chính sách hơn nhưng đồng thời cũng phải đối mặt với những thách thức phức tạp hơn, lựa chọn khó khăn hơn trước. Thách thức lớn nhất với ông và giới lãnh đạo Bắc Kinh là phải dung hoà giữa mục tiêu đảm bảo sự cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc và mục tiêu chung của quốc gia dân tộc, cho rằng nếu Tập Cận Bình có năng lực lãnh đạo giải quyết được mâu thuẫn cơ bản của vấn đề thì đây sẽ là kỳ tích được ghi vào lịch sử. Khi tập quyền theo chế độ, Tập Cận Bình không thể tùy ý lạm dụng tập quyền để thao túng chính trị Trung Quốc, mà phải có cam kết chính trị cụ thể. Những cam kết cải cách chính là nhân tố quan trọng để giúp đưa Trung Quốc tận dụng được những yếu tố thuận lợi cả bên trong và bên ngoài để đạt được “Giấc mơ Trung Quốc” và “phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa”. Trung Quốc đang trong quá trình tự điều chỉnh, tự hoàn

1. Trong 5-10 năm tới, cải cách hệ thống chính trị và quản trị quốc gia là nhiệm vụ không thể né tránh hay trì hoãn, vì: (i) Đà tăng trưởng kinh tế sẽ giảm, thậm chí trì trệ, tác động tiêu cực đến ổn định chính trị; (ii) Tăng trưởng kinh tế cao, nhu cầu đổi mới và tự do hóa chính trị sẽ gia tăng. Khác với thời kỳ những năm 1970, khi công cuộc cải cách được phát động và những năm 1990, khi cải cách được phát động lại, trong tương lai các nhóm lợi ích chống lại cải cách trở nên đa dạng hơn, phức tạp hơn và khó quản lý hơn. Rủi ro lớn nhất vẫn là thúc đẩy cải cách có thể gây bất ổn chính trị - xã hội và mất niềm tin vào tập thể lãnh đạo tối cao.

thiện, tìm cách vượt qua khủng hoảng, tự nâng cao thế và lực thông qua thử thách.

1.2. Chiều hướng chính sách đối ngoại của Trung Quốc trong 10 năm tới

a) Điều chỉnh chính sách với Mỹ:

Trong 5-10 năm tới, mục tiêu hàng đầu của Trung Quốc là chấn hưng dân tộc và trở thành nước lớn. Tại Hội nghị Trung ương về công tác đối ngoại tổ chức tại Bắc Kinh ngày 22-23/6/2018, Tập Cận Bình nhấn mạnh tầm quan trọng của cả nhân tố đối nội và đối ngoại, tập trung vào thực hiện mục tiêu Trung Quốc trỗi dậy và thúc đẩy tiến bộ nhân loại, đóng góp vào xây dựng cộng đồng chung vận mệnh nhân loại. Trong bối cảnh nhiều sức ép và khó khăn do chiến lược ngăn chặn của Mỹ sau Đại hội XIX, phát biểu của Tập Cận Bình cho thấy quyết tâm của ông muốn bằng mọi giá (đẩy mạnh BRI, AIIB, cộng đồng chung vận mệnh nhân loại) để tạo ra một thế trận mới. Trọng tâm của giai đoạn tới là đẩy mạnh cải cách mở cửa, “ngoại giao để phục vụ cải cách và mở cửa”, khẳng định đẩy mạnh BRI nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia đồng thời nêu cao nguyên tắc công bằng và hữu nghị trong các công tác đối ngoại, Trung Quốc cùng tham vấn, cùng xây dựng và cùng hưởng thành quả chung với các nước¹.

1. Fu Xiaoqiang: “Xi Thoughts on Diplomacy leads the way”, op-ed, xem tại: <http://www.chinadaily.com.cn/a/201806/28/WS5b34179da3103349141df593.html>.

Đây là mốc quan trọng đánh dấu sự điều chỉnh chính sách của Trung Quốc sau khi bộc lộ tham vọng “vươn lên” tại Đại hội Đảng lần thứ XIX và phải đương đầu với những thách thức và cản lực trên các mặt trận, đặc biệt là căng thẳng trực diện với siêu cường Mỹ. Trung Quốc không cảm thấy dễ chịu với trật tự do Mỹ và phương Tây lãnh đạo, nhưng hiện tại trật tự này và quan hệ với Mỹ vẫn còn có lợi cho Trung Quốc. Mặc dù quan hệ khó khăn, nhưng Trung - Mỹ đã trở thành quan hệ cộng sinh phụ thuộc lẫn nhau. Trước mắt, trong vòng 10 năm tới, Trung Quốc vẫn phải tiếp tục khiêm tốn, tránh để lộ diện quá sớm. Đáng chú ý khi nói về tư tưởng xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc thời đại mới, Tập Cận Bình đề cập khái niệm mốc 100 năm thứ nhất, nhấn mạnh “đây là thời kỳ thứ nhất”, có hàm ý nhắc lại chủ trương phân kỳ phát triển của Đặng Tiểu Bình. Đây có thể là tín hiệu cho thấy Trung Quốc đã có nhìn nhận thực tế hơn sau khi có những bước đi quá vội, sai lầm về chiến lược. Trong dài hạn, khi đủ tự tin và mức độ chắc chắn về sức mạnh vượt Mỹ và các nước phương Tây, Trung Quốc sẽ giành bá quyền, thách thức quyền lực của Mỹ và trật tự phương Tây.

Quan hệ Trung - Mỹ vẫn là ưu tiên hàng đầu trong đường lối đối ngoại của Trung Quốc. Bốn thập kỷ cải cách mở cửa của Trung Quốc gắn chặt với bốn thập kỷ Trung Quốc xử lý quan hệ với Mỹ, siêu cường có vai trò quyết định nhất đối với sự ổn định và phát triển của Trung Quốc. Trung Quốc luôn coi quan hệ ổn định với

Mỹ có ý nghĩa chiến lược quan trọng đối với nước này. Trung Quốc cũng luôn xác định quan hệ với các nước lớn, trong đó có Mỹ, là ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của mình. Trung Quốc mong muốn xây dựng quan hệ “đối tác hợp tác chiến lược” với Mỹ, tìm kiếm xây dựng “quan hệ nước lớn kiểu mới” giữa Trung Quốc và Mỹ. Việc Trung Quốc nhấn mạnh cụm từ “thúc đẩy xây dựng quan hệ nước lớn kiểu mới” là một lập luận mới gây chú ý trong giới nghiên cứu chính sách. Trong bối cảnh Trung Quốc ngày càng tăng cường tiếng nói và tầm ảnh hưởng trên các vấn đề khu vực và thế giới, “xây dựng quan hệ nước lớn kiểu mới” như một sự bổ sung cho “thế giới đa cực” vẫn thường được nhắc tới trước đó theo hàm ý Trung Quốc sẽ là quốc gia đóng vai trò quyết định.

Hiện nay, Trung Quốc đều thua kém Mỹ trong các lĩnh vực như kinh tế, chính trị, quân sự, vì thế về lâu dài Trung Quốc vẫn rất cần Mỹ. Về kinh tế, dù GDP của Trung Quốc đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ sau hơn 30 năm cải cách, vươn lên đứng thứ hai sau Mỹ, thậm chí còn vượt Mỹ về chỉ số ngang giá sức mua (PPP), nhưng GDP trên đầu người của Trung Quốc (17.943 USD) còn thua xa Mỹ (61.687 USD)¹. Về chính trị, nếu như Mỹ có hệ thống đồng minh rộng khắp, đặc biệt là những đồng minh thân cận ở ngay sát Trung Quốc như Nhật Bản,

1. Báo cáo thường niên của Quỹ Tiền tệ quốc tế năm 2018, xem tại: <https://www.imf.org/external/pubs/ft/ar/2018/eng/index.htm>.

Hàn Quốc... thì hệ thống đồng minh của Trung Quốc được đánh giá là yếu kém, thậm chí Trung Quốc còn có mâu thuẫn chủ quyền lãnh thổ với hầu hết các quốc gia láng giềng. Về quân sự, trong khi Mỹ có hệ thống quân đồn trú trên phạm vi toàn cầu, thì Trung Quốc mới chỉ mạnh nha xây dựng được một số cảng biển lưỡng dụng theo sáng kiến Vành đai và Con đường ở một số quốc gia Đông Nam Á và châu Phi. Tuy nhiên, sự phụ thuộc vào Mỹ của Trung Quốc sẽ dần giảm đi, nguyên nhân là do Trung Quốc đang tích cực tăng cường quan hệ với nhiều chủ thể quốc tế quan trọng khác như Liên minh châu Âu (EU), Nga, thậm chí truyền bá mô hình quản trị ra thế giới, như tại Campuchia, châu Phi...

b) Điều chỉnh chính sách với các nước khác:

Trung Quốc sẽ tiếp tục tăng cường đấu tranh đòi các nước lớn khác công nhận vị thế quốc tế, xây dựng và mở rộng vùng ảnh hưởng tương xứng với thế và lực mới của Trung Quốc. Để đạt được vị thế mới này, Trung Quốc triển khai ngoại giao nước lớn và ngoại giao láng giềng. Nội dung chính của ngoại giao nước lớn là tìm kiếm mô hình quan hệ nước lớn kiểu mới nhằm ổn định quan hệ với Mỹ; Trung Quốc tiếp tục đề cao hợp tác và tránh xung đột, nhất là xung đột quân sự với Mỹ; sử dụng chiến thuật vùng xám, không tạo cơ hội để Mỹ can thiệp quân sự; Trung Quốc tiếp tục điều chỉnh quan hệ với Nga, Liên minh châu Âu, Nhật Bản và Ấn Độ, tránh để các nước này tham gia tập hợp lực lượng với Mỹ nhằm kiềm chế

Trung Quốc. Nội dung chính của ngoại giao láng giềng là xây dựng một khu vực hòa bình ổn định xung quanh Trung Quốc. Tuy nhiên, tận dụng lợi thế kề cận về địa lý và vượt trội về nguồn lực, Trung Quốc tăng cường sử dụng cả “cây gậy và củ cà rốt”, gây sức ép về kinh tế, chính trị, quân sự và mua chuộc bằng lợi ích kinh tế nhằm gây ảnh hưởng, lôi kéo tập hợp lực lượng và từng bước tạo dựng luật chơi ở khu vực, nhất là ở châu Á - Thái Bình Dương.

Quan hệ Trung - Mỹ sẽ tiếp tục là cặp quan hệ chi phối đời sống quốc tế và được xem là trục chính của quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới. Mối quan hệ giữa Trung Quốc với các nước phương Tây luôn chịu sự chi phối của quan hệ Trung - Mỹ. Những lĩnh vực Trung Quốc và Mỹ đều có lợi ích và đều cần nhau là kinh tế, thương mại, các lĩnh vực an ninh phi truyền thống, vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên. Tuy nhiên, sự cọ xát, cạnh tranh ảnh hưởng giữa hai nước sẽ gia tăng trong thời gian tới. Mục tiêu bao trùm lên chính sách đối ngoại của Mỹ vẫn là duy trì vị thế siêu cường duy nhất và vai trò lãnh đạo thế giới, tiếp tục triển khai chiến lược tái cân bằng ở châu Á - Thái Bình Dương, đồng thời ngăn cản các cường quốc khác nổi lên thách thức vai trò và lợi ích của Mỹ. Về lâu dài, Mỹ sẽ tiếp tục theo đuổi chính sách can dự toàn diện với Trung Quốc, từ hợp tác trong các lĩnh vực hai bên cần tiếng nói chung đến gây sức ép, không từ bỏ chính sách kiềm chế, hạn chế việc Trung Quốc cạnh tranh và lấn át ảnh hưởng của Mỹ ở châu Á

cũng như ở các khu vực khác trên thế giới, dùng sức mạnh quân sự để làm mất ổn định ở một số khu vực có liên quan tới lợi ích của Trung Quốc. Trong khi đó, Trung Quốc sẽ tiếp tục trỗi dậy và gia tăng tầm ảnh hưởng của mình trong các công việc quốc tế. Tuy nhiên, hai nước cũng cạnh tranh gay gắt trong các vấn đề như thâm hụt thương mại, cạnh tranh ảnh hưởng trong khu vực, đặc biệt là vấn đề Biển Đông¹.

Để dung hòa giữa nhiệm vụ giữ gìn môi trường hòa bình ổn định và xây dựng vị thế quốc tế mới, Trung Quốc trước mắt (i) không tìm cách thay thế mà vẫn tiếp tục hưởng lợi từ trật tự quốc tế và khu vực hiện hành, trong khi vẫn dần tìm cách thay đổi luật chơi từ bên trong các cơ chế đó, (ii) hình thành các cơ chế mới do Trung Quốc chi phối để cạnh tranh với các cơ chế do Mỹ dẫn dắt. Ví dụ, sáng kiến BRI được cho là sẽ trở thành công cụ chính để Trung Quốc vươn ra ngoài, dùng đòn bẩy kinh tế để

1. Trong tranh chấp Biển Đông, lợi ích quốc gia của Mỹ là an ninh, an toàn, tự do hàng hải. Vì vậy, ngoài việc chỉ trích Trung Quốc trên các diễn đàn đa phương, trên thực địa, Mỹ thường xuyên tiến hành các chiến dịch tự do hàng hải (FONOP) để thách thức các tuyên bố chủ quyền của Trung Quốc. Do hai nước dù đối đầu trên nhiều vấn đề, nhưng vẫn cần nhau trong nhiều vấn đề khác, các chiến dịch FONOP của Mỹ cũng giới hạn ở mức tránh đẩy Trung Quốc vào một cuộc xung đột vũ trang. Trước mỗi lần thực hiện chiến dịch, Mỹ đều thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để tránh tạo yếu tố kích thích bất ngờ đối với Trung Quốc.

hình thành một tập hợp lực lượng mới, giúp Trung Quốc tạo thế trong cạnh tranh ảnh hưởng với Mỹ, đồng thời tạo ra mô hình mới theo kiểu “trục nan hoa” về kinh tế và đối ngoại, làm cho “mọi ngã đường đều dẫn đến Bắc Kinh”; (iii) trước mắt áp dụng cách chơi của kẻ yếu thông qua các đòn “điểm huyết” tại một số điểm nóng hoặc một số nước/địa bàn trọng yếu đồng thời không tạo cơ cho Mỹ can thiệp/ngăn chặn.

Vị thế của Trung Quốc sẽ tăng nhanh cả ở bình diện toàn cầu và khu vực. Ở bình diện toàn cầu, hiện nay Trung Quốc đã tham gia và phát huy vai trò ngày càng quan trọng tại các thể chế quốc tế chi phối hoạt động chính trị, an ninh, thương mại và tài chính toàn cầu như Liên hợp quốc (UN), Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF). Với tư cách là Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Trung Quốc ngày càng có thế mạnh khi xử lý các vấn đề nóng mang tính khu vực và toàn cầu, tham gia xây dựng quy tắc và chuẩn mực mới liên quan đến các vấn đề mới nổi như biến đổi khí hậu, an ninh mạng, khu vực Nam - Bắc cực và không gian vũ trụ. Đặc biệt, đối với các tổ chức thương mại và tài chính toàn cầu, vai trò của Trung Quốc ngày càng nổi bật. Trung Quốc sẽ tiếp tục tăng tỷ lệ đóng góp tại các thể chế kinh tế, tài chính lớn như IMF, WB nhằm tăng quyền phát ngôn. Những sáng kiến như BRICS, AIIB... sẽ phát huy tác dụng, giúp Trung Quốc dẫn dắt và gia tăng ảnh hưởng đối với kinh tế thế giới, tương xứng với thực lực kinh tế

ngày càng tăng của Trung Quốc. Đại hội lần thứ XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 10/2017) chủ trương lấy xây dựng “Vành đai và Con đường” làm trọng điểm, hình thành cục diện mở cửa. Theo đó lục địa và hải đảo, bên trong và bên ngoài liên động với nhau, Đông - Tây hỗ trợ cho nhau...; thúc đẩy xây dựng cường quốc mậu dịch; thực hiện chính sách tự do hóa, tiện lợi hóa mậu dịch và đầu tư ở trình độ cao, tìm tòi xây dựng các cảng mậu dịch tự do, thúc đẩy các ngành công nghiệp Trung Quốc vươn lên công đoạn cao của chuỗi giá trị toàn cầu, bồi dưỡng một số ngành chế tạo tiên tiến đạt đẳng cấp thế giới.

Ở bình diện khu vực, các tập hợp lực lượng do Trung Quốc dẫn dắt đang trong quá trình hình thành và mở rộng. Tập hợp lực lượng này thể hiện qua các cơ chế đa phương mới lấy Trung Quốc làm trung tâm như Ngân hàng Đầu tư cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB), các cơ chế trong BRICS, Hội nghị Thượng đỉnh về các biện pháp tương tác và xây dựng lòng tin ở châu Á (CICA), tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), Diễn đàn châu Á - Bắc Ngao... và Hiệp định Đối tác toàn diện khu vực (RCEP) đang thương lượng. Các tập hợp lực lượng này hình thành sau khi Trung Quốc áp dụng cách tiếp cận chủ động tại các cơ chế đa phương. Đặc biệt, từ sau khi từ bỏ chủ trương “giấu mình chờ thời”, Trung Quốc đã đầu tư mạnh vào các cơ chế này, nâng lên thành một dạng “ngoại giao hội nghị thượng đỉnh”, qua đó thúc đẩy vai trò của Trung Quốc với tư cách là nước chủ nhà.

Tuy nhiên, Trung Quốc sẽ gặp phải nhiều khó khăn hơn trên con đường trở thành nước lớn. Ngoài cách biệt về sức mạnh tổng hợp như đã nêu ở trên, Trung Quốc còn có một số hạn chế về đối ngoại, gồm: (i) Trung Quốc chưa giải quyết được vấn đề giảm sút lòng tin trong quan hệ đối ngoại. Về cơ bản, Trung Quốc vẫn là một “siêu cường cô độc” do ít bạn và đồng minh. Học giả Trung Quốc Diêm Học Thông cho rằng, kể cả những nước thân Trung Quốc vẫn là “kẻ cơ hội” và không bỏ quan hệ với Mỹ để theo hẵn Trung Quốc. Trong khi đó, Trung Quốc trỗi dậy lại làm cho nhiều nước lo ngại hơn là chào đón, vì về cơ bản Trung Quốc chưa có khả năng thay thế vai trò của Mỹ trong việc tạo ra các “dịch vụ công” cho khu vực và thế giới, vẫn còn tư tưởng “ăn theo”; (ii) Mỹ và các nước phương Tây đã nhận thức rõ hơn nguy cơ Trung Quốc và từ đó tăng cường tập hợp lực lượng, phối hợp chính sách kiềm chế Trung Quốc trong khi các nước vừa và nhỏ tăng cường chính sách “phòng bị nước đôi” với Trung Quốc; (iii) Các lợi thế của Trung Quốc thu hút đầu tư nước ngoài, nhất là lao động giá rẻ, đang mất dần trong khi Mỹ và phương Tây đang nắm lợi thế về công nghệ nguồn và tăng cường chính sách bảo hộ nhằm vào Trung Quốc. Các nước ngày càng cảnh giác đối với BRI vì sáng kiến này đang làm trầm trọng thêm vấn đề thâm hụt thương mại, nợ nần và mâu thuẫn xã hội; (iv) Các thể chế đa phương mới do Trung Quốc lập ra vẫn chưa đi được vào “dòng chính” của quan hệ quốc tế, chưa trở thành “giải

pháp thay thế” cho các mô hình quan hệ quốc tế hiện tại. Thậm chí có ý kiến cho rằng, Trung Quốc đang mất dần lợi thế trong cuộc cạnh tranh chiến lược và kinh tế với Mỹ. Đối với Trung Quốc, do đặc thù về thể chế, những sai lầm về đối ngoại sẽ tạo hệ lụy to lớn về đối nội. Do đó, cách thức triển khai đối ngoại của Trung Quốc cũng thận trọng hơn, vừa triển khai vừa thăm dò phản ứng nội bộ của các nước liên quan. Các bước triển khai chính sách đối ngoại của Trung Quốc trong thời gian tới có thể vẫn mang tính quá độ và thử nghiệm. Theo đó, dựa vào ưu tiên củng cố bên trong, mục tiêu đối ngoại lâu dài và thời gian tại vị kéo dài của Tập Cận Bình, Trung Quốc sẽ có các điều chỉnh chính sách ngắn hạn, căn cứ chủ yếu vào phản ứng của các bên liên quan, nhất là Mỹ, các nước lớn khác và các nước láng giềng.

2. Tác động đối với thế giới và khu vực

Chính sách của Trung Quốc đối với các đối tượng là khác nhau và cùng đối tượng nhưng tùy từng thời điểm cũng khác nhau. Một mặt, Trung Quốc tuyên bố thực hiện trời dậy hòa bình, trở thành nước lớn đi đầu có sức mạnh tổng hợp và ảnh hưởng quốc tế giữa thế kỷ XXI. Mặt khác, khi sức mạnh của Trung Quốc gia tăng, Trung Quốc cũng sẵn sàng triển khai chính sách bành trướng mở rộng ảnh hưởng tương ứng với thực lực mới của mình. Chiến lược trời dậy của Trung Quốc có thể tác động tới tình hình thế giới và khu vực ở một số điểm chính sau:

2.1. Tác động đến cục diện quốc tế

Về tương quan so sánh lực lượng: Việc Tập Cận Bình và tập thể lãnh đạo trung ương Trung Quốc nhận thức lại về sức mạnh của Trung Quốc và tương quan so sánh lực lượng giữa Trung Quốc với Mỹ và phương Tây cho thấy, có khả năng Trung Quốc sẽ tiếp tục lựa chọn chiến lược hòa hoãn trên bình diện toàn cầu trong 10 năm tới. Trung Quốc đang trỗi dậy không chỉ phải đối mặt với nước lớn nguyên trạng là siêu cường Mỹ mà còn phải đối mặt với một trật tự được toàn cầu hóa của các nền dân chủ phương Tây. Do Mỹ và các nước đồng minh vẫn còn chung nhận thức về mối đe dọa Trung Quốc và nhận thức lại sức mạnh của Trung Quốc chưa thể đạt mức ngang bằng với Mỹ và sức mạnh của các nước phương Tây gộp lại, sự chấp nhận và tham gia vào trật tự hiện nay là chiến lược sáng suốt của Trung Quốc. Khả năng hình thành lưỡng cực Mỹ - Trung, đa cực hóa, đa trung tâm hóa có thể thành hiện thực hay không phụ thuộc vào Trung Quốc trỗi dậy thành công và sử dụng quyền lực của mình để tổ chức và đặt ra luật lệ cho trật tự khu vực và toàn cầu thông qua những phương thức hòa bình, không tạo ra sự xáo trộn và bất ổn lớn trong hệ thống quốc tế.

Trung Quốc là một trong ba nước có lực lượng quân sự mạnh nhất thế giới qua các tiêu chí về sức mạnh của lực lượng lục quân, hải quân, vũ trụ - hàng không, lực lượng tên lửa chiến lược, nền công nghiệp quốc phòng và chi tiêu quốc phòng. Tương quan so sánh sức mạnh quân sự giữa

Trung Quốc và các nước đang thay đổi nhanh chóng đồng thời nghiêng dần theo hướng có lợi hơn cho Trung Quốc¹. Trung Quốc hiện có ngân sách quốc phòng lớn thứ hai thế giới, có lực lượng quân thường trực lớn nhất, một loạt vũ khí tân tiến, một lực lượng hải quân có thể hoạt động ở các vùng biển xa phía tây Thái Bình Dương, đôi khi cả ở Ấn Độ Dương. Trung Quốc được coi là một cường quốc quân sự ở khu vực châu Á và điều này đang làm thay đổi cán cân quyền lực tại khu vực. Tuy nhiên quân đội Trung Quốc vẫn chưa cho thấy khả năng triển khai sức mạnh ở quy mô toàn cầu. Trung Quốc không có căn cứ quân sự nào ở nước ngoài, không có tuyến hậu cần và liên lạc trên phạm vi rộng, hệ thống vệ tinh toàn cầu còn thô sơ. Hải quân Trung Quốc vẫn chủ yếu hoạt động trong vùng biển gần.

Trung Quốc đang và sẽ tiếp tục gia tăng đầu tư cho hải quân bằng cách gia tăng về số lượng cũng như chất lượng đội tàu chiến đấu nhằm bảo vệ các lợi ích của Trung Quốc không chỉ ở biển gần mà cả biển xa. Trung Quốc hiện sở hữu 697 tàu chiến và thuyền chiến, trong đó

1. Dự báo xu hướng phát triển sức mạnh quân sự trung hạn và dài hạn của Trung Quốc cần tránh mắc phải hai lỗi: (i) Xu hướng hiện đại hóa quân đội của Trung Quốc thực hiện trong 30 năm qua (từ 1985) sẽ tiếp diễn trong tương lai. Có thể thấy, thời kỳ 1999-2000 và 2008 là hai bước ngoặt trong hiện đại hóa quân sự của Trung Quốc với cách thức khác trước; (ii) Phân tích tĩnh, hay phân tích không kèm so sánh tương quan. Một quốc gia tăng ngân sách quốc phòng nhưng nếu đối phương cũng tăng ngân sách quốc phòng tương ứng thì mối đe dọa không giảm.

có 67 tàu ngầm (dự kiến sẽ tăng lên 80 tàu trong vài năm tới), 1 tàu sân bay (đang đóng mới 2 chiếc và mục tiêu dự kiến là 5-6 chiếc), 24 tàu khu trục và nhiều chủng loại tàu/thuyền chiến khác¹. Điểm đáng chú ý là tốc độ hiện đại hóa trang thiết bị quân sự của Hải quân Trung Quốc. Trong 10 năm qua, Hải quân Trung Quốc đã đóng mới hơn 100 tàu chiến và tàu ngầm các loại, nhiều hơn toàn bộ đội tàu hải quân một số quốc gia. Như vậy, cùng với chiến lược “chống tiếp cận” (A2/AD) để bảo vệ các vùng biển gần (mục tiêu được các chiến lược gia đánh giá là đã hoàn thành), Trung Quốc đang nhanh chóng mở rộng lực lượng hải quân với mục tiêu vươn tới các vùng biển xa để bảo vệ các lợi ích của Trung Quốc. Đô đốc Philip Davidson, Tư lệnh Bộ chỉ huy Thái Bình Dương của Hải quân Mỹ, trong buổi trả lời điều trần Ủy ban Quân lực Thượng viện Mỹ, đã cảnh báo: “Trung Quốc hiện có khả năng kiểm soát Biển Đông trong mọi kịch bản chiến tranh với Mỹ”. Ông mô tả Trung Quốc đã đạt tới vị thế “đối thủ cạnh tranh ngang hàng” với Mỹ và kết luận “không có gì đảm bảo rằng Mỹ sẽ giành chiến thắng trong cuộc chiến với Trung Quốc xảy ra trong tương lai”².

1. Đỗ Minh Cao: *Sự trỗi dậy về quân sự của Trung Quốc và vấn đề đặt ra cho Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách Khoa, 2013, tr. 113. Theo thống kê của Mỹ, Trung Quốc hiện có 400 tàu chiến các loại và dự kiến sẽ tăng lên đến 550 chiếc vào năm 2030.

2. Steven Lee Myers: “With Ships and Missiles, China Is Ready to Challenge U.S. Navy in Pacific”, *The New York Times*, 29/8/2018.

Theo nhận định của Giáo sư Robert Ross, trong vòng 10 năm qua Trung Quốc đã trỗi dậy vô cùng nhanh chóng, đặc biệt đáng chú ý là dưới thời Chủ tịch Tập Cận Bình, Trung Quốc đã đầu tư rất nhiều tiền vào phát triển hải quân. Sức mạnh hải quân của Trung Quốc đã làm thay đổi tương quan lực lượng ở Đông Á và thay đổi cân bằng sức mạnh Mỹ - Trung. Nếu chiến tranh hải quân Mỹ - Trung xảy ra từ 10 năm trước, Mỹ đã có thể thắng dễ dàng, nhanh chóng và ít tổn thất. Hiện tại, nếu chiến tranh xảy ra, đây sẽ là một cuộc chiến kéo dài, gây tổn thất lớn cho cả hai quốc gia. Về tương quan sức mạnh, (i) hải quân Mỹ vẫn có ưu thế công nghệ, nhưng Trung Quốc đang nhanh chóng thu hẹp khoảng cách thông qua việc phát triển máy bay không người lái, vũ khí siêu thanh, tàu ngầm chất lượng cao và tên lửa; (ii) một yếu tố cũng quan trọng ngang bằng với công nghệ là số lượng tàu chiến của Trung Quốc. Hiện Trung Quốc có nhiều hơn Mỹ khoảng 100 tàu chiến, trong số đó có nhiều tàu hiện đại, Trung Quốc cũng sản xuất tàu chiến nhanh hơn Mỹ; và (iii) quy mô hải quân Mỹ đang thu nhỏ trong khi Trung Quốc đang mở rộng; (iv) với sự phát triển của tên lửa tầm xa của Trung Quốc, các chuyên gia ở Mỹ nhận định rằng trong tương lai, các căn cứ quân sự của Mỹ ở Biển Đông, bao gồm các căn cứ ở Philíppin, Xingapo và Malaixia, sẽ trở nên vô dụng vì Trung Quốc có thể nhanh chóng phá hủy các căn cứ này. Điều này dẫn tới hai hệ lụy: một là khả năng tác chiến của Mỹ ở Biển Đông sẽ vô cùng hạn chế vì không có căn cứ hải quân và hai là các quốc gia trong khu vực sẽ phải lo lắng

hơn vì Mỹ không có khả năng bảo vệ họ; (v) ngoài ra, còn cần tính đến bản chất địa lý của Biển Đông. Các nhà phân tích về Trung Quốc thường nói chuỗi đảo thứ hai bao vây Trung Quốc và ngăn chặn Trung Quốc vươn ra đại dương. Tuy nhiên, điều này đồng nghĩa với việc chuỗi đảo thứ hai cũng ngăn chặn Mỹ đi vào Biển Đông. Mỹ có thể đợi Trung Quốc ở bên ngoài Biển Đông để đánh chặn Trung Quốc, nhưng tàu ngầm của Hải quân Trung Quốc cũng có thể đợi Hải quân Mỹ bên trong Biển Đông, ở ba đến bốn ngả tiến vào Biển Đông và đánh chặn Mỹ nếu Mỹ đi vào. Có thể quan sát thấy sức mạnh hải quân là nhân tố khiến cho Trung Quốc tự tin hơn, hiếu chiến và quyết đoán hơn¹. Cạnh tranh trong lĩnh vực quân sự, an ninh giữa hai nước cũng ngày càng nổi lên rõ nét, sâu sắc. Trung Quốc ưu tiên phá vỡ chuỗi đảo thứ nhất, thứ hai, triển khai mạng lưới các căn cứ quân sự, dân sự tại các cảng biển chiến lược trong và ngoài khu vực, phát triển hệ thống vũ khí chống tiếp cận nhằm vào Mỹ và các đồng minh. Ngược lại Mỹ đã triển khai một số hệ thống tên lửa tại một số nước láng giềng quanh Trung Quốc, tăng cường quan hệ với hệ thống đồng minh và các đối tác trong khu vực;

Sức mạnh tổng hợp quốc gia của Trung Quốc đối với Mỹ được dự báo sẽ thu hẹp trong thời gian tới (dự kiến tới năm 2030, Trung Quốc sẽ vượt Mỹ về tổng lượng kinh tế, trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới), do vậy cạnh tranh giữa hai nước sẽ tiếp tục ngày càng căng thẳng giữa

1. Trích báo cáo nội dung thuyết trình của Robert Ross, *Tlđđ*.

một nước muốn duy trì vị thế lãnh đạo toàn cầu, khu vực của mình và một nước muốn thay đổi để phù hợp với vị thế của mình. Cạnh tranh này sẽ dẫn tới việc gia tăng nguy cơ xung đột khu vực thông qua các nước vệ tinh.

Tuy vậy, xét một cách tổng thể, sức mạnh quân sự của Trung Quốc hiện còn cách xa so với Mỹ, Mỹ tiếp tục là quốc gia duy nhất có hệ thống đồng minh quân sự toàn cầu với 662 căn cứ quân sự tại 38 quốc gia và vùng lãnh thổ. Đối với Mỹ, Trung Quốc sẽ không phải là “đối thủ cạnh tranh ngang hàng” trên phạm vi toàn cầu. Không gian cạnh tranh Mỹ - Trung sẽ là vùng biển và vùng trời trong khu vực. Để có thể triển khai sức mạnh quân sự trên phạm vi toàn cầu, Trung Quốc sẽ phải khắc phục được những thách thức to lớn về công nghệ, kinh tế, chính trị và nguồn lực. Những trở ngại trên con đường vươn lên trở thành cường quốc quân sự số một của Trung Quốc là: (i) Tuy Trung Quốc liên tục tăng ngân sách quân sự, nhưng đến nay mới đạt khoảng 147,7 tỷ USD, chỉ bằng 1/4 ngân sách quân sự năm 2017 của Mỹ (626 tỷ USD). Ngân sách này lại phải chi cho giảm quân, tăng cường trang bị hiện đại cho quân đội, nên chi phí cho huấn luyện sẽ bị hạn chế; (ii) Trung Quốc chậm thu hẹp khoảng cách với các cường quốc phát triển về sản xuất những trang bị chủ yếu. Trung Quốc không phải là nước nắm công nghệ gốc, nên có sự hạn chế trong khả năng nghiên cứu, phát triển các phương tiện chiến đấu tiên tiến, nhất là khi các nước phát triển đề phòng và gia tăng kiểm soát xuất khẩu công nghệ quân sự; (iii) Nội trị Trung Quốc gặp không ít thách

thức, như khủng bố, xung đột sắc tộc, tôn giáo, vấn đề Hồng Công, Ma Cao... khiến quân đội phải dàn trải nguồn lực để đối phó; (iv) Quân đội Trung Quốc nhìn chung vẫn ít có dịp thử thách, thiếu kinh nghiệm tác chiến, năng lực sử dụng vũ khí hạn chế, khả năng tấn công từ xa và kỹ thuật tác chiến chống tàu ngầm còn yếu; chưa phát triển được năng lực tác chiến biển xa đáng tin cậy; (v) Trong khi Mỹ có trên 60 đồng minh quân sự trên thế giới, thì Trung Quốc gần như không có đồng minh¹.

Trong tương lai, khi sức mạnh của Trung Quốc gia tăng, Trung Quốc cũng sẵn sàng triển khai chính sách mở rộng tương ứng với thực lực mới của mình. Sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tại khu vực đã làm cho quá trình tập hợp lực lượng tại khu vực trở nên gay gắt. So sánh về tương quan sức mạnh nước lớn trong khu vực, có thể thấy nhân tố Mỹ - Trung đóng vai trò quan trọng tác động sâu sắc tới khu vực trên nhiều lĩnh vực. Sức mạnh tổng hợp của Trung Quốc dự kiến tăng lên cùng với các mục tiêu cụ thể được đề ra trong Đại hội Đảng lần thứ XIX, thể hiện Trung Quốc trở thành một cường quyền mới tại khu vực trong thế kỷ XXI, tạo ra cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và Mỹ ngày càng gay gắt, thách thức tới trật tự kinh tế, chính trị do Mỹ dẫn đầu tại khu vực.

1. Nguyễn Hồng Quân: “Về thế và lực quân sự hiện nay của Trung Quốc”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, Học viện Ngoại giao, số 1 (112) tháng 3/2018.

Trung Quốc đang tìm cách sửa đổi các trật tự khu vực mà bị coi là trở ngại cho quá trình Trung Quốc thực hiện phục hưng dân tộc Trung Hoa. Phạm vi cạnh tranh trước mắt tập trung tại khu vực châu Á và sẽ mở rộng ra toàn cầu. Về mức độ, cạnh tranh giữa hai nước lớn này không chỉ tập trung trong lĩnh vực an ninh, quân sự, kinh tế - thương mại mà còn mở rộng ra cạnh tranh đa dạng hơn trên cả lĩnh vực công nghệ, chính trị.

Mặt khác, cạnh tranh giữa Trung Quốc với các nước lớn tầm trung khác như Ôxtrâyliia, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc tại khu vực cũng nổi lên ngày càng rõ nét. Các nước trên đã đưa ra nhiều chính sách liên kết với nhau (các cơ chế đối thoại 2+2, tập trận), đề xuất các sáng kiến đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia khác trong khu vực để tăng cường ảnh hưởng, nâng cao vai trò để tập hợp lực lượng, tạo ra cạnh tranh chiến lược, đan xen lợi ích giữa các nước lớn tầm trung với Trung Quốc tăng lên, nhưng mặt cạnh tranh chiến lược nổi rõ hơn. Tuy nhiên, trên thực tế, vai trò của các nước tầm trung vẫn còn hạn chế, khó có thể so sánh tương quan sức mạnh kinh tế, dân số, quân sự với Trung Quốc. Các nước cần vai trò quan trọng của Mỹ để được bảo đảm an ninh, trong khi phụ thuộc vào Trung Quốc về thương mại, đầu tư và thị trường, tạo ra hai châu Á trong khu vực¹.

1. Wang Dong: "Two Asias? China Rise, Dual Structure, and the Alliance System in East Asia", trong Robert Ross, Oystein Tunsjo: *Strategic Adjustment and the Rise of China's Power and Politics in East Asia*, Ibid, pp. 100-136.

Trong thời gian tới, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tại khu vực sẽ mở rộng từ lĩnh vực quân sự, đối ngoại sang các lĩnh vực kinh tế, năng lực kiểm soát khoa học, kỹ thuật, tài chính, thông tin... Trong lĩnh vực kinh tế, cạnh tranh giữa các nước lớn diễn ra gay gắt sẽ định hình phát triển kinh tế, luật chơi trong khu vực. Với điều chỉnh chính sách của D. Trump rút khỏi các cơ chế đa phương khu vực như TPP và ngược lại, nỗ lực của Trung Quốc trong thúc đẩy các thỏa thuận liên kết khu vực như RCEP, FTAAP và gương cao ngọn cờ tự do hóa thương mại, toàn cầu hóa, v.v. đã giúp Trung Quốc củng cố vai trò kinh tế của mình chắc chắn hơn so với sự hiện diện của Mỹ.

Trung Quốc coi khu vực châu Á - Thái Bình Dương là bàn đạp để Trung Quốc vươn ra thế giới, từng bước củng cố, chi phối ảnh hưởng tại khu vực. Trung Quốc thể hiện ý định loại Mỹ ra khỏi khu vực, xây dựng một trật tự khu vực do Trung Quốc chi phối. Tại Hội nghị thượng đỉnh CICA (tháng 5/2014), Tập Cận Bình đã công bố “khái niệm An ninh châu Á mới”, đề cập việc “đã đến lúc để người châu Á xử lý công việc của châu Á, giải quyết các vấn đề của châu Á và duy trì an ninh của châu Á”¹. Mục đích của Trung Quốc là muốn phát triển cấu trúc hợp tác an ninh

1. Xi Jinping: “New Asian Security Concept for New Progress in Security Cooperation, Remarks at the Fourth Summit of the Conference on Interaction and Confidence Building Measures in Asia”, xem tại: www.fmprc.gov.cn/mfa_eng/zxxx_662805/t1159951.shtml.

khu vực. Đây là một phần của chiến lược phòng ngừa nhằm vào Mỹ, gia tăng sự tự do hành động của Trung Quốc tại khu vực, triển khai nhiều chính sách và chủ trương gồm đẩy mạnh xây dựng các khu thương mại tự do và hợp tác tài chính, đẩy nhanh kết nối về cơ sở hạ tầng và củng cố những giá trị châu Á, đa dạng hóa các lựa chọn chiến lược, đặt ưu tiên vào một số khu vực và lĩnh vực.

Trung Quốc tranh thủ tuyên truyền xây dựng quan niệm, lồng ghép mô hình quản trị do Trung Quốc dẫn dắt vào trong các chương trình chung của khu vực và trên thế giới, tranh thủ xây dựng vai trò lãnh đạo khu vực. Chủ trương của Trung Quốc là xuất phát từ thực tế, đi con đường phát triển phù hợp với thực tế bản thân Trung Quốc. Không đi theo sự chỉ huy của các tổ chức quốc tế khác mà theo con đường của riêng mình. Đối với khu vực, Trung Quốc có ý cung cấp các sản phẩm công cho toàn cầu.

Tại khu vực, Trung Quốc thúc đẩy cải cách các khuôn khổ hoạch định chính sách của các tổ chức quốc tế hiện nay, tăng tính cạnh tranh trong các cơ cấu đa phương cũ với đa phương mới, tăng cường sức mạnh để làm thay đổi cơ cấu quyền lực tại khu vực. Qua các cơ chế đa phương quan trọng trên của khu vực, Trung Quốc tích cực tuyên truyền xây dựng sáng kiến cộng đồng chung vận mệnh nhân loại, lập nên các cơ chế quốc tế mới để tuyên truyền vị thế quốc tế của Trung Quốc và nâng cao sức ảnh hưởng quốc tế, tạo sự hấp dẫn. Đồng thời, thông qua đề xuất các quan niệm và chính sách mới để lồng ghép các quy định và

cơ chế có lợi cho Trung Quốc tại khu vực, thúc đẩy điều chỉnh trật tự khu vực giúp cho vai trò của Trung Quốc tại khu vực tăng lên. Trung Quốc tự tin sẵn sàng phá vỡ các luật chơi, trật tự khu vực đã được thiết lập, thực hiện cách đi riêng của mình. Trung Quốc chủ động định ra các luật chơi, mở rộng không gian chiến lược, tìm kiếm tạo môi trường bên ngoài phù hợp với lợi ích của Trung Quốc. Mô hình và quan niệm phát triển của Trung Quốc bắt đầu ảnh hưởng trong phạm vi thế giới, hơn nữa còn hòa nhập với trật tự quốc tế và đảm bảo duy trì sự lựa chọn mới cho các quốc gia.

Các bước đi của Trung Quốc đến nay tương đối bài bản, chủ động hội nhập sâu vào các cơ chế đa phương của khu vực. Trên lĩnh vực chính trị và an ninh khu vực, Trung Quốc tham gia hầu hết vào các hệ thống đa phương khu vực do ASEAN đóng vai trò trung tâm như ARF, ASEAN+3, Hội nghị thượng đỉnh Đông Á (EAS), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+). Trung Quốc đề xuất xây dựng khuôn khổ hợp tác 2+7 với ASEAN nhằm thông qua một chiến lược tổng thể phát triển quan hệ Trung Quốc - ASEAN, thảo luận việc ký kết một hiệp ước láng giềng tốt, hữu nghị và hợp tác giữa Trung Quốc và các nước ASEAN.

Trong lĩnh vực kinh tế, Trung Quốc trở thành một trong những trụ cột, định hình hợp tác khu vực. Trong thời gian tới, chính sách của Trung Quốc tiếp tục thúc đẩy các kết nối giữa chiến lược của Trung Quốc với các chiến lược phát triển của các nước và của khối trong khu vực,

làm thay đổi tương quan lực lượng, hình thành các cơ cấu khu vực đa tầng nấc, đa cực hóa. Ưu tiên của Trung Quốc đối với khu vực là thúc đẩy hội nhập sâu với khu vực qua các sáng kiến BRI, đề xuất các cơ cấu kinh tế do Trung Quốc đóng vai trò chủ đạo như AIIB, RCEP¹ v.v.. Đáng chú ý trong thời gian gần đây, Trung Quốc đẩy mạnh cơ chế hợp tác tiểu khu vực, cạnh tranh với các cơ chế đang hiện hữu như Hội nghị quan chức cấp cao đối thoại và hợp tác sông Mê Công - Lan Thương phát triển với các nước Nam Á đã làm tăng tính đa cực trong cấu trúc khu vực.

Tập hợp lực lượng ở khu vực thông qua sáng kiến BRI tuy đông về quy mô số lượng, nhưng tương đối lỏng lẻo và không chắc chắn về cam kết. Xu hướng “phù thịnh” tỷ lệ thuận với quy mô “hầu bao” của Trung Quốc. Thực tế cho thấy, kể cả các nước ở Đông Nam Á hay Nam Á, hay các khu vực khác như Trung Đông Âu hay châu Phi, dù BRI không phải là “bữa trưa miễn phí” nhưng về ngắn hạn đây có thể là cơ hội cho các nước trong khu vực tìm kiếm cơ hội phát triển. Phần lớn các nước tham gia những dự án này

1. Tháng 11/2012, Trung Quốc và 15 nước khu vực khác đã chính thức bắt tay vào quá trình đàm phán Quan hệ đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP). Ngày 12/11/2008, các bộ trưởng thương mại của 16 nước tham gia RCEP nhóm họp tại Xingapo đã không đạt được đồng thuận về các điều khoản chủ chốt trong hiệp định, theo đó, các bên nhất trí lùi thời hạn hoàn tất đàm phán sang năm 2019. Nếu các bên hoàn tất tiến trình đàm phán, thỏa thuận này sẽ đánh dấu một bước đi quan trọng hướng đến một mức độ hội nhập kinh tế khu vực sâu hơn.

đều là những nước nghèo, ở những khu vực “bị lãng quên”. Trong giai đoạn 5 năm đầu, tập hợp lực lượng theo BRI của Trung Quốc chủ yếu dựa trên những tuyên bố chính trị và khả năng “bao sân” về tài chính trên quy mô toàn cầu của Trung Quốc trong ngắn hạn. Về trung hạn và dài hạn, hợp tác không thực chất sẽ tác động tiêu cực tới chất keo dính kết nối giữa Trung Quốc với khu vực và càng làm suy yếu sự ủng hộ chính trị của các nước trong khu vực đối với Trung Quốc. Trong bối cảnh gặp khó khăn với Mỹ và phương Tây, Trung Quốc chủ yếu đẩy mạnh BRI về chính trị nhằm bảo đảm vị trí của Tập Cận Bình trong nội bộ. Tuy nhiên, khi đà tăng trưởng của Trung Quốc suy giảm dưới 6%, các dự án sẽ chậm lại do Trung Quốc sẽ phải rà soát lại hiệu quả kinh tế và sự e ngại của các bên tham gia về những rủi ro an ninh, chủ quyền.

Tập hợp lực lượng trong giai đoạn mới của BRI sẽ không thuần túy là “đường một chiều”. Trong ngắn hạn, các nước khu vực có thể có cơ hội tranh thủ những điều chỉnh chính sách theo hướng tạm thời “mềm hoá” hiện nay của Trung Quốc. Các nước nhận viện trợ hoặc đầu tư sẽ phải đàm phán “khôn ngoan” hơn với Trung Quốc (trường hợp Thái Lan). Đối với đại đa số các thành viên đang phát triển hoặc kém phát triển khác của BRI, đặc biệt là các nước trong khu vực, đây là cơ hội tham khảo kinh nghiệm từ những nước phát triển hơn như Nhật Bản, Liên minh châu Âu, v.v. trong đàm phán với Trung Quốc về các điều khoản tham gia dự án. Điều này giúp tạo “số đông cần thiết” trong những cơ chế hợp tác, buộc

Trung Quốc phải có những điều chỉnh cần thiết trước những lời chỉ trích về quy trình thiếu minh bạch và thiếu hiệu quả của các dự án đầu tư BRI, từ đó có những nhượng bộ và đề xuất có tính xây dựng để thúc đẩy hợp tác cùng có lợi cho cả hai bên. Ngoài ra, nếu xét từ góc độ cạnh tranh chiến lược Trung - Mỹ và sự hình thành của cấu trúc “quyền lực kép” ở châu Á, các nước trong khu vực cũng có thể thông qua sáng kiến này để tăng thế mạnh cả với Mỹ và phương Tây.

2.2. Tác động đến điều chỉnh tập hợp hành vi quốc tế

Trung Quốc đẩy mạnh can dự gián tiếp vào khu vực thông qua việc tham gia sâu vào các cơ chế đa phương của khu vực. Mặt khác, Trung Quốc cũng thúc đẩy hợp tác song phương bằng nhiều hình thức cả sức mạnh cứng (viện trợ kinh tế, hỗ trợ quân sự) lẫn phát triển sức mạnh mềm (hỗ trợ giáo dục đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, hợp tác văn hóa) với một số đối tác để “lôi kéo” các nước ủng hộ các chủ trương, quan điểm của Trung Quốc trong các vấn đề liên quan tới lợi ích tại khu vực, củng cố chỗ đứng của Trung Quốc trong khu vực, đặc biệt là bảo đảm an ninh tuyến đường biển huyết mạch vận tải hàng hóa, năng lượng của Trung Quốc qua đây. Cách làm này đã dẫn tới những hệ lụy tạo ra sự phân hóa trong nội bộ các nước của khối, gây ra những nghi kỵ lẫn nhau giữa các nước.

Với sức mạnh cứng tăng lên, Trung Quốc tăng cường tần suất, khả năng sử dụng quân sự của Trung Quốc trên

môi trường quốc tế mới đặc biệt là khi Trung Quốc quyết tâm bảo đảm được các lợi ích của Trung Quốc ở nước ngoài như sách trắng quốc phòng 2015 đã nêu¹, cùng khả năng mâu thuẫn lợi ích tăng lên giữa các nước với Trung Quốc sẽ dẫn tới việc Trung Quốc có thể sử dụng chiến tranh, xung đột để giải quyết những mục tiêu được coi là lợi ích cốt lõi của mình. Đến nay, Trung Quốc cũng đã nhiều lần khai thác công cụ này để tác động vào chính sách, xu hướng phát triển của khu vực và phần nào đã thành công. Trước mắt Trung Quốc có thể đạt được mục tiêu, nhưng về lâu dài cách hành xử này sẽ khiến các nước giảm niềm tin vào Trung Quốc, không có lợi cho Trung Quốc trong bối cảnh nước này đang tìm cách vươn lên trở thành một cường quốc ở tầm toàn cầu.

Nhiều nước lo ngại, với những điều chỉnh mục tiêu chiến lược, cải cách quân đội và nguồn lực đầu tư cho quân sự tăng lên sẽ tạo cơ hội cho Trung Quốc dễ dàng chuyển sức mạnh đó thành sức ép đối với các nước khác, trở nên mạnh bạo, quyết đoán hơn trong các vấn đề khu vực và thế giới, xâm phạm vào không gian an ninh của các nước khác. Những điều chỉnh này cũng là nhân tố quan trọng

1. Sách trắng Quốc phòng Trung Quốc năm 2015 xác định giành chiến thắng trong cuộc chiến tranh cục bộ, nhấn mạnh vào cuộc đấu tranh trong lĩnh vực hàng hải. Chiến lược này nhấn mạnh tầm quan trọng của khả năng dự báo trong lĩnh vực hàng hải và thông tin, xem thêm: PLA Military Modernization: “Drivers, Force Restructuring and Implications”, http://rand.org/content/dam/pubs/testimonies/CT400/CT488/RAND_CT488.pdf&prev=search.

gây ra những cạnh tranh, mâu thuẫn giữa Trung Quốc với bên ngoài, dễ dẫn tới những tình huống bất ngờ, ngoài ý muốn, tiềm ẩn bất ổn an ninh ở khu vực.

Đối với láng giềng đề xướng quan hệ “thân, thành, huệ, dung”, thực hiện làm chỗ dựa chiến lược đối với láng giềng, thiết lập mạng lưới quan hệ đối tác với các quốc gia đang phát triển và các nước mới nổi với Trung Quốc. Chính sách của Trung Quốc là ưu tiên sử dụng công cụ kinh tế, trao đổi thương mại, tài chính trong phát triển quan hệ hợp tác với các nước khác. Mở rộng quy mô kinh tế của Trung Quốc, tạo ra nhu cầu nhập khẩu hàng hóa tăng, hỗ trợ cho các quốc gia mở rộng xuất khẩu sang Trung Quốc, quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ nhằm kiểm soát tài chính khu vực để tăng mức độ phụ thuộc của các nước vào Trung Quốc, đạt được nhiều thỏa thuận kinh tế - thương mại song phương và các cơ chế đa phương tại khu vực dưới sự chủ đạo của Trung Quốc.

Dù Trung Quốc triển khai nhiều chính sách lôi kéo, mua chuộc các nước trong khu vực bằng nhiều hình thức khác nhau, nhưng Trung Quốc chưa thể hiện rõ uy tín chiến lược, thể hiện quyết tâm và khả năng thực hiện những chính sách mà nước này tuyên bố, nhiều nước trong khu vực vẫn nghi ngờ động cơ của Trung Quốc. Do vậy, tiến trình tiến tới trở thành nước lớn tầm khu vực và toàn cầu không phải dễ dàng cho Trung Quốc.

2.3. Tác động đến hệ giá trị quy phạm quốc tế

Chiến lược tái trỗi dậy của Trung Quốc nhằm giành lại

địa vị lãnh đạo thế giới gắn liền với tiến trình thực hiện mục tiêu hiện đại hóa đất nước, tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia của Trung Quốc¹. Theo cách tiếp cận của khung phân tích này, những thỏa hiệp và sự nhượng bộ của Trung Quốc, thậm chí khi Trung Quốc đang ở vị thế đàm phán có lợi, phản ánh tầm nhìn dài hạn và chiến lược lâu dài của Bắc Kinh để thuyết phục người dân Trung Quốc tin vào khẩu hiệu “đức trị” tự xưng của chính phủ Trung Quốc ở cả Trung Quốc đại lục và nước ngoài. Lập trường của Trung Quốc trong các tranh chấp lãnh thổ gắn liền với việc phải đồng thời xử lý nhiều thách thức khác nhau để duy trì sự toàn vẹn lãnh thổ của một quốc gia rộng lớn và đa sắc tộc².

Trung Quốc theo đuổi mục tiêu xây dựng trật tự thế giới mới thông qua vai trò của sức mạnh mềm. Trật tự này dựa trên quan niệm về mối quan hệ tôn ti trật tự theo thứ bậc với Trung Quốc ở vị trí trung tâm, các nước khác phải tuân thủ các luật lệ và chuẩn tắc được “tái thiết kế” phù

1. Khái niệm “chu kỳ phát triển quốc gia”, các nhà lãnh đạo Trung Quốc nhận định rằng sau sự suy tàn của Trung Quốc kéo dài một thế kỷ từ năm 1849 tới 1949, Trung Quốc sẽ trỗi dậy và thời đại mới do Trung Quốc lãnh đạo ban đầu diễn ra chậm, nhưng sau đó Trung Quốc sẽ nhanh chóng vượt Mỹ trong một số lĩnh vực chủ chốt. Hồ An Cương: “Modernisation of China between 1949-2013” (Hiện đại hóa Trung Quốc từ 1949-2013), bài thuyết trình ngày 10/11/2014 tại Đại học Sydney (Ôxtrâyli).

2. Taylor M. Fravel: *Strong Borders, Secure Nation*, Princeton and Oxford: Princeton University Press, 2008, p. 6.

hợp với mục tiêu lợi ích và chiến lược của Trung Quốc¹. Tuy nhiên, do nhận thức được những hạn chế của mình, trong những giai đoạn trước, lãnh đạo Trung Quốc ưu tiên những lựa chọn chính sách an toàn thay vì trực tiếp thách thức hệ thống do Mỹ lãnh đạo mà Trung Quốc đã hưởng lợi lớn từ cuối thập niên 1970². Sức mạnh kinh tế và sức mạnh của tư tưởng có thể là công cụ chính nhằm đạt được các mục tiêu quốc gia, trong khi sức mạnh quân sự (các biện pháp cưỡng ép) được sử dụng như giải pháp cuối cùng sau khi các công cụ khác thất bại³. Trung Quốc đã sử dụng chiến thuật ngoại giao “tấn công quyền rũ” tinh vi để “trấn an” các nước láng giềng vốn còn nhiều quan ngại về ý đồ hiện tại cũng như những hành xử trong quá khứ của Trung Quốc⁴. Chính sách đối ngoại của Trung Quốc nhấn mạnh mối liên hệ giữa sự gia tăng sức mạnh vật chất với việc quảng bá hệ giá trị Trung Quốc, đặc biệt là các tư tưởng và văn hóa cổ đại, phản ánh tính liên tục của di sản

1. Michael Pillsbury: *The Hundred-Year Marathon-China's Secret Strategy to Replace America as the Global Superpower*, New York: Henry Holt and Company, 2015.

2. Theo phương châm chiến lược đối ngoại “giấu mình chờ thời”, Trung Quốc thận trọng triển khai các bước đi “dò đá qua sông” nhằm hạn chế những tác động tiêu cực đối với tiến trình phát triển và an ninh của Trung Quốc trong bối cảnh thế giới liên tục thay đổi.

3. David M. Lampton: *The Three Faces of Chinese Power: Might, Money and Minds*, University of California Press, 2008, p. 174.

4. Joshua Kurlantzick: *Charm Offensive: How China's Soft Power is Transforming the World*, New Haven, CT: Yale University Press, 2007.

lịch sử và văn hóa chiến lược. Các tư tưởng cổ đại có ảnh hưởng tới mối quan hệ của Trung Quốc với tư cách là một cường quốc và các nước bên ngoài trong hơn 3.000 năm lịch sử, có tác động lớn tới sự lựa chọn chiến lược, năng lực và những lựa chọn chính sách. Trung Quốc không phải là quốc gia/dân tộc theo định nghĩa của hệ thống Westphalia mà là một quốc gia hình thành trên nền văn minh lâu đời với những chuẩn tắc và giá trị kiểu gia tộc do chính Trung Quốc đề xướng¹.

Việc Trung Quốc “chạy đua” cạnh tranh quyền lực mềm với Mỹ thông qua các sáng kiến hợp tác khu vực nhằm tái định hình các thể chế khu vực có thể tác động tới phân bổ quyền lực quốc tế². Trung Quốc đang thúc đẩy chiến lược văn hóa đi ra ngoài, nâng cao ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc, tìm cách xóa bỏ nghi ngờ của cộng đồng quốc tế đối với sức mạnh tổng hợp Trung Quốc tăng lên. Trung Quốc đẩy mạnh các giá trị văn hóa, giáo dục, truyền thông, hình thành mạng lưới kết nối các doanh nghiệp truyền thông của Trung Quốc tại khu vực. Tuy nhiên, các nước trong khu vực tiếp nhận với thái độ hoài nghi, chưa tạo được sức hấp dẫn đối với các nước về mô hình phát triển, quan niệm, hệ giá trị. Nhìn chung, xét về

1. Martin Jacques: *When China rules the World*, *Ibid*.

2. Hsin-Chih Chen: “Prelude to the Shift in Global Leadership: China’s “One Belt, One Road” Initiative and Rebuilding the Asia-Pacific Trans-regional Institutions”, *Mainland China Studies*, Vol. 60, No. 2, 2017.

tổng thể Trung Quốc vẫn còn trong những năm đầu triển khai cải cách để tăng cường cạnh tranh kinh tế, phát triển quân sự và quảng bá văn hóa Trung Quốc, ảnh hưởng về văn hóa Trung Quốc ở bên ngoài còn nhiều hạn chế¹.

3. Dự báo tác động và gợi mở ứng xử của Việt Nam

3.1. Thuận lợi và thách thức

Chính sách đối ngoại của Trung Quốc trên cơ sở những điều chỉnh mới về nhận thức và cách tiếp cận văn hóa chính trị sẽ có những tác động đa chiều đối với môi trường an ninh và phát triển của Việt Nam.

a) Tác động thuận lợi:

Thứ nhất, các sáng kiến chiến lược và hệ giá trị quan niệm nhằm cụ thể hóa chiến lược trở lại hòa bình và từng bước định hình khuôn khổ trật tự mới thông qua các công cụ ngoại giao, kinh tế, sức mạnh mềm văn hóa chính trị của

1. So với Mỹ, Trung Quốc vẫn còn có khoảng cách trong cạnh tranh sức mạnh mềm ở khu vực. Văn hóa Mỹ, giá trị Mỹ, công cụ định hướng dư luận, hệ thống truyền thông của Mỹ, ảnh hưởng phim ảnh của Mỹ đã được nhiều nước trong khu vực tiếp cận trong một thời gian dài. Khả năng khai thác và hiệu quả sức mạnh mềm của Trung Quốc vẫn còn nhiều bất cập và chịu nhiều chỉ trích. Nhiều người Trung Quốc thất vọng với hiệu quả của sức mạnh mềm của Trung Quốc. Họ cảm thấy dường như Trung Quốc bị hiểu sai và bị truyền thông nước ngoài tấn công cả công khai và ngầm ngấm. Họ cũng cho rằng các nước thường “có định kiến” với Trung Quốc và dễ “bị tác động” bởi tuyên truyền hơn là chấp nhận các quan điểm “khách quan” của Trung Quốc.

Trung Quốc là những điểm Việt Nam có thể tham khảo trong chiến lược phát triển giai đoạn mới. Việt Nam là nước láng giềng có chế độ chính trị gần gũi, có nền tảng văn hóa lịch sử tương đồng được xây dựng trên cơ sở “nhân, nghĩa, lễ, trí, tín” của văn hóa Khổng giáo¹. Hai Đảng và Nhà nước có mối quan tâm chung trong các công việc liên quan đến tìm kiếm mô hình phát triển và quản trị xã hội trong giai đoạn phát triển mới của chủ nghĩa xã hội. Mô hình phát triển nhưng vẫn bảo đảm ổn định chính trị có thể là những gợi ý cho Đảng và Chính phủ Việt Nam. Trung Quốc ủng hộ việc Việt Nam đi con đường xã hội chủ nghĩa, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Trong 10 lĩnh vực lớn của chính sách đối ngoại chủ nghĩa xã hội đặc sắc thời đại mới, Tập Cận Bình nhấn mạnh tới vai trò tuyệt đối của Đảng trong lĩnh vực đối ngoại².

Thứ hai, từ sự điều chỉnh nhận thức có tính thực chất hơn về sức mạnh nội tại của mình và tương quan so sánh lực lượng với Mỹ trong trật tự hiện hành, Trung Quốc tạm

1. Trong lịch sử, Việt Nam là quốc gia từng chịu ảnh hưởng truyền thống của Trung Quốc nên hệ thống chính trị phong kiến có những nét tương đồng. Thời gian vừa qua, Trung Quốc đẩy mạnh triển khai sức mạnh mềm với Việt Nam thông qua các hình thức nhập cầu Hán học, mở học viện Khổng Tử, hỗ trợ, cung cấp học bổng đào tạo cho học sinh, sinh viên Việt Nam.

2. Sau Đại hội XIX, Trung Quốc đã nâng cấp Tiểu tổ lãnh đạo Trung ương thành Ủy ban Trung ương, đặt văn phòng các Ủy ban Trung ương này tại một số bộ, ngành để trực tiếp nắm tình hình, giám sát công việc các bộ, ngành.

thời lựa chọn phương án hội nhập trật tự hiện nay là những tín hiệu tốt đối với tình hình an ninh phức tạp và tiềm ẩn nhiều nhân tố bất ổn trong khu vực và ở một khía cạnh nào đó cũng sẽ có những tác động tích cực cho Việt Nam. Việt Nam luôn là nơi mà các nước lớn tìm cách tranh giành ảnh hưởng và lợi ích bằng nhiều hình thức khác nhau¹. Vị trí địa - chiến lược và sự tương đồng về hệ giá trị tư tưởng và chế độ chính trị của Việt Nam đã biến Việt Nam trở thành nước có tầm quan trọng mà Trung Quốc muốn tranh thủ mở rộng ảnh hưởng xuống phía nam, khống chế một khu vực rộng lớn từ Ấn Độ Dương sang Thái Bình Dương và đặc biệt là vùng đệm an ninh phía nam giúp giảm thiểu tác động bao vây kiềm chế của phương Tây đối với Trung Quốc. Việt Nam cũng góp phần làm tăng thêm tiếng nói chung trong một số vấn đề quốc tế và khu vực mà hai bên có quan điểm gần nhau như vấn đề dân chủ, nhân quyền, ly khai, tôn giáo, can thiệp công việc nội bộ.

Thứ ba, tư duy “ba cùng” của Trung Quốc là “cùng bàn, cùng xây, cùng hưởng” mà cụ thể là sáng kiến chiến lược BRI và tầm nhìn về “cộng đồng chung vận mệnh

1. Đối với Trung Quốc, Việt Nam là vùng đệm có vai trò quan trọng đối với khu vực phía nam của Trung Quốc, là nước liên quan và có lợi ích trực tiếp trong vấn đề Biển Đông, có ảnh hưởng không nhỏ tới tình hình chính trị - xã hội của Trung Quốc cũng như những chiến lược phát triển đang được định hình hiện nay của Trung Quốc, góp phần tạo dựng môi trường bên ngoài ổn định, phục vụ cho hai mục tiêu chiến lược 100 năm, tiến tới xác lập vị thế của một cường quốc toàn cầu.

nhân loại” đã mở ra triển vọng hợp tác và cơ hội phát triển kinh tế cho Việt Nam với đầu tàu kinh tế lớn thứ hai thế giới và các đối tác kinh tế của Trung Quốc trong chuỗi sản xuất cung ứng toàn cầu. Về kinh tế thương mại, Việt Nam đã trở thành quốc gia trao đổi thương mại với Trung Quốc lớn nhất trong khối ASEAN, cũng là nước nhập siêu từ Trung Quốc lớn nhất so với các nước trong khu vực, là nơi cung cấp nguyên vật liệu, thị trường tiêu thụ sản phẩm dư thừa của Trung Quốc. Các doanh nghiệp của Trung Quốc đã triển khai nhận thầu nhiều dự án lớn tại Việt Nam¹. Trung Quốc mong muốn Việt Nam phát triển thuận chiều với chiến lược mở rộng ảnh hưởng xuống phía nam, góp phần thúc đẩy kinh tế các tỉnh, khu tự trị khu vực biên giới phía tây và tây nam của Trung Quốc². Trung Quốc cần Việt Nam ủng hộ chiến

1. Hiện nay, hợp tác giữa hai nước chủ yếu tập trung trong lĩnh vực thương mại - đầu tư (mức phụ thuộc của Việt Nam vào Trung Quốc đã ở mức rất cao). Ngoài ra, Trung Quốc đã có một số khoản viện trợ kinh tế và vay ưu đãi đối với nước ta nhằm tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp của Trung Quốc tiến vào thị trường nước ta (nhận thầu, đưa công nhân Trung Quốc), đồng thời tạo ra tính phụ thuộc ngày càng chặt chẽ giữa nước ta với Trung Quốc hơn.

2. Trung Quốc cần Việt Nam để thúc đẩy kinh tế hai địa phương khó khăn nơi biên giới phía nam đất nước là Quảng Tây và Vân Nam. Hợp tác với Việt Nam giúp Trung Quốc triển khai thuận lợi các chiến lược phát triển miền tây, nam của Trung Quốc. Đây được coi là một trong ba trọng tâm chiến lược của Trung Quốc nhằm cân bằng khu vực miền Tây với các khu vực phát triển khác của Trung Quốc được Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra.

lược “một trục hai cánh”, ủng hộ chiến lược “Vịnh Bắc Bộ mở rộng”, muốn tranh thủ Việt Nam làm cửa ngõ giúp Trung Quốc mở rộng thị trường và ảnh hưởng đối với các nước Đông Nam Á¹.

Thứ tư, Việt Nam là thành viên có tiếng nói quan trọng trong cộng đồng quốc tế mà Trung Quốc cần tranh thủ gây dựng lòng tin của dư luận về những điều chỉnh trong nhận thức và chính sách của Trung Quốc giai đoạn mới². Trung Quốc từng bước tham gia vào các thể chế, diễn đàn đa phương nhằm tập hợp lực lượng, tranh thủ các cường quốc và các nước lớn tầm trung, các trung tâm quyền lực trong khu vực và trên thế giới, tìm cách thiết lập quan hệ quốc tế kiểu mới. Đây là cơ hội thuận lợi cho ASEAN nói chung và Việt Nam nói riêng từng bước mở rộng sự can dự với Trung Quốc trong khuôn khổ trật tự quốc tế, củng cố các cam kết của Trung Quốc và các nước lớn khác trong việc

1. Việt Nam cũng là địa bàn quan trọng cung cấp các mặt hàng nguyên liệu thô, nông - lâm - hải sản cho thị trường phía nam Trung Quốc; là nước có trình độ phát triển và sản xuất không cao, Việt Nam là “đích ngắm” phù hợp để Trung Quốc thực hiện xuất khẩu, chuyển giao công nghệ cũ không còn phù hợp tại Trung Quốc; là nước có nhu cầu phát triển sản xuất và kết cấu hạ tầng lớn, đặc biệt là trong lĩnh vực giao thông vận tải, Việt Nam cũng là địa bàn và “đích đến” quan trọng trong chiến lược “đi ra ngoài” của Trung Quốc.

2. Trong ASEAN, Việt Nam là nước có tiếng nói và tầm ảnh hưởng tương đối lớn, đóng góp quan trọng cho ổn định của khu vực, đồng thời có mối quan hệ rộng rãi, gắn kết với nhiều nước lớn trong và ngoài khu vực. Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với tất cả 5 nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

bảo đảm an ninh, giảm thiểu rủi ro an ninh cho các nước nhỏ như Việt Nam. Trung Quốc cũng cần Việt Nam trong hợp tác triển khai các sáng kiến liên kết khu vực như BRI, Hợp tác Mê Công - Lan Thương nhằm nâng cao hình ảnh của Trung Quốc, mở rộng ảnh hưởng ở khu vực Đông Á.

b) Tác động không thuận lợi:

Tuy nhiên, những điều chỉnh trong nhận thức cũng chỉ hạn chế ở một số đối tượng, thời điểm và lĩnh vực cụ thể. *Thứ nhất*, với tư duy nước lớn cố hữu Trung Quốc thường gắn liền với cách hành xử nước lớn, một chiều, áp đặt lên các nước nhỏ. Trong quan niệm trật tự thứ bậc truyền thống, Trung Quốc coi Việt Nam là nước nhỏ, nước vệ tinh phụ thuộc, vùng đệm an ninh, không muốn Việt Nam suy yếu nhưng cũng không muốn Việt Nam mạnh lên thành mối quan ngại về an ninh của Trung Quốc ở biên giới phía nam. Đặc biệt ở khu vực Đông Á, Trung Quốc coi khu vực này là sân sau ảnh hưởng truyền thống, do đó sẽ có chính sách cứng rắn với Mỹ. Khi Trung Quốc gia tăng ảnh hưởng ở Đông Á, cạnh tranh với Mỹ, Trung Quốc cũng muốn tranh thủ Việt Nam cũng như các nước nhỏ và vừa trong khu vực, đặt khó khăn cho Việt Nam trong bài toán chọn phe giữa Mỹ và Trung Quốc. An ninh và phát triển của Việt Nam phụ thuộc rất lớn vào hai cường quốc này, đầu vào cho nền kinh tế của Việt Nam là Trung Quốc, trong khi đầu ra là thị trường Mỹ. Trong cục diện châu Á chia đôi thành khu vực “châu Á kinh tế” do Trung Quốc nắm vai trò chủ đạo và “châu Á an ninh” dựa vào Mỹ, Việt Nam phải lựa chọn

chính sách phù hợp giúp bảo đảm an ninh và phát triển của Việt Nam. Chính sách ngoại giao phải nắm vững được quy luật và đặc điểm văn hóa chính trị của Trung Quốc, chú ý tới thể diện nước lớn của Trung Quốc.

Thứ hai, bản chất hai mặt và mâu thuẫn trái chiều trong tuyên truyền ngoại giao và hành xử thực tiễn của bộ máy lãnh đạo Trung Quốc tiếp tục tạo ra nhiều hoang mang trong dư luận quốc tế. Trung Quốc có thể lật ngược lại chính sách ngoại giao tùy theo mức độ quy thuận của các quốc gia như nhiều trường hợp khác được ghi nhận trong lịch sử ngoại giao của Trung Quốc. Một mặt, Trung Quốc tìm cách để duy trì mối quan hệ chặt chẽ về kinh tế với Việt Nam nhằm tăng mức độ phụ thuộc của Việt Nam vào Trung Quốc, thi hành chính sách “vương đạo” có điều kiện. Mặt khác, với tư duy tìm cách mở rộng ảnh hưởng, Trung Quốc sẵn sàng cho phép hành động cứng rắn đối với Việt Nam và các nước có tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông trong những vấn đề Trung Quốc tự xếp hạng là “lợi ích cốt lõi” của Trung Quốc, bất chấp sự phản đối của cộng đồng quốc tế. Trong hội nghị ngoại giao tháng 6/2018, Tập Cận Bình đã đề cao một số chiến thắng quan trọng mà Trung Quốc giành được trên mặt trận ngoại giao, đánh giá việc Trung Quốc “làm chìm xuống” vấn đề tranh chấp Biển Đông, làm giảm căng thẳng Trung - Ấn ở biên giới Doklam và tiến trình hòa bình giải quyết vấn đề hạt nhân bán đảo Triều Tiên là những thành tựu ngoại giao nổi bật, giúp tạo ra môi trường chiến lược bên ngoài thuận lợi, kéo dài thời kỳ cơ hội chiến lược.

Thứ ba, trong kịch bản Trung Quốc giành lại vị trí “cường quốc trung tâm” ở Đông Nam Á, so sánh tương quan sức mạnh tổng hợp giữa Trung Quốc với Việt Nam và các nước ASEAN ngày càng tăng nhanh, tạo khoảng cách quá lớn trên các lĩnh vực sức mạnh cứng như kinh tế - thương mại, quân sự. Trung Quốc sẽ có “dư địa” lớn hơn để hành xử, xử lý cứng rắn các vấn đề được coi là “lợi ích cốt lõi của Trung Quốc” trong tư tưởng “thiên hạ”, chủ nghĩa dân tộc nước lớn, do đó mâu thuẫn trong vấn đề tranh chấp biển đảo, chủ quyền giữa Trung Quốc với nước ta sẽ gay gắt, căng thẳng hơn. Nước ta cần phải đề phòng bị cuốn vào vòng xoáy của Trung Quốc. Không gian phát triển, môi trường an ninh của nước ta sẽ bị tác động tiêu cực.

Thứ tư, khi sức mạnh của Trung Quốc gia tăng và nhu cầu kết minh để đối trọng lại với Mỹ giảm, Việt Nam nên tỉnh táo với những cam kết hứa hẹn của Trung Quốc về xây dựng lòng tin, bảo vệ hòa bình và thúc đẩy phát triển trên cơ sở nguyên tắc công bằng và bình đẳng. Trên thực tế, việc truyền bá hệ giá trị và quan niệm văn hóa chính trị Trung Quốc cho tới nay mới chỉ dừng lại ở những công cụ chính sách của lãnh đạo Bắc Kinh và hoàn toàn chưa phải là những thành tố cơ bản cấu thành nên nhận thức sức mạnh quốc gia thực chất của lãnh đạo Trung Quốc và định hướng chính sách đối ngoại của Trung Quốc.

3.2. Những gọi mở ứng xử

Việt Nam có bề dày kinh nghiệm thực tiễn “trong xung đột, ngoài xung vương” với Trung Quốc trong lịch sử hàng

ngàn năm quan hệ giữa nước chư hầu triều cống với “thiên triều đại quốc”, đây là lợi thế của ta trong việc hiểu và ứng xử với Trung Quốc từ nhiều góc độ. Từ góc độ tiếp cận văn hoá chính trị, có thể đưa ra một số gợi mở ứng xử trong nội bộ của ta, trong quan hệ của ta với Trung Quốc, cũng như trong quan hệ với các đối tác khác. Nếu làm được, Việt Nam hoàn toàn có thể tranh thủ được những mặt tích cực từ những điều chỉnh mới trong nhận thức và chính sách của Trung Quốc, đồng thời có quan điểm bao quát để hạn chế trước được những mặt không thuận đối với an ninh và phát triển của mình.

a) Về công tác tư tưởng nội bộ:

Trong công tác giáo dục tư tưởng, ta cần tạo được sự nhận thức đúng đắn, đầy đủ, thống nhất và đồng thuận trong nội bộ đối với Trung Quốc và quan hệ Việt - Trung. Nội bộ của Việt Nam cũng nên có sự đánh giá và ghi nhận khách quan về những điều chỉnh mới trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc từ cách tiếp cận văn hoá chính trị, từ đó tạo ra được sự tin cậy lẫn nhau trong nội bộ của hai nước. Cần cập nhật thông tin cho người dân Việt Nam, đặc biệt thế hệ trẻ để người dân Việt Nam tránh được những đánh giá định kiến, thiếu khách quan và cảm tính. Cần có quan điểm chính trị tỉnh táo, không nên coi việc Bắc Kinh sử dụng các nguồn quyền lực mềm hay giá trị của hệ tư tưởng văn hóa chính trị Trung Quốc trong đối ngoại nhằm phục vụ cho những lợi ích vị kỷ và tham vọng bá quyền nước lớn của Trung Quốc mà đặt ta trong thế mắc kẹt

trong quan hệ với Trung Quốc, bỏ lỡ những cơ hội phát triển mà nước ta có thể tranh thủ được.

b) Về chính trị - ngoại giao:

Trong quan hệ với Trung Quốc, Việt Nam phải vận dụng “tri kỷ, tri bỉ” (biết người, biết ta), biết những thứ người khác cần và muốn, cũng như biết những thứ ta có thể đáp ứng và vấn đề nào ta phải kiên quyết nói không. Trung Quốc là nước lớn có nền văn minh tối cổ, ngoài vấn đề lợi ích cốt lõi, lợi ích chiến lược của mình, Trung Quốc cũng rất chú trọng vấn đề thể diện, muốn được Việt Nam và quốc tế công nhận vị thế và vai trò “cường quốc trung tâm”. Do đó, việc xử lý các vấn đề khó trong quan hệ, ta cần triệt để khai thác và tận dụng mọi điểm tương đồng, đặc biệt là sự gần gũi về địa lý, tương đồng về văn hóa, góp phần hoá giải hiểu lầm, kiểm soát bất đồng, ngăn chặn nguy cơ xung đột, tạo nền tảng ổn định, quan hệ lâu dài. Trong xử lý quan hệ, kết hợp tất cả các mặt trận nhưng trọng tâm là chính trị - ngoại giao, phát huy vai trò quan trọng của kênh đảng giữa hai nước trong công tác chỉ đạo, định hướng cho sự phát triển quan hệ dựa trên sự tin cậy chiến lược.

c) Về hợp tác kinh tế:

Nhân tố kinh tế được xem là một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy hợp tác giữa Trung Quốc với Việt Nam. Đây là nhân tố quan trọng tạo sự đan xen về lợi ích, giúp gắn kết mối quan hệ hợp tác giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Nước ta với vị trí địa - chiến lược trọng yếu, địa lý gần kề là cơ sở quan trọng đối với việc thực hiện thành công chiến lược, các sáng kiến của Trung Quốc đối với khu vực. Việt Nam cần tranh thủ mọi tiềm năng, thế mạnh của Trung Quốc, tham khảo mô hình phát triển xoá đói giảm nghèo thành công của Trung Quốc, tận dụng các cơ hội từ các sáng kiến kết nối phát triển của Trung Quốc ở khu vực và thế giới để lồng ghép đẩy nhanh triển khai kết nối, đồng thời kết hợp với các chương trình hợp tác tiểu vùng để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh biên giới.

Việt Nam cần thể hiện và phát huy vai trò chủ động sáng tạo trong việc phát triển hạ tầng, kết nối với thị trường Trung Quốc và các quốc gia khác trong các sáng kiến tiểu vùng, khu vực và liên khu vực do Trung Quốc đề xuất và thúc đẩy. Cần đặt quan hệ trên cơ sở dựa trên lợi ích đảm bảo cùng có lợi, phát triển ổn định kinh tế, nên xem xét khai thác lợi thế hợp tác kinh tế thương mại dựa trên lợi ích bảo đảm cùng có lợi, tránh căng thẳng, tạo môi trường hòa bình ổn định tích cực trong quan hệ trao đổi, thương mại giữa các tổ chức, đoàn thể hai bên.

d) Về an ninh - quốc phòng:

Việt Nam cần phải thể hiện tự cường, tự chủ dân tộc, định vị ta là một quốc gia có chủ quyền, có “ưu đẳng” văn hoá tương đồng, chỉ quy thuận/ủng hộ các siêu cường lãnh đạo thế giới bằng đạo đức, chứ nhất quyết không khuất phục trước “bá quyền bành trướng”. Trong vấn đề Biển Đông,

ta một mặt đấu tranh chính trị - ngoại giao, mặt khác tiếp tục hoàn thiện các biện pháp đấu tranh pháp lý, đồng thời chủ động củng cố lực lượng và thế trận quốc phòng trên thực địa, chuẩn bị các phương án đối phó với các tình huống trong kịch bản Trung Quốc đẩy mạnh “Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ XXI”, tác động bất lợi tới an ninh chủ quyền biển, đảo của ta.

e) Về tuyên truyền, đối ngoại:

Việt Nam cần làm tốt công tác định hướng dư luận, khuyến khích các cơ quan truyền thông phối hợp tốt với các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước để đưa tin khách quan về Trung Quốc cũng như quan hệ hai nước, đặc biệt là những vấn đề khó và nhạy cảm trong quan hệ giữa hai bên để bảo đảm đúng chủ trương và lợi ích của ta, tránh kích động hận thù dân tộc. Ta cần coi trọng hơn nữa công tác thông tin đối ngoại đối với nhân dân Trung Quốc, thúc đẩy hợp tác giao lưu thanh niên, giao lưu giữa nhân dân các địa phương hai nước giúp tăng cường hiểu biết, hoá giải hiểu lầm giữa người dân hai nước Việt - Trung. Tranh thủ tối đa các diễn đàn giao lưu quốc tế, phát huy vai trò của các kênh không chính thức như nhân sĩ trí thức hai nước, cộng đồng người Việt Nam và người Hoa ở nước ngoài, học giả, chuyên gia quốc tế nghiên cứu về Trung Quốc, khu vực, và quan hệ Việt - Trung, tuyên truyền góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam và bảo vệ lợi ích an ninh, phát triển của đất nước trong tình hình mới.

Trong tương lai, sức mạnh tổng hợp của Trung Quốc sẽ tiếp tục tăng lên, dù đà tăng có thể chậm lại. Ngoài theo dõi những yếu tố sức mạnh cứng, ta cần theo dõi chiều hướng, đặc điểm, đối tượng của những điều chỉnh trong nhận thức sức mạnh quốc gia, đặc biệt là vai trò của sức mạnh mềm từ cách tiếp cận văn hoá chính trị.

*

* *

Từ ý thức nước lớn ăn sâu trong tư tưởng của người Trung Quốc, sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cho tới khát vọng “phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa” trở thành một cường quốc toàn cầu trên vũ đài quyền lực thế giới của các lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc, đặc biệt là Tập Cận Bình, v.v. là những nhân tố góp phần quan trọng vào quá trình định hình, triển khai và điều chỉnh chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Thông qua các sáng kiến kết nối chiến lược, Trung Quốc đang dần trở về vị trí “cường quốc trung tâm” ở Đông Á, tầm ảnh hưởng giá trị, văn hóa đối với khu vực tăng lên, tham gia sâu vào hệ thống quốc tế trong và ngoài khu vực. Trung Quốc tự tin, một mặt khai thác vai trò của các tổ chức đa phương, mặt khác thúc đẩy các cơ chế, khuôn khổ do Trung Quốc đóng vai trò chủ đạo, trung tâm, lập ra các cơ cấu mới. Trung Quốc quảng bá tính ưu việt của mô hình phát triển (phương án Trung Quốc) so với phương Tây, tích cực tham gia và xây dựng các quy tắc trật tự mới (trở thành một số giá trị cơ sở). Trong thời gian gần đây, Tập Cận Bình

thường sử dụng những từ “nghĩa”, “công bằng”, “chính nghĩa”¹ để thảo luận về trật tự quốc tế.

Trong bối cảnh chính quyền Trump đã “khai hoả” chiến tranh thương mại, ra “tối hậu thư” cho Trung Quốc, đề ra sáng kiến Ấn - Thái nhằm tập trung bao vây, kiềm chế toàn diện Trung Quốc, Trung Quốc đã và đang phải tiến hành tái điều chỉnh chính sách theo hướng sẽ tiếp tục tích cực tham gia vào thay đổi trật tự luật chơi toàn cầu hiện nay. Tuy nhiên, Trung Quốc không những không từ bỏ trật tự hiện có mà còn ngày càng linh hoạt hơn trong các chính sách đa phương và các biện pháp về cơ chế², tăng hiện diện ở khu vực và các nơi khác, thông qua sử dụng vốn và thương mại, đầu tư cơ sở hạ tầng tại các nước nhỏ để định hướng chính sách đối ngoại.

Về lâu dài, khi sức mạnh của Trung Quốc tăng lên, Mỹ phải miễn cưỡng chấp nhận phân chia vùng ảnh hưởng ở khu vực Đông Á, chia phần “bánh” thêm cho Trung Quốc tương xứng với thế và lực mới của nước này. Trật tự khu vực trong tương lai sẽ là một trật tự phù hợp với các lợi ích và giá trị của Trung Quốc. Các quốc gia trong khu vực phải cân nhắc điều chỉnh quan hệ với Trung Quốc cho phù hợp với tương quan sức mạnh của Trung Quốc.

1, 2. Lục Khắc Văn: *Quan hệ Trung - Mỹ dưới thời Tập Cận Bình: Lấy chủ nghĩa hiện thực có tính xây dựng để thực hiện cộng đồng chung vận mệnh Trung - Mỹ*, Havard Kennedy School, tháng 4/2015, tr.13, 18.

Những biến động trong cục diện quốc tế và chính sách đối ngoại của Trung Quốc trên cơ sở những điều chỉnh mới về nhận thức và cách tiếp cận văn hóa chính trị sẽ có những tác động sâu sắc, đa chiều đối với môi trường an ninh và phát triển của Việt Nam.

KẾT LUẬN

Cách tiếp cận sức mạnh tổng hợp quốc gia từ góc độ văn hóa - chính trị là một khung phân tích mới làm nổi bật được vai trò thực sự quan trọng của sức mạnh mềm trong ưu tiên chiến lược và chính sách đối ngoại của Trung Quốc đầu thế kỷ XXI. Cuốn sách đã khái quát được khung phân tích nhận thức mối liên hệ giữa sức mạnh quốc gia và chính sách đối ngoại Trung Quốc dựa trên ba đặc điểm của văn hóa chính trị Trung Quốc gồm: (i) Ưu tiên sự ổn định theo thứ bậc trật tự, trong khuôn khổ do Trung Quốc có quyền định đoạt, chi phối; (ii) Ưu đẳng văn hóa, hàm nghĩa về tư tưởng, nền văn minh, v.v. có đẳng cấp vượt trội hơn so với các nước khác trong hệ thống; và (iii) Đức trị/cai trị bằng đạo đức. Cả ba đặc điểm này đều được thể hiện đồng bộ khi sử dụng cách tiếp cận hệ thống, liên ngành để xem xét và phân tích ba nhân tố chi phối tư duy đối ngoại, quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại là: (i) Lợi ích và ưu tiên của Đảng Cộng sản Trung Quốc; (ii) Lợi ích và tính toán của Tập Cận Bình; và (iii) Tư duy “cường quốc trung tâm” trong “trật tự thiên hạ” của Trung Quốc cổ đại. Có thể nói, tính đồng bộ của ba nhân tố này tạo nền tảng cho sự nhận thức toàn diện và

hệ thống của lãnh đạo Trung Quốc về sức mạnh tổng hợp quốc gia, đặc biệt là sức mạnh mềm, có khả năng định hướng lại các ưu tiên và cách thức sử dụng để đạt mục tiêu đối nội, đối ngoại của Trung Quốc trong mối tương quan với các phạm trù lớn trong quan hệ quốc tế. Việc phát huy sức mạnh tư tưởng văn hóa sẽ tạo cho Trung Quốc những ưu thế hiếm có về bề dày lịch sử, về chiều sâu tư tưởng, và về sự phong phú của kho tàng kinh nghiệm đối ngoại trên quy mô châu lục và toàn cầu.

Sức mạnh tổng hợp quốc gia và nhận thức về sức mạnh tổng hợp quốc gia là hai điều kiện cần và đủ để Trung Quốc trỗi dậy thành công, vì có những nước có đầy đủ các điều kiện cơ bản về sức mạnh cứng (thực lực kinh tế, lãnh thổ, dân số, v.v.) và sức mạnh mềm (có nền văn hóa, lịch sử lâu đời) nhưng không có tư duy và chiến lược để sử dụng nguồn sức mạnh tổng hợp quốc gia này, không muốn thay đổi cục diện và hệ thống quốc tế. Hiện nay trên thế giới, ngoài siêu cường Mỹ, Trung Quốc là một trong hai nước lớn duy nhất có GDP vượt trên 10.000 tỷ USD, có bề dày kinh nghiệm và lịch sử, có tiềm năng và khả năng tác động tới cục diện quốc tế, đặc biệt là có tư tưởng phục hưng dân tộc, có chiến lược trỗi dậy cạnh tranh với Mỹ để giành vai trò lãnh đạo thế giới. Trên thực tế, Trung Quốc chưa thể đuổi kịp Mỹ theo các chỉ số sức mạnh cứng như sản xuất công nghệ cao, bằng phát minh sáng chế, quân sự hiện đại. Trung Quốc nhận thức rõ chưa đủ thế và lực để thách thức hệ thống hiện hành do Mỹ và phương Tây chi phối, việc sử dụng sức mạnh cứng sẽ tạo ra những hành vi gây rối, việc bị coi là

cường quốc xét lại không có lợi cho Trung Quốc trỗi dậy (bài học của Liên Xô là một ví dụ). Ngoài ra, nền kinh tế thị trường và sự kết nối toàn cầu trong trật tự thế giới tự do có lợi cho sự phát triển của Trung Quốc. Do đó, việc đề cao sức mạnh tổng hợp quốc gia, đặc biệt là sức mạnh mềm về văn hóa, tư tưởng, giá trị, v.v. sẽ là một hướng triển khai quyền lực mới giúp Trung Quốc từng bước thay đổi nguyên trạng theo hướng có lợi cho mình, từng bước tạo dựng ảnh hưởng, làm chủ cục diện mới, thực hiện trỗi dậy thành công với chi phí thấp. Điều này giải đáp câu hỏi về tính hai mặt trong chính sách của Trung Quốc, việc lựa chọn chính sách cứng rắn sẵn sàng sử dụng vũ lực để gây rối, hay chính sách hòa hiếu với đặc trưng là tông “quyến rũ” sẽ được sử dụng linh hoạt, tùy đối tượng, tùy vấn đề và tùy thời điểm.

Thực tiễn trong hơn 10 năm qua, kể từ cuộc khủng hoảng tài chính thế giới phương Tây năm 2008 tới nay, Trung Quốc đã nhận định đây là “cơ hội chiến lược” cho nước này thực hiện giấc mộng “trỗi dậy hòa bình”. Khi nghiên cứu phân tích chính sách đối ngoại của Trung Quốc đầu thế kỷ XXI, thấy rõ nhất là môi trường hòa bình ổn định là nhận thức chung và ưu tiên hàng đầu của Đảng Cộng sản Trung Quốc, cá nhân Tập Cận Bình chủ trương giữ sáu ổn định¹, phù hợp với nguyện vọng “sự phục hưng

1. Bảo đảm sáu ổn định: “ổn định công ăn việc làm, ổn định tài chính, ổn định ngoại thương, ổn định nguồn vốn nước ngoài, ổn định đầu tư, ổn định kỳ vọng” là nhiệm vụ kinh tế - xã hội quan trọng hàng đầu của Trung Quốc hiện nay.

vĩ đại của dân tộc Trung Hoa”. Về ưu đẳng văn hóa, trong khi Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn tự nhận có sứ mệnh lịch sử kép gắn liền với dân tộc Trung Quốc và nhân dân thế giới, Tập Cận Bình ưu tiên mục tiêu chiến lược hiện thực hóa “Trung Quốc trỗi dậy” để ghi tên mình vào lịch sử. Những sáng kiến đối ngoại như cộng đồng chung vận mệnh nhân loại, đồng thuận Bắc Kinh, mô hình phát triển và quản trị Trung Quốc còn được gọi là “Phương án Trung Quốc” cho các nước nghèo, kém phát triển ở châu Phi, châu Phi, hay sáng kiến chiến lược BRI với các dự án hợp tác trên 5 lĩnh vực kết nối các châu lục và khu vực trên thế giới, v.v. được lồng ghép với các tư tưởng về cái gọi là “trật tự Trung Quốc”, về vai trò và vị trí mới của Trung Quốc trong bối cảnh phương Tây suy thoái tương đối cũng như về quy luật chu kỳ hưng thịnh và suy vong của các cường quốc.

Về đức trị, quan điểm đề cao “vương đạo” tương phản với “bá đạo”, “bá quyền” Mỹ có sức hấp dẫn lớn với Đảng Cộng sản Trung Quốc và cá nhân Tập Cận Bình. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay, Đảng Cộng sản Trung Quốc không có đồng minh thực sự, không có hệ giá trị phổ quát, việc cai trị quá cứng rắn gây ra nhiều bất đồng và chống đối trong xã hội, do đó cần có ngọn cờ mới để tập hợp lực lượng. Quyền lực của Tập Cận Bình tuy rất lớn nhưng cũng bị thách thức bởi những nhóm lợi ích và thế lực chống đối. Trong tình thế đang “cuối trên lưng hổ”, bị căm ghét và đe dọa ám sát, nên cá nhân ông muốn sử dụng sức mạnh mềm làm công cụ để xoa dịu sự chống đối, bất mãn

trong các tầng lớp xã hội. Về lâu dài, những chuẩn mực giá trị đạo đức sẽ là cơ sở để Trung Quốc phát huy quyền chủ đạo trong các công việc quốc tế, lôi kéo đồng minh, tập hợp lực lượng¹. Nói cách khác, nếu chỉ dùng hệ quy chiếu dựa trên khái niệm quốc gia dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, v.v. đơn thuần của các trường phái lý luận phương Tây thì chưa giải thích được đầy đủ. Sự đồng bộ của cả ba nhân tố nói trên sẽ góp phần đảm bảo tính tương đối ổn định và dài hơi của chính sách đối ngoại chú trọng ưu tiên phát huy sức mạnh mềm văn hóa chính trị của Trung Quốc.

Chính sách của D. Trump vẫn khó có thể làm đảo ngược được quá trình suy giảm sức mạnh tổng hợp của Mỹ. Trung Quốc coi giai đoạn 10 năm tới là cơ hội lịch sử để Trung Quốc đạt mục tiêu về đích trong chiến lược trở dậy ba giai đoạn của mình, mở ra “thời đại mới” - Trung Quốc

1. Theo các lập luận của các nhà nghiên cứu lịch sử Trung Quốc, dưới chế độ triều cống thiên tử - chư hầu kéo dài tới hơn 500 năm trước đây, Trung Quốc áp dụng nguyên tắc “đến mỏng, về dày”, hào phóng cho đi nhiều hơn nhận lại với các nước láng giềng, thậm chí chịu thiệt, khiến cho các nước chư hầu thấy có lợi lộc mà chịu đến châu, chịu nhận sắc phong của thiên tử. Theo tư tưởng “thiên hạ” này, tất cả đất đai, lãnh thổ, dân cư đều thuộc thiên tử, do thiên tử cai quản, v.v.. Điều này cũng góp phần quan trọng lý giải nghịch lý vì sao trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, tuy trong nước gặp khó khăn nhưng chính phủ Trung Quốc vẫn gánh vác ngọn cờ đứng đầu các nước thuộc thế giới thứ ba, cung cấp viện trợ cho các nước kém phát triển, trong tranh chấp lãnh thổ có lúc chấp nhận phương án “thiệt thời”.

sẽ đứng ở trung tâm vũ đài chính trị thế giới. Trong nhiệm kỳ đầu của Tập Cận Bình, Trung Quốc tỏ rõ sự tự tin chiến lược, tranh thủ chia rẽ Mỹ và các đồng minh, thúc đẩy cơ chế hóa hợp tác chiến lược, tận dụng tối đa “thời cơ chiến lược” trời cho để tăng cường, nhấn mạnh vai trò và sứ mệnh lịch sử của mình. Trung Quốc sử dụng nhuần nhuyễn sức mạnh của ngoại giao kinh tế, coi đó là điểm nhấn, mũi nhọn của ngoại giao Trung Quốc. Trung Quốc tranh thủ lôi kéo các nước đồng minh của Mỹ ở châu Âu và châu Á tham gia vào các diễn đàn do Trung Quốc bảo trợ (Diễn đàn hợp tác Bắc Ngao), các sáng kiến liên khu vực (BRI). Tập Cận Bình phát biểu rằng “cả thế giới đang trông đợi vào phương án Trung Quốc” với hàm ý Trung Quốc có thể sẵn sàng gánh vác vai trò đầu tàu. Trung Quốc tăng thêm “vỏ bọc nhung” cho các triển khai đối ngoại các kênh, đồng thời tăng cường tiếp xúc ngoại giao công chúng, giao lưu nhân dân, phô diễn sức mạnh mềm văn hóa, lịch sử, tư tưởng.

Do đặc thù về thể chế chính trị Trung Quốc, những sai lầm về đối ngoại sẽ tạo hệ lụy nghiêm trọng về đối nội. Để xây dựng một chiến lược cường quốc xứng tầm với sức mạnh của mình, Bắc Kinh không thể quá nóng vội, áp đặt tư duy “cường quốc trung tâm” của mình trong quan hệ đối ngoại, mà cần phải xử lý sự thiếu nhất quán trong “khoảng cách” giữa khẩu hiệu chính trị hoa mỹ với hành xử trong thực tiễn. Tư tưởng Khổng giáo về vai trò và quan hệ chỉ ra nghĩa vụ có đi có lại giữa hoàng đế Trung Hoa và vua chúa các nước chư hầu dựa trên nguyên tắc

chân thành. Việc Trung Quốc duy trì “khoảng cách” giữa nói và làm ngày càng khó, Trung Quốc phải trả giá đắt và mất uy tín khi hành động, việc làm của một nước lớn lại không đi đôi với lời nói. Sự không nhất quán giữa lời nói và việc làm sẽ có hiệu ứng bất lợi cho Trung Quốc ngay ở khu vực lân cận. Nếu Trung Quốc không xử lý được những thách thức từ bên trong và bên ngoài (kinh tế suy thoái, nguyên liệu cạn kiệt, bất ổn xã hội, mâu thuẫn bên trong, tranh chấp lãnh thổ và mất lòng tin gia tăng, cạnh tranh chiến lược và chạy đua vũ trang làm tăng gánh nặng chi phí quốc phòng), thì sức mạnh tổng hợp của Trung Quốc vẫn chưa đủ sức để tập hợp lực lượng, tạo ra thách thức thực sự đáng kể đối với Mỹ. Bên cạnh đó, việc Bắc Kinh sử dụng mọi thủ đoạn cả trên thực địa, pháp lý, chính trị - ngoại giao nhằm gây sức ép với các nước nhỏ và vừa trong tranh chấp chủ quyền và hải quyền ở Biển Đông, hoặc cách thức hành xử nước lớn - nước nhỏ, tư duy trục lợi vị kỷ trong hợp tác với các nước kém phát triển, v.v. đã tạo ra những rào cản hữu hình và vô hình đối với mục tiêu an ninh và phát triển của Trung Quốc. Nói cách khác, sức mạnh cứng vẫn có ưu thế hơn sức mạnh văn hóa và tư tưởng, do đó tầm nhìn chiến lược về đối ngoại dựa trên trí tuệ và tư duy của Trung Quốc cổ đại cũng chỉ được xem là chiêu bài “bình mới, rượu cũ” của Trung Quốc.

Thời gian tới, dự đoán Tổng thống Mỹ D. Trump sẽ siết chặt bao vây Trung Quốc về an ninh, chính trị và kinh tế (đánh sát ván, ép Trung Quốc nhượng bộ từ thuế quan, tài chính, chuyển giao công nghệ, trợ cấp chính phủ).

Do đó, mục tiêu mà Trung Quốc phải đạt được là kiên trì “trụ chân Đông Á”, đẩy mạnh BRI và các sáng kiến chiến lược, tìm cách phá vòng vây. Mỹ tranh thủ đẩy mạnh cạnh tranh chiến lược, tận dụng ưu thế so với Trung Quốc. Từ ngày 10/5/2019, Tổng thống D. Trump bắt đầu thực hiện cuộc chiến tranh thương mại thuế quan với mức tăng thuế 25% áp đặt lên 200 tỷ USD hàng hóa Trung Quốc xuất khẩu sang thị trường Mỹ sau khi hai bên không đạt được thoả thuận chung. Đồng thời, căng thẳng Trung - Mỹ tiếp tục leo thang trên mặt trận công nghệ cao, cảnh báo đồng minh về những rủi ro khi triển khai 5G của Trung Quốc, phối hợp với Canada bắt giữ và dẫn độ Mạnh Văn Châu - Giám đốc Tài chính của Huawei, tiếp đó ban hành lệnh cấm các công ty Mỹ cung cấp linh phụ kiện cho Huawei (ngày 15/5/2019). Đầu tháng 5/2019, Kiron Sinner, người đứng đầu phòng nghiên cứu chính sách của Bộ Ngoại giao Mỹ cũng công khai nói về một chiến lược nhằm đối phó với những thách thức đến từ những nền văn minh khác, chĩa mũi nhọn vào Trung Quốc trên lĩnh vực tư tưởng, hệ giá trị¹. Dự báo năm 2019, Trung Quốc sẽ phải đánh giá lại sức mạnh của mình, của Mỹ và tương quan lực lượng quốc tế thận trọng và khách quan hơn. Việc trì hoãn cải cách trong nước sẽ tăng nguy cơ khủng hoảng, trong khi phải đối mặt với tác động bất lợi trong cục diện quốc tế từ phản tỉnh chiến lược và sự điều chỉnh chính

1. <https://www.newsweek.com/china-threat-state-department-race-caucasian-1413202>.

sách của Mỹ và phương Tây. Cách thức triển khai đối ngoại của Trung Quốc năm 2019 cũng thận trọng hơn khi thăm dò phản ứng nội bộ cũng như phản ứng của các nước liên quan. Trung Quốc che giấu sự lo ngại về căng thẳng với Mỹ thông qua củng cố ngoại giao láng giềng khu vực, tìm cách tranh thủ khai thác đồng minh của Mỹ, duy trì kết nối thông qua các sáng kiến đa phương. Tập Cận Bình có những con át chủ bài trong quan hệ với Nga, Ấn Độ để đối phó với chiến lược toàn cầu của Mỹ và liên minh Mỹ - Nhật ở Đông Á. Tổng thống Mỹ D. Trump có thể có vai trò chủ động và nhiều dư địa nhất, nhưng khó có thể đóng vai trò thao túng quan hệ tay ba, tay tư với các nước tầm trung ở khu vực mà ảnh hưởng của Trung Quốc ngày càng tăng ở các nước này thông qua mũi nhọn ngoại giao kinh tế, ngoại giao cơ sở hạ tầng.

Mặc dù rất lo ngại, nhưng bên ngoài Tập Cận Bình đã tỏ thái độ không thoả hiệp trước sức ép của D. Trump, vì (i) năm 2019 là năm kỷ niệm nhiều sự kiện nhạy cảm liên quan tới yếu tố phương Tây (100 năm phong trào Ngũ Tứ, 30 năm biến cố ở Bắc Kinh năm 1989), những lĩnh vực trong “Made in China 2025” là trọng điểm đóng vai trò quyết định cho sự trỗi dậy của Trung Quốc, khó nhân nhượng được với D. Trump khi ông tuyên bố sẽ áp đặt mức thuế 10% đối với một số mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc; (ii) cần phải có giới hạn đỏ để mặc cả, do không chắc chắn và khó đoán định về những nước cờ ông D. Trump đi; (iii) tìm cách mở ra các kênh khác, khai thác những rạn nứt trong thế giới phương Tây, Tập Cận Bình chọn ba

nước châu Âu (Italia, Pháp, Mônacô) là điểm tới đầu tiên trong năm 2019, Italia là nước G7 đầu tiên tham gia BRI, đồng thời tìm cách thoả hiệp với Nhật Bản, Hàn Quốc; (iv) đề xuất phương án hợp tác với nước thứ ba, tìm cách đầu tư những vào những nước trung gian để lách thuế, xuất khẩu hàng hoá sang thị trường Mỹ.

Trung Quốc đang tích cực tranh thủ ASEAN để tìm cách giảm thiểu những tác động bất lợi từ cuộc đua kinh tế, quân sự, mô hình, ý thức hệ và giá trị giữa Mỹ và phương Tây. Trong thời gian qua, Trung Quốc tỏ ra mềm mỏng hơn trong quan hệ với các nước ASEAN. *Về song phương*, Bắc Kinh tìm cách cải thiện quan hệ, có những biện pháp điều chỉnh nhằm xoa dịu sự quan ngại của các nước ASEAN về các rủi ro kinh tế - chính trị - xã hội (bẫy nợ, ô nhiễm). Cụ thể, Trung Quốc đã đàm phán lại với Malaixia, Indônêxia những phương án tài chính phù hợp với các dự án đường sắt, khu hợp tác công - nông nghiệp, điều chỉnh mức lãi suất đối với các khoản vay cho Lào, Mianma, bước đầu có những nhận thức về những xáo trộn bất ổn xã hội do luồng người lao động nhập cư Trung Quốc ở các nước Đông Nam Á. Đồng thời, tìm cách vận động Việt Nam và ASEAN ủng hộ sáng kiến BRI. *Về đa phương*, Trung Quốc tìm cách nghiên cứu kết hợp Kế hoạch tổng thể kết nối ASEAN (MPAC) 2025 và BRI, huy động nguồn lực thực hiện kết nối khu vực, giảm khoảng cách giàu nghèo. Tại Hội nghị thượng đỉnh BRI lần thứ hai tổ chức ở Bắc Kinh cuối tháng 4/2019, Trung Quốc hứa hẹn sẽ hỗ trợ các nước nghèo tăng năng lực sản xuất, tài chính và

nhân lực trong khuôn khổ các dự án BRI, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định và bền vững của các nước trong khu vực.

Tuy nhiên, các nước ASEAN đánh giá Trung Quốc vẫn chưa đóng vai trò cường quốc lãnh đạo có trách nhiệm, trọng tâm các sáng kiến khu vực vẫn ưu tiên lợi ích riêng của Trung Quốc. Những cam kết của Trung Quốc về mở cửa thị trường, về minh bạch hoá đầu tư về cơ bản chỉ nhằm phục vụ cho việc tập hợp lực lượng, cạnh tranh sáng kiến với Mỹ, Nhật Bản và các cường quốc khác, chưa được triển khai trên thực tế. Chiến lược BRI nhằm giải quyết năng lực và sản xuất dư thừa của Trung Quốc, tìm cách lập sân chơi và luật chơi riêng ở Đông Nam Á. Các nước ASEAN cho rằng Trung Quốc cần phải áp dụng các tiêu chuẩn về kỹ thuật, môi trường và quản trị, có kế hoạch dài hạn nhằm nâng cao chất lượng, tăng cường thể chế giám sát các dự án, công trình hợp tác trong khuôn khổ sáng kiến BRI. Nhận thức của ASEAN về BRI còn chưa đồng đều, còn tồn tại nhiều nghi kỵ và những vấn đề lịch sử để lại chưa được Trung Quốc nhìn nhận thoả đáng, do đó mức độ ủng hộ thực chất của các nước ASEAN đối với BRI vẫn là một câu hỏi còn để ngỏ.

Xét về xu hướng, ảnh hưởng của sức mạnh kinh tế, quân sự và địa - chính trị của Trung Quốc tiếp tục tăng lên đã tạo ra sự thay đổi lớn trong phân bố quyền lực toàn cầu. Để dung hòa giữa nhiệm vụ giữ môi trường hòa bình ổn định và xây dựng vị thế quốc tế mới, Trung Quốc trước mắt (i) không tìm cách thay thế mà vẫn tiếp tục

hưởng lợi từ trật tự quốc tế và khu vực hiện hành, trong khi vẫn dần tìm cách thay đổi luật chơi từ bên trong các cơ chế đó, (ii) hình thành các cơ chế mới do Trung Quốc chi phối để cạnh tranh với các cơ chế do Mỹ dẫn dắt. Sáng kiến BRI được cho là sẽ trở thành công cụ chính để Trung Quốc vươn ra ngoài, dùng đòn bẩy kinh tế để hình thành một tập hợp lực lượng mới, giúp Trung Quốc tạo thế trong cạnh tranh ảnh hưởng với Mỹ, đồng thời tạo ra mô hình mới theo kiểu “trục nan hoa” về kinh tế và đối ngoại, làm cho “mọi ngã đường đều dẫn đến Bắc Kinh”. Nói cách khác, mặc dù gặp khó khăn, nhưng Trung Quốc vẫn có thể có cơ hội “phục hưng dân tộc”, khôi phục lại vị trí “trung tâm” ở Đông Á, tiến tới có tầm ảnh hưởng với vai trò dẫn dắt và định hướng các vấn đề trong khu vực và toàn cầu.

Cục diện nào sẽ xuất hiện trong 10 năm tới còn phụ thuộc rất lớn vào chiến lược sử dụng sức mạnh tổng hợp quốc gia của giới lãnh đạo Trung Quốc mà “hạt nhân” quyền lực là Tập Cận Bình. Ảnh hưởng của sức mạnh kinh tế, quân sự và địa - chính trị của Trung Quốc tiếp tục tăng lên đã tạo ra sự thay đổi lớn trong phân bố quyền lực toàn cầu¹. Các tác giả cho rằng khi sức mạnh tổng hợp của Trung Quốc tăng lên nhanh, cùng với quyết tâm chính trị của Tập Cận Bình, Trung Quốc sẽ có thể khôi phục lại

1. Christopher K. Johnson, Ernest Z. Bower, Victor D. Cha, Micheal J. Green, Matthew P. Goodman: “Decoding China’s Emerging “Great Power” Strategy in Asia”, *CSIS*, 2014, p.1.

vị trí “trung tâm” ở Đông Á, tiến tới có tầm ảnh hưởng, có vai trò dẫn dắt và định hướng các vấn đề trong khu vực và toàn cầu.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. “Nhận diện Trung Quốc qua Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội 19.” <https://vov.vn/the-gioi/ho-so/nhan-dien-trung-quoc-qua-bao-cao-chinh-tri-trinh-bay-tai-dai-hoi-19-687472.vov>, truy cập ngày 26/10/2017.
2. PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương (Chủ biên): *Sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc tác động tới Việt Nam và một số nước Đông Á*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, 2016.
3. Phạm Hồng Anh: “Chính sách đối ngoại của Trung Quốc dưới thời Hồ Cẩm Đào”, Khoá luận tốt nghiệp Học viện Ngoại giao Việt Nam, tháng 5/2012.
4. Quách Vệ Dân, Phó Chủ nhiệm Văn phòng thông tin Quốc vụ viện Trung Quốc, phát biểu tại Diễn đàn Học giả Việt Nam - Trung Quốc, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, ngày 8/11/2017.
5. Shashi Tharoor: “Sức mạnh mềm Mỹ đến hồi cáo chung?”, *Thế giới và Việt Nam*, ngày 12/11/2016. <http://baoquoc.vn/suc-manh-mem-my-den-hoi-caochung-39217.html>

6. Vương Linh Quế, Phó Viện trưởng Viện nghiên cứu chiến lược toàn cầu và châu Á - Thái Bình Dương, Viện Khoa học xã hội Trung Quốc: “Chia sẻ những lĩnh hội ban đầu trong học tập tinh thần Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc với Việt Nam”, tham luận trình bày tại Diễn đàn Học giả Việt Nam - Trung Quốc, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, ngày 8/11/2017.

Tiếng Anh

1. Ahmad Azhar: “Concept of national power”, *Strategic Studies* 32, no. 2-3, 2012.

2. Ashley J. Tellis: *Measuring National Power in the Postindustrial Age: Analyst's Handbook*, Santa Monica: RAND, 2000.

3. Bajwa J. S.: “Defining elements of comprehensive national power”, *CLAWS Journal*, 2008.

4. Christopher K. Johnson, Ernest Z. Bower, Victor D. Cha, Micheal J. Green, Matthew P. Goodman: “Decoding China's Emerging ‘Great Power’ Strategy in Asia”, *CSIS*, 2014.

5. Couloumbis Theodore A., James H: Wolfe. *Introduction to international relations*, Prentice-Hall, 1978.

6. Deng Xiaoping: quoted in Renmin Ribao [People's Daily], February 26, 1990, quoted in Huang Shuofeng, *Zonghe guoli lun* [On comprehensive national power], Beijing: Zhongguo shehui kexue chubanshe, 1992.

7. Ding Sheng: “Analyzing Rising Power from the Perspective of Soft Power: a new look at China's rise to the status quo power”, *Journal of Contemporary China* 19, no. 64, 2010.

8. Fei-Ling Wang: *The China order Centralia, World Empire, and the Nature of Chinese Power*, State University of New York Press, Albany: Suny Press, 2017.

9. Full text of Hu Jintao's report at 17th Party Congress, http://www.gov.cn/english/2007-10/24/content_785505.htm, 24/10/2007.

10. Full text of Jiang Zemin's Report at 16th Party Congress on Nov 8, 2002, http://www.fmprc.gov.cn/mfa_eng/topics_665678/3698_665962/t18872.shtml, 18/11/2002.

11. Global Firepower: 2017 Military Strength Ranking.

12. Hans Morgenthau: *Politics Among Nations: The struggle for power and peace*, New York: Alfred Kopf, 1948.

13. <http://www.chinausfocus.com/political-social-development/the-third-plenums-ffect-on-chinas-foreign-policy/>

14. <https://thediplomat.com/2015/06/the-rise-of-chinas-new-soft-power/>

15. <https://www.globalfirepower.com/countries-listing.asp> (truy cập 12/10/2017)

16. Hu Angang, Men Honghua: “The rising of modern China: Comprehensive national power and grand strategy”, *Strategy and Management* 3, 2002.

17. Hu Angang: “Embracing China’s ‘new normal’ why the economy is still on track”, *Foreign Affairs* 94, no. 3, 2015.

18. Hu Angang: *China in 2020: A new type of superpower*, Brookings Institution Press, 2011.

19. Hu Jintao: *Full text of Hu Jintao's report at 17th Party Congress*, http://www.gov.cn/english/2007-10/24/content_785505.htm, truy cập ngày 10/7/2018.

20. Hu Jintao: *Full text of Hu Jintao's report at 18th Party Congress*, http://www.china-embassy.org/eng/zt/18th_CPC_National_Congress_Eng/t992917.htm, truy cập ngày 10/7/2018.

21. Is China a Military Superpower? <http://chinapower.csis.org/is-china-a-military-superpower/>.

22. Jiang Zemin: “Guoji Xingshi he Junshi Zhanlue Fangzhen” [International Affairs and Military Guiding Principles], *Jiang Zemin wenxuan [Collected Works of Jiang Zemin]*, Beijing: Renmin Chubanshe, 2006.

23. Jiang Zemin: “Zai qingzhn Zhongguo gongchandang chengli qishi zhounian shangde jianghua” [Speech at the Meeting Commemorating the Seventieth Anniversary of the CCP’s Founding], *RMRB*, July 2, 1991.

24. Jiang Zemin: *Full Text of Jiang Zemin's Report at 16th Party Congress*, <http://www.china.org.cn/english/features/49007.htm>, truy cập ngày 10/7/2018.

25. John J. Mearsheimer: *The tragedy of great power politics*, WW Norton & Company, 2001.

26. Joseph Nye: “The changing nature of world power”. In *Power in the Global Information Age*, Routledge, 2004; *Soft power: the means to success in world politics*, New York: Public Affairs, 2004.

27. Joseph S. Nye Jr: “Smart power”. *New Perspectives Quarterly* 26, no. 2, 2009; Joseph S. Nye Jr. “Get smart: Combining hard and soft power”, *Foreign affairs*, 2009.

28. Jung-Nam Lee: “China’s Image of World Order: Focused on the Perception of Scholars Studying International Politics”, *The Korean Journal of International Studies* 57(4), 2017.

29. Mitsubishi Research Institute: Medium and Long-term Global Economic Outlook, 10/2017.

30. National Power and International Relations, <https://www.grin.com/document/336509>.

31. National Power: Meaning, Nature, Dimensions and Methods, <http://www.defencestudies.co/2017/11/national-power-meaning-nature.html>

32. Olson, Stephen, Clyde Prestowitz: “The evolving role of China in international institutions”, *Washington DC*, 2011.

33. PLA Military Modernization: Drivers, Force Restructuring and Implications, http://rand.org/content/dam/pubs/testimonies/CT400/CT488/RAND_CT488.pdf&prev=search.

34. Robert W. Cox: “Gramsci, hegemony and international relations: an essay in method”, *Millennium* 12, no. 2, 1983.

35. Robert W Cox: “Social forces, states and world orders: beyond international relations theory”, *Millennium* 10.2, 1981.

36. Samuel S. Kim: “China's path to great power status in the globalization era”, *Asian Perspective*, 2003.

37. Song Lifang: Interview: China's soft power accumulated in several aspects: U.S. scholar, http://www.xinhuanet.com/english/2017-07/24/c_136468620.htm, truy cập ngày 10/7/2018.

38. Steven J. Rosen, Walter S. Jones: *The Logic of International Relations*, Massachusetts: Winthrop Publishers, 1977.

39. Tellis Ashley J: *Measuring national power in the postindustrial age*, Vol. 1110, Rand Corporation, 2001.

40. The “Globalisation” of China’s Military Power, www.bbc.com/news/world-asia-china-43036302.

41. Thông điệp đầu năm 2017 của Tập Cận Bình, truy cập tại http://www.xinhuanet.com/english/2017-12/31/c_136863397.htm, ngày 11/10/2018.

42. US Department of Defence: “Dictionary of military and associated terms”, Washington DC, 2005.

43. Wang Songfen: “Measurement and Analysis of the Comprehensive National Power of the World’s Major Countries (1970-1990)”, *World Economics and Politics*, vol. 7 (1997).

44. Wang Yi: “Peaceful Development and the Chinese Dream of National Rejuvenation”, http://www.ciis.org.cn/english/2014-03/11/content_6733151.htm, ngày 11/3/2014.

45. Wang Huning: “Culture as a national power: soft power”, *Fudan University Journal*, 1993.

46. Weihong Zhang: “China’s cultural future: from soft power to comprehensive national power”, *International Journal of Cultural Policy*, 16:4, 2010.

47. Wuthnow Joel: “The concept of soft power in China’s strategic discourse”, *Issues & Studies* 44.2, 2008.

48. Yan Xuetong: “The rise of China and its power status”, *The Chinese journal of international politics* 1, no. 1, 2006.

Tiếng Trung

1. Báo cáo chính trị Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2007.

2. Báo cáo chính trị Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2012.

3. Báo cáo chính trị Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc, truy cập tại http://www.chinadaily.com.cn/china/19thcpcnationalcongress/2017-11/04/content_34115212.htm ngày 11/10/2018.

4. “Biên niên Tư tưởng Mao Trạch Đông”, xem tại: <http://cpc.people.com.cn/GB/69112/70190/236641/16606312.html>.

5. Dương Thừa Huấn: “Bàn về định vị chiến lược đẩy nhanh nâng cấp sức mạnh quốc gia tổng hợp”, xem tại: <https://www.xzbu.com/4/view-3841225.htm>.

6. Giang Trạch Dân: “Phát triển kinh tế, tăng cường sức mạnh quốc gia tổng hợp”, xem tại: <http://news.sina.com.cn/c/2003-03-06/194866018s.shtml>.

7. Hồ An Cường: “Sức mạnh của Trung Quốc đã bước vào hàng ngũ đứng đầu thế giới”, xem tại: www.news.tsinghua.edu.cn.

8. La Bình Hán: “Hội nghị Nam Ninh năm 1958: Phát động Đại nhảy vọt”, xem tại: <http://dangshi.people.com.cn/n/2014/1215/c85037-26210862.html>.

9. Lưu Kiệt: “Quan niệm chiến lược xuyên thế kỷ của Đặng Tiểu Bình và định vị quốc tế Trung Quốc trong thế kỷ XXI”, xem tại: <http://cpc.people.com.cn/GB/33839/34943/34983/2641888.html>.

10. Lý Trân: “Thái độ cơ bản của Mao Trạch Đông đối với chiến tranh: một là phản đối, hai là không sợ”, xem tại: <http://dangshi.people.com.cn/n1/2017/0620/c85037-29350064.html>.

11. Lý Văn Mẫn: “Tinh thần dân tộc: Tiêu chí quan trọng của sức mạnh quốc gia tổng hợp”, xem tại: <http://www.people.com.cn/GB/paper85/8313/783180.html>.

12. Michael McDevitt: “Beijing’s Dream: Becoming a Maritime Superpower”, xem tại: <http://www.nationalinterest.org/the-buzz/beijings-dream-becoming-maritime-superpower-16812>.

13. “Nước lớn hưng suy và cơ hội của Trung Quốc: Đánh giá sức mạnh quốc gia tổng hợp”, xem tại: <http://mini.eastday.com/a/180125101049509.html>.

14. Trương Bá Lý: “Nghiên cứu tư tưởng sức mạnh quốc gia của Mao Trạch Đông và sức mạnh quốc gia tổng hợp đương đại”, xem tại: <http://cpc.people.com.cn/GB/69112/70190/70194/5233642.html>.

15. Tú Sảm: “Lý luận mặt trận thống nhất của Mao Trạch Đông và sự phát triển của nó trong thời kỳ mới”, xem tại: <http://cpc.people.com.cn/GB/69112/70190/70194/5235538.html>.

16. Xi Jinping: New Asian Security Concept for New Progress in Security Cooperation, Remarks at the Fourth Summit of the Conference on Interaction and Confidence Building Measures in Asia, 21-5-2014, www.fmprc.gov.cn/mfa_eng/zxxx_662805/t1159951.shtml.

17. 2013年12月7日国家安全保障会议决定内阁会议决定关于国家安全保障战略的决定.

18. 傅莹. *看世界*. 北京: CITIC, 2018.

19. 广东国际战略研究院课题组, 中国参与全球经济治理的战略: 未来10-15, 中国与全球化, 2014年第5期.

20. 国家情报委员会2017-001, 2017年1月, www.dni.gov/nic/globaltrends.

21. 陆克文. “习近平治下的中美关系以建设性的现实主义, 来实现中美共同使命,” Havard Kennedy School, 2015年4月.

22. 习近平. “进一步关心海洋认识海洋经略海洋 推动海洋强国建设不断取得新成就.” www.xinhuanet.com/politics/2013-07/31/c_116762285.htm

23. 中共国家海洋局党组, 实现中华民族海洋强国梦的科学指南 – 深入学习习近平总书记关于海洋强国战略的重要论, www.qstheory.cn/dukan/qs/2017-08/31/c_1121561793.htm

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222
Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

PGS. TS. NGUYỄN VŨ TÙNG (Chủ biên)
CON ĐƯỜNG TƠ LỰA TRÊN BIỂN CHO THẾ KỶ XXI
CỦA TRUNG QUỐC VÀ ĐỐI SÁCH CỦA VIỆT NAM

JEFFREY A. BADER
OBAMA VÀ SỰ TRỖI DẬY CỦA TRUNG QUỐC
BÊN TRONG CHIẾN LƯỢC CHÂU Á CỦA MỸ

THOMAS J. CHRISTENSEN
SỰ TRỖI DẬY CỦA TRUNG QUỐC:
ĐỊNH HÌNH NHỮNG LỰA CHỌN ĐỐI VỚI MỘT QUYỀN LỰC ĐANG LÊN

ISBN 978-604-57-4934-0



9 786045 749340



8935279113194

Giá: 108.000đ